

# PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo  
và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ  
12

*Ou Lan Thắng Hội 2541*



*Nhật Dạ  
Nhì Dạ?  
hay  
Nhật Dạ  
Nhì Dạ?*

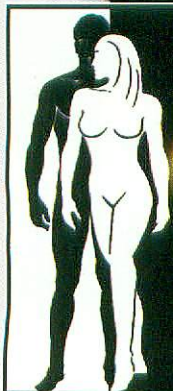
**Sắc đẹp của bạn là gì?  
Nếu không phải là hai  
yếu tố trên đây**

TRUNG TÂM DUY  
NHẤT CÓ SỰ PHỐI  
HỢP CHẶT CHẼ CỦA  
3 NGÀNH CHUYÊN  
MÔN ĐỂ PHỤC VỤ  
TOÀN DIỆN SẮC  
ĐẸP CỦA QUÝ BẠN

**+ Bác sỹ chuyên  
khoa ngoài da**

**+ Bác sỹ chuyên khoa  
giải phẫu thẩm mỹ**

**+ Chuyên viên  
Skin Care của  
Oriki Cosmetics**



**ADVANCED SKIN  
& LASER CLINIC**

**A Complete Dermatology and Plastic Surgery Center**

MỌI THAM KHẢO, XIN GỌI

*Angie Nguyễn*

**(714) 898-9368**

OR CALL TOLL FREE

**1-800-886-7454**

**7901 WESTMINSTER BLVD.,  
WESTMINSTER, CA 92683**



# Bác Sĩ Nha Khoa TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Hội viên Americal Dental Association  
Hội viên Academy Of General Dentistry  
Hội viên California Dental Association



- ☐ DÙNG MÁY SIÊU ÂM (ULTRASONIC)
- ☐ KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT VÀ ĐỊNH KỲ
- ☐ TRỊ BỆNH NƯỚC RĂNG
- ☐ NHA KHOA PHÒNG NGỪA
- ☐ CHỮA, NHỔ RĂNG CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI LỚN
- ☐ NHA KHOA THẨM MỸ DÙNG U.V. LIGHT SỬA VÀ LÀM ĐẸP CÁC RĂNG CỬA HƯ, XẤU HOẶC HỒ
- ☐ TẨY TRẮNG RĂNG (BLEACHING)
- ☐ LÀM ĐỦ LOẠI RĂNG GIẢ  
(FIXED, REMOVABLE PROSTHODONTIC)

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



**(818) 708-7280**

18554 Sherman Way  
Reseda, CA 91335

Roscoe		
Saticoy		
Sherman Way		
Vanowen	Wilbur	Reseda
	Amigo	

← NHA SĨ TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Giờ làm việc:

**THỨ BA - THỨ BẢY: 9AM - 7PM**

**CHỦ NHẬT: 9AM - 4PM**

**NGHỈ THỨ HAI**

**Nhận BẢO HIỂM, MEDICAL, TRẢ GÓP**

**Xử dụng máy móc tối tân**

**và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trong khi điều trị.**

**KHÁM BỆNH THEO HẸN. ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.**

**Trường hợp khẩn cấp, xin đến thẳng văn phòng.**



**CÔNG TY ĐỊA ỐC VÀ TÀI TRỢ**

# Imperial Realty

20201 SHERMAN WAY # 106B  
CANOGA PARK, CA 91306

**Tel: (818) 700-1111**



**TONY TOÀN BÙI**  
BROKER/OWNER  
Pager: (818) 420-4848

**HELEN HOA PHAN**  
BROKER ASSOCIATE

**DENNIS NGUYEN**  
BROKER ASSOCIATE

**JOHN NGUYEN**  
REALTOR ASSOCIATE

**PAULA NGUYEN**  
REALTOR ASSOCIATE

**BORA NGAY**  
REALTOR ASSOCIATE

- \* ĐÃ TỪNG ĐƯỢC SỰ TÍN NHIỆM CỦA QUÍ THÂN CHỦ TỪ 14 NĂM QUA.
- \* CHỈ CẦN KHOẢNG \$5,000 QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ. TIỀN HÀNG THÁNG VẪN RẺ HƠN MƯỜN NHÀ.
- \* ĐẶC BIỆT CHUYÊN GIẢI QUYẾT VỚI LENDER NHỮNG CĂN NHÀ GIÁ TRỊ THẤP HƠN SO VỚI NỢ MÌNH ĐANG TRẢ, HOẶC BÁN NHÀ KHÔNG TRẢ LỆ PHÍ.
- \* KINH NGHIỆM NHIỀU NĂM THƯƠNG LƯỢNG VỚI LENDER CÁC VẤN ĐỀ MÀ HẦU HẾT CHÚNG TA ĐỀU GẶP PHẢI.
- \* PHÂN LỜI THẤP, CƠ HỘI REFINANCE ĐỂ GIẢM TIỀN HÀNG THÁNG.

**CÓ CHƯƠNG TRÌNH FHA VÀ VA.**

**ĐẶC BIỆT:**

**CÓ THỂ VAY \$25,000 ĐỂ SỬA CHỮA NHÀ  
CỬA TRONG VÒNG 2 TUẦN**

**MASOOD MOHAMMADI**  
REALTOR ASSOCIATE

**DAVID VU**  
MANAGER

**KEVIN VU**  
BROKER ASSOCIATE

**TIFFANY VU**  
REALTOR ASSOCIATE

**HOWARD HAI VU**  
REALTOR ASSOCIATE

**BINH NGO**  
REALTOR ASSOCIATE

**ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI LÀ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC HẾT MỌI SỰ KHÓ KHĂN CỦA QUÝ VỊ**



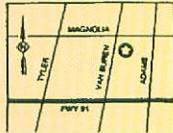
TRUNG TÂM NHA KHOA

# PACIFIC DENTAL GROUP, INC.



NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

**Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.**



- \* Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
- \* Hội Viên Của ADA, C.D.A., O.C.D.S.



## ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.  
RIVERSIDE, CA 92503  
(909) 785-5858

## HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT  
1-800-726-4868

## ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.  
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708  
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

### NHA KHOA TỔNG QUÁT

- \* Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- \* Lấy gân máu.
- \* Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- \* Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo rời.

### Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY  
10 am -- 6 pm

### NHA KHOA NHI ĐỒNG

- \* Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.

Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA  
MASTER CARD - CASH

### NHA KHOA THẨM MỸ

- \* Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.

- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.

- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.

- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

### CHỈNH RĂNG

- \* Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

**ĐẶC BIỆT:** Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.







*Tạp Chí*  
**PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI**

*Cơ quan ngôn luận*  
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo  
và GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

H.T. Thích Đức Niệm

Chủ bút: Quảng Thành

Phụ tá chủ bút: Tâm Huy

Tổng thư ký: Tâm Quang

Thủ quỹ: Thanh Chánh



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

**PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI**

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

**PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI**

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317

Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất thiết phản ánh quan điểm của tòa soạn.

Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy hay viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm lẫn về nội dung cũng như hình thức bài gốc.

Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc khi cần.



**SỐ 12, MÙA VU LAN BÁO HIẾU PL 2541, THÁNG 08/1997**

*Mục Lục*

Không đề, <i>Đức Nhuận</i> ; Vinh Quang cho Mẹ VN, thơ <i>Thuyền Ấn</i>	2
Lá thư Chủ Nhiệm, <i>HT Thích Đức Niệm</i>	3
Đạo Phật cuối thế kỷ 20, <i>Huỳnh Kim Quang</i>	5
Thơ <i>Vũ Hối</i>	9
Lý Duyên Sinh, giải pháp cho vấn đề ty nạn chính trị... <i>Tâm Tràng</i>	10
Bằng nhận thức Vô Ngã, nhìn vào cục diện Á Châu, <i>Lý Đại Nguyên</i>	16
Lời Nhấn Con, thơ <i>Diệu Ngọc</i>	22
Tư tưởng Phật giáo trong thi văn Pháp Thuận, <i>Thích Thắng Hoan</i>	23
Vu Lan Viếng Mộ, Vu Lan Đất Khách, thơ <i>Lê Kỳ Hòa</i>	28
Sứ mạng và vai trò của người PT tại gia..., <i>Trần Quang Thuận</i>	29
Lâm Đường 1, Lữ Bước 2, Tự Trách, thơ <i>Tâm Văn</i>	37
Nhân quả Xuất thế gian, <i>Thiện Bửu</i>	38
Mẹ Chết, thơ <i>Thuyền Ấn</i>	43
Cuộc du hành sang Lạp Tát của Tây Tạng, <i>HT Thích Trí Chơn</i>	44
Từ biệt phố, thơ <i>Hạ Uyên</i>	47
Quan niệm Sử học & Triết học của Duy Thức, <i>Th. Thắng Hoan</i>	48
Sương, Bên Bờ, thơ <i>Phù Du</i>	54
Đạo lý người xưa, <i>Tri Giác</i>	54
Vu Lan Mùa Hiếu Hạnh, <i>Nguyễn Thị Ngọc Vân</i>	55
Tại sao tôi trở thành Phật tử, <i>David Stewart, Thiện Quảng dịch</i>	56
Câu Thơ, thơ <i>Hoàng Việt Thi</i>	60
Cây Vú Sữa, truyện ngắn <i>Diệu Nga</i>	60
Phá hủy tư tưởng bốn học thuyết cội nguồn..., <i>Vân Nguyên dịch</i>	72
Vùng trời Quê đó, thơ <i>Yến Lan</i>	74
Ý thức cội nguồn dẫn đạo tinh thần dân tộc và nhân loại, <i>Tâm Viên</i>	75
Bầy cá rờn rờn, truyện ngắn <i>Phạm Thăng</i>	78
Tiếng chuông chùa, thơ <i>Từ Tâm</i>	82
Con đường vô tận, truyện ngắn <i>Huỳnh Trung Chánh</i>	83
Mẹ tôi, <i>Đặng Thị Hồng</i>	91
Còn lại tôi với tôi, thơ <i>Ngô Hưng</i>	94
HT Thích Chánh Lạc hoằng pháp tại Canada, <i>Minh Ngộ</i>	95
Ý nghĩa An cư Kiết Hạ, <i>Long Hoan</i>	98
Người khôn buông xả, <i>Kinh Ratthapala, Trung Bộ Kinh Tập II</i>	101
Tin tức sinh hoạt Giáo Hội trong và ngoài nước	107
Tâm tĩnh thức, <i>Lê Vân</i> dịch thơ Robert Ghentner	112
Hình ảnh sinh hoạt	113
Tri ân	120
Thư kêu gọi của Tòa soạn PGHN	121
Thư mục kinh sách của Phật Học Viện Quốc Tế	122
Quảng cáo	127

Hình bìa: Giòng sông Quê Mẹ, của Phạm Thăng



## thơ ĐỨC NHUẬN

Không Đề

1. Phật Pháp cao siêu những vọng cầu  
Đường đời mưa nắng... cuộc bể dâu!  
Bao dòng suối lệ rơi tâm tã;  
Mấy độ tang thương luống dãi dầu.
2. Kiếp người sao lắm nỗi thương đau?  
Đức Phật từ bi ý nhiệm mầu  
Giải cứu quần sinh dăng giác ngộ  
Cho đời tươi đẹp... gọi ơn sâu.

## Bài Thơ Lục Độ

1. BỐ THÍ, cứu giúp chúng sinh  
gieo nhân tốt để... cây lành trổ hoa
2. Thương người như thể thương ta  
Ai hay TRÌ GIỚI... nhà nhà an vui.
3. NHÃN NHỤC, đức hạnh cao vời!  
Nhẫn như Thị Kính: độ người trầm luân.
4. TINH TIẾN, giới đức nghiêm thân  
Đường về Chính Đạo... muôn dân thái hòa.
5. Pháp tu THIÊN ĐỊNH bao la  
Tinh thần tự chủ nhìn xa... cuộc đời.
6. TRÍ TUỆ bát nhã sáng ngời  
Bình lên như ánh mặt trời rạng đông...

\* Lục Độ: cũng gọi là Sáu (6) pháp Ba-la-mật (Paramita); Trung Hoa dịch là “đáo bỉ ngạn”, nghĩa là: từ bờ bên này (MÊ) vượt qua bờ bên kia (GIÁC), tức sáu phép tu của người thực hành Bồ Tát Đạo

## thơ THUYỀN AN

Vinh quang cho  
Quê Mẹ Việt Nam

Người xưa đã thà chết vì đại nghiệp.  
Nay chúng ta phải nên biết làm gì.  
Há bận lòng theo danh lợi thị phi  
Sống như thế trượng phu không cần thiết.

Điều đáng chết nên lăn ra để chết.  
Chết vinh quang cho Đạo Pháp vinh quang.  
Cho Việt Nam hùng mạnh sống hiên ngang.  
Dù phải chết nguyện lăn ra để chết.

Ta mơ ước nước Việt Nam tuấn kiệt.  
Ta mong sao Phật Pháp vững muôn đời.  
Nước thanh bình dân no ấm khắp nơi.  
Đoàn kết lại một lòng vì đại nghiệp.

Quên tất cả để Việt Nam hiển hách.  
Hăng say lên truyền ánh Đạo Vàng thiêng.  
Dù trắng rơi dù trời đất giữa nghiêng  
Vì đại nghiệp ta lăn vào thử thách.

Chiến tranh đã gây nên nhiều thảm họa.  
Bao nhiêu năm dân Việt khổ điều linh.  
Mơ tự do khao khát sống thanh bình.  
Đừng hung bạo cho dân vui đây đọa.

Đoàn kết lại để Việt Nam hùng mạnh  
Quyết một lòng tháo gỡ xiềng xích ra.  
Cho vinh quang cho hiển hách sơn hà.  
Thăng hoa sống dân trí ngời Phật tánh.



# Lá thư chủ nhiệm

Hằng năm, đạo Phật đặc biệt dành trọn tháng bảy cho mùa Vu-Lan báo hiếu, để những người con thảo cháu hiền hiến trọn lòng tri ân đến người thân thương. Người thân thương mà mình chịu ân sâu nặng nhất trên đời, là cha mẹ. Cha mẹ đã cho con trọn lòng từ, bi, hỷ, xả, để tạo dựng nên đời con. Cũng như đức Phật trải tứ vô lượng tâm cho chúng sanh trong hạnh nguyện hóa độ.

Thế nên, những ai chưa một lần bày tỏ tâm tình hiếu kính lên mẹ cha, rằm tháng bảy Vu-Lan chính là dịp tốt để cho người con hiếu thảo thể hiện tâm tư nghĩa cử báo đáp ân nghĩa sanh thành. Dù người đó đang sống ở chân trời góc bể vì kế sanh nhai, hay vì tai trời ách nước mà phải xa quê hương, có hay không có niềm tin Phật, nhưng đối với bậc sanh thành dưỡng dục cù lao thì lương tâm nào có cho phép quên được ân sâu nghĩa nặng ! Thể hiện lòng tri ân đấng sanh thành bằng tâm niệm tưởng nhớ nguyện cầu, hay bằng nghĩa cử viếng thăm săn sóc, cũng đã mang lại niềm an ủi cho tuổi xế chiều và nguồn an vui đối người khuất bóng. Nào chỉ có thế, mà chính bản thân người con cũng vui nhẹ đi nỗi u hoài nhớ thương. Đồng thời cảm thấy an tâm phần nào, mình đã làm tròn đạo hiếu, uống nước nhớ nguồn.

Ngoài ra, Vu-Lan rằm tháng bảy còn mang ý nghĩa thiêng liêng trong tinh thần vị tha bao la. Đó là, đối với những người vì lý tưởng quốc gia dân tộc hiện đang sống trong vòng lao lý, cũng như những anh hùng chiến sĩ đã vì đại nghĩa cứu quốc cứu dân mà đã hy sinh, thì cũng chính trong mùa Vu-Lan, chúng ta đều tưởng nhớ tri ân, nguyện cầu kẻ âm người dương đều được lợi lạc thành thoi giải thoát.

Tuy dòng đời lưu chuyển, mạng sống giả huyễn, nhưng tình thương vẫn là cái gì bất diệt trong tâm thức Việt-Nam. Tình thương vẫn là những lối mòn thơm đẹp từ thuở xa xưa không bao giờ cũ, đã dẫn đạo, tài bồi tinh thần dân tộc vươn cao. Tình thương tỏa ngát trên những làng quê thơm mùa lúa, trên những con đường râm bóng tre xanh, trong những câu hò mẹ ru dạy con thơ, trong đồng vọng khắp không gian tiếng chuông chùa ngân nga trầm hùng an tịnh lắng dịu mọi hận thù... để báo ân mà không là đối chác như những xá giao của trần thế. Nhớ ơn vẫn là động năng thấm kín thôi thúc mọi tấm lòng, để không quên tiền nhân đã



xả thân giữ nước, để nhớ kẻ sống chung quanh tạo áo làm cơm, để thờ kính mẹ cha, hiếu hòa huynh đệ, để tôn thầy trọng bạn ngưỡng lạy bậc đức hiền, để bất khuất kiên trì nhẫn nại khuyến bảo kẻ lạc lối lầm đường ... Và ngay đây, để chúng ta, những khách tha hương mỗi khi vọng về quê cũ, thì dạ bồi hồi mở rộng vòng tay...

Quê hương còn đó, nhưng lắm nỗi điều linh ! Đồng bào còn kia, nhưng sống kiếp đọa đày ! Đạo pháp chánh truyền đang bị áp bức ! Chế độ “Địa lao” Cộng-sản vong bản phi nhân đã làm tá toi sông núi, đã nhốt tù tất cả những tinh hoa ưu tú của Việt-Nam, đã phá vỡ mọi đạo đức văn hóa đẹp thơm quý báu ngàn đời của dân tộc. Họ đã tạo dựng mọi hận thù ganh ghét nghi kỵ khắp nơi nơi... Chúng ta, hơn nữa, người Phật tử Việt-Nam nào không đau xót !

Truyền thống đạo Phật có rất nhiều ngày lễ vía, nhưng đối với chúng ta không phải là những dịp vui chơi hưởng thụ, mà chính là phương tiện nhắc nhở chúng ta tập sống đời hỷ xả vị tha, tri ân, nhớ cội, nhớ nguồn... Nhất là ngày Vu-Lan khiến Phật tử chúng ta khắc sâu nơi lòng : Uống nước nhớ nguồn, làm con phải hiếu, làm dân phải trung, làm người phải hậu. Cho dù thế cuộc đổi thay, thì ta vẫn :

*Vai mang đức Phật Di Đà.  
Hiếu trung ta giữ, gian tà mặc ai.*

Hôm nay, mùa Vu-Lan lại đến, ngày tình thương truyền thống dân tộc lại trở về, ngày nhắc nhở chúng ta mở rộng tình thương, chung sức chung lòng, quyết tâm phá tan mọi hình thức nô lệ gông cùm, để tiến đến ánh sáng tự do dân chủ.

Nơi đây, toàn Ban biên tập Tạp chí Phật-Giáo Hải-Ngoại chân thành tri ân tất cả quý Tôn đức, những tấm lòng vàng ủng hộ, các mạnh thường quân, những vị cho quảng cáo, nhờ đó tờ báo được sống còn. Chúng tôi rất mong được sự giúp đỡ quý báu đó.

Xin tất cả chúng ta thành tâm hợp ý vận dụng niệm lực tình thương phóng chiếu Quê-hương. Được thế, tuy mỗi cá nhân, mỗi đoàn thể, dù lối hành xử có khác, mà không rơi lạc vào lợi danh tư kỷ, mới mong rút ngắn ngày trở lại quê hương trong tiếng hát vinh quang huy hoàng.

**NAM-MÔ ĐẠI-HIỆU MỤC-KIÊN-LIÊN BỒ-TÁT.**

***Thích-Đức-Niệm***



# ĐẠO PHẬT CUỐI THẾ KỶ 20

*Huỳnh Kim Quang*

Đạo Phật tự thân là đạo giác ngộ, hay nói cách khác là con đường dẫn đến cảnh giới thánh trí tự chứng viên mãn và siêu việt. Viên mãn vì thánh trí ấy phổ châu khắp ba thời mười phương, là căn thân của vạn pháp, không gì lớn hơn, không gì nhỏ bằng. Siêu việt vì thánh trí tự chứng ấy đã nhỏ sạch gốc rễ của vô minh vốn là mầm mống của phiền não và đau khổ, đã vượt thoát lên trên tất cả mọi hệ lụy của những vọng chấp điên đảo ngã-pháp. Không có sự thực chứng giác ngộ thì không hiển phát được năng lực tâm linh ưu việt để diệt trừ vô minh và phiền não. Như thế, sự thực chứng giác ngộ là mạng mạch làm hiển sinh giá trị hiện hữu màu nhiệm của đạo Phật giữa cuộc đời đầy dẫy uế trược và khổ đau. Từ phiền não khổ đau mà hưng phát tâm Bồ đề cầu tìm phương thức giải thoát và giác ngộ cho mình và người. Do hưng phát Bồ đề tâm mới có thể thành tựu được tuệ giác viên mãn. Nhờ tuệ giác viên mãn cho nên vượt thoát mọi khổ ách.

Nói đến thế kỷ 20 là nói đến thời gian, đến chuỗi vận hành liên lý của vạn hữu trong dòng tồn tục cứu mang đặc tính vô thường không dừng nghỉ. Thời gian là gì? Phải chăng là sự vận hành của vạn vật? Sự vận hành của vạn vật là gì? Phải chăng là sự sinh, thành, hoại và diệt của chúng? Cái gì sinh, thành, hoại và diệt? Phải chăng thật có một sự hữu xét như là một thực thể tồn tại để sanh, thành, hoại và diệt? Cái gì nhận biết thật có một sự hữu hiện hữu như là một thực thể để sanh, thành, hoại và diệt? Là thức, là tâm, là ngã? Cái gì là thức? Cái gì là

tâm? Cái gì là ngã? Tất cả những điều này đều là sản phẩm của thức tâm. Ngoài thức tâm ra chúng sanh còn cái gì để nhận thức? Hễ còn có cái để nhận thức thì đều là thuộc về thức tâm. Thức tâm thì sinh diệt không ngừng. Ý niệm này sinh và diệt là quả, là nhân, là duyên của ý niệm khác hay cho ý niệm khác sinh và diệt. Ý niệm sinh tự nó không tự sinh, không dừng lại ở khoảnh khắc nào cả. Trong ý niệm sinh đã có ý niệm trụ và diệt. Trong ý niệm trụ đã có ý niệm sinh và diệt. Trong ý niệm diệt đã có ý niệm sinh và trụ. Thời gian ở đâu? Có phải ngoài ý niệm sinh, trụ và diệt của thức tâm ra còn có một thực thể tự tồn là thời gian? Nếu còn có thể nhận thức được thì chắc chắn cái đó không là thực thể tự tồn ngoài thức tâm. Thức tâm ở đây là thức tâm trong ý nghĩa vọng thức tương đãi của mê tâm. Thức tâm không có chủ thể, không thật hữu. Ngã không có chủ thể, không thật có. Pháp không có chủ thể, là giả danh, là không. Thời gian là gì? Là pháp và như vậy có nghĩa là không thật có, là giả danh. Hễ còn có ý niệm về thời gian là còn ý niệm sinh diệt. Còn ý niệm sinh diệt thì còn nằm trong vòng lẩn quẩn của vọng thức điên đảo. Như thế làm sao có thể nghiệm chứng chân thân của thực tại? Gọi là chân thân của thực tại hay nghiệm chứng thì cũng chỉ là cách nói bị trôi buộc trong vòng vọng niệm quay cuồng.

Đến đây chúng ta phát thấy có điều gì bất ổn trong tiền đề của bài viết này. Một bên là đạo Phật, cảnh giới thánh trí tự chứng tuyệt đối và một bên là thế giới thời-không tương đãi. Có



thể nào cả hai lại là một? Có thể nào cả hai cùng tồn tại sinh thành trong mối tương quan tương hệ hữu cơ? Hay nói khác đi, phải chăng cả hai không bao giờ có mặt trong cùng một điểm thời-không nào đó?

Đặt vấn đề như vậy thật ra không ổn. Tại sao? Bởi vì, người đặt vấn đề trước hết đã vạch lằn ranh chia cách quá lớn giữa một bên là thế giới tuyệt đối và bên kia là thế giới tương đối. Làm thế nào chúng ta có thể phán định được một cách khẳng quyết rằng cái này là tuyệt đối và cái kia là tương đối? Trên thực tế, qua trung gian của thức tâm và ngôn từ tất cả các pháp đều giả hợp, đều không tự tánh, đều không thật hữu. Cái gọi là “thế giới tuyệt đối” khi phát sinh và diễn đạt ra từ một thức tâm còn vọng động thì chúng chỉ là một tập hợp giả tạm của ngôn ngữ, là tương đối. Đặt vấn đề thế giới tuyệt đối và tương đối là đã phân chia thực tại ra làm hai mảnh mà cũng có nghĩa là muôn ngàn mảnh từ ngay trong thức tâm và ngôn ngữ. Sự phân ly hay đồng nhất không phải bản hữu từ trong lòng thực tại, vì thật ra khi chưa giác ngộ thì không ai liễu đạt được bộ mặt thực của thực tại là gì, mà đến từ thức tâm điên đảo của chúng sanh.

Chính ra vấn đề không rắc rối như vậy. Đạo Phật, cảnh giới thánh trí tự chứng, không phải là tuyệt đối hay tương đối, vì đã là thánh trí thì không còn hệ lụy trong thế giới nào cả dù là thế giới tuyệt đối. Ở đâu và lúc nào có giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau thì đạo Phật ở đó. Thế giới tương đãi của thời không cũng thế. Để liễu giải tận đầu nguồn, tận căn tính của thời không, con người không thể không ngộ chứng vào chân thân của thực tại. Một khi đã thể nhập vào chân thân của thực tại rồi thì thời không không là thế giới tương đãi hay tuyệt đãi mà là vô thủ vô chung. Đến đây chúng ta đã trực nhận ra điều kỳ diệu rằng sự thực chứng giác ngộ là đầu mối và là chung quyết cho tất cả mọi phương thức để giải quyết vấn đề. Không thực

chứng giác ngộ thì còn bị vây hãm trong tù ngục vô minh và do đó không thể nào vượt thoát, không thể nào chuyển hóa và giải quyết tận gốc được bất cứ vấn đề gì.

Do đó chúng ta có thể xác định lại ý nghĩa của tiền đề của bài viết này rằng không phải đạo Phật, con đường giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não khổ đau, cảnh giới thánh trí tự chứng, ở cuối hay đầu thế kỷ 20 mà là vượt thoát khỏi mọi giới hạn của thời không, là vô thủ vô chung vậy.

Tuy nhiên, đạo Phật có thể vượt thoát mọi cục hạn của thời không, có thể là đạo giác ngộ, là thánh trí vô thủ vô chung hay không, còn tùy thuộc vào bản thân của đạo Phật có duy trì được nội dung cốt lõi giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau cho mình và người một cách nghiêm cẩn và kiến hiệu trong mọi thời đại hay không!

Cuối thế kỷ 20, con người đang càng lúc khai thác triệt để sức mạnh của cơ tâm trong mọi địa hạt sinh hoạt thường nhật. Văn hóa, tôn giáo, giáo dục, chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, khoa học, xã hội, vân vân và vân vân. Trong tất cả những sinh hoạt này không nơi nào thiếu vắng mãnh lực của cơ tâm, cơ tâm trong cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Vì tất cả đều xây dựng và phát huy trên nền tảng của thức tâm chịu sự chi phối toàn diện của vô minh mà cụ thể nhất là qua các thuộc tính tham, sân và si. Chẳng phải thế sao? Hãy bình tâm nhìn vào nền giáo dục của nhân loại thì rõ. Con người được nuôi dưỡng trong chất liệu giáo dục như thế nào từ lúc còn tằm bé đến khi trưởng thành? Nền giáo dục ấy lấy việc khai phát năng lực của ý thức vọng niệm làm mục tiêu cứu cánh. Nó không ngừng mặc nhiên xây dựng thành trì của những vọng chấp thuộc ngã và pháp. Sự cố nghiêm trọng đến mức người ta đang báo động về tình trạng nguy hại của nền giáo dục thiếu đạo đức tại các học đường ở Hoa Kỳ dẫn đến tệ trạng hư hỏng của thế hệ trẻ ngày nay.



Trong bối cảnh xã hội như vậy, con người đang ngày càng bị cuốn hút vào những sinh hoạt bề ngoài có chiều hướng đáp ứng theo các nhu cầu của cơ tâm. Chủ nghĩa hình thức vì thế đã nghiêm nhiên trở thành món hàng đắt giá. Con người không màng đếm xỉa đến nội dung, họ chỉ đua nhau phô trương hình thức. Hậu quả thật là khốc hại vì nếu chỉ chú trọng đến hình thức mà không quan tâm đến nội dung thì hình thức đó chẳng khác gì cái vỏ khô cần trống rỗng, bởi không có lõi ruột tinh túy. Giống như cái cây, nếu không có chất liệu và dưỡng tố tinh túy dồi dào để nuôi dưỡng toàn bộ thân cây, thì chóng chày gì cây đó cũng bị khô héo mà chết. Nói thế không phải là không đặt nặng giá trị hữu hiệu của hình thức, mà chỉ để góp ý rằng chúng ta phải biết trừ lượng được bên nào trọng bên nào khinh, cái nào cứu cánh, cái nào phương tiện thiện xảo.

Phát triển một đạo Phật thuộc bình diện hình thức mới chỉ là phương tiện thiện xảo mà chưa phải là cứu cánh. Phát huy nội dung giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau cho mình và người một cách toàn diện mới là cứu cánh. Một đạo Phật có nội dung sung mãn sẽ là một đạo Phật có hình thức phong thịnh. Vì có nội dung viên mãn và diệu lực bên trong mới có thể phát tiết ra được hình thức sinh động và rực rỡ bên ngoài. Nhưng mệnh đề này không hẳn là phù hợp để phát biểu ngược lại. Vì nếu gượng ép sử dụng cơ tâm để tô vẽ hình thức lòe loẹt bên ngoài thì thật ra chỉ có thể tạo được một hình thức vụng về thiếu sinh khí mà thôi. Phương tiện trong đạo Phật không phải được điều hướng bởi cơ tâm mà phát xuất từ Phương tiện trí. Phương tiện trí là trí tuệ liễu đạt được tất cả mọi căn tánh và hình thái sai thù của tất cả vạn pháp để từ đó quyền nghi thi thiết phương thức chuyển hóa khổ đau cho quần sanh. Gọi là phương tiện thiện xảo vì nó là những pháp môn xảo diệu nhắm đến tiêu đích chí thiện giác ngộ

vô minh và giải thoát khổ đau cho tất cả chúng sanh. Trong ý nghĩa này, phương tiện thiện xảo không thể bị nhầm lẫn với các kế sách mưu xảo xây dựng trên cơ tâm hay vọng thức đảo điên chỉ nhắm đến mục tiêu thỏa mãn những nhu cầu vị ngã của vô minh.

Làm thế nào để phát huy nội dung giác ngộ và giải thoát của đạo Phật? Câu trả lời thật đơn giản nhưng vô cùng trọng đại và lớn lao. Đó là phải tinh tấn thực nghiệm và tu chứng bằng cả tâm huyết và nghị lực toàn diện của tâm linh đối với các pháp môn mà đức Phật đã ân cần chỉ dạy khi ngài còn tại thế. Không có con đường nào khác để thắp sáng nội dung giác ngộ và giải thoát hơn là chính con đường nỗ lực tu tập thực sự. Dù cho chúng ta đang ở vào đầu kỷ nguyên tây lịch hay ở vào cuối thiên niên kỷ thứ 10 thì việc phát huy nội dung giác ngộ và giải thoát của đạo Phật vẫn không thay đổi. Vì sao? Bởi lẽ, vĩnh viễn sẽ không có phương cách nào khác để diệt trừ vô minh và giải thoát phiền não khổ đau một cách rốt ráo ngoài sự thực nghiệm tu chứng tâm linh. Các phương tiện hiện đại của con người để phục vụ đời sống vốn dĩ bị trói buộc trong xiềng xích vô minh sẽ không bao giờ là những phương tiện kiến hiệu để giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não tận gốc. Có thể điều này sẽ không tránh khỏi một vài ngộ nhận. Bởi vì, người ta nghĩ rằng với các phương tiện hiện đại con người thật sự đã có thể giảm trừ được những khổ đau trong đời sống thường nhật. Chẳng hạn y học ngày nay có thể giúp con người vượt qua được phần nào khổ nạn của sanh, già, bệnh và chết. Đối với con người thì gọi là sanh, già, bệnh và chết, đối với vạn vật thì gọi là sinh, trụ, dị và diệt. Đó là quy luật tất yếu mà bất cứ sự vật nào trên thế gian này cũng không thể tránh khỏi được bị chi phối. Hơn nữa, y học chỉ có thể trị liệu các triệu chứng khổ đau ngành ngọn mà không thể chữa trị được tận căn nguyên của vấn đề sanh, già, bệnh và chết. Căn nguyên



đó là sự có mặt của xác thân tứ đại vốn là hệ quả tất yếu của các nghiệp nhân chồng chất từ vô lượng kiếp được tác tạo bởi ba nghiệp thân, khẩu và ý và bị điều động bởi thế lực vô minh vô hình. Đây mới chính là đầu mối của mọi khổ đau. Nếu không trừ diệt hết vô minh thì vẫn còn tác tạo nghiệp lực. Nếu còn nghiệp lực thì còn thọ sanh. Nếu còn thọ sanh thì còn nhận lấy khổ đau của sanh, già, bệnh và chết.

Giữa lòng xã hội loài người đang bị thao túng bởi những thế lực vô minh mạnh động từ cá nhân, tập thể, ý thức hệ, chủ nghĩa, những thế lực mà lúc nào cũng sẵn sàng đem sinh mạng của kẻ khác, của con người ra làm công cụ phục vụ cho lòng tham lam, sân hận và si mê của họ. Trên các diễn đàn công tư, trên các cơ quan ngôn luận phổ biến, trên những lời lẽ giao tế hằng ngày, con người nghe được quá nhiều mỹ từ cao khiết, quá nhiều những thông điệp đầy vẻ nhân từ thánh thiện, nhưng trên thực tế cuộc đời, con người cũng chứng kiến quá nhiều phương cách mị dân, quá nhiều hành động tàn bạo thô bỉ đối xử với chính đồng loại, quá nhiều lòng căm phẫn, thù nghịch đối kháng nhau từng giờ từng phút. Chính trong bối cảnh nghiệt ngã của xã hội loài người như vậy, nội dung giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não khổ đau cho tất cả nhân sinh của đạo Phật mới cần thiết và quan yếu hơn bao giờ hết để được phát huy và ban bố khắp nơi trên thế gian. Đây chính là những gì mà đạo Phật cần cống hiến cho nhân loại ở thời đại này. Ngược lại, đây cũng chính là điều mà nhân loại mong chờ một cách thành khẩn nơi đạo Phật.

Đối với hình thức của đạo Phật thì sao? Nói hình thức tức là nói đến phương tiện thiện xảo. Nói đến phương tiện thiện xảo tức là nói đến các phương cách dẫn đến mục tiêu chí thiện thành tựu Phật đạo trong đó bao gồm tất cả mọi quyền nghi thi thiết để độ thoát khổ đau cho mình và người. Điểm này thật vô cùng quan

trọng, vì nếu phương tiện mà không nhằm đạt đến tiêu đích tối thượng giác ngộ viên mãn thì phương tiện ấy không phải là hoạt dụng của Phương tiện trí mà là sản phẩm trá hình của thế lực vô minh. Biên tế giữa phương tiện thiện xảo và thủ thuật của cơ tâm chỉ cách nhau ở một niệm, một sát na giữa chánh trí và vọng tâm, giữa mê và ngộ. Bị buộc trói bởi vọng tâm thì bề ngoài cho là thi thiết phương tiện để độ mình và người, nhưng bên trong thì tâm tâm niệm niệm cố chấp lấy hình danh sắc tướng quên mất cả mục đích chí thượng là gì. Khởi phát từ Phương tiện trí thì suy tư, nói năng và hành động gì cũng nhất tâm hướng về cứu cánh giải thoát và giác ngộ cho tất cả quần sanh, xem những gì mình làm đều là phương chước tạm thời để từ đó điu dắt mình và tha nhân về chánh lộ hướng đến đạo quả Bồ đề.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mà mối tương quan, tương liên toàn diện giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội, giữa quốc gia này với quốc gia khác càng ngày càng chặt chẽ, khiến cho loài người như đang sinh hoạt trong một tập thể hợp nhất. Chính vì lý do đó, không một tổ chức thế tục hay tôn giáo nào có thể khép kín mình giữa cộng đồng nhân loại. Trong ý nghĩa này, đạo Phật cũng đã và đang dần thân sâu hơn vào các sinh hoạt đa dạng của xã hội. Sự kiện này dẫn đến một tình thế bất khả kháng là đạo Phật cũng phải sử dụng nhiều hơn nữa đến phương tiện trí của mình trong những sinh hoạt có tính cách hình thức. Tuy nhiên, khi đi sâu vào các sinh hoạt hình thức, đạo Phật không thể tránh khỏi tình trạng bị trầm trệ trong hình thức và do đó lãng quên nội dung giác ngộ và giải thoát tối thượng.

Nói thế, không có nghĩa là đạo Phật thôi không dần thân vào các sinh hoạt hình thức đa dạng của xã hội. Tuyệt đối không phải vậy! Vấn đề không phải đặt ra để tìm một chọn lựa giữa việc sinh hoạt hình thức và phát huy nội



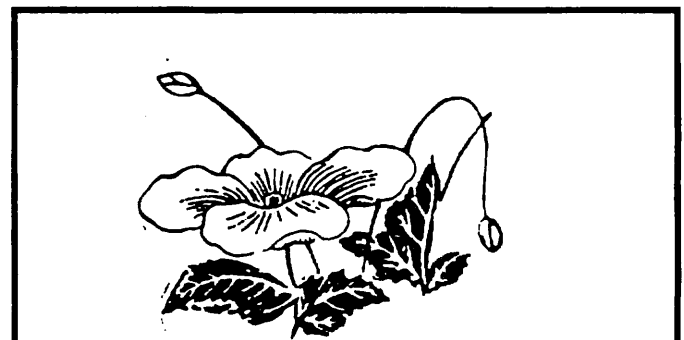
dung. Không, không phải thế! Đạo Phật không cần và không nên làm một chọn lựa nào giữa hai điều ấy, bởi vì cả hai đều là những hoạt dụng tự nhiên của đạo Phật, cả hai là biểu hiệu của Như thật tuệ và Phương tiện trí, vốn là nền tảng mà từ đó đạo Phật khai sinh. Vấn đề cũng không phải là cần nên canh tân mặt này và bảo thủ bình diện kia, hoặc là bỏ việc này làm điều nọ, hay buông xả tất cả. Khi người con Phật thấy rằng chúng ta cần phải canh tân đạo Phật ở mặt này, hoặc cần phải giữ lấy lập trường bảo thủ đối với một số bình diện nào đó của đạo Phật thì chính những thái độ đó nói lên một sự thật rõ ràng rằng trên một số mặt nào đó đạo Phật đã không đuổi kịp theo đà phát triển của xã hội, hoặc trên một số bình diện nào đó đạo Phật đã đi quá đà mà truyền thống có thể chấp nhận. Từ sự kiện này cho thấy một sự thật hiển nhiên rằng phẩm tính cốt thiết của Như thật tuệ và Phương tiện trí trong người con Phật đang bị tổn giảm trầm trọng. Bởi lẽ thiếu Như thật tuệ và Phương tiện trí cho nên đạo Phật mới không đủ đạo lực làm phong thịnh nội dung giác ngộ và giải thoát, để từ đó làm hiển sinh hình thức sinh hoạt đa dạng của mình giữa nhân gian.

Như thế, vấn đề quan yếu nhất chính là việc khai mở đến tận đầu nguồn nội dung giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não khổ đau cho mình và tha nhân để nhờ đó có thể làm tuôn chảy dòng hoạt dụng vô cùng của Như thật tuệ và Phương tiện trí. Nhưng khai mở bằng cách nào? Bằng sự tinh tấn nỗ lực thực nghiệm và hành trì các pháp môn của đạo Phật một cách quyết liệt trong chính đời sống thường nhật.

Có Như thật tuệ và Phương tiện trí rồi thì làm việc gì cũng là hành đạo. Dù có dẫn thân sâu đến đâu vào các sinh hoạt đa dạng của xã hội cũng vẫn tự tại vô ngại mà mang nội dung giác ngộ và giải thoát thật sự đến cho muôn loài bằng vô số các hình thức phương tiện thiện xảo. Lúc ấy có lẽ không còn biên tế nào giữa nội

dung và hình thức vì, phương tiện là cứu cánh và cứu cánh là phương tiện vậy.

Có gì khác nhau giữa đầu kỷ nguyên và cuối thế kỷ 20? Có! Đó là nhân tâm đang ngày càng suy thoái mặc dầu trình độ kiến thức thế tục ngày càng mở rộng. Có! Đó là cuộc sống con người trên mặt đất này ngày càng mang nặng tính cách cạnh tranh và đôi khi đấu tranh sinh tồn nhiều hơn. Cũng từ lý do này, đời sống tâm linh của con người đang ngày càng bị đe dọa, không phải vì con người xa lánh nó mà vì họ không có thời giờ dành cho những sinh hoạt như vậy. Hoặc có có thì cũng chỉ là để lấy lệ qua loa hay vì nhu cầu lợi lạc của phước quả hữu lậu mà thôi. Chính đây là mối quan tâm của những người con Phật đối với chính họ và đồng loại chung quanh. Trong tình cảnh đó, đạo Phật của đầu kỷ nguyên hay cuối thế kỷ 20 vẫn là một, bởi vì bản thể cao vời để giải khổ cho chúng sanh ở thời nào mà không sắt son và kiên định! Và bởi vì, mục đích chí thượng giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não cho mình và người ở thời nào mà không vô vàn khẩn thiết! ■



### thơ VŨ HỐI

Thông reo như tiếng mẹ hiền  
Lời ru rộng cả hồn thiêng núi rừng  
Thuyền ra giữa bến thuyền dưng  
Ai đi cứu nước nửa chừng lại thôi.



# LÝ DUYÊN SINH, GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ TỶ NẠN CHÍNH TRỊ VÀ GIẢI THỂ CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Tâm Tràng Ngô Trọng Anh*

Hiện tượng đồng bào tha hương tỵ nạn cộng sản phát sinh kể từ năm 1975 và được xem như chấm dứt vào năm 1990 vì Cao Ủy Tỵ Nạn đóng cửa các trại và ra lệnh cưỡng bách hồi hương bằng vũ lực; nhiều thuyền nhân tuyệt vọng, tự sát tập thể. Đóng cửa các trại tỵ nạn không có nghĩa là chấm dứt nguyên nhân phát sinh tỵ nạn chính trị. Đồng bào trong nước ngay bây giờ, nếu có trợ duyên thích ứng là vượt biên ngay. Chừng nào còn chế độ công an cộng sản, là còn tiềm lực tỵ nạn.

Trong một môi trường vô cùng phức tạp đầy mâu thuẫn của hiện tượng tỵ nạn chính trị, đồng bào chúng ta đang bị hỏa mù do nhiều thế lực có khả năng tài chánh vô song (cộng sản/mafia/tài phiệt) tạo ra. Chúng có lăm thủ đoạn gian manh dùng báo chí truyền tin và nhất là internet để phá hoại các tổ chức cộng đồng. Muốn hiểu rõ và giải quyết hiện tượng tỵ nạn, theo tôi, đồng bào nên áp dụng lý duyên sinh được trình bày như sau:

## 1. LÝ DUYÊN SINH

Lý duyên sinh được trình bày trong kinh Hoa Nghiêm, có thể hiểu tóm tắt theo ba hướng nhìn có quan hệ mật thiết với nhau đó là: Sinh trụ dị diệt, Trùng trùng duyên khởi và Nhân duyên quả.

### 1.1. Sinh Trụ Dị Diệt

Mọi hiện tượng (pháp) có sanh rồi có diệt, đều vô thường, vô ngã. Nếu hiện tượng ấy còn

vướng nghiệp (quả báo của những hành động tạo nghiệp kiếp trước) thì hiện tượng lại tái sanh thọ nghiệp và tiếp tục tái diệt v.v... Sự kiện này được gọi là vòng sinh tử luân hồi của biệt nghiệp. Muốn giải thoát luân hồi hay được phước báo, phải diệt trừ hay giảm bớt tham sân si, nghĩa là sống có nhân nghĩa đạo đức. Giáo lý Nguyên Thủy nhấn mạnh điểm này.

### 1.2. Trùng Trùng Duyên Khởi

Mọi hiện tượng đều có quan hệ mật thiết hỗ tương cho nhau trong một môi sinh chung gọi là trùng trùng duyên khởi, cái này sanh tất cái kia sanh, cái này diệt tất cái kia diệt. Môi sinh chung ấy gọi là cộng nghiệp. Phải có lòng nhân (Đức Khổng Tử), tâm từ bi (Đức Phật) hay bác ái (Chúa Ki Tô) để giải cứu cộng nghiệp khó khăn này. Nơi đây không có chuyện thù hận mà chỉ có vấn đề nghịch duyên thôi. Tập đoàn cộng sản gây cảnh tỵ nạn tha hương, nhà tan cửa nát tạo ra nghiệp chướng, cần được giải thể để chặn họ không còn cơ hội để tạo thêm ác nghiệp, đó cũng vì lòng nhân đối với họ, không mảy may thù hận. Giáo lý Đại Thừa Bồ Tát hạnh nhấn mạnh điểm này.

### 1.3. Nhân Duyên Quả

Muốn giải nghiệp (biệt nghiệp và cộng nghiệp), cần phải quán sát hiện tượng trong giai đoạn hiện tại theo luật nhân quả hay nhân duyên quả. Luật cho biết: Mọi hiện tượng (quả) đều phát sinh do một điều kiện chính gọi là nhân và một số điều kiện phụ gọi là duyên (trợ duyên). Phải có trí tuệ mới thấy luật Nhân



duyên quả cho mỗi hiện tượng và tạo phương tiện thiện xảo thích nghi để giải trừ biệt nghiệp hay cộng nghiệp. Giáo lý Tịnh Độ nhấn mạnh điểm này.

#### 1.4. Một trong tất cả và tất cả trong một

Một ở đây là lý duyên sinh và tất cả là ba hướng nhìn nói trên. Mọi pháp môn đều có đủ cả ba hướng nhìn ấy mặc dầu tùy nghi theo tâm nguyện mà nhấn mạnh vào một hướng. Một hành giả chỉ biết quán sinh diệt để tu giải thoát mà thôi thì nói rằng: thời buổi nhiều nhưng loạn lạc nên lo tu giải thoát biệt nghiệp là tốt nhất, kết quả có thể tai hại cho cộng đồng, tổ quốc. Một vị khác chỉ biết quán trùng trùng duyên khởi, lo cho cộng nghiệp, dẫn thân hy sinh cứu đồng bào nhưng có thể làm chuyện tai hại vì còn nặng biệt nghiệp. Một vị khác lại tu hành theo nhân duyên quả mà thôi, đương sự có thể vừa giải thoát và cứu người nhưng lại thiếu tầm rộng và kém sâu sắc.

## 2. TỶ NẠN CHÍNH TRỊ

Hiện tượng hai triệu đồng bào rời bỏ quê hương tránh chế độ cộng sản và xin tỵ nạn chính trị ở mọi nơi trên thế giới là cộng nghiệp, nhưng mỗi người lại có đời sống khác nhau là do biệt nghiệp xấu tốt, nhiều ít tham sân si của riêng mình. Trước hết, phải thấu triệt từ ngữ chính trị, một danh từ luôn luôn bị cấm kỵ đối với đồng bào dưới các triều đại từ thực dân Pháp cho đến quốc tế cộng sản ngày nay. Thành kiến này tồn tại mãi cho đến bây giờ đối với một số người nông nổi; họ cho rằng: Phật tử không làm chính trị, chuyên gia không làm chính trị, sinh viên không làm chính trị, viên chức không làm chính trị, tuổi trẻ không làm chính trị, già cả không làm chính trị, đàn bà không làm chính trị. Nói tóm: đừng ai làm chính trị để cho Bộ Chính Trị Trung Ương của độc đảng Cộng sản Việt Nam độc quyền làm chính trị mà thôi, và vì vậy để mặc họ gây

nên quốc nạn triền miên. Sau đây ngoài ý nghĩa thông thường là chánh sách cai trị một nước, từ ngữ chính trị được tạm hiểu khác nhau trong 6 trường hợp:

#### 2.1. Thân phận tỵ nạn chính trị

Đồng bào tỵ nạn phần lớn không biết chính mình là nạn nhân của chính trị cộng nghiệp và biệt nghiệp. Một số nhờ biệt nghiệp khá tốt, làm ăn giàu hưởng phước báo quên mất thân phận cộng nghiệp tỵ nạn của đồng bào và quên luôn cả số phận cộng nghiệp hẩm hiu triền miên đau khổ của dân Việt dưới ách cộng sản/mafia/tài phiệt bên nhà. Họ chê trách những ai có thái độ chính trị phản đối độc tài cộng sản với những câu dạy đời như: Độc tài rồi cũng hết, mọi sự đều vô thường đồng bào nên tu vô chấp, lo giải thoát cho bản thân tốt hơn; hoặc giả: lo việc nhỏ không xong mà còn lo việc lớn làm gì.

Ngoài ra, phần đông đồng bào, tuy vẫn còn nhớ đến cộng nghiệp tỵ nạn tha hương, biết chia sẻ nỗi đau khổ chung nhưng tự thấy mình bất lực, một phần vì bị tuyên vận cộng sản/mafia phá rối, một phần vì bận làm ăn nên không có thì giờ để quán sát hiện tượng tỵ nạn chính trị theo luật nhân duyên quả trong hiện tại cho mỗi giai đoạn lịch sử. Do đó họ có những kết luận chán đời, tiêu cực.

#### 2.2. Chính trị hà chính

Chế độ chính trị ở Việt Nam được Cộng sản định nghĩa như là quan hệ của một giai cấp này đối với một giai cấp khác trong cuộc đấu tranh nhằm giành địa vị thống trị và chính quyền trong nước. Căn cứ vào định nghĩa trên, giai cấp vô sản quốc tế (tức mafia Việt Nam) thay thế giai cấp tư bản thực dân Pháp để thống trị đồng bào. Thực dân Pháp và cộng sản Việt Nam là những chế độ chính trị độc tài hà khắc mà Khổng tử gọi là hà chính.

#### 2.3. Chính trị nhân chính

Ngài chủ trương một chế độ chính trị nhân đạo, lấy lòng nhân từ và khoan dung để cai trị



dân gọi là nhân chính. Chữ Nhân (nhân ái) chiết tự gồm chữ nhân (người ta) và 二 có nghĩa là bình đẳng gồm gạch ngang thiên (âm linh) nằm trên, và gạch ngang địa (môi sinh) nằm dưới. Chữ Nhân (Từ Bi, Bác Ái) này đã được đề cập ở 1.2 (trùng trùng duyên khởi).

#### 2.4. Chính trị hiến pháp

Dùng hiến pháp để ngăn chặn lãnh tụ độc tài tham quyền cố vị, bảo vệ tự do dân chủ, và nhân quyền cho dân chúng. Cộng sản Việt Nam cũng điên đảo tạo ra một thứ phản hiến pháp cốt ngăn chặn tự do dân chủ và nhân quyền với cái gọi là dân chủ tập trung và điều 4 hiến pháp bảo vệ độc đảng.

#### 2.5. Chính trị đại học

Đây là nơi đào tạo những chuyên viên tốt nghiệp đại học về những bộ môn như chính trị học, kinh tế học, quản trị kinh doanh, hành chánh kế toán, thương mại, ngân hàng, luật học, xã hội học, v.v... Họ là những cấp thừa hành có khả năng chuyên môn để giúp mọi chế độ chính trị.

#### 2.6. Thái độ chính trị

Mọi người dân trong nước hay ngoài nước, tùy theo nhân cách và sự hiểu biết riêng mà có thái độ chính trị, tức phản ứng nghịch hay thuận đối với chế độ chính trị hiện hành. Hai triệu người Việt Nam bỏ nước liêu chết ra đi, tức bỏ phiếu bằng chân để tỏ thái độ chính trị chống lại hà chính cộng sản/mafia Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có sự di dân tỵ nạn lạ lùng như vậy.

### 3. CHÍNH TRỊ TOÀN CẦU (Geopolitics)

Hiện tượng chính trị toàn cầu hay cộng nghiệp nhân loại xảy ra rõ ràng nhất kể từ năm 1917 nghĩa là từ khi Hoa Kỳ tham dự trận thế giới đại chiến thứ I (1914-1918) và sáng lập viên của Hội Các Quốc Gia (Société des Nations,

1919) cho đến ngày nay với tổ chức Liên Hiệp Quốc (O.N.U, 1945). Hiện tượng chính trị toàn cầu này gồm ba giai đoạn chiến lược tạm phân chia như sau: Giai đoạn chiến tranh nóng (1914-1945), giai đoạn chiến tranh lạnh (1945-1975), và giai đoạn diễn biến hòa bình (kể từ 1975).

#### 3.1. Giai đoạn chiến tranh nóng 1914-1945

Các cường Quốc Âu Châu chiếm đất giành dân nhau bằng vũ lực, và quân đội Mỹ lần đầu tiên tham dự can thiệp chấm dứt. Tất cả các quốc gia trên thế giới đều trực tiếp hay gián tiếp chịu ảnh hưởng. Dân Việt Nam trực tiếp tham gia với vài trăm ngàn lính thuộc địa từng chinh đồng thời với hai triệu dân miền Bắc bị chết đói (1944-1945) vì Pháp và Nhật cấm trồng lúa. Nhật và Pháp cho dân chết đói để diệt trừ mầm phản ứng chống hà chính.

#### 3.2. Giai đoạn chiến tranh lạnh 1945-1975

Cường quốc tránh chiến tranh nóng vì sợ nạn bom nguyên tử. Tuy gọi là chiến tranh lạnh nhưng vẫn dùng vũ lực một cách hạn chế để chế ngự nhau. Những cựu thuộc địa như Việt Nam được cái tiếng độc lập nhưng vẫn sống nô lệ nhờ viện trợ cường quốc (Pháp, Mỹ, Nga, Hoa) để tiếp tục chiến tranh nóng, làm tiền đồn cho hai khối tự do và cộng sản tranh giành bành trướng ảnh hưởng kinh tế. Vào khoảng 6 triệu dân Việt hai miền Nam Bắc độc lập giả tạo để chết oan với hoài bão thống nhất trong cuộc nổi da xáo thịt đau đớn kéo dài 30 năm.

#### 3.3. Giai đoạn diễn biến hòa bình kể từ 1975

Kết quả hà chính cộng sản được lựa chọn làm kẻ thắng trận trên lý thuyết để trên thực tế giúp Hoa Kỳ thắng trận chiến tranh lạnh, nghĩa là gây mâu thuẫn được Nga Hoa, Hoa Việt (Việt Nam chết 60 ngàn quân thiện chiến môi hở răng lạnh) và Việt Kampuchia (Việt Nam chết 50 ngàn trẻ em bị động viên làm nghĩa vụ quốc tế). Tất cả để làm đòn bẫy sập đổ chế độ cộng sản quốc tế. Sự diễn biến hòa bình ở Việt Nam bắt đầu bằng hàng triệu người vượt biên tỵ nạn hà



chính và hàng triệu người di tù cải tạo hay đi kinh tế mới. Đồng bào trong và ngoài nước mãi cho đến ngày nay vẫn không hiểu diễn biến hòa bình là gì.

Diễn biến hòa bình chính danh là chiến tranh giành thị trường kinh tế một cách hòa bình, không chủ trương dùng vũ lực để cướp đất dành dân, nhưng dùng mọi phương tiện truyền tin để quảng bá rộng rãi một chế độ biết tôn trọng tự do dân chủ và nhân quyền, tức một chế độ phù hợp với nền kinh tế thị trường. Nhưng tiếc thay chế độ hà chính cộng sản không thể nào thích hợp với nền kinh tế này vì nền kinh tế thị trường dựa trên luật pháp phân minh, đòi hỏi một chính phủ có khả năng tự túc kinh doanh, tự do dân chủ thật sự, không thể nào bao cấp quốc doanh được.

Vì muốn được nhập vào nền kinh tế thị trường. Cộng sản Đông Âu phải đổi mới tư duy và cởi mở chính trị. Bắc Hàn và Cu Ba vẫn ngoan cố nên để dân chúng tiếp tục chết đói. Ngay Trung Cộng cũng đành chia đất nước thành hai chế độ mèo trắng mèo đen tùy hoàn cảnh địa phương (tức xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường).

Chỉ riêng có cộng sản Việt Nam mới có chế độ què quặt không thể tưởng tượng được, mệnh danh là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường đòi hỏi tự do dân chủ và dân quyền trong khi xã hội chủ nghĩa VN vẫn tiếp tục độc tài, độc đảng; đó là một mâu thuẫn to lớn. Dân vẫn đói theo định hướng Xã Hội chủ nghĩa, trong khi các Ủy viên Trung Ương, nhờ kinh tế thị trường, mafia tài phiệt, bán đất buôn dân chuyển ngân tậu nhà.

#### **4. NHỮNG KHÓ KHĂN ĐÃ GẶP ĐỂ GIẢI THỂ CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN**

Việc giải thể chế độ cộng sản bằng cách vận động dư luận quốc tế hay chuyển lửa về quê

hương để tạo khí thế đấu tranh trong nước của các tổ chức: tôn giáo, đảng phái, phong trào, mặt trận, liên minh v.v... đã đem đến kết quả làm tung bay lá cờ vàng ba sọc đỏ khắp mọi nơi trên thế giới. Tất cả cán bộ cộng sản ra ngoại quốc muốn sống phải nấp bóng cờ vàng không tên nào dám mang cờ đỏ.

Tương kế tựu kế, tập đoàn cộng sản/mafia/tài phiệt dùng tiền để làm những tuần san phát hành rộng rãi khắp nơi chửi bới cộng sản âm ỹ rẻ tiền để mạo nhận quốc gia, đồng thời vu cáo bôi nhọ những cá nhân hay tổ chức nào hy sinh dám chống cộng thật sự. Vì thiếu khả năng tài chánh nên những đặc san địa phương của các tổ chức cộng đồng quốc gia đành bó tay chịu thua một cách oan ức, nhất là sau này cộng sản đã ồ ạt cho cán bộ đi rử tai hòa giải hòa hợp giữa chó sói và cừu non.

Ngoài ra, một phương thức khác, mạo hiểm hơn, chủ trương xâm nhập nội địa tranh đấu trực diện. Công cuộc đội đá vá trời này, đã được những thanh niên và tráng niên anh hùng Việt Nam thực hiện trong ít nhiều cô đơn, đó là những Lý Tống, Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh, Trần Văn Bá, Lê Quốc Túy, Lê Quốc Quân, Hồ Thái Bạch v.v... hay các tổ chức như Nhân Dân Hành Động, Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, Liên Đảng Cách Mạng VN v.v... Họ đã gây được tiếng vang, cảnh tỉnh được đồng bào, nhưng không đem lại kết quả mong ước. Ấu đó cũng là kinh nghiệm của một số chiến hữu trong tổ chức Việt Nam Tự Do đã trải qua trước 1990. Tất cả vì nhiều nguyên nhân tạm ghi nhận như sau:

4.1. Trong giai đoạn diễn biến hòa bình, thế giới không tán thành chủ trương bạo lực gây nội chiến làm thị trường tiêu tan.

4.2. Không rõ sự khác biệt giữa chiến tranh lạnh và diễn biến hòa bình để sáng tạo một mô thức đấu tranh thích nghi trong công cuộc giải thể chế độ cộng sản Việt Nam.

4.3. Ngày xưa trước 1975 chính vì báo chí



và các đài ngoại quốc mà chính thể miền Nam bị sụp đổ mau chóng, Đồng bào ngày nay mọi ý chí giải thể chế độ hà chính lại bị cộng sản/mafia/tài phiệt chặn đứng bằng cách tung tiền đầu độc dư luận bằng báo chí và internet xuyên tạc, bóp méo sự thật, bôi nhọ những nhân vật có uy tín, gây chia rẽ và hoang mang.

4.4. Sự thờ ơ hay dị ứng đối với mọi xâm nhập quốc nội hay sự thành lập một chính phủ lưu vong quốc ngoại của đồng bào tỵ nạn với những thành kiến đại khái:

4.4.1. Cộng sản nay đã thay đổi nhiều rồi. Họ chạy theo Hoa Kỳ, gửi con cháu sang đây du học, chuyển ngân sang đây đầu tư, v.v... Mỹ nay trao đổi cấp đại sứ và lãnh sự với họ, và sẽ cấp cho quy chế tối huệ quốc, vậy cần gì phải giải thể họ, đồng bào nên hòa giải hòa hợp với họ vì cộng sản 1997 khác với cộng sản 1975.

Nhưng với cái nhìn theo lý duyên sinh thì:

4.4.2. Hiện tượng theo Mỹ nói trên chỉ là cái quả xét trên hình thức xem có vẻ lạc quan, nhưng quán sát kỹ, thì thấy nó che đậy một nội dung, một cái nhân hết sức bi đát cho đất nước. Cộng sản theo Mỹ để ăn xài như Mỹ nhưng từ khước Hiến Pháp Mỹ bảo vệ tự do dân chủ dân quyền. Họ theo Mỹ để hợp thức hóa việc bán đất buôn dân, chuyển ngân tậu nhà cho cá nhân cán bộ đảng cao cấp mà thôi. Nói tóm tắt cả theo Mỹ vì lợi cá nhân hại cho tổ quốc.

## 5. MỘT CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG THÀNH LẬP TẠI QUỐC NỘI

Sự bất ổn định chính trị của chế độ cộng sản trong giai đoạn diễn biến hòa bình là do những mâu thuẫn nội bộ đã có từ lâu giữa phe già thủ cựu (XHCN) và phe trẻ cấp tiến (kinh tế thị trường), giữa phe Nam Mặt Trận Giải Phóng và phe Bắc Công An Đảng Trị. Sự kiện nguy hiểm này được gia tăng vì một cuộc khủng hoảng tài chánh tại Việt Nam cực kỳ nghiêm trọng và sắp

bùng nổ nay mai.

Tiên đoán được những biến cố trên và đáp ứng kịp thời nhu cầu giúp dân cứu nước, chính Phủ CMVNTD ra đời ngày 30 tháng 4 năm 1995 tại quốc nội trước khi Hoa Kỳ thiết lập bang giao với cộng sản Việt Nam để:

5.1. Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường đạo (Nguyễn Trãi).

5.2. Nêu cao tinh thần tự quyết, tự lực cánh sinh, không ỷ lại vào một quốc gia nào khác, cũng như không nhờ vào sự quyên góp đồng bào tỵ nạn đang thiếu thốn. Chính phủ đã thực hiện những kế hoạch tài chánh tự túc từ trước 1997 (1), và từ đây gây niềm tin đối với đồng bào và uy tín ngoại giao đối với thế giới, để ngày nay được các cơ quan quốc tế bảo chứng với những ngân khoản lớn lao trong công cuộc giải thể chế độ cộng sản Việt Nam, quang phục quê hương (2).

5.3. Giải quyết những trận nội chiến phe phái có thể xảy ra gây cảnh nổi da xáo thịt.

5.4. Đáp ứng nhu cầu ổn định luật pháp cấp bách của thị trường thế giới.

5.5. Đáp ứng nguyện vọng đồng bào mong được sinh sống với một chế độ tự do dân chủ thật sự, được hậu thuẫn của dân trong nước và ngoài nước, có tinh thần tự quyết, có chính nghĩa và có khả năng quân sự để bảo vệ cuộc bầu cử do Liên Hiệp quốc giám sát.

5.6. Tạo chỗ đứng công bằng xứng đáng cho những đảng viên, viên chức, cán bộ, bộ đội, công an đã thức tỉnh, ly khai đoạn tuyệt với chế độ hà khắc cộng sản Việt Nam để họ có cơ hội điều kiện đứng chung với đồng bào vì quyền lợi sống còn của đất nước.

5.7. Giải thể chế độ cộng sản bằng phương pháp diễn biến hòa bình theo diễn tiến thời gian và không gian gồm:

### Giai đoạn 1990-1993

5.7.1. Xâm nhập hoạt động từ Hà Nội đến Cà Mau kể cả Tây Nguyên và Cao Nguyên.



Giai đoạn 1993-1995

5.7.2. Lập căn cứ tại biên thùy Kampuchia lúc Liên Hiệp Quốc giám sát bầu cử tự do, tổ chức Cựu Chiến Binh Bravo, thành lập Liên Quân Kháng Chiến Đông Dương cùng với anh em cựu binh sĩ cộng hòa.

5.7.3. Xâm nhập bằng những chương trình nhân đạo, khoa học kỹ thuật có ích lợi thiết thực với Nhà nước cộng sản (3) để có cơ hội truyền bá các mô thức đấu tranh nghiệp đoàn ví dụ bằng cách tung hai triệu cấm nang nhân viên vào các xí nghiệp (4).

5.7.4 Thành lập Chính Phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do tại quốc nội, Hội Đồng Cố Vấn, Hội Đồng An Ninh, Hội Đồng Quân Ủy và Hội Đồng Điều Hợp Trung Ương, Bộ Trưởng Ngoại Giao (1995).

5.7.5. Thiết lập Bộ Thông Tin, dùng mọi phương tiện truyền tin để quảng bá rộng rãi một chế độ biết tôn trọng tự do dân chủ và nhân quyền (6/1997) (95).

5.7.6. Sẽ thiết lập trụ sở chính thức cho Chính Phủ trong thời gian tạm lưu vong ở hải ngoại.

5.7.7. Sẽ hợp thức hóa về phương diện ngoại giao cho thành viên của chính phủ.

## 6. KẾT LUẬN

Lý duyên sinh là tư tưởng tuyệt đỉnh của Á Đông, được cô đọng trong chữ Nhân (Nhân đạo, Từ bi, Bác ái) gồm con người/tâm linh/môi sinh, là nguồn cảm hứng của biết bao nhiêu văn hào, triết gia, khoa học gia trong đó có Einstein, Teillard de Chardin. Vì vậy chúng tôi mong rằng lý duyên sinh giải đáp được vấn đề tỵ nạn chính trị Việt Nam nghĩa là giải thể một chế độ hà chính cực kỳ điên đảo. Tuy nhiên, nếu đồng bào dị ứng với giải đáp trên mà tin vào những lời vu cáo cá nhân dí dỏm văn chương lá cải của một tuần báo có tài nguyên vô địch bôi nhọ những

tổ chức hay nhân vật quốc gia (6) nặng tình dân tộc, thì số phận quê hương còn vất vả nhiều. Chúng ta sẽ long đong theo chiều dài lịch sử với biệt tài tuyên vận cộng sản kể từ năm 1946 với vụ án Cầu Chiêm ở Quảng Nam và vụ Ôn Như Hầu ở Hà Nội, tiếp đến năm 1955-1956 với vụ Cải Cách Ruộng Đất và Nhân Văn Giai Phẩm ngoài Bắc, và 20 năm sau ở miền Nam với những vụ tỵ nạn kể từ 1975 vì trót tin vào Hòa Giải Hòa Hợp Dương Văn Minh bịp bợm. Tiếc thay, sau trên hai mươi năm vượt biên thoát chết vẫn còn đồng bào tiếp tục tin vào giải đáp Dương Văn Minh lần thứ ba (?)... của cộng sản. Thật đáng buồn.

### Chú thích:

(1) Khi thịnh khi suy, có lúc phải bán nhà trả nợ.

(2) Ngày 1 tháng 5, 1997, Công Ty C.S.I.Ag đã ký bảo đảm 5 trăm triệu US\$ cho chính phủ Cách Mạng VN Tự Do để phát hành công khố phiếu. Công Ty đã dùng số vàng tài sản mình tại quốc gia Chile để ký bảo đảm tại ngân hàng International Resource Securities House & Trust (IRS) tọa lạc trên đảo Barbados, British West Indies.

(3) Tờ *Đông Dương* số Đặc biệt Tết Bính Tý trình rõ việc này.

(4) Tờ *Đông Dương* số Đặc biệt Tết Bính Tý trang 36, cột 5 và 6.

(5) Từ lâu vì thiếu phương tiện truyền thông nên để một tờ lá cải tuyên vận tha hồ xuyên tạc đánh lạc hướng đồng bào hải ngoại, nhất là sau ngày Đại Hội Chính Nghĩa 24/25/26 tháng 1 năm 1997.

(6) Ví dụ tổ cáo Chính Phủ Cách Mạng VN Tự Do lừa bịp và làm gián điệp nhị trùng v.v... căn cứ vào những mục 5.2 và 5.7.1, 5.7.7, 5.7.3 trên đây, kèm theo một số tài liệu do chúng hoặc thành viên chính phủ hải ngoại bị khai trừ, ngụy tạo, hư hư thực thực làm hoang mang đồng bào nhẹ dạ, làm thích thú bọn đón gió trở cờ. ■

# BẰNG NHẬN THỨC VÔ NGÃ NHÌN VÀO CỤC DIỆN Á CHÂU

*Lý Đại Nguyên*

Lá cờ của Hoa Kỳ được kéo lên trên tòa Đại Sứ Mỹ tại Hà Nội. Lá cờ của Đế quốc Anh đã hạ xuống khỏi lãnh thổ Hồng Kông. Và cuộc đảo chánh do thủ tướng 2 của Cộng Sản Cambodia thực hiện, là ba biến cố có ảnh hưởng lớn tới hiện tình và vận mệnh của toàn Á Châu trong thế kỷ tới.

Tuy 3 biến cố này xảy ra ở ba nước khác nhau, nhưng nếu nhìn theo chiến lược toàn vùng thì cả ba đều có hệ lụy nhân quả tất cả với nhau, bởi chúng có cùng một ràng buộc vào với chiến lược toàn cầu của cường quốc số 1 hiện nay là Hoa Kỳ.

Chiến lược Hoa Kỳ đối với Á Châu nói riêng và toàn cầu nói chung, thì Trung Hoa vẫn là mục tiêu chính: chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam do Mỹ trực tiếp tham dự trước đây, đều nhắm vào Hoa Lục và việc Hồng Kông trở về với Hoa Lục lại là một mặt trận mới, Mặt Trận Hòa Bình Dân Chủ Tiến Công cũng vào tay Mỹ chỉ đạo.

Giấc mơ của các bậc cha ông của người Mỹ, ở cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này, khi nhìn ra thế giới là: “Người Âu Châu phải trở về Âu Châu” đến giây phút cuối của ngày 30/6/1997 khi lá cờ của Anh Quốc hạ xuống khỏi trụ cờ tại Hồng Kông, mới thực sự hiện thực.

Người Anh đã về với Âu Châu, đã nằm trong Minh ước Bắc Đại Tây Dương đang mở rộng và đều xếp hàng trong sự chỉ huy quân sự của người Mỹ. Thuộc địa cuối cùng của Anh là Hồng Kông còn được hưởng chế độ Tự Do Dân Chủ hay không? Phần chính là dựa vào quyết tâm của người Mỹ.

## HỒNG KÔNG: LIỀU THUỐC DÂN CHỦ MÀ CỘNG SẢN TRUNG HOA PHẢI NUỐT

Khi Cộng Sản Việt Nam cướp được chính quyền tại Miền Nam Việt Nam thì hàng triệu người liêu chết vượt biên, vượt rừng ra đi. Khi Cộng Sản Cambodia đảo chánh ở Nam Vang thì thế giới di tản kiều dân của họ ra khỏi Cam Bốt, còn người dân lành Cam Bốt cũng dất nhau chạy vòng quanh để tránh nạn Cộng Sản cướp của và bom đạn. Còn khi Trung Cộng vào Hồng Kông thì người dân bình tĩnh chờ đợi và tiếp tục dương cao ngọn cờ Dân Chủ để đấu tranh.

Chẳng phải Trung Cộng hiền lành hơn Việt Cộng và Miền Cộng! Về mức độ tàn bạo thì Trung Cộng là bậc thầy của Việt Cộng lẫn Miền Cộng. Chẳng phải vì lời cam kết của Đặng Tiểu Bình, hoặc chữ ký của thủ tướng Anh Margaret Thatcher với thủ tướng Tàu Triệu Tử Dương ngày 19/12/1984 bảo đảm Hồng Kông được rộng quyền tự trị trong 50 năm sau khi Trung Cộng tiếp thu Hồng Kông ngày 1/7/1997, hay lời long trọng cam kết trong buổi lễ bàn giao giữa Anh và Tàu của Giang Trạch Dân rằng: Trung Quốc tôn trọng việc “Một Trung Quốc hai chế độ và người Hồng Kông cai trị Hồng Kông với Tự Do cao.” Mà người dân Hồng Kông thì tin vào nền kinh tế của họ, nhất là tin vào sự đầu tư của tư bản quốc tế vào cho họ. Đứng đầu là Mỹ với 14 tỷ Mỹ kim, và 36 ngàn người Mỹ vẫn đứng vững làm ăn tại Hồng Kông.

Nếu như trước ngày bàn giao Hồng Kông, người Mỹ rút hết vốn ra, chuẩn bị đem tàu vào đưa người Mỹ rời khỏi Hồng Kông thì dù cho người Hồng Kông có gan bằng sắt, có tinh thần



Dân tộc cao tới đâu và có khả năng tài chánh vững tới mấy cũng khó có can đảm ở lại Hồng Kông.

Tư bản Hồng Kông phần lớn là những người trốn thoát các cuộc đàn áp của Trung Cộng từ năm 49 trở lại đây. Họ đã đem tài năng và vốn liếng của họ để làm ăn tại thuộc địa này của người Anh, họ tin vào khả năng chính trị lão luyện của người Anh đã giữ được Hồng Kông và tạo điều kiện Tự Do cho Hồng Kông cất cánh bay lên thành 4 con rồng của Châu Á.

Với đường lối mở cửa của Đặng Tiểu Bình, họ Đặng luôn luôn hướng về Hồng Kông để tìm vốn đầu tư phát triển. Kết quả là Hồng Kông biến thành một “thị trường trung chuyển” giữa thế giới và Trung Cộng. Chẳng những vốn của tư bản Tàu trên toàn thế giới mà ngay cả vốn của tư bản thế giới cũng mượn cửa Hồng Kông để làm ăn với Trung Cộng.

Còn hàng hóa của Trung Cộng cũng mượn Cảng của Hồng Kông tràn ra khắp thế giới để tránh những đòn trừng phạt của các nước khác với Trung Cộng nếu có. Chính vì thế mà trong cam kết trao trả Hồng Kông giữa Trung Cộng với Anh Quốc, Trung Cộng đã dễ dãi để Hồng Kông được tự trị trong vòng 50 năm.

Kể từ ngày ký kết đến khi trao trả, thời gian kéo dài là 13 năm, một thời gian đủ để Anh Quốc chuẩn bị và cũng để cho người dân Hồng Kông chuẩn bị.

Về phía Anh Quốc thì họ đem tất cả số ngoại tệ dự trữ của Hồng Kông đổ vào việc xây dựng phi trường lớn nhất thế giới và những cơ sở hạ tầng tốt nhất thế giới, nghĩa là biến tiền thành vật chết. Cho dân Hồng Kông được bầu cử Dân Chủ Tự Do (tiếc rằng điều này xảy ra quá muộn.) Cấp phép cho 3 triệu người dân Hồng Kông có quốc tịch Anh đều được định cư tại Anh bất cứ lúc nào.

Về phía tư bản Hồng Kông thì vốn chính của họ để ở các ngân hàng ngoại quốc còn những

vốn làm ăn là vốn lưu động, tốt thì tụ mà yếu thì tan, có nghĩa là họ đều có chân trong ngoài. Họ mượn vào thế lực của các đại công ty quốc tế để lựa chọn, trong đó thì vốn của tư bản Mỹ mỗi năm mỗi tăng lên, sau Mỹ là Nhật, hai siêu cường kinh tế này đã tạo tin tưởng cho thị trường Hồng Kông ổn định trong những ngày “giáp hạt.”

Người dân thường Hồng Kông thì nửa mừng nửa lo. Mừng vì Hồng Kông trở về với Dân Tộc họ, lo vì Trung Cộng không để cho xã hội Hồng Kông tự do, nhưng dù gì đi chăng nữa thì người dân Hồng Kông đã được sống trong không khí hoàn toàn tự do của dư luận lâu đời, đã biết rõ chế độ Cộng Sản có cố gắng bám víu lấy quyền hành cũng chẳng còn được bao năm nữa, thế giới đang chuyển mình vươn tới thời đại Tự Do Dân Chủ Pháp Trị, và chính nơi họ đang sống lại là mũi nhọn để đem Tự Do Dân Chủ vào cho Dân Tộc Trung Hoa của họ ở Lục Địa.

Giới trí thức thanh niên Hồng Kông mặc nhiên trở thành lực lượng xung kích trong Mặt Trận Dân Chủ. Họ đã lập đài kỷ niệm vụ đàn áp Dân Chủ tại Thiên An Môn của Trung Cộng ở Hồng Kông, làm tín hiệu tập hợp để đấu tranh cho Dân Chủ trong lòng Trung Cộng. Họ đã phát cao ngọn cờ đấu tranh cho Dân Chủ ngay trước, giữa và sau lúc Hồng Kông về với Trung Cộng.

Về phía Trung Cộng thì họ chứng tỏ quyền uy bằng cách giải tán Hội đồng Lập pháp của Hồng Kông do dân bầu lên trước đó và chỉ định Hội đồng khác cũng là người Hồng Kông. Dem 4 ngàn quân và chiến xa vào nhân ngày tiếp thu Hồng Kông, nhưng việc bảo vệ an ninh cuộc lễ và dân chúng vẫn do cảnh sát Hồng Kông đảm nhận và chính quyền Hồng Kông được Trung Cộng thừa nhận toàn quyền cai trị Hồng Kông, nghĩa là Hồng Kông vẫn của người Hồng Kông, Trung Cộng và Đảng Cộng Sản tạm thời vẫn giữ vai trò như Đế quốc Anh thuở nào.

Thảm thương nhất lại rơi vào số phận của

các quân nhân Trung Cộng mới tới Hồng Kông. Họ sống cô lập tại các trại lính. Họ chỉ được giao tiếp với cuộc sống tại Hồng Kông bằng mắt. Số lượng ít ỏi của họ chẳng đủ mua bất cứ thứ gì họ thích tại Hồng Kông, chính phủ Trung Cộng phải cho họ số lương gấp 10 lần hơn ở Hoa Lục mới có thể tạm sống được với giá cả mắc quá sức tại Hồng Kông. Đây là lý do thúc đẩy các quân nhân công chức của Trung Cộng phải tới Hồng Kông đi vào tệt nạn tham nhũng khi quyền đến tay họ.

Ngay trận so tài đầu tiên, phía Trung Cộng đã lâm vào tình trạng thất thế, phía dân Hồng Kông thì phát khởi đấu tranh Dân Chủ, phía Trung Cộng thì phải làm công việc phong tỏa không cho người dân Hoa Lục xâm nhập Hồng Kông, trái lại người dân Hồng Kông tự do vào làm ăn tại Hoa Lục.

Có nghĩa là Trung Cộng nhận vốn từ Quốc tế qua Hồng Kông vào, để phát triển Hoa Lục thì cùng lúc cũng phải tiếp nhận tinh thần dân chủ từ Hồng Kông đổ vào, để dân chủ hóa người Trung Hoa và tự do hóa xã hội Trung Hoa cho tới lúc nào đó mà phong trào Tự Do Dân Chủ thật sự đã phổ cập, bén rễ tại Hoa Lục, lúc đó thì Đài Loan sẽ về với Hoa Lục trong Hòa Bình Tự Do Dân Chủ. Dân tộc Trung Hoa muốn thế, nhưng để tới được mục đích lý tưởng đó không phải là chuyện dễ.

Hồng Kông xuất cảng Dân Chủ vào Hoa Lục, ngược lại Trung Cộng cũng xuất cảng tham nhũng vào Hồng Kông, nhằm phá hoại luật pháp vốn là lãnh vực được người dân Hồng Kông tôn trọng và hãnh diện. Ở đời thì việc xấu dễ lây lan, việc tốt khó phát triển.

### BIẾN CỐ TẠI CAMBODIA LÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ASEAN

Dùng sức mạnh kinh tế và tinh thần Dân Chủ để thực hiện công cuộc Tự Do Dân Chủ hóa Hoa Lục, cần phải có sự hỗ trợ bằng việc tổ chức

thật vững hệ thống an ninh trong vùng, nhằm làm tiêu tan ý chí thích động binh để phá vỡ các khó khăn nội bộ của Trung Cộng.

Thực ra ở thời đại hòa bình phát triển thì việc khoanh vùng an ninh và tổ chức khối an ninh, không nhằm vào việc đối đầu hay chiến tranh, mà để tránh tình trạng mạnh hiếp yếu. Chẳng may chiến tranh có xảy ra thì chỉ giới hạn trong vùng mà không kéo thế giới vào đại chiến.

Khối Bắc Đại Tây Dương (Nato) là một điển hình. Khối này không còn làm nhiệm vụ đối đầu với ai nữa, mà vẫn để Hoa Kỳ ở ghế hội viên chủ soái là vì 2 lý do chính: 1. Giữa Hoa Kỳ ở cái thế không thể đối đầu với Âu Châu, 2. Không để cho một nước Âu Châu nào dùng sức mạnh quân sự lấn lướt các nước khác. Nhờ thế mà các nước Âu Châu thoải mái đối thoại với nhau để phát triển về mọi mặt.

Hiện nay tại vùng Châu Á Thái Bình Dương, thì những nguy hiểm về một cuộc chiến tranh lớn vẫn còn đó. Trung Cộng là một nước độc tài Cộng Sản thượng tôn bạo lực, đang ở vào thế nước lớn, đang trên đà phát triển. Quân lực Trung Cộng đông vào bậc nhất thế giới. Đảng Cộng Sản cho Quân đội được làm kinh tế, để có tiền tự hiện đại hóa, và có thể là tự nuôi nhau. Như vậy là cho Quân đội vượt ra khỏi sự kiểm soát và lãnh đạo của Quốc gia, của Chính Phủ mà chỉ phục tùng có Đảng Cộng Sản.

Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình vì họ là những người trực tiếp trong hàng ngũ Quân Đội Nhân Dân, thì tạm thời có thể ngồi ở ghế lãnh đạo Đảng, ra lệnh cho Quân Đội kiêu trên được, chứ những nhà lãnh đạo Dân sự như Giang Trạch Dân thì dễ gì mà kiểm soát nổi thứ quân đội tự túc hiện nay.

Bản chất thực của chế độ Cộng Sản Trung Hoa hiện nay gồm ba thành tố chính: 1. Phong kiến, 2. Cộng Sản, 3. Quân Phiệt. Muốn lãnh đạo được Trung Cộng một người phải có 3 yếu tố đó. Vậy chính Đặng Tiểu Bình đã mở lối cho



giới quân sự tương lai lên nắm quyền Đảng để tạo ra một hệ thống quân phiệt mới chống lại với trào lưu Dân chủ của người Trung Hoa. Vì chỉ có giới quân sự mới có đủ ba yếu tố Quân Phiệt, Phong Kiến và Cộng Sản mà thôi.

Nguy hiểm thực sự đối với các nước trong vùng và cho cả thế giới là ở đó, ở bản chất của các vị con trời này, họ rất thực tế và có thể khoác bất cứ thứ áo gì lên mình để mà thực hiện giấc mộng “Trung Hoa,” nếu các nước chung quanh không mạnh, không chứng tỏ được sức mạnh của mình để làm chùn nhụt tham vọng bành trướng của họ.

Nhu cầu an ninh là nhu cầu sinh tử lâu dài cũng như tức thời của Châu Á. Nam Hàn dù là nước còn bị chia đôi, nhưng nhờ được đứng trong chiếc dù an ninh với Mỹ nên Đại Hàn đã yên tâm xây dựng Dân Chủ và phát triển kinh tế đứng ngang hàng với các cường quốc hiện nay, kể cả Trung Cộng.

Nhật Bản là một nước thua trận nước Mỹ, nhưng trên năm chục năm được đứng trong chiếc dù an ninh với Mỹ, họ đã đi từ thế nước nô lệ, lên một thế nước chủ động, rồi thành một siêu cường kinh tế. Chính quyền Nhật mạnh là thế, mà vẫn cần có sự hiện diện của quân đội Mỹ trên đất họ. Nhật Mỹ lại đã chính thức ký hiệp ước an ninh Mỹ Nhật để bảo đảm rằng: nước Nhật bị tấn công cũng chính như nước Mỹ bị tấn công.

Đài Loan trên danh nghĩa, ít còn quốc gia nào nhìn nhận như một nước riêng biệt nữa, trong đó có cả nước Mỹ. Nhưng Đài Loan lại được Mỹ triệt để bảo vệ an ninh khiến cho Trung Cộng không dám dùng võ lực để thôn tính Đài Loan. Đài Loan trở thành một con Rồng về kinh tế, một nước Dân Chủ Pháp Trị tiến bộ, một sức mạnh quốc phòng đủ tự tin.

Chỉ còn các nước trong khối Asean là yếu về mặt an ninh, là cửa ngõ để Trung Cộng có điều kiện nhòm ngó. Trường Sa là vùng tranh

chấp của nhiều nước Asean với Trung Cộng. Khi còn chiến tranh Việt Nam, khi Mỹ còn căn cứ quân sự tại Phi Luật Tân thì làm gì có chuyện hạm đội Trung Cộng lấn chiếm vùng này.

Hiện nay Hồng Kông trở về với Trung Cộng, để bảo vệ Hồng Kông, hạm đội của Trung Cộng lại có cơ mở rộng tầm hoạt động tại biển Đông. Không có một quốc gia nào trong vùng đủ sức chặn được bước phiêu lưu của hạm đội Trung Cộng, ngoại trừ hạm đội Mỹ.

Các nước trong vùng đều hiểu thật rõ như thế, nhưng vì mặc cảm tự ty của các nước cựu thuộc địa trước kia, nên các lãnh tụ chính trị trong vùng thường tuyên bố ngược với đường lối sách lược dù đúng của Mỹ. Nhưng lại rất cần vốn đầu tư và thị trường của Mỹ, thiếu 2 thứ này thì những con Rồng Đông Nam Á hiện nay đâu còn là Rồng nữa.

Phát triển kinh tế, Dân Chủ Chính Trị và An Ninh trong vùng là 3 yếu tố mà các nước Asean cần phải đạt tới mới mong tránh khỏi những bất trắc do một nước khổng lồ trên 1 tỷ 2 người vốn chứa nhiều những bất trắc ở bên cạnh gây ra.

Bất trắc do cuộc đảo chính tại Cam Bốt gây ra. Khi Asean chuẩn bị nhận Cam Bốt vào làm hội viên chính thức thì vụ đảo chánh nổ ra, bất cứ một ai dù chẳng phải là chính trị gia, cũng thấy rõ rằng: biến loạn tại Cam Bốt thế nào cũng phải xảy ra, vì xung đột nội tại giữa các phe có súng cùng ngồi trong một chính quyền, và các phe đó lại dễ để cho các thế lực bên ngoài thọc tay vào thao túng. Mà muốn phá tình trạng an ninh, hay muốn nhân đó tạo ra một nhu cầu an ninh ở giữa một nơi mà các nước có quan hệ coi nhẹ vấn đề an ninh, thì những biến cố như thế là rất đắc dụng. Đây mới chỉ là màn mở đầu, còn rất nhiều đau thương và bất hạnh cho các nước Đông Nam Châu Á đang bị cuốn vào những biến động trước khi Á Châu bước vào thời đại mới.

\*

## VIỆT CỘNG CÓ CHÍNH QUYỀN TRONG TAY MÀ KHÔNG LÀM NHIỆM VỤ CHÍNH QUYỀN

Việt Cộng là cha đẻ của chính quyền Hunsen, nên khi Hunsen đảo chính thì dư luận cột chặt Việt Cộng vào việc chủ mưu. Điều này cũng dễ hiểu, vì để chuẩn bị bầu cử vào năm tới, thủ tướng Ranariddh đã mở sẵn cửa cho Khmer đỏ phe của Khieu Samphan đem Pol Pot, tên diệt chủng về nạp, thêm vào đó vì muốn khai thác tâm lý chống Việt Nam của người Miên nên phe Ranariddh đã đưa ra những ám chỉ Hunsen là bù nhìn của Việt Nam.

Thế là việc phải đến đã đến, cuộc đảo chánh đã xảy ra trong khi Ranariddh đi Pháp, Hunsen đi Việt Nam, quốc vương Sihanouk vẫn dưỡng bệnh tại Trung Quốc, thế giới phản đối Hunsen nhưng không mạnh mẽ lên án và cũng không ủng hộ Ranariddh dùng giải pháp bạo lực để giành lại quyền. Bộ ngoại giao Mỹ đã tiếp Ranariddh như với tư cách là thủ tướng, nhưng thẳng thắn khuyến cáo ông không nên đi với Khmer đỏ.

Nghĩa là tình trạng Cam Bốt vẫn để cho tình thế tự diễn tiến chưa có một giải pháp nào hết. Hunsen thì giết thêm người của đảng Funcinpec, đưa ra những lời tuyên bố hung hãn và chọn ngoại trưởng Ung-Huot, người của đảng Funcinpec thế vào chức Đệ Nhất Thủ Tướng của Ranariddh.

Thực ra cả Trung Cộng và Mỹ đều biết rõ như trong lòng bàn tay: giải quyết vấn đề Cam Bốt phải giải quyết từ phía Việt Cộng. Trung Cộng chẳng vội vàng gì, một khi nổi lại được tình hữu nghị Việt Trung thuở trước, thì Trung Cộng vừa mất Khmer đỏ Pol Pot sẽ lại được Khmer đỏ Hunsen.

Ngay sau ngày thu hồi Hồng Kông, Giang Trạch Dân đã tiến hành gặp các nhà lãnh đạo tối cao của Việt Cộng, gồm Tổng Bí Thư Đỗ Mười, Phó Thủ Tướng Phan Văn Khải, người

vừa được Trung Ương Đảng Cộng Sản chỉ định thế Võ Văn Kiệt để cho Quốc Hội sắp bầu, tấn phong làm thủ tướng và Nguyễn Mạnh Cẩm, một người có nhiều triển vọng ngồi vào ghế Chủ tịch nước.

Tiếc rằng để giải quyết những vấn đề lãnh thổ, lãnh hải mà hai bên tranh chấp, nhưng thực tế thì chỉ muốn hai nước thường xuyên gặp nhau trên cấp cao để tiến lên tới chỗ Việt Cộng trở lại Trung Cộng nhằm phá sự quyết tâm trở lại Việt Nam của Mỹ mà thôi.

Khi Mỹ chính thức mở tòa Đại sứ, bổ nhiệm Đại sứ và mở tòa Lãnh sự Mỹ tại Sài Gòn là Mỹ thực sự quyết tâm trở lại Việt Nam, chắc rằng không đơn giản chỉ là bang giao bình thường, mà đúng như lời tổng thống Clinton hứa hẹn là: “Hoa Kỳ bang giao với Việt Nam là đem lại tự do cho Việt Nam như đã đem lại tự do cho nước Nga và Đông Âu.”

Đã hơn một lần người Mỹ vào Việt Nam, thực hiện cuộc chiến tranh kiểu Mỹ, để vừa áp lực Tàu vừa hỗ trợ Tàu sống chung với Mỹ, chống lại Liên Xô. Mục tiêu chiến lược của Mỹ đã đạt, nhưng khi ngừng chiến để rút quân, thì làm không nổi. Vì Mỹ đã quá chủ quan chỉ tin vào sức mạnh của mình, mà quên xét tới tinh thần Dân Tộc của người Việt đang bị Cộng Sản lợi dụng, để kéo dài cuộc chiến tranh ngoài sự dự liệu của Mỹ và Mỹ cũng không cần biết tới đặc tính tinh quái, lỳ lợm, ngoan cố của nhóm lãnh đạo Cộng Sản, bởi vậy đã mang cái tội bỏ rơi Miền Nam, chịu cái nhục bại trận, khắc sâu vào tâm lý dân Mỹ về “Hội Chứng Chiến Tranh Việt Nam.”

Nay thì chắc người Mỹ đã hiểu rõ rằng: tinh thần Dân Tộc không còn nằm ở phía Việt Cộng, mà nằm ở khát vọng Tự Do Dân Chủ của toàn dân Việt Nam. Chính ngọn cờ Nhân Quyền đang trong tay của người Mỹ là biểu tượng của một lời xin lỗi thiết thực nhất đối với những người Mỹ và Việt đã chết trong cuộc chiến và nó cũng



là sự giải trừ mọi u uất trong lòng toàn dân Việt Nam và những ân hận trong lòng người Mỹ nếu còn.

Chuyến đến Việt Nam lần đầu của Ngoại Trưởng Albright, bà đã thẳng thừng đòi Việt Cộng phải thả vô điều kiện 3 người tù tiêu biểu cho 3 phong trào đấu tranh đòi nhân quyền, đó là Hòa Thượng Thích Quảng Độ thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tiêu biểu cho Tự Do Tôn Giáo, giáo sư Đoàn Viết Hoạt thuộc Diễn Đàn Tự Do tiêu biểu cho Tự Do Ngôn Luận, bác sĩ Nguyễn Đan Quế Phong Trào Nhân Bản tiêu biểu cho Tự Do Đảng Phái. Tiếc rằng ở Việt Nam chưa có người tù nào đấu tranh cho Tự Do Nghiệp Đoàn để có đủ 4 phong trào nền tảng của xã hội Công Dân Tự Do, đó là Tự Do Tôn Giáo, Tự Do Ngôn Luận, Tự Do Đảng Phái và Tự Do Nghiệp Đoàn, từ nền tảng đó, ngôi nhà Dân Chủ được dựng lên mới bền vững lâu dài.

Đặc biệt hơn nữa, bà Ngoại Trưởng Mỹ đã làm một hành động phá lệ ngoại giao, đó là trao tận tay cho Ngoại Trưởng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm lá thư của bà Nguyễn Thị Thức vợ của giáo sư Đoàn Viết Hoạt, hiện là tù nhân của Cộng Sản: cầm một lá thư của vợ người tù, trao cho Ngoại Trưởng của Cộng Sản yêu cầu chuyển đến tận tay cho người tù của chế độ, chỉ có một mình bà Albright mới có thể làm việc đó. Có lẽ người Mỹ và bà Ngoại Trưởng Mỹ cũng đã hiểu đúng vai trò của chính quyền Việt Cộng như người Việt Nam đã hiểu, rằng: “Việt Cộng có chính quyền mà không làm nhiệm vụ của chính quyền nữa.”

Mang tiếng là một chính quyền có đủ các bộ sở rườm rà, mà tất cả không làm gì ích nước lợi dân hết, chỉ độc có một việc lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, đục khoét công quỹ, thậm chí công khai trắng trợn ra lệnh cho ngân hàng xóa nợ cho các công ty quốc doanh, một khi không đủ khả năng trả, biến số nợ đó

thành cổ phần mà nhà nước góp với công ty, đồng thời cho vay thêm vốn để công ty đó kinh doanh.

Toàn thể các công ty quốc doanh đều nằm trong hệ thống kinh tài của Đảng. Đảng dùng các công ty đó để hút kiệt tài sản quốc gia, dùng vốn vào việc buôn lậu, rồi khai lỗ để nhà nước bù vào, sở dĩ có những vụ tham nhũng đổ bể là những kẻ làm kinh tài cho Đảng đó đã qua mặt Đảng bỏ túi quá nhiều, ăn chia không đều, nên Đảng đem ra làm vật tế thần cho yên lòng dân vậy mà.

Tất cả tài năng của Đảng đều tập trung vào 2 việc chính là giữ cho chặt chính quyền, tìm cách làm tiền nhanh nhất và ngắn nhất, chẳng trách gì mà trong hai lãnh vực này Việt Cộng đã thu được những thành tích lẫy lừng, bất cứ thế lực nào đụng tới quyền lãnh đạo của Đảng thì nhất định họ liền chết chống trả. Bất cứ cơ hội nào kiếm được tiền là Đảng không bỏ qua. Lý Tưởng của Cộng Sản hiện nay là QUYỀN VÀ TIỀN.

Có một điều chắc chắn là Trung Cộng không hiểu, và kể cả Mỹ nữa chưa chắc đã rõ, đó là “cấu trúc Quyền Lực của Việt Cộng” hiện nay. Khác với Trung Cộng lúc nào cũng cần phải có một người lãnh đạo thực tài thực quyền, một bậc gia trưởng để lãnh đạo một hệ thống Độc tài Độc Đảng, trái lại Đảng Cộng Sản Việt Nam không dùng cấu trúc đó. Kể từ Đại hội VII tới nay, Đảng Việt Cộng đã dùng một hệ thống cấu trúc Quyền lực mà chúng tôi tạm đặt tên cho nó là: CON MA KHÔNG ĐẦU. Chức Tổng Bí thư là cái đầu, mà cái đầu đó hiện nay chỉ là bù nhìn, từ khi Trung Ương Cộng Đảng chọn Đỗ Mười vào chức vụ đó, là chức đó trở thành “Ông Phỗng,” Đỗ Mười là một nông dân chỉ đầu làm đó, không sáng kiến, không viễn kiến, thiếu hẳn đặc tính lãnh tụ thực tài của một Đảng Độc tài.

Quyền lực của Đảng chia đều cho các Ủy viên Bộ Chính Trị, những quyết định quan trọng

thì phải họp Trung Ương Đảng để quyết định, Trung Ương đó hiện nay có 170 người. Họ là những Sứ quân của địa phương và những người nắm các ngành then chốt của chính quyền, bởi vậy có những việc chính quyền Trung Ương cũng chịu thua. Luật của Nhà nước ban ra các sứ quân không theo Trung Ương cũng thua. Các nhà đầu tư ngoại quốc đã từng gặp cảnh không thể vượt qua này.

Lãnh đạo không cần sáng kiến, viễn kiến chỉ cốt kiên trì giữ vững chính quyền là được, chính vì vậy mà trong các cuộc mật nghị thương thuyết giữa những người có địa vị chóp bu dù đồng ý cũng đừng vội tin như thế là Đảng đã chấp thuận, chấp thuận hay không là do việc có phương hại cho cái ghế ngồi của Đảng hay không? Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay đúng là “một con ma không đầu, hành xử theo quán tính” nhắm vào hai mục tiêu chính là quyền và tiền.

Như thế mới hiểu được tại sao trước đại hội VII, Đào Duy Tùng nổi lên thành một lãnh tụ sáng giá, được Trung Cộng nhiều lần mời đón sang nhỏ to, đến khi Trung Ương bầu thử vào chức Tổng Bí Thư thì chỉ thu được 10% số phiếu. Và cũng để hiểu rõ tại sao Lê Khả Phiêu hiện đã sẵn sàng ngồi vào chiếc ghế Tổng Bí Thư, mà Trung Ương Đảng vẫn giữ Đỗ Mười ở lại. Chỗ đó đối với Đảng là chỗ để dành cho “Ông Phỗng,” ai sáng giá đừng có nhắm vào, nếu không đủ khả năng và can đảm dí súng vào gáy 170 vị Trung Ương Ủy Viên để bắt đồng ý.

Trong thời lập lờ, khi nghiêng bên này, khi ngã bên kia, thì cấu trúc quyền lực theo công thức “Con ma không đầu hành xử theo quán tính” thì tạm được, chứ ở thời bất buộc phải lựa chọn, phân định, thì lập tức bị lạc bước sập hầm cho mà coi.

Thật buồn cho số phận Việt Nam. Cả thế giới đang bước vào thế kỷ mới, thì những người tự nhận là lãnh đạo Việt Nam nhất định cứ đi

lùi trở lại. Đã đến lúc toàn dân Việt Nam phải bỏ họ lại đằng sau rồi vậy. Cũng thấy ngại cho tình trạng của khối Asean, khối này đã đặt hết hy vọng vào sự phát triển của kinh tế thị trường rục rờ vừa qua, mà không biết rằng chế độ chính “GIA TRƯỞNG KHOÁC ÁO DÂN CHỦ” hiện nay của họ đang lỗi thời, đã lần lần làm mất nhiều niềm tin của dân chúng và các nhà đầu tư thế giới. Trong lúc lại không biết kịp thời tổ chức hệ thống an ninh chung toàn vùng để bảo đảm thật vững chắc cho các nguồn vốn đang tạo ra các con Rồng ở đây, thật là đáng tiếc. ■

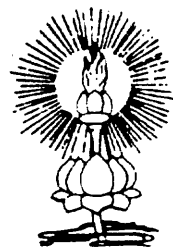
16/7/1997

## thơ DIỆU NGỌC

### Lời Nhắn Con

*Các con ơi  
Mẹ mong rằng  
Khi lớn khôn  
Dù ở đâu  
Nơi xứ người  
Các con luôn  
Phải nhớ đến  
Đạo làm người  
Giữ hiếu thảo  
Đến Ông Bà  
Và Cha Mẹ.  
Đối xử tốt  
Với mọi người.*

*Phải nhớ rằng  
Cây có cội  
Nước có nguồn  
Và nhất quyết  
Phải tự hào  
Các con là  
Người dân Việt  
Gốc da vàng  
Nhớ nha con!*





# TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THI VĂN PHÁP THUẬN

*Hòa Thượng Thích Thắng Hoan*

(Tiếp theo)

## 3. GIAI THOẠI GIỮA NHÀ TIỀN LÊ VÀ LÝ GIÁC

Nhà Tiền Lê và sứ giả Lý Giác có nhiều giai thoại rất ly kỳ, rất hấp dẫn đã được truyền khẩu trong dân gian, nhưng không thấy ghi lại trong Văn Học Việt Nam. Sự ly kỳ, sự hấp dẫn giữa nhà Tiền Lê và sứ giả Lý Giác đều nằm trên áp lực chánh trị và ngoại giao.

Trước hết, sứ giả Lý Giác ý mình là đại diện cho một nước thiên triều to lớn và luôn luôn có thái độ hách dịch, tự đắc, xử sự thiếu cung cách đối với nước Đại Cồ Việt nhỏ bé. Khi đến nước Đại Cồ Việt, Lý Giác và đoàn tùy tùng không chịu vào thành để trình thư ủy nhiệm lên Đại Hành Hoàng Đế, lại ở lữ quán ngoài thành và ra lệnh cho Đại Hành Hoàng Đế phải đích thân ra thành để nghinh tiếp sứ giả.

Đại Hành Hoàng Đế đã không ra nghinh tiếp và liền phái thiền sư Pháp Thuận, thiền sư Khuông Việt cùng một số cận thần ra thuyết phục sứ giả Lý Giác. Sau khi thuyết phục xong, sứ giả Lý Giác đồng ý vào thành, nhưng với điều kiện là không chịu chun qua Ngọ Môn Quan nhỏ bé của nước ta và ra lệnh triều đình nhà Tiền Lê phải bắc một cái cầu đi vào thành cho thật cao nằm phía trên Ngọ Môn Quan. Để lấy lòng sứ giả Lý Giác, triều đình nước ta đành phải chấp nhận lời đề nghị này.

Thiền sư Pháp Thuận cùng các đại thần ra lệnh bắc một cái cầu bằng ván đi vào thành, khởi điểm từ xa và cao hơn Ngọ Môn Quan, đồng thời cho quân lính khiên kiệu rước sứ giả Lý Giác và

đoàn tùy tùng đi vào thành. Sứ giả Lý Giác và đoàn tùy tùng được ngồi kiệu đi trên cầu ván vừa bắc. Đoàn kiệu của sứ giả Lý Giác đi gần đến Ngọ Môn Quan thì cầu ván nói trên lại hạ thấp xuống đất. Cuối cùng phái đoàn của sứ giả Lý Giác đành phải chun qua Ngọ Môn Quan để vào thành.

Sứ giả Lý Giác và đoàn tùy tùng đều cư ngụ tại Sứ Quán trong thành. Lý Giác liền ra lệnh triều đình nhà Tiền Lê phải thiết lập đài hương án để cho sứ giả lên đọc chiếu chỉ phong thưởng của triều đình nhà Tống và bắt buộc Đại Hành Hoàng Đế phải đích thân ra quỳ trước hương án để tiếp nhận chiếu chỉ. Đại Hành Hoàng Đế triệu tập các đại thần lại họp bàn về sự yêu sách của sứ giả Lý Giác. Các đại thần đều đồng ý cho rằng:

— Lý Giác chỉ là một sứ giả của nhà Tống. Bệ Hạ chính là Hoàng Đế của một nước không thể quỳ để xưng thần trước một sứ giả hạ cấp. Nhưng vì áp lực chánh trị quá mạnh của triều đình nhà Tống, Bệ Hạ không thể làm phật lòng của Lý Giác sẽ gây tai họa đến sự an nguy của nước ta. Chúng ta không thể không cẩn thận.

— Thiền sư Pháp Thuận trình bày: Để tránh sự nan giải này, khi đến ngày tiếp nhận chiếu chỉ của triều đình nhà Tống, Bệ Hạ viện cớ cáo bệnh không ra được và cử đại thần thay thế Bệ Hạ ra tiếp sứ.

Đại Hành Hoàng Đế chấp thuận lời đề nghị đó, liền cử thiền sư Pháp Thuận, thiền sư Khuông Việt cùng một số đại thần thay vua ra

tiếp chỉ và giải thích lý do nhà vua vắng mặt.

Sau khi thay vua tiếp chỉ đầu đó xong xuôi, thiền sư Pháp Thuận liền tâu lên Đại Hành Hoàng Đế xin hiến một diệu kế để cảnh cáo sự cao ngạo của Lý Giác, một sứ giả tầm thường mà lại có thái độ khinh thường quốc thể nước ta:

— Tâu Bệ Hạ! Bệ Hạ qua ngày sau bằng cách tự mình lội xuống ao sen trong vườn Thượng Uyển để hái hoa. Lúc đó, bần đạo tìm cách hướng dẫn Lý Giác trực tiếp nhìn thấy Bệ Hạ tự động lội xuống ao sen. Hành động này để chứng tỏ cho Lý Giác biết rằng, hôm qua Bệ Hạ không có bệnh chi cả. Bệ Hạ hôm qua sở dĩ không ra tiếp sứ là phản kháng lại sự hách dịch thiếu lịch sự trong vấn đề ngoại giao giữa hai quốc gia của Lý Giác. Thật sự Bệ Hạ nếu như có bệnh thì hôm nay không thể lội xuống ao để hái sen.

Đúng thế, Lý Giác khi nhìn thấy Đại Hành Hoàng Đế đang lội xuống ao để hái hoa sen liền hỏi thiền sư Pháp Thuận:

— Nhà vua các ông có rất nhiều cung nữ, tại sao không bảo họ đi hái hoa, lại tự mình phải cực khổ để lội xuống ao?

Thiền sư Pháp Thuận trả lời:

— Vua của nước tôi thương dân như thương con, cho nên vua thích chi thì tự làm lấy và không muốn làm khổ đến dân.

Lý Giác nghe qua rất ngạc nhiên và từ đó hai bên giữa sứ giả Lý Giác và triều đình nhà Tiền Lê trao đổi qua lại trong bầu không khí vui vẻ và thân mật. Theo thiền sư Pháp Thuận, muốn dập tắt chiến tranh giữa hai nước để xây dựng hòa bình lâu dài cho dân tộc, nước ta phải cần đến tiếng nói tốt đẹp của sứ giả này tấu trình lên triều đình nhà Tống. Thiền sư nhận thấy, sứ giả Lý Giác chính là cán bộ của Lão giáo một trong Tam Giáo Đồng Nguyên (Phật, Lão, Khổng) thuộc Tống Nho. Nhưng trong triều đình nhà Tống, Khổng giáo thì lại lấn áp Lão giáo,

nguyên vì Khổng giáo được vua yêu chuộng hơn. Cho nên Khổng giáo được gọi là Tống Nho mà không phải gọi là Tống Lão. Thành thử Lý Giác không mấy hài lòng cho lắm, nhưng không dám bộc lộ sự bất mãn này. Thiền sư Pháp Thuận nhận thấy được điểm đó của Lý Giác, liền mở chiến dịch ngoại giao nhằm đề cao triết lý Vô Vi của Lão giáo cũng tương đồng với triết lý Tánh Không của Phật giáo để lấy lòng sứ giả. Sứ giả Lý Giác nghe qua rất hợp lý và vô cùng sung sướng. Từ đó sứ giả Lý Giác sẵn sàng đứng cùng giới tuyến của Phật giáo để lấy lại tư thế của Lão giáo, đồng thời hết lòng ủng hộ nhà Tiền Lê và hứa rằng, khi trở về Trung Quốc sẽ nói tốt Lê Đại Hành với Hoàng Đế nhà Tống. Điều đó được thấy qua hai bài thi sau đây, một của thiền sư Khuông Việt tặng cho sứ giả Lý Giác và một của sứ giả Lý Giác tặng cho Đại Hành Hoàng Đế.

Trước hết thiền sư Khuông Việt thay mặt Đại Hành Hoàng Đế làm một bài thi với tựa đề là “ĐƯA NGỌC LANG VỀ NƯỚC” để tiễn chân sứ giả Lý Giác trở về Trung Quốc. Bài thi đó như sau:

*“Tuông quang phong hảo, cảm phàm trường,  
Thần Tiên phục Đế Hương,  
Thiên lý vạn lý thiệp thương lương,  
Cửu Thiên qui lộ trường,  
Nhân tình thâm thiết đối ly trường.  
Phan luyến sứ tinh lang,  
Nguyện tương thâm ý vị Nam Cương,  
Phân minh báo ngã Hoàng.”*

Ngô Tất Tố dịch:

*“Trời quang, gió thuận, bướm giương.  
Thần Tiên chốc đã giục đường Bồng Lai,  
Mông mênh muôn dặm bể khơi,  
Lối về trong bóng chín trời xa xa.  
Âng khuâng trước chén quan hà,  
Mến ai, lòng những thiết tha nỗi lòng.  
Xin ai vì cõi Nam Trung,  
Rõ ràng gửi lại mặt rồng trước sau.”*



(*Văn Học Đời Lý*, trang 20 của Ngô Tất Tố.)

Trong bài thi này, chúng ta nhận thấy có những danh từ rất quan trọng mà thiền sư Khuông Việt dụng ý nhằm đề cao sứ giả Lý Giác. Những danh từ đó có ý nghĩa như sau:

1. **THẦN TIÊN**: là danh từ tôn vinh các bậc Thánh của Lão giáo. Lão giáo là đạo tu tiên và những bậc đã chứng đắc trong Lão giáo mà họ thường nhắc đến như: Hán Chung Ly, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quài, Tào Quốc Cậu, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô và Lam Thái Hòa, gồm có tám vị Thánh.

2. **ĐẾ HƯỚNG**: là chỉ cho cõi Bồng Lai. Bồng Lai là nơi của tám vị tiên nói trên cư ngụ.

3. **CỬU THIÊN**: là chỉ cho triều đình nhà Tống. Chữ Thiên là chỉ cho vua nhà Tống. Chữ Cửu là chỉ cho chín cấp bậc. Thời xưa ông vua thường ngự trên một bệ cao lên đến chín cấp bậc, nên gọi ông vua là Cửu Thiên.

4. **NAM CƯƠNG**: là chỉ cho triều đình nước Nam ta. Chữ Cương ở đây là chỉ cho hệ thống tổ chức của triều đình nước Việt Nam ta, nên gọi chung là Nam Cương.

5. **NGÃ HOÀNG**: là chỉ cho chính danh Hoàng Đế nhà Tống.

Đại ý bài thi này, thiền sư Khuông Việt cho sứ giả Lý Giác là bậc tri kỷ và ca ngợi sứ giả Lý Giác là bậc Thần Tiên của Lão giáo. Thiền sư xin sứ giả Lý Giác khi trở về Trung Quốc vì tình nghĩa thân hữu với nhau cố gắng đem những thâm ý tốt đẹp của nước Việt Nam trình bày lên Hoàng Đế nhà Tống.

Qua bài thi này, chúng ta nhận thấy sứ giả Lý Giác quả thật là một người theo Lão giáo. Cho nên, thiền sư Khuông Việt và thiền sư Pháp Thuận lấy Phật giáo của nhà Tiền Lê để kết thân với Lão giáo của sứ giả Lý Giác trong công việc xây dựng hòa bình giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Từ đó biên giới giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam không còn chiến tranh tái diễn nữa.

Cho nên năm 985, vua nhà Tống phong tước cho Đại Hành Hoàng Đế chức “Kim Sử Quang Lộc Đại Phu, Kiểm Hiệu Thái Úy An Nam Đô Hộ Tỉnh Hải Tiết Độ Sứ, Kinh Triệu Quân Khai Quốc Hầu.”

Tháng 10 năm 986, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức “Kiểm Hiệu Thái Bảo, An Nam Đô Hộ Sung Tỉnh Hải Quận Tiết Độ Sứ Giao Châu Quán Nội Quán Sát Xử Trí Đẳng Sứ, Phong Kinh Triệu Quân Hầu.”

Năm 988, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức “Kiểm Hiệu Thái Úy Đô Hộ Bộ.”

Năm 990, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức “Đặc Tiến” là chức quan được đặt ra từ nhà Hán. Theo sử liệu, chức “Đặc Tiến” này được các chư hầu, các vương, công, tướng quân... trong triều đình đều kính phục.

Năm 993, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức “Tĩnh Hải Quận Tiết Độ Sứ Giao Chỉ Quận Vương.”

Năm 997, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức “Nam Bình Vương.”

(*Việt Sử Toàn Thư*, trang 167-168 của Phạm Văn Sơn.)

Còn bài thi của sứ giả Lý Giác tặng cho Đại Hành Hoàng Đế để bộc lộ tâm tình của mình đối với triều đình nhà Tiền Lê. Tâm tình của sứ giả Lý Giác gửi gắm qua bài thi được thể hiện như sau:

*“Hạnh ngộ minh thì tán thịnh du,  
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu.  
Đông Đô lưỡng biệt tâm lưu luyến,  
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.  
Mả đạp yên vân xuyên lãng thạch,  
Xa từ thanh chương phiếm trường lưu.  
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu,  
Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu.”*

Trần Thanh Mại dịch:

*“Mừng gặp thái bình giúp trí mưu,  
Một thân hai lượt sứ Giao Châu.”*

*Đông Đô đòi biệt se lòng khách,  
Nam Việt nghìn trùng mỗi mắt nhau.  
Ngựa đạp khói mây băng đá hiểm,  
Xe bon rừng biếc vượt dòng sâu.  
Ngoài trời còn có trời nên chiếu,  
Sóng lặng khe đầm, rọi mảnh râu.”*

Trong bài thi này, hai câu cuối “Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu, Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu.” cho thấy, sứ giả Lý Giác rất ca ngợi triều đình nước ta. Sứ giả nói rằng, ngoài Hoàng Đế nhà Tống (Thiên ngoại) còn có Đại Hành Hoàng Đế là một Thiên Tử thứ hai (Hữu Thiên). Thiên tử này thì rất anh minh, có uy tín với dân gian khắp nơi (Ứng viễn chiếu). Nhờ sự anh minh của Thiên Tử này, đất nước họ trở nên thanh bình thịnh trị (Khê đàm ba tĩnh) và nhân dân họ trở nên an cư lạc nghiệp (Kiến thiềm thu). Đó là những điều chứng minh cho tâm tình của sứ giả Lý Giác đối với triều đình nhà Tiền Lê và cũng nhờ tâm tình này, hai quốc gia Việt Nam và Trung Quốc trở nên hòa bình thật sự.

Xét thấy, thiền sư Pháp Thuận là một Quốc Sư của nhà Tiền Lê đóng vai quan trọng hơn cả trong việc hóa giải tai kiếp của vận nước lúc bấy giờ và Đại Hành Hoàng Đế cũng nhờ thiền sư hỗ trợ hết mình mới nắm lấy được quyền bính từ trong tay của dòng họ nhà Đinh. Thế nên Đại Hành Hoàng Đế quý trọng thiền sư trên hết, quý trọng đến nỗi không dám gọi tên và chỉ gọi Đỗ Pháp Sư mà thôi. Một hôm Đại Hành Hoàng Đế hỏi thiền sư Pháp Thuận về cách trị nước an dân. Thiền sư liền trả lời bằng bốn câu thi năm chữ như sau:

*“Quốc tộ như đằng lạc,  
Nam thiên lý thái bình.  
Vô vi cư điện các,  
Xứ xứ tức đao binh.”*

Dịch nghĩa:

*“Vận nước như dây quấn,  
Trời nam mở thái bình.  
Vô vi nơi cung điện,*

*Khắp chốn dứt đao binh.”*

Đại ý bài thi này cho rằng, vận mệnh quốc gia quan hệ một cách chặt chẽ cũng giống như giây leo quấn quít với nhau. Bởi sự quan hệ trên, chiến tranh ngoài biên cương phải có nguyên nhân tạo nên. Nguyên nhân chánh tạo nên chiến tranh ngoài biên cương không phải phát xuất từ nơi dân gian tạo phản và nguồn gốc khởi điểm cho cuộc tạo phản ngoài biên cương nói trên nhất định phải có người trong triều đình cầm đầu. Muốn chấm dứt chiến tranh ngoài biên cương, trước hết phải ổn định trật tự (Vô vi) nơi trong triều đình làm căn bản.

## NHẬN XÉT

Hai chữ VÔ VI trong bài thi năm chữ nói trên có một số người giải thích không chính xác cho lắm. Đầu tiên, Viện Văn Học của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam lại căn cứ nơi triết học của Lão giáo để giải thích hai chữ VÔ VI của Phật giáo. Họ cho rằng:

“VÔ VI: thuật ngữ trong Lão Tử, nhằm chỉ một thái độ sống thuận theo tự nhiên, không bị ràng buộc vào những khuôn phép, đạo đức nhân tạo.”

Từ lý do này, họ giải thích hai chữ VÔ VI của thiền sư Pháp Thuận như sau:

*“[Dùng đường lối] vô vi ở nơi cung điện,  
Thì khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh.”*

Lối giải thích trên của Viện Văn Học, chúng ta nhận thấy thật là mập mờ, không nói lên được đường lối trị nước an dân đúng theo ý hướng của thiền sư Pháp Thuận. Đã vậy lối giải thích này lại còn gây ảnh hưởng không ít cho những kẻ thích sống theo chủ nghĩa tự do cá nhân, lối sống ra ngoài trật tự của tập thể cộng đồng. Những kẻ sống ngoài trật tự tập thể cộng đồng sẽ căn cứ theo lối giải thích trên tạo nên phương châm cho lối sống chủ nghĩa tự do cá nhân của họ.

Đúng hơn, hai chữ VÔ VI trong bài thi năm

chữ của thiền sư Pháp Thuận chính là danh từ triết học của Phật giáo và nó không phải là danh từ triết học của Lão giáo. Danh từ VÔ VI không phải dành riêng cho triết học của Lão giáo và danh từ này cũng có trong triết học của Phật giáo. Chẳng những thế, danh từ này là do thiền sư Pháp Thuận, người của Phật giáo sử dụng nhằm trình bày quan niệm trị nước an dân và nó không phải do người của Lão giáo đặt để. Cho nên những kẻ bình giảng danh từ VÔ VI nếu như căn cứ theo triết học của Lão giáo để giải thích thì hoàn toàn sai nguyên tắc và cũng sai nghĩa lý.

Hơn nữa hai chữ VÔ VI mà thiền sư Pháp Thuận sử dụng là đứng trên lập trường chánh trị để bày tỏ và thiền sư không phải đứng trên lập trường triết học để giải đáp. Chúng ta nếu như đứng trên lập trường triết học để giải thích hai chữ VÔ VI của Pháp Thuận thì cũng sai ý nghĩa.

Còn Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Nguyễn Lang cho VÔ VI của thiền sư Pháp Thuận là Đạo Đức. Nguyễn Lang giải thích rằng: “Đạo đức ngụ cung điện, Muôn xứ hết đạo binh.” (Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Nguyễn Lang, trang 146). Nguyễn Lang căn cứ nơi đạo đức để giải thích hai chữ VÔ VI thì cũng sai với lập trường chánh trị của thiền sư Pháp Thuận. Đạo đức là danh từ thuộc loại trừu tượng, và danh từ này chỉ là một thứ luân lý tu thân. Danh từ Đạo Đức không phải là một sách lược trị nước an dân mà Đại Hành Hoàng Đế muốn biết. Nhưng ở đây, Đại Hành Hoàng Đế chỉ hỏi thiền sư Pháp Thuận về cách trị nước an dân mà thôi. Lẽ dĩ nhiên thiền sư Pháp Thuận phải trả lời cách trị nước an dân và không phải trình bày cách đạo đức tu thân. Chúng ta hãy đọc lại bài thi trên thì sẽ thấy rõ quan niệm của thiền sư. Toàn bộ bài thi năm chữ của thiền sư Pháp Thuận không có chỗ nào nói lên tư tưởng đạo đức tu thân cả.

Không riêng gì Lão giáo, Phật giáo cũng có

danh từ VÔ VI. Danh từ VÔ VI của Phật giáo không giống danh từ VÔ VI của Lão giáo. Tư tưởng triết học VÔ VI của Lão giáo thì khác hơn tư tưởng triết học VÔ VI của Phật giáo. VÔ VI theo Lão giáo, là nguyên lý tự nhiên của trời đất. Nhưng nguyên lý đó như thế nào, từ đâu phát sanh và có bao nhiêu loại, không thấy Lão giáo đề cập đến.

Ngược lại, tư tưởng VÔ VI của Phật giáo thì sâu sắc hơn. Theo triết học của Phật giáo, VÔ VI là nguyên lý trật tự của Tánh Không. VÔ VI có chia làm sáu loại nguyên lý trật tự: Hư Không Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi, Phi Trạch Diệt Vô Vi, Bất Động Diệt Vô Vi, Tướng Thọ Diệt Vô Vi và Chân Như Vô Vi. Mỗi Vô Vi đều có nguyên lý trật tự riêng của nó và sáu nguyên lý trật tự này được gọi chung là Vô Vi (*Duy Thức Học* của Thích Thiện Hoa, trang 76).

Theo Duy Thức Học, Pháp Vô Vi có sáu loại:

1. Pháp Hư Không Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp thuộc hư không.

2. Pháp Trạch Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp khi dùng trí tuệ vô lậu tuyển chọn để diệt trừ hết nhiễm ô.

3. Pháp Phi Trạch Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp sau khi dứt hẳn nhiễm ô và lúc đó không cần đến sự tuyển chọn của trí tuệ vô lậu.

4. Pháp Bất Động Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp đã lìa hẳn Tam Tai (Đao binh tai, Hỏa tai, Thủy tai) và không còn bị chi phối bởi Thất Tình (Mừng, giận, yêu, ghét, buồn, ham muốn, ưa thích).

5. Pháp Thọ Tướng Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp đã dứt hẳn Tâm Sở Thọ và Tâm Sở Tướng.

6. Pháp Chân Như Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp thuộc thể tánh chân thật (Tánh Viên Thành Thật), không phải loại vọng sanh (Không phải do Biến Kế Sở Chấp Sanh)



và cũng không phải điên đảo sanh (Không phải do Y Tha Khởi Sanh).

Như vậy, hai chữ VÔ VI của Pháp Thuận áp dụng trong bài thi năm chữ của thiền sư chính là ý nghĩa “Nguyên lý trật tự của Tánh Không.” Thiền sư Pháp Thuận trình bày: Trong Nội Các của triều đình (Cư Điện Các), nguyên lý trật tự (Vô Vi) được ổn định thì chiến tranh các nơi được chấm dứt (Vô vi cư điện các, xứ xứ tức đao binh).

Theo thiền sư Pháp Thuận, chiến tranh các nơi sởi dĩ nổi lên là nguyên nhân có người trong Nội Các của triều đình cầm đầu và ủng hộ. Nếu không, trong dân gian thời bấy giờ không ai có can đảm làm những chuyện nguy hiểm đó, ngoại trừ nước ngoài xâm lấn bờ cõi. Đại Hành Hoàng Đế nếu lấy lại được nguyên lý trật tự, nghĩa là dập tắt được đầu não trong cung đình thì chiến tranh các nơi nhất định phải chấm dứt. Đó là sách lược trị nước an dân của thiền sư Pháp Thuận mà ngài trình bày lên Đại Hành Hoàng Đế và sách lược này được gói gọn trong bốn câu thi năm chữ (Ngũ ngôn).

Qua những dữ kiện lịch sử và qua những tư tưởng ẩn chứa trong thi văn, chúng ta nhận thấy, Pháp Thuận là một trong những thiền sư đặc đạo. Ngài có trí tuệ tuyệt vời và đã sử dụng trí tuệ đó gỡ rối tất cả sự bế tắc của quốc gia trong triều đại nhà Tiền Lê, sự bế tắc từ nội loạn trong cung đình của cuối nhà Đinh và sự bế tắc từ ngoại xâm của Trung Quốc áp đảo. Tất cả sự bế tắc ở trên đều được khai thông một cách tốt đẹp qua sự ổn định nội bộ và qua sự ngoại giao giữa hai nước trên căn bản hòa bình. Điều đặc biệt là thiền sư với trí tuệ sẵn có, khéo sử dụng sách lược chánh trị của đức Phật Thích Ca cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ, Ngài đã dạy các vua chúa cách trị nước an dân. Những lời dạy của Phật đã giúp cho Lê Đại Hành dựng nên đế nghiệp và đồng thời đưa thanh danh của dân tộc Việt Nam đi lên độc lập tự chủ trong sự ngoại

giao. Thiền sư Pháp Thuận thật là một quốc sư xứng đáng, chẳng những của triều đại nhà Tiền Lê và còn của cả dân tộc Việt Nam. Cho nên Đại Hành Hoàng Đế kính trọng thiền sư đến nỗi không dám gọi tên, chỉ xưng hô là Đổ Pháp Sư mà thôi.

## thơ LÊ KỶ HÒA

### *Vu Lan Viếng Mộ*

*Biết mấy thi hài vùi dưới sâu  
Khói hương quyện tỏa động tâm sâu  
Tro tro bia đá lưu dòng chữ  
Ủ rữ ngàn hoa nhỏ giọt châu  
Hào kiệt hiển linh phò nghiệp nước  
Anh hùng thân xác gửi ngàn dâu  
Trên đài TỔ QUỐC GHI ƠN đó  
Nét chữ vàng son mãi thắm màu.*

*(Viếng mộ Nghĩa Trang Quân Đội  
mùa Vu Lan 1972)*

### *Vu Lan Đất Khách*

*Vượt biển vùi thân giữa biển sâu  
Tập trung “cải tạo” mấy năm sâu  
Tổ tiên Âu Lạc chung cùng gốc  
Con cháu Việt Nam lạc mấy châu  
Nhớ nước quyên kêu hoài cố quận  
Thương đời tầm nhả nợ tơ dâu  
Vu Lan đất khách thành tâm nguyện  
Nước Việt tương lai sẽ đẹp màu.*

*(Mùa Vu Lan 1994  
khi vừa mới đến Hoa Kỳ)*

# SỨ MẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA ĐỐI VỚI GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN TẠI

*Trần Quang Thuận*

## I. DANH XƯNG

### 1. Lý tưởng, Vị thế

Sau 9 năm hóa đạo, đức Phật có đầy đủ 4 chúng đệ tử: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Tất cả người con Phật đều chung một lý tưởng: học và thực hành đạo lý của Ngài để đạt được giải thoát trong hiện tại cũng như tương lai. Vì thế, vị thế của hàng con Phật, tại gia cũng như xuất gia không có ranh giới và sự không ranh giới ấy được minh định qua giáo lý bình đẳng: tất cả chúng sanh đều có Phật tính, đều có tiềm năng và khả năng thành Phật.

### 2. Nếp sống

Tuy nhiên, nếp sống của hàng tại gia và xuất gia khác nhau. Mặc dầu nếp sống cũng như tất cả các hiện tượng trên thế gian, qua luật biến chuyển, đều thay đổi tùy theo quốc độ, văn hóa, tập quán. Hình ảnh “Nhất bát thiên gia phạn, cô thân vạn lý du,” hình ảnh những ngôi tinh xá Trúc Lâm, Kỳ Viên v.v... nơi trú chân tạm thời của đức Phật và hàng Thánh chúng trong các mùa an cư kiết hạ đã trở thành nếp sống định cư và nơi cư trú vĩnh viễn của chư Tăng ni, đặc biệt là nếp sống của Phật giáo Bắc truyền.

### 3. Sinh hoạt

Hàng đệ tử xuất gia của Phật tử bỏ gia đình, hiến trọn thì giờ cho hạnh nguyện tu chứng, độ trì trong phép lục hòa. Hàng Phật tử tại gia qui y Tam bảo, ngoài nhiệm vụ đối với gia đình, xã

tắc, còn có trách nhiệm hộ trì Tam bảo, bảo vệ môi trường thuận lợi cho hàng xuất gia có thể dễ dàng thi hành nhiệm vụ của mình, mà không gặp những trở ngại bên ngoài, cũng như bên trong, không phải thiếu thốn những nhu dụng cần thiết trong đời sống vật chất hàng ngày.

Đức Phật với hàng đệ tử xuất gia 1,250 vị, với vô số đệ tử tại gia, với những lời dạy được ghi chép trong ba tạng kinh điển, đã giảng truyền giáo lý một cách an lành và thuận lợi. Nhập thế như đức Khổng Tử nhưng không phải nhập thế, xuất thế như đức Lão Tử nhưng không phải xuất thế, an trú nơi hoang dã, nhưng không phải an trú nơi hoang dã như thánh John Rửa Tội, đi vào trần thế như chúa Jesus nhưng không phải đi vào trần thế.

## II. GIÁO LÝ VÀ KINH NGHIỆM LỊCH SỬ

Con đường Phật chỉ dạy qua thuyết Tứ Diệu Đế không phải là con đường trốn tránh khổ đau, của cuộc sống, giúp người hành đạo tinh tấn hơn, giúp cho cuộc đời thêm ý nghĩa. Đi tìm hạnh phúc ngoài khổ đau không khác gì tìm sóng ngoài nước.

Người Phật tử hiểu đạo không đem đạo làm bàn đạp cho quyền hạn thế tục mà ngược lại dùng quyền hạn thế tục để khai triển, phát huy

làm rạn vỡ tinh thần tự lợi, lợi tha. Vua A Dục, vua Kanishka của Ấn Độ, vua Devanampiya Tissa của Tích Lan, vua Anawrahta của Miến Điện, vua Siri Suriyavamsa của Thái Lan, vua Suryavarman của Cao Miên, vua Khri-ide-btsan của Tây Tạng, vua Lương Võ Đế của Trung Hoa, vua Thái Tổ của Triều Tiên, vua Trần Nhân Tông của Việt Nam là những thí dụ điển hình sắc thái đặc biệt của hàng Phật tử tại gia trong vai trò hộ đạo, phát triển đạo.

Suốt 13 thế kỷ, từ khi đức Phật thành đạo cho đến khi quân Hồi tấn công xâm chiếm Ấn Độ, giáo lý Phật đã lan tràn khắp nơi. Tinh thần giải thoát, cứu đời của Phật không còn đóng khung cho dân chúng vương quốc Ma Kiệt Đà mà cho cả nhân loại với những tập quán riêng biệt. Phật giáo đã thích ứng với thời đại, với phong tục tập quán địa phương, nhưng vẫn giữ được bản nguyện giải thoát. Tinh thần thích ứng, dung nạp, tùy thuận chúng sanh ấy đã được đức Phật áp dụng một cách tài tình trong cuộc đời hoằng pháp của ngài, đến bây giờ hàng đệ tử của Ngài đã khai triển mạnh mẽ, sức sáng tạo làm bùng nổ chân trời trí tuệ vào đầu thế kỷ I đến thế kỷ 13. Nhờ tinh thần hóa giải, khai phóng, tùy duyên bất biến mà Phật giáo không bị lún sâu vào những tranh chấp đẫm máu mà chúng ta thấy ở Âu Châu và Trung Đông.

Bàng bạc trong kinh Bát Nhã, thuyết chân không diệu hữu, tâm cảnh tự tại, sáng lạn vô biên. Trí tuệ vô ngã phản chiếu lại thế gian hữu ngã để biến thế gian thành diệu hữu. Tiềm tàng trong kinh Pháp Hoa, thuyết tịnh tâm duyên khởi và cứ như thế trùng trùng vô tận, khơi bày mọi dị biệt. Thời gian, không gian liên hệ với nhau, linh động và vi diệu, ý nghĩa của Lăng Nghiêm và Pháp Hoa.

Vào đầu thế kỷ 13, quân Hồi xâm chiếm Ấn Độ, phá hủy mọi cơ sở Phật giáo, trong đó có Nalanda, trung tâm trí tuệ của Phật giáo lúc bấy giờ và giết hại hầu hết Tăng Ni, Phật tử không

chịu cải đạo. Phật giáo Ấn Độ xem như bị tiêu diệt kể từ thời đó. Cũng cùng chung cảnh ngộ như Phật giáo, nhưng Ấn Độ giáo còn tồn tại. Vì sao vậy? Có nhiều giả thuyết: 1. Phật giáo vì muốn lan truyền khắp Ấn Độ nên đã hòa đồng với Ấn Độ giáo. Sự phát triển quá nhanh, không đủ thì giờ để xây dựng nền tín ngưỡng nhân gian. 2. Sự gắn bó giữa hai hàng xuất gia và tại gia không kiên cố. Nếp sống giải thoát và thiệp thế chưa được dung hợp hoàn hảo. 3. Hình bóng sáng ngời của A Dục, Kanishka không thấy. 4. Những Bồ Tát sáng ngời như Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân hầu như vắng bóng.

May thay vào thời kỳ này thì Phật giáo đã có một chân đứng vững chắc ở các nước lân bang. Trung Hoa đã trở thành nước Phật giáo. Từ một ngôi chùa Bạch Mã tại Lạc Dương đến 2,546 ngôi chùa thuộc Nam Triều. Từ số 0 tăng sĩ đến 82,700 vị tại Nam Triều và khoảng 2,000.000 vị tại Bắc Triều. Phật giáo đã phong phú hóa gia tài văn học, mỹ thuật, kiến trúc Trung Hoa.

Tuy vậy, Phật giáo Trung Hoa đã trải qua 7 pháp nạn từ trước đến nay:

### **Pháp nạn 1, năm 446**

Nguyên nhân: 1. Sự dèm pha của hàng Nho sĩ và Đạo sĩ. 2. Sự bành trướng quá mạnh của Phật giáo làm cho hàng Nho sĩ, Đạo sĩ lo ngại. 3. Sự thất sủng của vua chúa đối với Phật giáo khi Phật giáo quá mạnh nhưng thiếu cán bộ thượng, trung, hạ từng trong guồng máy quốc gia.

### **Pháp nạn 2, năm 574**

Nguyên nhân: 1. Bất mãn với hiện tình tăng giới, một số Tăng Ni muốn thanh lọc hàng ngũ của mình. 2. Sự ghen ghét của hàng Đạo sĩ. 3. Nhịp cầu gắn bó giữa Tăng già và Cư sĩ không kiên cố.



### **Pháp nạn 3, năm 845**

Nguyên nhân: 1. Giáo đoàn Phật giáo dần dần bị chính quyền thao túng. 2. Cơ sở Phật giáo quá đồ sộ và các tu sĩ sống trong phần vinh. 3. Thiếu cán bộ tại gia nhiệt tình, trung chính.

### **Pháp nạn 4, năm 955**

Nguyên nhân: 1. Sự tị hiềm của nhà vua. 2. Tài chánh kiệt quệ của triều đình.

### **Pháp nạn 5, năm 1833**

Nạn Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn muốn biến nước Trung Hoa thành nước Chúa.

### **Pháp nạn 6, năm 1928**

Thái Sang Thu chủ trương: “Cần phải đá phá giai cấp tăng phiệt, giải phóng Tăng lữ, tịch thu tự viện.” Tăng đoàn Trung Hoa lúc bấy giờ không phải là hình bóng của giải thoát mà là tăng phiệt, chùa chiền không phải là trung tâm của trí tuệ cần được duy trì.

### **Pháp nạn 7, năm 1949**

Khi quân đội của Mao Trạch Đông toàn chiếm Trung Quốc. Chính quyền Trung Hoa đã áp dụng những biện pháp sau đây đối với Phật giáo: 1. Bắt hàng Tăng Ni tham gia sản xuất. 2. Sung công ruộng đất nhà chùa. 3. Bắt Tăng Ni hoàn tục. 4. Xử dụng thanh niên Tăng Ni và tín đồ chống lại hàng lão tăng, tạo phân hóa nội bộ Tăng già và Cư sĩ. 5. Bắt Tăng Ni học tập chủ nghĩa, đường lối cộng sản. 6. Bắt Tăng Ni tham gia việc đời dưới mọi hình thức. 7. Hạn chế sinh hoạt tôn giáo. 8. Hạn chế tổ chức giới đàn. 9. Hạn chế yểm trợ chư tăng, những vị sư đi hành đạo từ nơi này đến nơi khác. 10. Thay đổi nếp sống tăng lữ, tổ chức tự viện. 11. Diễn dịch giáo lý Phật giáo theo quan điểm Mác Lê.

Phật giáo Việt Nam được Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Mâu Bác truyền vào. Tinh

thần Phật giáo đã hòa đồng với văn hóa Việt làm rạng rỡ thêm, hùng mạnh thêm văn hóa Việt và dân tộc Việt. Tinh thần Phật giáo là chất keo kết hợp, thắt chặt những người Việt yêu nước đấu tranh dành độc lập, tự do thoát ách nô lệ từ phương Bắc, thoát gông cùm thuộc địa từ phương Tây. Khuông Việt thiền sư với vua Đinh Tiên Hoàng, Pháp Thuận thiền sư với vua Lê Đại Hành, Vạn Hạnh thiền sư với vua Lý Thái Tổ, Tuệ Trung Thượng Sĩ với vua Trần Nhân Tông, nhà sư Võ Trứ với Trần Cao Vân, nhà sư Nguyễn Văn Quý với nhóm Đoàn Trung, Đoàn Trực; tăng sĩ Vương Quốc Chính với các Phật tử Nghệ An, Bắc Ninh; nhà sư Rau, Ngạt Thái Hòa với cụ Phan Bội Châu v.v... Phật giáo Việt Nam đã cùng tổ quốc Việt Nam, nhân dân Việt Nam san sẻ cay đắng ngọt bùi. Từ thế kỷ 15 đến đầu thế kỷ 20, Phật giáo Việt Nam thật hết sức lu mờ.

Âu Châu biến chuyển mạnh sau 1500. Trước đó Âu Châu phải đương đầu với quân Hồi giáo và Mông Cổ. Sau 1500 Âu Châu đã nối liền thế giới bằng cách khám phá đường thủy và đã làm thay đổi hình tượng Cơ Đốc giáo. Âu Châu bắt đầu phát minh khoa học, khai triển chủ nghĩa tư bản, phát triển tinh thần quốc gia, bước vào kỷ nguyên mới kỹ nghệ hóa, mở màn cho chính sách thuộc địa. Trước năm 1500 Âu Châu chẳng qua chỉ là một chi nhánh của lịch sử thế giới, sau 1500, thế giới là một bộ phận của lịch sử Âu Châu.

Văn minh Âu Châu giờ đây khác hẳn thời kỳ Trung cổ, là một nền văn minh sống động, phong phú, tàn nhẫn. Thời kỳ Phục Hưng được đánh dấu bằng ôn cố tri tân, của sáng tạo văn chương, nghệ thuật. Thời Cải Cách được đánh dấu bằng sự thay đổi hình dáng Cơ Đốc giáo. Khoa học, chủ nghĩa tư bản làm nổ tung tiềm tàng vật chất. Thời đại Khai Sáng đem lại hy vọng mới về tự do chính trị và tư tưởng phóng khoáng. Thời đại Tân Tiến, Hậu Tân Tiến, Siêu

Tự Sự (Metarecits) biện minh cho hiện thực hay động viên về một tương lai tưởng tượng cùng theo thời gian, theo định luật Thành, Trụ, Hoại, Không.

Trong thời kỳ này các truyền thống văn hóa, các đạo giáo Đông phương đã làm gì hay bị ngưng đọng trong tự mãn, trong ký ức của những thời vàng son: Ấn Độ giáo đóng khung trong đại lục Ấn Độ. Hồi giáo chưa hùng mạnh nhờ vị thế dầu hỏa. Khổng giáo với giá trị đạo đức và mô hình chính trị một thời oanh liệt ở các nước Á Châu và Phật giáo với một kho tàng kinh điển, với vị thế độc tôn kéo dài 1,500 đã phản ứng như thế nào? Phải chăng những nền văn minh này đã bị choáng váng đến nỗi bị tê liệt trước sự hùng mạnh của Tây phương từ thế kỷ 18, 19? Phải chăng họ đã bị chóa mờ bởi sự phồn thịnh vật chất do Khai Sáng, Tân Tiến của Tây Phương?

Sau biến cố ngày 4 tháng 5, 1919 các nhà trí thức, học giả Trung Hoa đã họp nhau lại tại trường đại học Bắc kinh để cùng nhau tìm một con đường cho sự phồn vinh Trung Hoa, dung hòa hai nền văn hóa Đông Tây, đặc biệt là tinh thần Phật giáo và quan điểm của Schopenhauer. Đại diện cho hàng trí thức Trung Hoa thời ấy, từ cực tả đến cực hữu là Ha Shih, Li Ta Chan, Chen Tu Hsiu, Tsai Yuan Pei, Mao Tse Tung, Cu Chieh Kang, Fung Yu Lan, Phu Su Mien, Liang Shu Ming, đặc biệt là Hồ Thích (Hu Shih), Thái Nguyên Bồi (Tsai Yuan Pei), Trần Độc Tú (Ch'en Tu Hsien) và Lương Sầu Minh (Liang Shu Ming).

Lương Sầu Minh dựa vào quan điểm Ý Chí của Schopenhauer chia văn hóa thế giới thành 3 loại riêng biệt. Nền văn hóa thứ nhất đại diện bởi văn minh Tây phương, là một tiến trình thông thường và đều đặn của Ý Chí. Nó là một giải đáp cho những nhu cầu, những vấn đề căn bản của con người súc vật: nhu cầu vật chất, nhà ở và sinh sản. Tại đây Ý Chí đi trên một tiến

trình trực diện chinh phục thiên nhiên và làm thỏa mãn những nhu cầu căn bản của con người. Nền văn hóa thứ hai là nỗ lực thăng bằng giữa Ý Chí và ngoại cảnh, giữa nhu cầu của Ý Chí và môi trường thiên nhiên đem lại một nếp sống thỏa đáng, một joie de vivre. Đây là nền văn hóa Trung Hoa. Loại văn hóa thứ ba, đại diện bởi Ấn Độ: Ý Chí phản tỉnh, quay lại tìm bản chất và lẽ sống. Trong giai đoạn cuối cùng của nền văn hóa thứ ba này, nhân loại nhận chân thế giới là một ảo ảnh và cần phải tiến đến giác ngộ.

Lương Sầu Minh dùng ngôi nhà làm thí dụ cho ý hướng của ba nền văn hóa. Văn hóa Tây phương, với ý hướng chinh phục thiên nhiên, giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu cư trú và các nhà cũ kỹ, tồi tàn, bằng cách phá hủy ngôi nhà cũ ấy để xây dựng ngôi nhà mới. Người Trung Hoa sẽ sửa ngôi nhà đó lại và người Ấn Độ sẽ gạt bỏ lòng ham muốn có nhà cửa.

Trước những chiến thắng chớp nhoáng của Tây phương về quân sự, kinh tế, chính trị, Lương Sầu Minh đưa ra ba mô hình văn hóa để nói lên cái ưu thế của nền văn minh Trung Hoa, nhưng khốn nỗi nền văn hóa ấy, theo sự phân loại của Lương Sầu Minh, là vào thời kỳ thứ hai của tiến trình nhân loại. Văn hóa Trung Hoa đã đi quá sớm và vì vậy phải hội nhập văn hóa Tây phương để ứng phó với những nhu cầu cấp bách của con người. Nhưng hội nhập như thế nào? Cần phải phá cái nhà cũ kỹ hay sửa lại? Trần Tú Toàn chủ trương phá cái nhà cũ để làm cái nhà mới. Trần Tú Toàn đã nhập phe Tân Tiến và chấp nhận một thế giới quan của Marx lấy Thực Tiễn làm quan niệm nhập thế “Các triết gia chỉ giải thích thế giới, điều quan trọng bây giờ là phải cải tạo thế giới.”

Còn quan niệm không cần cái nhà của nền văn hóa thứ ba, nền văn hóa Ấn Độ, theo Lương Sầu Minh thì như thế nào? Phật giáo có nằm trong loại văn hóa thứ 3 này? Đức Phật có cần

phải tránh xa trần thế để tìm an vui, thanh tịnh, hay Bồ Tát đã từ bỏ an lành của Niết Bàn để đi vào cõi đời đầy khổ lụy, ảo ảnh, vô thường? Thật ra nơi Phật đã xuất hiện trong hình hài Khổng Phu Tử, Lão Tử; hình hài của Voltaire, Kant, Kropotkin, Bergson, Russell, William James, John Dewey, Tagore, Eucken. Đạo lý vô thường biến chuyển, Sắc sắc không không bao trùm thuyết của Darwin, Freud, Yung, Marx, Hegel và Engels.

Trong khi các nhà trí thức, học giả Trung Hoa họp nhau để tìm một hướng đi cho Trung Quốc trước thời đại Tân Tiến, Hậu Tân Tiến, thì Phật giáo Việt Nam, nhân dân Việt Nam làm gì?

Suốt gần 500 năm Phật giáo Việt Nam hình như đã ngủ một giấc dài, không ác mộng, không thiện mộng, lằng lằng trong trạng thái hôn mê. Những biến cố bên ngoài, ở Âu Châu, Phật giáo Việt Nam tưởng như không biết đến, để rồi khi tỉnh dậy thì phải đương đầu với hai trọng trách: bảo vệ quê hương, xây dựng, phát triển nội bộ. Nhưng nội bộ bây giờ là một cái xác không hồn, không sinh khí, không năng động.

Phật giáo Việt Nam bắt đầu chuyển mình qua ảnh hưởng của Thái Hư đại sư, Kim Sơn thiền sư, Dương Nhân Sơn, Âu Dương Tiêm, Mai Quang Hy, Raynandrachilaca, Y Đăng Bát Vân, của các học giả Á Đông học, Olcott, Malalasekera, U Nu. Các thiền sư Việt Nam như Hòa Thượng Từ Phong, Khánh Hòa, Thiện Chiếu, Chí Thiện, Huệ Quang, Khánh Anh, Tuệ Pháp, Phổ Tuệ, Giác Tiên, Thanh Hạnh, Phương Trượng v.v... cùng với các Phật tử cư sĩ như Nguyễn Văn Nhiêu trong Hội Lục Hòa (1923), Trần Ngọc Chấn, Phạm Ngọc Vinh, Nguyễn Văn Cầm trong Hội Nghiên Cứu Phật học (1931), Lê Đình Thám, Nguyễn Khoa Tân trong Hội An Nam Phật học (1932), Nguyễn Năng Quốc, Nguyễn Hữu Kha, Nguyễn Trọng Thuật trong Hội Phật Giáo Bắc Kỳ (1934).

Trong khoảng thời gian 21 năm, từ ngày thành lập Tổng Hội Phật giáo năm 1952 đến năm 1963, mặc dầu với nhiều cố gắng, Phật giáo Việt Nam không có dư thì giờ để vừa phát triển, vừa xây dựng, vừa đào tạo nhân tài thì phải đương đầu với nạn kỳ thị tôn giáo 1963, nạn chiến tranh Quốc Cộng và chính sách tiêu diệt Phật giáo của chính quyền Cộng sản Việt Nam sau 30 tháng 4, 1975. Qua việc đập phá chùa chiền, hủy hoại Phật tượng, giam giữ, giết hại Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử, chiếm đoạt tài sản, mạ lỵ, vu khống, xuyên tạc Phật giáo và kế hoạch cày người, hủ hóa, chia rẽ nội bộ Phật giáo bằng cách thành lập Giáo Hội Phật giáo Việt Nam năm 1981, bằng cách gửi các tu sĩ Phật giáo ra nước ngoài làm bóng chế độ, đồng thời lũng đoạn tầng già và cư sĩ ở nước ngoài.

### III. HÀNH TRANG CẦN THIẾT ĐỂ THI HÀNH SỨ MẠNG HỘ PHÁP

#### 1. Yếm thế

Phản ứng chống lại quan niệm nhập thế của Phật giáo vào thế kỷ thứ 15 trở về sau làm cho chúng ta khó xóa nhòa thành kiến tiêu cực, yếm thế mãi bám sát vào đạo Phật. Những cố gắng tại Việt Nam, của Mậu Bác trong Lý Hoặc Luận, của Minh Giáo đại sư trong Phú Giao Biên, của cư sĩ Trương Thương Anh trong Hộ Pháp Luận, của Trí Viên đại sư trong Nhân Cư Biên tại Trung Hoa v.v... vẫn chưa đủ sức để đánh tan những ngộ nhận về Phật giáo.

#### 2. Vai trò đối ngược

Trong khi những tín đồ Bà La Môn, Hồi giáo, Cơ Đốc giáo đóng đúng vai trò cư sĩ, thì người Phật tử tại gia Việt Nam lại muốn đóng vai trò của hàng tu sĩ. Giải thoát trở thành tránh đời, Ta Bà bây giờ không còn là Tịnh độ.

#### 3. Tổ chức không thể hiện đúng tinh thần

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập vào tháng giêng 1964 là một tổ



chức điều hợp hoạt động, nhất là hoạt động hoàng pháp nhưng vì tình thế dồn dập, áp lực nặng nề bởi tình hình đất nước nên dần dần biến thành tổ chức có tính cách tập trung quyền hành, nặng nề hành chánh.

#### 4. Vai trò và vị thế

Vì tình thế đặc biệt từ năm 1967 đến 1972 và sau khi Cộng sản chiếm trọn miền Nam, vai trò Tăng sĩ đã bao quát tất cả, để rồi hàng Phật tử tại gia chỉ là thành phần thứ yếu, ngay trong lãnh vực thế tục.

#### 5. Quyền biến, thích nghi

Mục tiêu cuối cùng của người Phật tử, xuất gia cũng như tại gia là giải thoát. Muốn giải thoát thì phải phá chấp. Nhờ phá chấp mà có thể bất biến tùy duyên. Đạo lý này nói thì dễ mà thực hành thì khó, vì một chút sơ tâm, một chút chạnh lòng, một chút tà niệm là ta có thể sai một li đi một dặm. Dữ kiện này được nêu ra trong bối cảnh Việt Nam hiện tại. Chính quyền Cộng sản và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam của chính quyền cùng những vị Tăng, Ni, Cư sĩ trong tổ chức ấy. Hai khuynh hướng khác nhau: Khuynh hướng thích nghi với tình thế để duy trì và phát triển đạo và khuynh hướng bảo trì tinh thần truyền thống không muốn làm công cụ cho một thể chế đi ngược lại nguyện vọng của đại đa số quần chúng, đi ngược lại trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Bản chất của chủ trương thích nghi là sự miễn cưỡng, tùy nghi để hoạt động, để sống còn. Nếu ngừng tại đây thì thật sự không có gì phải phàn nàn, nhưng bước thêm một bước nữa là biện minh cho hành động thích nghi của mình, rồi thêm một bước nữa khẳng khẳng cho hành động đó là đúng, thêm một bước nữa lấy đó làm đường lối, làm kim chỉ nam cho hành động thích nghi đã từ “quyền trí,” “phương tiện trí” thành tà trí cho tà hạnh, không còn là ánh sáng của “thực trí,” “vô phân biệt,” nữa.

Khuynh hướng bảo trì giá trị truyền thông

phát xuất từ bài học lịch sử: vì quá thích nghi nên Phật giáo Ấn Độ đã dần dần bị cuốn theo sức hút của Ấn Độ giáo và bị tiêu diệt dưới quyền lực của Hồi giáo; vì bị chi phối bởi Đường triều, nên Phật giáo Trung Hoa lâm vào pháp nạn trầm trọng trong thời Hậu Đường. Vì thích nghi với guồng máy cai trị Nhật, nên Phật giáo Đại Hàn cũng như Phật giáo Trung Hoa phần nào bị ảnh hưởng tai hại về sau. Phật giáo Việt Nam gắn liền vận mệnh của mình với quốc gia Việt, với dân tộc Việt nên không thể bán đứng cái gia tài, cái di sản truyền thống tốt đẹp ấy cho những lợi lộc nhất thời, cho khuynh hướng thích nghi.

#### 6. Trên căn bản Từ Bi và Trí Tuệ

Cách hành xử của mọi khuynh hướng đều phải dựa vào từ bi và trí tuệ, vào bao dung và hóa giải. Không xem những người khác quan điểm với mình là kẻ thù. Phật tử không có kẻ thù ở những con người mà kẻ thù là tham lam, tật đố, thù hận, cố chấp, cuồng tín, điên loạn. Thù hận là trạng thái tâm lý. Thù hận làm mất lý trí, làm cho người ta không thể thông cảm, không thể thương yêu và xây dựng lẫn nhau, yếu tố cần thiết cho việc xây dựng con người hướng thượng, cho một xã hội lành mạnh, an vui. Thù hận là chính sách độc ác của cộng sản và lẽ dĩ nhiên người Phật tử không thể nào đi theo đường lối đó. Ta không vì bất kỳ lý do nào lấy cứu kính biện minh cho hành động. Phật tử tin vào luật nhân quả và tất nhiên nhân hận thù không làm sao đem lại kết quả tốt đẹp mong muốn.

## IV. KẾT LUẬN: PHẬT GIÁO VÀ TỔ QUỐC VIỆT NAM. PHẬT GIÁO TRONG CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI

Trước đây một tháng, hệ thống truyền thông thế giới loan tin các khoa học gia Hoa Kỳ vừa khám phá sinh vật tồn tại trên hành tinh Mars.

Tin này làm chấn động thế giới Tây phương, không khác gì tin Kha Luân Bố khám phá Châu Mỹ, thành công quan trọng của khoa học tiến bộ, trong khi đó, nhan nhản trong kinh sách Phật đề cập đến tam thiên đại thiên thế giới, trong khi đó các nhà truyền đạo Phật giáo đã đến Châu Mỹ hàng trăm năm trước khi Kha Luân Bố tình cờ tìm ra Mỹ Châu.

Trong tiến trình phát triển hay chuyển hóa, sinh vật trên các hành tinh mà đức Phật gọi là vi trần thế giới, đã sống, đang sống và sẽ sống, liên tục vô thủ vô chung, theo nghiệp duyên cá nhân và tập thể mà đạo Phật gọi là biệt nghiệp, cộng nghiệp. Những sinh vật ấy đã tồn tại trên quả địa cầu này, không phải chỉ 4,5 nghìn năm như các sử gia Tây phương vào thế kỷ thứ 18 nói mà hàng trăm nghìn năm, hàng triệu năm trước.

Đi vào hậu thế kỷ 20, thời đại độc tôn văn hóa đã cáo chung. Những hào quang chói lọi của các thời kỳ Phục Hưng, Cải Cách, Tân Tiến, Khai Sáng, Hậu Tân Tiến dần dần bị lu mờ. Thế kỷ 21 sẽ là tinh thần đa nguyên trong tất cả mọi lãnh vực: văn hóa, kinh tế, chính trị.

Phật giáo có thể đóng góp gì cho trào lưu thế giới?

“Đối với những người mà lý tưởng là sự giải thoát con người thì dự án giải phóng xã hội của Khai Sáng tất nhiên vẫn còn đầy đủ ý nghĩa... Chẳng bao giờ có đức Phật cả, nếu Thái tử Siddhartha tiếp tục hoặc sống trong nhung lụa, hoặc tu khổ hạnh: một đời sống vật chất vừa phải là điều kiện cơ bản để giác ngộ. Chẳng khi nào có đạo Phật cả, nếu đức Phật không đúc kết nghiệm sinh của Ngài thành lời giảng dạy để truyền giảng cho chúng sinh trong cuộc bể dâu mà lại tan biến vào núi rừng Ấn Độ như Phù Đổng: Đạo Phật không chỉ là tu thân mà còn là cứu vớt. Trong những đau khổ của cuộc sống thường nhật, có cái chỉ tùy thuận ở thân phận làm người (sinh, lão, bệnh, tử), có cái còn tùy thuộc nhiều ở tổ chức xã hội (nghèo đói, bệnh

tật, áp bức) nghĩa là ở chính trị, nếu chính trị không chỉ là lập đảng, tranh giành, biểu tình... mà còn là suy nghĩ, phát biểu, tỏ thái độ... về các quan niệm cộng đồng hay nguyên tắc tổ chức xã hội, thì không thể có chủ nghĩa phi chính trị ở những người Phật tử dám sống đạo chân thật. Hơn nữa, ngay về chuyện tu hành cũng có đủ thứ tu: tu nhà, tu chợ, tu chùa, tu trốn; tu Lão, tu Thiên, tu Chúa, tu Tiên...

“Phật giáo Việt Nam sẽ đóng góp gì cho Việt Nam?”

“Điều này tùy thuộc ở một số tiền đề liên quan đến quốc gia Việt Nam, đến Phật giáo Việt Nam, và mối quan hệ dân tộc đạo pháp.

“Dù sao đất nước Việt Nam chỉ có thể tiến lên sau khi đã quét sạch những tàn dư của thế kỷ 20, thanh toán xong loại kiêu đẳng và chủ nghĩa toàn trị. Dù sao Phật giáo Việt Nam cũng chỉ có thể đóng góp được gì khi nào nó thực sự là một Đạo giáo của thời đại — nói lên được những hiểu biết của thời đại, bằng ngôn ngữ của thời đại — một Đạo giáo của dân tộc, dám phát biểu về những tai họa và thử thách đã, đang và sẽ đặt ra cho đất nước. Dù sao người Phật tử Việt Nam cũng chỉ có thể đóng góp được gì khi thật sự là người Phật tử: nắm vững được đạo lý và giành lại được quyền tổ chức ở mọi mức độ, từ chùa chiền — cái thiện của làng — lên đến Giáo hội — cái thiện của nước.” (Nguyễn Đạt Phan trong Luật, Hội Thảo Phật Giáo và Thời Đại ngày 10 tháng 9, 1995).

Từ ngày cộng sản cưỡng chiếm miền Nam Huyền Trang, Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới cùng xuất hiện một lúc. Hình hài của Huyền Trang không còn như xưa, bây giờ tiêu tụy hơn qua vóc dáng của Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận, Thích Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Thích Trí Tịnh, Thích Hải Tạng v.v... nhưng kinh điển vẫn còn như cũ mặc dầu đã được hiệu đính từ giáo nghĩa Thích Nghi đến Biện Minh đến tôn chỉ hành động. Tôn Ngộ

Không thì không thay đổi mấy mặc dầu qua thời gian đã già nua, lú lẫn đi nhiều. Trư Bát Giới thì khác hẳn: bề ngoài tươm tất hơn, áo quần bảnh bao hơn và lòng dạ thì tham lam quỉ quyết hơn.

Trước hình bóng hậu thân của Huyền Trang, Tôn Ngộ Không và Trư Bát Giới, chúng ta không thấy xuất hiện bóng dáng Duy Ma Cật, Mâu Bát, Tuệ Trung Thượng Sĩ. Vai trò của người Phật tử tại gia thật sự quá lu mờ, cần được kiện toàn, phát triển mạnh hơn. Sau đây là những tư lương cần thiết để đóng vai trò lịch sử của mình:

1. Hàng Phật tử tại gia là đệ tử của Phật nằm trong Tứ Chúng hay Thất Chúng, có bốn phận, giống như hàng Tăng già trong nhiệm vụ hộ đạo, phát triển đạo, đặc biệt là trong nhiệm vụ đối với quốc gia dân tộc.

2. Hàng Phật tử tại gia không dễ bị ru ngủ bằng lý thuyết giải thoát tách rời thế gian pháp. Ánh sáng giải thoát phải được chói rọi bằng Đại bi tâm, bằng Trí tuệ bát nhã, trong Đại hùng đại lực.

3. Hàng Phật tử tại gia không thể núp sau lưng các hành giả Huyền Trang, trốn tránh nhiệm vụ để cho hàng Tăng sĩ gánh vác mọi trách nhiệm để rồi phê phán cho họ đã đi sâu vào thế sự.

4. Hàng Phật tử tại gia phải dũng mãnh nói lên tiếng nói của mình, trên cương vị một Phật tử, trong cộng đồng, trong tổ chức tôn giáo. Tăng già là một tập thể tu sĩ, là những vị lãnh đạo tinh thần. Người Phật tử tại gia thọ trì Tam Qui, Ngũ Giới, phải biết kính trọng ngôi báu thứ ba, nhưng Tăng già không phải là cá nhân, sống đời sống cá nhân riêng rẽ, không tôn trọng tinh thần Lục hòa, Tăng già không phải là một giai cấp Tăng lữ có quyền quyết định mọi vấn đề nhất là những vấn đề thế tục.

5. Hàng Phật tử tại gia phải sát cánh cùng hàng Tăng Ni hoạt động Phật sự: không hoạt động riêng rẽ, không cố chấp, không phân hóa

nội bộ.

6. Hàng Phật tử tại gia Việt Nam ở hải ngoại phải yểm trợ chư Tăng Ni tăng trưởng tiềm năng lãnh đạo, nâng cao phẩm hạnh và trí tuệ để hướng dẫn Phật tử thuộc thế hệ này và các thế hệ mai sau.

7. Hàng Phật tử tại gia Việt Nam ở hải ngoại phải hỗ trợ chư Tăng Ni trong nhiệm vụ truyền đạo cho dân bản xứ, gián tiếp bảo trì niềm tin Phật, tin Pháp, tin Tăng.

8. Hàng Phật tử tại gia Việt Nam tại hải ngoại có bốn phận tiếp tay và tiếp tay một cách tích cực, hậu thân của Huyền Trang. Phải mạnh dạn, không do dự, không nghi ngờ, phát triển tinh thần Phật giáo qua ánh sáng được phản chiếu ở lời mở đầu của Hiến Chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất: “Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà trên sự tồn vong của nhân loại và dân tộc.”

9. Tinh thần đa nguyên là biểu tượng của thế kỷ 21. Hàng Phật tử tại gia Việt Nam kết hợp lại, kiện toàn trí tuệ, kiện toàn đức tin, kiện toàn đức hạnh, kiện toàn hành xử theo ánh sáng của đức Phật đã đi trước thế kỷ 21. Chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ hành trang để dẫn thân vào viễn trình mới. Chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ đồ án, kỹ thuật, phương thức hợp tình hợp lý để xây dựng quốc gia dân tộc và đạo pháp trong tinh thần đa nguyên, bảo vệ sự sống cho chúng ta, cho đồng loại, cho môi trường nhân sinh.

Chúng tôi đã mạo muội trình bày một số dữ kiện, một ít ý kiến, vài điểm đề nghị không ngoài mục đích biểu lộ, mặc dầu hạn chế và không làm sao tránh nhiều khuyết điểm, tâm tư của mình, tâm tư của người Phật tử, còn tin tưởng vào tiềm năng của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp, trong sứ mạng giữ gìn và xây dựng đất nước, bảo vệ Niềm Tin, trong khả năng liên hệ giữa đạo và đời, giữa sự phồn vinh của Dân Tộc và Đạo Pháp, liên hệ giữa quốc gia yêu quý của



chúng ta trong cộng đồng thế giới. Chúng tôi muốn nói lên niềm tri ơn vô tận đối với đức Phật, niềm kính ngưỡng vô biên đối với giáo lý huyền diệu của Ngài. Chúng tôi muốn nói lên tâm nguyện nối chân các bậc tiền bối đã có công đem Đạo vào Đời trong quá trình lịch sử, đã có can đảm nói lên tiếng nói hòa bình trong giai đoạn nội chiến Quốc-Cộng, dám nói lên dân chủ, độc lập, khai phóng khi đất nước mắc họa toàn trị, khi xã hội rơi vào cảnh sa đọa. Các vị thiền sư đáng kính đó, các Đạo hữu tại quê nhà đó, đã, đang và sẽ hy sinh cho lý tưởng Giải Thoát, cho đạo lý Từ Bi, cho tinh thần Khai Phóng, không thiên kiến, không tà kiến. Chúng tôi muốn nói lên ý chí bất khuất của dân Việt Nam, của Tăng, Tín đồ Phật giáo Việt Nam trong hoàn cảnh đất nước hiện tại, tinh thần Vô Úy trong Nhẫn Nhục, trong san sẻ với đồng loại, như chất xúc tác cho sự tư duy chân chính, cho bàn thảo chân chính, cho dự toán chân chính, cho hành động chân chính của ta, để Phật giáo và Dân Tộc không là sáo ngữ mà là lý tưởng tư duy và hành động." ■

## thơ TÂM VẤN

### Lâm Đường 1

*Thơ thần nghe sứ từ chúc chơi  
Phong sương mấy dịp nhuộm cơ trời  
Vinh thân nhờ đây nay từ chối  
Phật sự thôi Qua uống cuộc rồi.  
Giao vĩ khất lân rung bấp thịch  
Đâu rồi một niệm gọi quen hơi  
Vài lời tự hối người sai hướng  
Tự hậu như tôi lỡ độ đời.*

## Lỡ Bước 2

*Tự hậu như tôi lỡ độ đời  
Bây giờ chuyển hệ sửa lòng thôi  
Tẩy y rửa bát theo gương Phật  
Hoan hỷ lập công chuyện đã rồi.  
Phật sự trôi Qua "sinh giáo hội"  
Âm thầm gọi lại hổ từng nơi  
Người đời nhắc mãi thêm nhòm góm  
Chôn sạch nợ danh mãn kiếp tôi.*

### Ghi chú:

- Qua: tôi
- Sinh giáo hội: giáo hội Trung Ương
- Giao vĩ khất lân: lác đuôi xin xỏ tình thương
- Lỡ độ: xem Cửa Tùng Đồi Cánh Gà của NH

## Tự Trách

*Lang thang xây những đường trần  
Lại qua qua lại xoay vần ngàn năm  
Ngàn năm qua lại xoay vần  
Ôm ghi dục lạc tảo tần đua tranh  
Đua tranh ngập mộng tử sanh  
Hằng sa kiếp sống mong manh mạng người  
Làm người không giữ tính Người  
Xét ra cầm thú có gì thua ta?  
Một lần trong kiếp hằng sa  
Làm người không dễ, làm ma dễ nhiều  
Sao ta quên chữ "Ma Ha...!"*

Kính tặng T.T.T.T2

# NHÂN QUẢ XUẤT THẾ GIAN

*Thiện Bửu*

(tiếp theo)

## PHÁP THÍ

Pháp thí là một công đức quan trọng hàng đầu trong Chánh Pháp của đức Thế Tôn. Pháp thí là do tự mình đã thông đạt giáo pháp rồi nói lại cho người khác nghe, hoặc thuật lại lời dạy của bậc giác ngộ, hoặc đưa Kinh Sách Phật cho người xem, hoặc đưa các băng cassette hay video giảng pháp của các bậc Minh Sư cho người xem v.v... đều gọi là Pháp thí.

Những người được mình giúp đỡ nghe được giáo pháp nên bỏ Ác theo Thiện, giảm bớt si mê, tăng trưởng trí tuệ, giảm bớt ác nghiệp thêm phước duyên, được công đức tăng trưởng. Nhờ đó, từ cái sống này sang cái sống khác đều ít khổ, nhiều an vui lợi lạc cho đến khi hoàn toàn giải thoát.

Vì tầm mức Pháp thí rất quan trọng có lợi ích lâu dài lớn lao như thế, cho nên người hành pháp thì được công đức vô lượng không kể xiết. Giúp đỡ cho người hiểu Nhân Quả mà lìa bỏ việc ác làm việc thiện, thì chính mình cảm quả báo có trí tuệ nhiều phước lạc cho cả thân tâm. Giúp được mọi người sáng tỏ lý Tứ Đế, thông suốt lẽ nhân duyên giả hợp, rõ bản chất vô thường giả tạm của vạn hữu, giác ngộ được pháp thân, thì chính mình sẽ cảm quả báo tăng tiến thiền định, đạo nghiệp chóng thành.

— Vì mây che nên trăng không hiện.

— Vì kiết sử che nên Phật tánh không lộ bày.

— Kiết sử tan vỡ thì Phật tánh tỏa hào quang.

— Kiết sử là QUẢ, si mê và tội lỗi là NHÂN.

Kiết sử còn gọi là Kết sử. Kết là mối thắt buộc. Sử là mối sai khiến. Kết sử là dùng để gọi các phiền não, chúng nó trói lây và sai khiến chúng sanh. Thông thường chúng ta xem trong tâm không thấy kiết sử này ở đâu, còn những vị đốn ngộ thì giây phút ấy thấy rõ kiết sử tan vỡ. Có khi kiết sử ấy mỏng dần và mỏng dần, thì đây gọi là tiệm tu tiệm ngộ (lần lần tiến triển đường tu đi đến giác ngộ giải thoát).

Trường hợp những người đã từng có sở đắc đời quá khứ, đời này cách tạm bị che, sau một thời gian dụng công hoặc nghe một nhân duyên nào thích hợp, thì kiết sử liền tan vỡ. Đây gọi là đốn ngộ (giác ngộ tức khắc). Vì chúng sanh căn tánh khác nhau, không ai giống ai, có chậm (độn) có nhanh (lợi), nên đức Phật tùy tiện mà dạy bảo, Ngài dùng Tiệm giáo, Đốn giáo hoặc Viên giáo tùy theo. Tiệm giáo là pháp môn dạy lần lần. Đốn giáo là pháp môn dạy cho thành công tức khắc, không chần chờ. Viên giáo là pháp môn tròn trịa đầy đủ, đưa ngay vào quả Phật. Về Tiệm giáo thì trước hết Ngài dạy chỗ dễ chỗ cạn, rồi lần lần Ngài dạy tới chỗ khó chỗ sâu. Chính lúc đầu, Ngài dạy về thừa Thịnh Văn, kế lần lên thừa Duyên Giác, sau rốt thì Ngài dạy thừa Bồ Tát. Thuyết pháp lần lượt từ chỗ dễ đến chỗ khó đặng tiện bề dìu dắt người

ta tu học, ấy là Tiệm Giáo vậy. Ngày nay chúng ta thấy các bậc Cao Tăng đều đều dắt chúng ta tu học viên đốn từng bước y theo Phật dạy nêu trên.

Vì kiết sử là duyên hợp của si mê và tội lỗi, còn gọi là vô minh và ác nghiệp; cho nên muốn phá trừ kiết sử thì phải mở sáng trí tuệ và chí tâm bồi tạo công đức. Chúng ta tán thán đức Phật là đấng Lương Túc Tôn cũng bởi vì đức Phật có đầy đủ Phước và Huệ như vậy.

Để dặn dò lưu ý các Phật tử bước chân vào Phật đạo, mà nơi lá Phái Quy Y có in to 4 chữ: PHƯỚC HUỆ SONG TU. Trí tuệ và công đức đã đủ thì Kiết Sử dù muốn hay không, cũng phải tan.

Tu Trí tuệ là thường quán sát các lẽ thật mà đức Phật đã khám phá rồi chỉ dạy lại cho chúng ta. Đó là những gì? Là quán sát nhân quả, quán lý Tứ Đế, quán lý 12 Nhân Duyên, quán thân bất tịnh, cảm thọ là khổ, tâm là vô thường, các pháp không tự tánh, quán các pháp đều là huyễn hóa như giấc mộng như ảo ảnh phù du, thấy rõ từng tâm niệm từ thô đến tế khởi lên và biến mất.

Tu Phước là làm lợi ích cho chúng sanh, hoặc trong ngăn ngừa như giúp qua cơn đói rách lầm than cơ cực để sống được một thời gian bằng các bố thí tài vật, dùng sức lực đắp một đoạn đường loang lổ, an ủi người qua cơn buồn khổ, hoặc làm lợi ích lâu dài cho mọi người như:

— ấn tống phát hành Kinh Sách Phật.

— tô đắp tượng Phật, Bồ Tát cho người chiêm bái.

— độ người xuất gia thọ giới.

— trợ cấp cho học Tăng tại các Phật Học Viện.

— cúng dường Sư Trưởng và các bậc Minh Sư.

— xây cất tu bổ Chùa bất cứ ở nơi nào, và v.v...

Xưa vua Lương Võ Đế có hỏi Tổ Đạt Ma:

— Trẫm thường xây cất Chùa, in Kinh, độ Tăng, thì có công đức gì không? Tổ Đạt Ma nhìn thẳng vào vua Lương Võ Đế, chỉ trả lời có một chữ: KHÔNG! Nhân tiện, xin được bình giải thêm: “Một tiếng hét vỡ tan trời đất!” Chữ “Không” của Tổ khiến người sau hoang mang không ít và cũng luận giải khá nhiều. Người thì theo Lục Tổ chia đôi phước đức hữu vi và công đức tự tánh. Người thì cho nhân quả không liên quan tới vấn đề giải thoát... Lời ngắn gọn của Tổ nghe hỏi liền đáp, mà nay đem ra giải hơi nhiều, thật là oan uổng! Chỉ vì thời tiết nhân duyên chưa đến, nên sau cái gạt ngang của Tổ, kiết sử của nhà vua không tan. Nếu thời tiết đã đến thì Tổ đã hất tay của nhà vua khỏi chỗ bám chấp công và e ngại Huệ Khả không phải là Đệ Nhị Tổ Đông Độ.

Hành Pháp thì chính là cứu giúp người biết cách tu Huệ và tu Phước. Huệ và Phước đã đầy đủ thì Tam Giới không ràng buộc được người đó, và dĩ nhiên công đức của vị bố thí Pháp rất lớn.

## KÍNH PHÁP

Giáo Lý là do từ kim khẩu của đức Thế Tôn lưu xuất, đã khai ngộ vô số trời người và với trí nhớ tuyệt vời của tôn giả A Nan, đã được truyền tụng ghi chép thành Kinh điển. Tôn kính đức Phật là Đại Chúng Tử Giải Thoát thì tôn kính Pháp là điều không thể thiếu được.

Có kẻ tu đến chỗ vô tâm, liền dám tuyên bố kinh điển ngôn ngữ không liên hệ đến việc tu tập và chỉ làm chướng ngại giải thoát! Lời nói này không khéo trở thành phỉ báng Phật, bởi vì lời nói ấy đã phỉ báng Pháp của Phật dạy. Tại sao cũng những lời lẽ đó mà đức Phật độ được chúng sanh giác ngộ mà bây giờ lại có kẻ buông ra những lời lẽ đó là chướng ngại?

Chấp ngôn ngữ kinh điển là không biết cứu cánh, nhưng bác ngôn ngữ kinh điển lại là không



biết phương tiện!

Những kẻ bài bác ngôn ngữ văn tự, đâu có biết rằng chính những lời lẽ bài bác của họ cũng là ngôn ngữ văn tự rồi! Vấn đề không phải lỗi tại ngôn ngữ mà là lỗi do cách dùng ngôn ngữ. Với những kẻ có tâm tà thì ngôn ngữ của họ trở thành phương tiện gieo rắc tai họa cho chính họ trước nhất rồi đến người sơ cơ. Xin tất cả chúng ta phải cẩn trọng. Đối với những người hiền trí thì ngôn ngữ là phương tiện để khai ngộ chúng sanh, thành tựu Thánh Đạo. Điều mà những người có tâm chút ít thanh tịnh cảm nhận là dường như mọi ngôn ngữ văn tự kinh sách đều thừa thãi không dính dáng với tâm thể, và đôi khi các vị ấy còn thốt lên:

— “Ngôn ngữ văn tự chỉ nên vứt bỏ!”

Những người ấy đâu có biết rằng những lời của họ vừa thốt ra đó cũng đã là ngôn ngữ văn tự rồi, thừa quý độc giả!

Có nhận thức rõ ràng như trên thì chúng ta sẽ không rơi vào tà kiến chống báng kinh điển để rồi hậu quả là bị họa nặng nề bỏ mất hạt giống thánh trí.

Trong nhiều kiếp quá khứ khi còn hành đạo Bồ Tát, đức Thế Tôn đã dâng cả mạng sống của Ngài để được nghe một bài kệ ngắn của Chánh Pháp. Vậy thì Kinh Pháp là NHÂN, được Thánh Trí là QUẢ. Pháp tuy có vẻ trừu tượng, nhưng đã được cụ thể hóa qua kinh sách giấy mực. Vì thế cho nên đối với Kinh Sách Phật thì chúng ta phải thận trọng đặt để nơi xứng đáng và còn phải giữ gìn cẩn thận mới được. Mỗi lần nghe thuyết Pháp, chúng ta hãy ngồi trong tư thế oai nghi nghiêm trang chỉnh túc, tâm ý phải chân thành chăm chú, tuyệt đối đừng bao giờ cười nói, đừng cử động mạnh co tay duỗi chân làm động tâm người khác đang chăm chú nghe giảng.

Xin nhấn mạnh điều quan trọng là người có lòng Kính Pháp, thì sớm muộn rồi sẽ giác ngộ.

\*  
\* \*

## TÙY HỖ

Chứng ngộ thánh quả là một điều lớn lao vĩ đại mà ai ai cũng cầu mong. Người chứng ngộ là chỗ cho trời người quy ngưỡng tán thán cúng dường, là ánh sáng rực rỡ muôn màu tỏa chiếu trong đời cho mọi người quy hướng. Quả vị của bậc Thánh là tối thượng. Bậc đã chứng ngộ thì không còn thấy có địa vị hơn thua, nhưng đức độ của quý Ngài tự nhiên vẫn khiến cho mọi người kính phục quy ngưỡng.

Điều chắc chắn trong hàng tại gia chúng ta là mong cầu được giải thoát chứng ngộ. Tuy nhiên, đa số trong chúng ta thường mắc cái bệnh hay quên rằng chứng ngộ là vô ngã. Ngược lại chúng ta mắc cái bệnh hay nhớ cứ xem chứng ngộ là một địa vị y như của thế gian này. Khi thấy có “địa vị” liền sanh tâm tranh giành. Tận trong thâm tâm, chúng ta chỉ muốn có mỗi chính mình được chứng ngộ mà thôi, còn những người khác phải là đồ đệ! Bởi do cái tâm bệnh nan y này, chúng ta không vui mừng khi được nghe có người tu hành tinh tấn, giới đức trọn vẹn, niệm Phật hay tọa thiền không mệt mỏi v.v... Từ cái bệnh không vui này có thể đưa đến công kích chỉ trích biếm nhẽ sân si ngã mạn... làm sao cho giảm bớt uy danh của các vị ấy! Sự việc vô minh ngu dại u mê này làm cho ma vương nhảy nhót vui mừng và lôi kéo chúng ta sa hầm sục hố trầm luân trong vũng như hết phương cứu chữa! Trong phần cuối của kinh Hoa Nghiêm, nơi phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đức Phổ Hiền tán dương Hạnh Tùy Hỷ Công Đức của Ngài khuyên chúng ta thực hành thế mà chúng ta mắc cái “bệnh hay quên” sao được?

Nếu chúng ta không tùy hỷ công hạnh tu tập của người khác, chúng ta sẽ bị cảm quả báo chướng dụng công không kết quả, ác nghiệp hình thành tăng trưởng thêm lớn.

Chúng ta hãy luôn luôn hoan hỷ khi thấy có người tăng tiến công đức trong Phật Pháp, người

nghiêm cần trì giới, người chuyên chú niệm Phật hay thiền quán, thuyết pháp lợi sanh, đa văn quảng kiến, cho đến người được thành tựu đạo quả biện tài vô ngại khiến cho mọi người hưởng về cung kính cúng dường.

Nếu thật sự có thành tâm thiện ý trên đường tu hành giải thoát với tất cả mọi việc Tùy Hỷ như trên, chúng ta sẽ cảm quả báo công dụng tu hành đắc lực, ác nghiệp nhẹ dần, thiện căn lớn thêm mãi.

## ỦNG HỘ

Tất cả chúng ta đều hiểu rằng chính vì Giải Thoát là mục tiêu tối thượng, vì thế cho nên chúng ta luôn ủng hộ giúp đỡ nhường nhịn hy sinh cho mọi người có điều kiện có thuận duyên tiến tu an ổn.

Điều nêu trên chúng ta rất dễ thấy rõ trong Tăng Chúng của một tự viện có đông người. Chúng ta thấy có khi một vị Tăng này nhận lấy công việc bận rộn để giúp cho vị Tăng khác được rảnh tay tu học, hoặc giúp đỡ vật dụng cần thiết cho sự tu học của vị ấy; còn riêng mình thì chịu khó dụng công tu trong cảnh động. Trong những trường hợp như vậy, chúng ta thường thấy người Phật tử tại gia phát tâm ủng hộ giúp đỡ việc tu hành của chư Tăng, của bạn bè cư sĩ, thật vô cùng cao quý.

Tất cả những việc như trên đều là công đức rất tốt trong Phật Pháp, đó là nhân lành Xuất Thế Gian. Nhường hay biếu các Kinh Sách Phật cho người xem, nhường công đức cho người có đạo tâm làm không dành hết cho mình... đều là ủng hộ người, thì sẽ được tăng trưởng nhiều thiện báo cho mình.

## BỐ THÍ

Chúng ta hiểu sự bố thí là nhân lành thế gian, nhưng lại là công đức Xuất Thế Gian. Đó

là Mật Hạnh của Bồ Tát Đạo. Ở đây chúng tôi xin đề cập đến quả báo Xuất Thế Gian.

Người giải thoát là người không còn chấp ngã và ngã sở hữu. Vậy bố thí chính là buông xả chấp ngã. Chúng ta coi nhẹ tài vật sở hữu hoặc buông xả để bố thí cho kẻ khác, sẽ được thiện lợi to lớn, phiền não mỏng nhẹ dễ dàng buông bỏ các vọng tưởng tư kiến. Ngược lại, người còn bòn sẻn keo kiệt đam mê tham đắm tiền bạc của cải vật chất, ít khi bố thí hoặc bắt đắc dĩ phải bố thí, thì chắc chắn khó có thể giải thoát khỏi chấp trước si mê. Chúng ta thấy hằng ngày những hạng người này nói rất hay, hứa hẹn rất nhiều, huênh hoang khoác lác về cúng dường về bố thí, nhưng thực tế họ không bao giờ thực hiện nổi hạnh cúng dường, hạnh bố thí, hoặc giả nếu có cúng dường bố thí thì phải có cái danh! Người còn bòn sẻn keo kiệt tham lam vô độ nên rất ít bố thí, rất ít cúng dường, hoặc năm thuở mười thì họ mới chịu bỏ ra chút ít tiền của bố thí hay cúng dường, thì đương nhiên cái công hạnh tu tập của họ không thể nào tăng trưởng được, nếu không muốn nói là thụt lùi tan vỡ. Đức Thế Tôn đã dạy bảo cái hạnh bố thí là hạnh đứng hàng đầu trong Lục Hạnh Bồ Tát Đạo.

Chúng ta thấy rõ các bậc chân tu đức hạnh không hề chất chứa, mỗi khi có được món gì là các vị liền khởi tâm bố thí cho người khác.

Như vậy buông xả tài vật là Nhân, còn buông xả vọng chấp là Quả. Chúng ta phải luôn ghi nhớ thực hành lời Phật dạy suốt cuộc đời tu tập của mình: “Bố Thí Là Cánh Cửa Đầu Tiên Để Đi Ra Khỏi Ngục Tù Tam Giới.” Rất mong thay!

## TUÂN HÀNH LỜI DẠY

Trong tất cả các công hạnh Xuất Thế Gian thì sự tuân hành y theo lời dạy của bậc giác ngộ là điều quan trọng bậc nhất.

Xưa có một vị Bà La Môn từ thành Vương

Xá đi ra gặp đức Phật giữa đường, ông ta ngạo mạn hỏi:

— Những đệ tử của ông Cồ Đàm đều được Niết Bàn chăng?

Đức Phật ôn tồn đáp:

— Có người được, có người không.

— Cùng nghe chung lời dạy của ông mà tại sao có người được người không?

— Nếu như có người gặp ông để hỏi thăm đường về Vương Xá, vậy ông sẽ đáp thế nào?

— Tôi sẽ bảo họ hãy đi thẳng tới, rồi rẽ sang bên phải đi đến hồ nước lớn, kế đó là vòng qua sẽ thấy thành Vương Xá.

— Này Bà La Môn, nếu người ấy nghe như vậy và làm đúng theo, thì sẽ đến được thành Vương Xá chăng?

— Dĩ nhiên là đến được.

— Nếu người ấy nghe như vậy nhưng lại không đi đúng theo chỉ dẫn, vậy người ấy sẽ đến được thành Vương Xá không?

— Không được, Cồ Đàm.

Đức Phật mới bảo:

— Cũng như vậy, này Bà La Môn, ta đã dạy cho họ con đường đến Niết Bàn, trước hết là hãy đi thẳng con đường Tinh Tấn, rẽ sang bên phải Đơn Giải, vòng qua hồ nước Trí Tuệ và sẽ đến được Niết Bàn. Tuy nhiên, có kẻ làm đúng theo, có kẻ không làm đúng theo, cho nên kết quả đã khác nhau.

Vị Bà La Môn ngạo mạn này nghe đức Phật ôn tồn giải đáp đến đây, liền lộ rõ nét mặt run rẩy xấu hổ rồi găm đầu bỏ đi!!!

Chúng ta thường mắc phải căn bệnh tự thị cho hiểu biết của mình, chỉ làm theo điều mình suy nghĩ, không biết bỏ đi tư kiến để tuân phục lời dạy của bậc Chân Sư.

Nếu chúng ta không tuân phục một cách triệt để lời dạy của bậc Chân Sư, chúng tôi nhấn mạnh bậc Chân Sư, thì dĩ nhiên chúng ta đã tự mình đánh mất lối về giải thoát. Thường xưa nay chúng ta thấy rất rõ bậc Chân Sư có mười đệ tử

thì chỉ có hai hay ba là triệt để tuân hành đúng theo lời dạy của Thầy. Nếu mỗi người trong chúng ta thành tâm chịu xét mình cho kỹ để triệt để tuân hành theo từng lời dạy của Chân Sư, thì từ việc nhỏ như công việc hằng ngày, giới luật, tư cách, đối đáp v.v... cho đến việc lớn như tụng kinh niệm Phật, giáo pháp, thiền định, sám hối v.v... sẽ đem lại kết quả rất tốt trên đường tu hành.

Có nhiều vị, sau khi xem qua các bài về Nhân Quả Thế Gian và Nhân Quả Xuất Thế Gian này, sẽ hỏi rằng làm sao tìm được vị Chân Sư Đạo Đức Cao Cả mà nương nhờ trong thời buổi vàng thau lẫn lộn ma chướng lộng hành yêu tinh quỷ quái hoạt đầu phá hại Chánh Pháp ở hải ngoại này, thì chúng tôi xin trả lời không phải chủ đích của bài này. Xin kính chúc những vị đó “Bồ Đề Tâm Kiên Cố, Trí Tánh Thường Minh” có đủ duyên lành tìm ra được bậc Chân Sư.

Những lời dạy của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni là muôn đời minh viễn tiêu biểu cho chúng ta nhất tâm thệ nguyện làm y theo để đi đến vô thượng phạm hạnh. Đức Phật dạy chúng ta Tinh Tấn, lâu dần về sau chúng ta trở thành giải đãi. Đức Phật dạy chúng ta sống Đơn Giản, lâu dần về sau chúng ta sống đời phức tạp tự mình chước lấy biết bao khổ đau phiền não. Tùy theo căn cơ mỗi chúng sanh mà đức Phật chỉ dạy rất nhiều điều, thế mà chúng ta không chịu làm theo cho đúng. Cái bệnh nan y của chúng ta là giả vờ tu cái bề ngoài, còn nội tâm thì trống rỗng! Đang phải sống ở hải ngoại bị thu hút trong hoàn cảnh và môi trường vật chất sa đọa, làm cho đạo đức bị suy đồi, cho nên Giới Luật Là Thọ Mạng Của Phật Pháp đang bị ảnh hưởng nặng nề. Tại sao? Thượng bất chánh, Hạ tất loạn! Do đó, nếu thật tâm muốn tìm bậc Chân Sư để nương nhờ, thì thiết nghĩ không mấy khó khăn.

Người đệ tử xuất sắc là người kỹ lưỡng để ý, triệt để tuân hành lời dạy của Thầy từng li



từng tí không sai sót. Nó cũng nói lên lòng tôn kính tin tưởng trọn vẹn của người tu học đối với Thầy, thì thưa quý vị, chúng ta sẽ thành tựu tâm đắc của Thầy.

Câu chuyện “Ông Già Chồn” này, khi quý vị đọc đến sẽ có người thắc mắc đặt vấn đề:

— Như vậy, do một chuyển ngữ của Tổ Bá Trượng mà ông này được thoát thân chồn phải không? Chúng tôi xin thưa, cứ theo sách vở chứng minh và nghiên cứu kỹ thì có 2 cách nhìn.

— Nếu nhìn nông cạn, thì sẽ thấy dường như chỉ nhờ chuyển ngữ của Tổ Bá Trượng mà ông ấy thoát thân chồn.

— Nếu nhìn suốt cả quá khứ, thì sẽ thấy khác. Trước kia ông ấy là vị Tỳ kheo, đã từng kính Phật trọng Pháp, ông làm các công đức trong Phật Pháp, thiền quán tư duy, nhưng chỉ vì trong cái Định ông không thấy đường đi của Nhân Quả. Vì thế cho nên ông theo cái Định đó mà trả lời sai. Quả báo làm chồn nay đã mãn, nhờ công đức quá khứ sống dậy nên khiến cho ông gặp được Tổ Bá Trượng là Duyên để ông thoát thân chồn. Khi công đức đã đến thì dầu không gặp Tổ Bá Trượng, ông ấy cũng gặp được vị chân tu khác khai thị cho ông. ■



**Cần  
Sang  
Gấp !!!**

Thiếu người quản lý, nên cần sang gấp  
một tiệm **French Bakery & Café**  
(retail & Wholesale) tại Pasadena.

Tiệm hiện cung cấp cho nhiều khách sạn  
và nhà hàng. ☎ Liên lạc: Ms. ALINE

Voice Mail -- (818) 467-0257

Home -- (805) 257-6840

## thơ THUYỀN AN

### Mẹ Chết

*Khi Mẹ chết năm xưa con ngồi khóc.  
Nghe đơn côi trong vắng lạnh hoang vu.  
Hồn nức nở với nỗi niềm cô độc.  
Lủi thủi tìm mây bằng lãng thiên thu.*

*Mẹ khuất bóng như trời đất sụp đổ.  
Không gian buồn man mác hồn tả tơi.  
Hương linh Mẹ cầu xin Phật tiếp độ  
Mẹ thương con nay đã chết mất rồi!*

*Thế là hết Mẹ ơi đâu còn nữa!  
Ngàn muôn đời ơn Mẹ khó mờ phai.  
Ôi mất Mẹ như trần gian Khép Cửa.  
Mục Liên xưa tìm Mẹ chốn dạ đài.*

*Từng đêm vắng nhìn trời khuya sương lạnh  
Nhớ mờ hoang lòng đất, Mẹ thê lương.  
Trăng buồn tẻ qua ngàn năm cô quạnh.  
Mẹ hiền đâu? Lòng chua xót đau thương!*

*Mẹ sưởi ấm hồn con từ tấm bé.  
Được lớn lên trong sẵn sóc nuông chiều.  
Ru con ngủ Mẹ hát nghe nhè nhẹ.  
Vu Lan về sao nhớ Mẹ quá nhiều.*

*Chính lòng Mẹ truyền cho con sức sống.  
Nung chí con theo Phật học Đạo mầu.  
Qua năm tháng con quyết tâm ôm mộng.  
Hiển đời mình phụng Đạo báo ân sâu.*

# CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA) CỬA TÂY TẠNG

*Tác giả: Giuseppe Tucci*  
*Phóng tác: H. T. Thích Trí Chơn*

(tiếp theo)

## Chương 5 TRÊN ĐƯỜNG ĐI LHASA

Cảnh trí dần dần thay đổi khi chúng tôi vượt qua đèo Kampa và khi tới một con đường uốn cong trước mắt chúng tôi hiện ra dòng sông Brahmaputra. Người Tây Tạng gọi tên là Tsangpo. Nước sông chảy lờ đờ uốn lượn qua nhiều cánh đồng xanh nằm giữa bên cạnh những bãi cát vàng. Dòng sông chảy xuống thung lũng từ đèo Karag hẹp cao 18.000 phít (feet) với những dốc bên nhọn màu đen tương phản với những đám mây và các khối tuyết băng giá màu trắng.

Tôi dựng lều và nghỉ cạnh bờ con sông mà vào tháng 8 năm 1939 tôi đã được nhìn thấy lần thứ hai khi tôi vượt qua sông từ Lhatse đến Puntsokling trong mùa nước lũ. Hôm nay trở lại nhìn dòng sông mặt nước vẫn yên bình như giấc mơ của trẻ thơ mặc dù những cơn mưa tầm tã trong mấy tuần qua đã làm mực nước sông dâng cao và cuộn cuộn chảy xiết. Người dân sống ở thung lũng cạnh con sông này thường xuyên phải đấu tranh giữa hai sự sống và chết. Nước từ những núi đồi ngoằn ngoèo và nơi dòng sông chảy xuống thấm sâu vào lòng đất nuôi dưỡng hoa màu thắm xanh đồng ruộng lấp lánh dưới ánh mặt trời chói sáng; tuy nhiên, những trận lụt nước chảy dữ dội và các trận bão cát vẫn thường xuyên đe dọa mạng sống con người ở đây bất

cứ lúc nào. Những cơn gió lốc thổi những đám cát đang nằm yên nơi các phiến đá bay xuống tạo thành những đụn cát đó đây.

Tôi nhìn thấy những ngọn núi cao mà phần lớn các nhà leo núi Tây Phương mới dám mạo hiểm leo lên tới đỉnh của chúng. Trên mỗi chóp núi người dân Tây Tạng dựng lên những lá phướn màu sắc rực rỡ phất phơ trước gió lộng. Dân chúng tin rằng các thần núi đang sống ở đó và nếu không cúng vái, các ngài có thể nổi cơn thịnh nộ xô đẩy những hòn đá lớn rơi xuống làm hại dân làng địa phương. Cho nên muốn dựng những lá phướn trên các đỉnh núi cao để cầu nguyện thần linh che chở, người Tây Tạng cũng thường hay leo núi như người Tây Phương.

Khi đến Chaksam, chúng tôi vượt qua sông Brahmaputra trên chiếc bè lớn. Trước kia có một cây cầu làm bằng những phiến gỗ dày đặt nằm trên các dây xích chắc chắn được móc treo trên hai cột trụ. Ngày nay mấy tấm gỗ đó không còn nữa. Tuy vậy di tích cây cầu này vẫn là niềm tự hào của người Tây Tạng trong kỹ thuật kiến trúc thời xưa của họ. Đó là công trình của bà kỹ sư Tanton Gyepo sống ở thế kỷ thứ 15. Bà là con người tháo vát, thích hoạt động và là một kỹ sư tài giỏi vào thời đó. Nhưng ở Tây Tạng khi mà các hoạt động của mọi người đều mang màu sắc tôn giáo thì ngay cả kỹ thuật gia cũng có thể trở thành nhà tu khổ hạnh.

Lịch sử Tây Tạng ghi chép bà Tanton

Gyepo như một nhân vật xuất chúng và hơn nữa là một thánh nhân. Thực vậy nhân dân Tây Tạng đã không quên ơn bà là một thiên tài của đất nước, đã có công đức to lớn kiến tạo cây cầu vĩ đại nói trên. Chiếc cầu đã giúp nhiều thuận lợi trong việc giao thông và tránh cho dân chúng những thảm họa nguy hiểm khi phải dùng thuyền bè qua sông trong mùa mưa nước lũ chảy xiết.

Chúng tôi thấy chùa Chaksam được xây cất trên khoảnh đất hướng nhìn ra dòng sông. Nơi phòng chính của chùa chúng tôi không thấy có gì đặc biệt để xem ngoại trừ bức tranh vẽ bà Tanton Gyepo như một nhà tu khổ hạnh. Bên trong một điện thờ gần đó chúng tôi thấy ở giữa tôn trí ba tượng Phật tam thế A Di Đà, Thích Ca và Di Lặc. Các pho tượng này vừa mới được tu bổ sơn phết lại, nhưng vẫn duy trì không làm biến mất nét đẹp nghệ thuật của các tượng Phật Tây Tạng được làm ra lúc ban đầu vào những thế kỷ trước lâu xa. Sát vách tường bên mặt chúng tôi thấy thờ tượng Phật A Di Đà. Đằng sau bên phải Ngài là một tượng Bồ Tát rất đẹp. Các tượng này được tạc làm ra vào đời nhà Minh bên Trung Quốc.

Chaksam là giao điểm của những con đường chính cho nên đây cũng là nơi xảy ra nhiều cuộc chiến ác liệt giữa quân đội Anh quốc và Tây Tạng trước đây. Các pho tượng trên may mắn không bị phá hủy để hôm nay được dịp chứng kiến cho di tích lịch sử này. Cạnh chùa Chaksam là tu viện Nyingmapa, nhưng bên trong chẳng có gì đáng xem, ngay cả ngôi tháp nhỏ Kumbum thờ bà Tanton Gyepo cũng không cất giữ nghệ phẩm nào quý giá ngoại trừ vài bức họa mới vẽ gần đây. Du khách vào thăm bốn điện thờ ở tầng dưới, kế tiếp có thể dùng chiếc cầu thang lung lay leo lên cái phòng nhỏ nơi tầng trên của tu viện để nhìn xuống một pho tượng lớn có khuôn mặt tối sẫm và chòm râu nhọn trông giống như người Trung Hoa.

Sau khi vượt qua sông Brahmaputra, con đường hướng đến Chushul với hai bên đầy những sỏi đá nhỏ chạy dài vô tận hạ xuống thấp dần còn độ cao 11.600 phít (feet). Gần Chushul, dòng sông Kyichu bắt nguồn từ núi đồi ở Lhasa chảy xuống nhập chung vào sông Brahmaputra. Tại đây, chúng tôi nhìn thấy có nhiều nhà khá giả bao quanh với những hàng cây bạch dương và liễu rủ. Khắp nơi những đám ruộng lúa mạch và lúa mì óng ánh màu vàng bên cạnh những luống cải màu xanh và trên những cánh đồng các cô thôn nữ Tây Tạng đang bận rộn đập lúa. Trên chóp núi trước mặt chúng tôi hiện ra di tích của một lũy thành. Chushul là địa điểm quan trọng vì nằm trên trục lộ của những con đường dẫn đến vương quốc Bhutan và xứ Ấn Độ; do đó thường xảy ra những cuộc tranh chấp thay ngôi đổi chủ nhiều lần. Con đường đầy dốc núi cheo leo, hố sâu thăm thẳm với những thác nước chảy xuống cuộn cuộn từ các đỉnh núi cao, mỗi bước chân chúng tôi đi thực đầy hiểm nguy và chết chóc.

Thay vì đắp những con đường như ngày nay, thuở xưa người dân Tây Tạng thường hay khắc những bài kinh và các câu thần chú trên đá, hoặc tạc khắc hình tượng thần linh trên các tảng đá lớn để cầu nguyện mong các ngài trấn áp giùm ma quỷ, ngăn chặn không cho chúng xô lăn những khối đá từ trên núi xuống gây tang tóc cho dân làng địa phương. Khác hẳn người Tây Tạng, các nông dân Ý Đại Lợi thường đóng những thanh gỗ dày cứng xuống đất dọc theo các sườn núi để ngăn chặn những hòn đá rơi. Khi tới đây chúng tôi nhìn thấy cảnh làng Chushul vắng vẻ vì dân chúng kéo nhau đi dự xem ngày lễ lớn hằng năm. Lễ lượt hội hè tông giáo ở Tây Tạng là cơ hội để mọi người hướng tâm hồn mình nghĩ đến thần linh, Phật, Thánh. Đặc biệt trong ngày lễ sinh nhật của bà con, người ta thường tổ chức ăn uống, ca hát vui chơi.

Tại Chushul, thời gian chúng tôi tới đó, có

một gia đình gặp ngày kỵ giỗ, trước tiên gia chủ lo việc cúng lễ trên bàn thờ và sau đó, họ đãi thân nhân bạn bè ăn uống linh đình. Không may xảy ra việc cãi vã trong số người đến tham dự khiến cho một nhà sư bị thương. Ai cũng nghĩ rằng vị Lạt Ma đó sẽ chết vì ông bị một người cầm dao đâm sâu vào bụng. Thủ phạm liền bị bắt dẫn đến văn phòng của ông quận trưởng và dân chúng thì xúm nhau kéo tới bao quanh đứng bên ngoài chờ xem. Kết quả hắn bị tống giam nhiều tuần lễ trong nhà tù và phạt một số tiền lớn.

Tôi chỉ còn cách xa Netang khoảng hai mươi dặm và đây là địa điểm cuối cùng trong cuộc hành trình. Con đường đi hẹp ngoằn ngoèo dưới những tảng đá lớn lúc nào cũng như đe dọa sẵn sàng rớt xuống khiến du khách bộ hành luôn luôn lo lắng sợ hãi. Trên những phiến đá này có khắc ảnh tượng các thần linh và những câu thần chú. Con đường uốn khúc quanh sông Kyichu nước trong phản ánh dưới bầu trời xanh thẳm. Rải rác đó đây những cồn cát trắng mọc lên dọc bờ sông bên cạnh vùng đất phì nhiêu màu mỡ. Làng mạc thưa vắng và đồng ruộng hoang sơ. Những rặng núi của Lhasa gần Netang ngày càng hiện rõ ra dưới ánh nắng mặt trời. Với ống đòm tôi có thể nhìn thấy những tịnh thất của các vị Lạt Ma ở tu viện Sera. Một vài đám mây trắng bay lững lờ trên không trông giống như cái lọng to lớn bao che trên Thánh Địa Kinh Thành (Holy City).

Netang là ngôi làng nổi tiếng trong lịch sử Tây Tạng vì đây là nơi ngài Kipankara Atisa, một nhà sư phục hưng cho Phật giáo đã viên tịch trên đường từ Tây Tạng trở về Ấn Độ. Ngài sinh trong một gia đình quyền quý ở Vajrayogini thuộc tiểu bang West Bengal (miền tây Ấn Độ). Làng Vajrayogini bé nhỏ nằm giữa vùng đồng bằng trù phú là nơi tôi đã đến viếng thăm năm 1926. Cạnh làng có một cái ao mà trên bờ chúng tôi nhìn thấy còn lại một gò đất nhỏ bao phủ đầy

cỏ. Dân chúng địa phương tin rằng có thể đây là di tích ngôi chùa nơi ngài Atisa cư ngụ đầu tiên. Sau này Atisa trở thành một trong những giáo sư nổi danh của đại học Phật giáo Vikramasila ở Ấn Độ và tiếng tăm của ngài vang lừng đến Tây Tạng.

Một vị vua ở miền tây Tây Tạng đã cho sứ thần sang Ấn Độ cung thỉnh ngài qua Tây Tạng để dạy dỗ, truyền bá giáo lý của đức Thế Tôn. Sau vài năm hoàng pháp ở phía tây, ngài Atisa đến miền trung Tây Tạng và lúc về già đã viên tịch tại Netang vào năm 1054. Mặc dù bị chiến tranh tàn phá trước đây, hiện nay tại Netang còn sót lại ba ngôi chùa. Ngôi chùa đầu tiên du khách nên đến viếng là Dolma Lhakang. Trong một điện thờ tại chùa này chúng tôi thấy chiếc y của ngài Atisa được giữ thờ trong một ngọn tháp nhỏ mạ đồng. Tại điện thờ thứ hai ngay giữa tôi thấy tôn trí pho tượng Phật Di Lặc đứng thuộc thời đại Pala, phía sau là tượng Phật Thích Ca với vòng hào quang bằng gỗ làm tại Ấn Độ. Cạnh đó là tượng đức Quan Thế Âm và nhiều tượng Phật, Bồ Tát khác được bao phủ với những tấm vải lụa. Người ta còn thờ ở đây xá lợi (xương tro) của đại sư Marpa. Nơi điện thờ thứ ba, tôi thấy thờ các tượng Phật tam thế Thích Ca, A Di Đà và Di Lặc. Ngoài ra, mỗi bên phải và trái các ngài có bốn pho tượng đứng Bồ Tát, gồm tất cả là tám tượng. Các tượng này làm cùng thời đại nghệ thuật tạo tác giống những tượng ở chùa Iwang.

Không xa ngôi chùa trên, chùa Kumbum Lhakang sơn màu vàng được xây cất giữa hai ngôi tháp lớn có mái tròn ở trên và xung quanh trang trí với các tràng hoa sơn màu hơi sậm. Bên trong mỗi ngọn tháp có thờ các vị thần làm bằng đất nung và xá lợi của những đại sư Phật giáo Tây Tạng. Ngay giữa chùa có một điện nhỏ thờ ảnh tượng tôn sư Atisa và các đệ tử danh tiếng của ngài như Dronton và Nagtso Lotsava. Trên vách tường xung quanh tôi thấy vẽ nhiều hình



tượng hộ pháp Drolma sơn màu xanh và đỏ sậm với tóc đen lóng.

Gần làng Netang còn có một ngôi chùa thứ ba thờ 16 vị La Hán làm bằng xi măng. Trong chùa ngay giữa tôi thấy thờ pho tượng Phật Thích Ca và hai bên là các tượng Bồ Tát đứng bằng đồng đúc theo kiểu mẫu Ấn Độ trong đó có một tượng mất hai bàn chân. Ngoài ra còn có hình tượng của một vị tăng Trung Hoa và ngài Dharmatala cũng làm bằng xi măng. Sau khi viếng thăm các chùa, hôm đó dưới bầu trời yên tĩnh và trong xanh của Netang, lòng tôi cảm thấy nhẹ nhàng khi nghe những con chim sơn ca đang hót líu lo và các trẻ mục đồng lừa những đàn trầu về nhà theo tiếng sáo chiều.

(còn tiếp)

## thơ HẠ UYÊN

### Từ Biệt Phố

*Chiều phố phường vẫy chào già biệt  
Ta đi chưa hẹn một ngày về*

*Ta đi bỏ lại vùng kỷ niệm  
Lối xóm, bà con theo tiễn đưa  
Mây xám lạnh lùng chen trong gió  
Hồn buồn lưu luyến những ngày xưa.*

*Con hẻm nhỏ gục đầu che dấu  
Những âm vang khời dậy thửa nào  
Thời thơ ấu chơi trò đuổi giặc  
Múa kiếm, xung phong phá chiến hào.*

*Ta đi phơi phới hồn xuân nữ  
Sao mắt lệ trào phút biệt ly  
Sỏi đá hầy vì ta câm nín  
Hồn thiêng ghi nhớ một lần đi.*

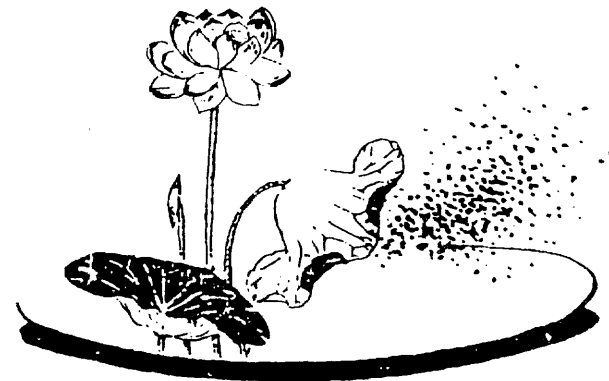
*Dấu sao cũng một lần đưa tiễn  
Giữ mãi cho nhau phút già từ  
Người trở về đường xưa một bóng  
Nghe chiều hiu quạnh nhuộm tương tư.*

*Ta đi bụng đói, gia tài rỗng  
Hành lý đọng đầy nỗi nhớ thương  
Hậu kiếp soi giùm ta ngọn đuốc  
Cho qua ngày tháng kiếp ly hương.*

*Linh cảm dường như còn thiếu vắng  
Cái gì bỏ lại buổi chiều nay  
Mồ mả ông cha nhang khói lạnh.  
Bàn thờ tro bụi tháng năm bay.*

*Ta đi trút bỏ bao phiên muộn  
Trả lại thời gian chôn lãng quên  
Ai hát mãi bài ca vong quốc  
Làm người không thẹn với quê hương.*

*Chim sắt băng mình vào quỹ đạo  
Ngày mai thế giới mới hiện hình  
Ngày mai ta sẽ ra sao nhỉ?  
Xứ lạ rồi đây hẳn tái sinh.*



# QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp sư Pháp Phảng**  
Người dịch: **Thích Thắng Hoan**

(Tiếp theo)

## DUY THỨC HỌC VÀ CÁC TÔNG PHÁI

Trước hết chúng ta đề cập Duy Thức Học quan hệ với hai học phái Tiểu Thừa và sau đó sẽ so sánh Duy Thức Học quan hệ đến các tông phái đại thừa.

### 1. DUY THỨC HỌC VÀ CÂU XÁ HỌC

*Câu Xá* là tên của một bộ luận và nguồn gốc của tên này gọi cho đủ là *A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận*. *A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận* Trung Hoa dịch là *Đối Pháp Tạng Luận* (Luận về đối tượng Pháp Tạng). Nội dung của *Câu Xá Luận* nhằm thuyết minh Nhân Không Pháp Hữu làm tông chỉ. Bộ luận này rất trọng yếu cho việc nghiên cứu Phật học. Người nghiên cứu Phật học, trước hết phải học tập *Câu Xá Luận*. Đối với toàn bộ giáo lý Phật giáo, *Câu Xá Luận* vừa là đầu mối, vừa là cơ sở, mà cũng vừa là phương pháp nhập môn, là tuần tự của sự chứng nghiệm, của sự tin giải một cách rõ ràng và cụ thể. Kinh luận thường nói, học Phật và tu hành là để đoạn trừ phiền não và cắt đứt sanh tử. Nội dung bộ luận này đều căn cứ nơi các bộ *Kinh A Hàm*, các bộ *Luật* và nhất là các bộ luận của phái Hữu Bộ để thành lập. *Câu Xá Luận* trình bày vấn đề đoạn trừ phiền não và cắt đứt sanh tử rất có mạch lạc. Người sơ cơ học tập Phật pháp, đầu tiên không chịu nghiên cứu bộ luận này để làm căn bản lại đi tham học giáo lý đại thừa thì người đó rốt cuộc thiếu hẳn cơ sở tư tưởng, nguyên vì giáo lý đại thừa đều căn cứ nơi tiểu thừa để thành lập. Nói

chung giáo lý trong các kinh luận của tiểu thừa thì trình bày rất rõ ràng và ngược lại giáo lý trong các kinh luận của đại thừa thì phần nhiều trình bày quá tổng quát. Yếu nghĩa của ba tạng kinh tiểu thừa đều hàm chứa trong bộ luận này. *Câu Xá Luận* không chỉ thuyết minh rõ ràng của Phật pháp và lại còn trình bày rõ ràng một loại triết học tông giáo của Ấn Độ. Tại Ấn Độ, bộ luận này được gọi là *Thông Minh Luận*. Vào thời Lương và thời Trần, thuộc kỷ nguyên 548, ngài Chân Đế đến Trung Quốc (Chú thích 4) dịch *Câu Xá Luận*. Ngài là người nghiên cứu và chứng đắc kim chỉ nam của A Tỳ Đàm. Đến đời Đường, ngài Huyền Trang dịch các bộ luận mới gọi là *Tân Luận*. Sự nghiên cứu của ngài rất thịnh hành một thời và ngài trước tác cũng rất nhiều tác phẩm. Những tác phẩm có tiếng tăm như là *Phổ Quang Ký*, *Pháp Bao Lưu*, *Viên Huy Tụng Sớ* v.v... Về sau sự sùng thượng đại thừa và việc chú sớ bị thất truyền là lý do cũng tại không có người nghiên cứu đến. Phải nên biết rõ, Duy Thức Học và Câu Xá Học rất quan hệ với nhau như máu thịt và xương cốt. Sự quan hệ giữa Duy Thức Học và Câu Xá Học tóm lược có hai điểm chính sau đây:

#### a. PHÁP TƯỚNG CỦA CÂU XÁ LÀ CHỖ NƯƠNG TỰA CỦA DUY THỨC

Tất cả pháp tướng của Duy Thức Học thuyết minh đã được nói rõ trong Câu Xá. Như danh số tất cả pháp tướng của 75 pháp, của 5 ngôi vị đoạn trừ phiền não và tu hành chứng quả v.v...

đã được *Câu Xá Luận* sáng tác, chỉ định và giải thích tường tận để lưu truyền cho đời sau. *Duy Thức Luận* đều căn cứ nơi đó mà lược giải. Tác giả của *Duy Thức Nhị Thập Luận* và *Duy Thức Tam Thập Luận* chính là ngài Thế Thân. Còn tác giả của *Câu Xá Luận* cũng là ngài Thế Thân. Ngài Thế Thân đầu tiên tu học ba tạng kinh của tiểu thừa. Thành quả của sự tu học này, Ngài sáng tác bộ *Câu Xá Luận*. Về sau Ngài nhận thấy học lý của tiểu thừa thì chưa hoàn toàn cứu cánh. Tiến thêm một bước nữa, Ngài nghiên cứu Phật pháp của đại thừa. Kết quả của sự nghiên cứu này, Ngài sáng tác bộ *Duy Thức Luận*. *Câu Xá Luận* thì gồm có 5 ngôi vị tu tập và 75 pháp. Nhưng *Duy Thức Luận* thì gồm có 5 ngôi vị tu tập và 100 pháp. Ngoài 75 pháp tướng của tiểu thừa, *Duy Thức Luận* chỉ thêm có 25 pháp mà thôi. Ngoài trừ 25 pháp nói trên, đại cương tổ chức của *Duy Thức Luận* thì hoàn toàn giống với *Câu Xá Luận*. *Duy Thức Luận* chỉ có khác ở chỗ là hiển bày chân lý pháp tướng một cách sáng tỏ. Người nghiên cứu Phật học, trước hết nên nghiên cứu *Câu Xá Luận* và sau đó mới nghiên cứu *Duy Thức Luận*.

#### **b. DUY THỨC ĐẢ PHÁP HỌC LÝ CỦA CÂU XÁ**

Học lý của *Câu Xá Luận* thuyết minh phần lớn là chịu ảnh hưởng chỗ kiến giải về học lý của Nhứt Thiết Hữu Bộ và của Kinh Bộ. Như học thuyết ba đời thật có (Tam Thế thật Hữu), pháp thì có và ngã thì không (Pháp hữu ngã không), ba khoa đều có thật (ba Khoa là 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới) và có thân Trung Hữu (có thân Trung Ấm) v.v... *Duy Thức* đều phê bình những học thuyết này. Thành *Duy Thức Luận*, quyển thứ nhất phê bình những học thuyết nói trên cho là tiểu thừa và có chỗ không cứu cánh viên mãn. Nói chung, căn cứ nơi sự lý luận của *Duy Thức*, *Câu Xá* thuyết minh có chỗ sai lầm. Cho nên người học Phật nếu như không nghiên cứu *Câu Xá Luận* thì không biết chỗ giải thích của *Duy*

Thức như thế nào. Tục ngữ nói rằng: “*Biết ta biết người trăm trận trăm thắng*.” Đây cũng vậy, người nghiên cứu *Duy Thức Học* lẽ tất nhiên, trước hết phải tham cứu giáo nghĩa của *Câu Xá Luận*.

#### **2. DUY THỨC HỌC VÀ THÀNH THẬT HỌC**

Thành Thật cũng là tên của một bộ luận. Tác giả của bộ luận này là Ha Lê Bạt Ma, người Trung Ấn. Nội dung của bộ *Thành Thật Luận* bàn về Lý Không và Lý Không này so với học thuyết Tánh Không Duyên Khởi của Tam Luận thì không giống nhau. Tương truyền rằng, hệ phái Kinh Bộ trước tác bộ *Thành Thật Luận* để thuyết minh riêng biệt về Lý Không của tiểu thừa. Đến đời Diêu Tần, ngài La Thập dịch bộ luận này thành chữ Hán để lưu truyền về sau. Bộ luận này rất được nhiều người truyền bá và tu tập (Chú thích 5). Các học giả sở dĩ một thời chuyên về *Thành Thật Luận* là để thành lập một tông phái và họ đã hoàn thành một học phái. Sự hoàn thành học phái của tông Thành Thật được thấy chú sơ rất nhiều trong Kinh Lục gồm 24 loại. Thế nên biết rằng Tông này rất thịnh hành một thời (Chú thích 6). Từ đấy trong Phật Học, *Thành Thật Luận* thật là trọng yếu. Bộ luận này kể từ ngài La Thập trở về sau có người phê phán cho là đại thừa và cũng có người phê phán cho là tiểu thừa. Trong sử truyện, sự tranh luận vấn đề trên có hơi nhiều. Điển hình như “các học giả trước ngài Kiết Tạng đều cho *Thành Thật Luận* là luận của đại thừa, chỉ một ít nhân vật như ngài Tăng Nhu Huệ và thứ nữa như ba đại Pháp Sư của nhà Lương không phải là học giả của tiểu thừa. Cho đến những học giả của Tam Luận nhận thấy cũng là học giả của *Thành Thật Luận* và những vị đó đã trở thành luận sư của đại thừa. Nhưng ngài Kiết Tạng (học giả của Tam Luận), căn cứ trong Tam Luận Nghĩa Huyền, chứng minh cho rằng, Thập Nghĩa của *Thành Thật Luận* là tiểu thừa. Cả đến Ngài Huệ Viễn cũng

cho Thành Thật Luận là tiểu thừa. Từ đó các bộ luận được san định nhằm để cho những loại nào là thuộc về luận của tiểu thừa (Chú thích 7).” *Thành Thật Luận* sở dĩ bị ghép vào loại tiểu thừa là do không có người trước thuật mà ở đây không phải do các học giả của *Tam Luận* phê bình và hơn nữa đời sau *Thành Thật Luận* lại không có người nghiên cứu đến.

Lý Không của *Thành Thật Luận*, theo quan điểm của *Thành Duy Thức Luận* thì thuộc về loại Thiên Không và nó không phải là cái Không thuộc Trung Đạo cứu cánh. Tông Thành Thật cùng với Duy Thức quan hệ hơi ít. Học thuyết Nhị Đế: có và không, sanh và diệt, đồng và dị v.v... của Thành Thật Luận nếu so sánh nơi rất ráo Trung Đạo thì cũng có thể giống như giáo nghĩa Tam Tánh và Nhị Đế v.v... của Duy Thức Luận. Hai bên có thể quan hệ với nhau để phát minh. Như Trí Tạng Thành Thật Luận Sở nói rằng: “Trung đạo Nhị Đế sao gọi là vật được? Trung Đạo Nhị Đế do các pháp sanh khởi thì chưa hợp với Pháp Tánh. Đã chưa hợp với Pháp Tánh, cái Có của Trung Đạo Nhị Đế lẽ dĩ nhiên là thuộc về Vọng Có và cái Vọng Có này do cái Không thành lập, cho nên nó cũng thuộc về Tục Đế (lấy trong Hoàng Sử).” Tư tưởng đây rất gần nhau với thuyết Y Tha Khởi Tánh (Vạn pháp hiện có là do hư vọng phân biệt sanh) của Duy Thức. Thể của hư vọng là vô tướng, tức là thuộc về loại Biến Kế Sở Chấp Tánh. Còn cho rằng [Vô tướng tức là chân] thì cũng giống như thuyết Viên Thành Thật Tánh của Duy Thức. Như nói: “Chân và Tục thì đồng với Trung Đạo. Chân Đế thì vô tướng nên gọi là không phải có (phi hữu) và không phải không (phi vô) và nó chính là Trung Đạo Chân Đế. Còn Tục Đế thì thuộc về nhân giả tạo, nghĩa là Tức Nhân (đích thực là nhân) thì không phải Tức Quả (đích thực là quả) nên gọi là không phải có (phi hữu). Nhưng Nhân đây không thể không tạo ra Quả nên gọi là không phải không (phi vô). Học

thuyết không phải có (phi hữu) và không phải không (phi vô) chính là Trung Đạo Tục Đế.” Nguyên lý Trung Đạo Chân Đế của Thành Thật Luận so sánh thì không khác với Trung Đạo Tam Tánh của Duy Thức Luận.

### 3. DUY THỨC HỌC VÀ THIÊN HỌC

Thiền Tông là cốt tủy của Phật Học Trung Quốc, Đại sư Thái Hư đã nói: “Tánh chất đặc biệt của Phật Học Trung Quốc thì ở nơi Thiền Tông (Chú thích 8).” Thiền Học Trung Quốc bắt đầu từ nơi ngài An Thế Cao của nhà Hán. Mãi đến thời gian đời Tấn và đời Tống, ngài La Thập và ngài Bồ Đề Lưu Chi mới dịch các sách thuộc về yếu chỉ của pháp Thiền. Pháp Thiền từ đây lần lần thịnh hành. Nguyên do, Phật Pháp vốn xem trọng ở nơi tu chứng và coi thường ở nơi học lý. Trong sự tu chứng, pháp Thiền đương nhiên là công phu bậc nhất. Pháp Thiền thì thuộc về Tâm Học Tăng Thượng trong ba môn học Tăng Thượng. Nắm lấy vấn đề xét tâm của sự tu chứng chính là một trong ba môn học vô lậu. Vì thế các cao tăng của Tây Vực khi đến Trung Quốc đều trao truyền pháp Thiền. Đến thời Lưu Tống (khoảng năm 470-475), ngài Bồ Đề Đạt Ma, người Nam Ấn Độ đến Trung Quốc tự mình truyền thọ Thiền Học cho hậu thế. Thiền Học Trung Quốc từ đó phát sanh một loại Thiền biến hóa (Chú thích 9). Từ ngài Bồ Đề Đạt Ma trở về trước, Thiền Tông Trung Quốc không có kiến lập hệ phái truyền thừa chánh thống và đến khi ngài Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc trở về sau, Thiền Tông Trung Quốc mới có kiến lập lịch sử truyền thừa, đồng thời cũng có quy định rõ ràng phương pháp dụng công tu tập. Ngài Bồ Đề Đạt Ma trụ nơi Thiếu Lâm Tự tại Trung Nguyên, trải qua chín năm diện bích, tự mình tu chứng, tự mình truyền thọ học đồ (đệ tử). Nhờ vậy Thiền Tông Trung Quốc tôn vinh ngài Bồ Đề Đạt Ma là Sơ Tổ. Chúng ta cũng nên biết thêm về yếu chỉ đạo lý của Thiền Tông Trung Quốc. Pháp Thiền kể từ Bồ Đề Đạt Ma



trở về trước thì có sử dụng Kinh Giáo. Đến ngài Lục Tổ Huệ Năng trở về sau, Thiền Tông Trung Quốc phần lớn không căn cứ nơi Kinh Giáo, không lập văn tự và đơn độc tham cứu một câu thoại đầu hoặc một loại công án để tự tâm trực chỉ tự ngộ bốn tánh. Cho nên Pháp Thiền này được gọi là *Giáo Ngoại Biệt Truyền* của *Kiến Tánh Thành Phật* hoặc gọi là *Siêu Giáo Đốn Ngộ Thiền* và cũng gọi là *Tổ Sư Thiền*. Theo họ quan niệm, văn học chỉ là một loại giấy leo rế má và Kinh Giáo cũng chỉ là một thứ giày cỏ rách nát, tất cả đều là vật chướng ngại của sự trực ngộ bốn tánh. Mãi đến đệ tử đời thứ hai (Mã Tổ) của Lục Tổ Huệ Năng trở về sau, Thiền Học Trung Quốc lại trở thành thứ Thiền hoàn toàn vượt ra ngoài Phật và vượt ra ngoài Tổ, nghĩa là thứ Thiền không có Phật và không có Tổ. Thiền này được gọi là Thiền Siêu Phật Siêu Tổ. Đây cũng là tinh thần của Thiền Học Trung Quốc. Cảnh giới của Thiền Học Siêu Phật Siêu Tổ đạt đến gọi là lên tới đỉnh núi tạo dựng thế giới cực lạc (Đấng phong tạo cực).

Ngài Bồ Đề Đạt Ma dùng Kinh Giáo để làm căn cứ. Kinh Giáo mà ngài mang đến là một bộ kinh Lăng Già gồm 4 quyển.

*Kinh Lăng Già* có bốn người dịch:

a. Ngài Đàm Vô Sấm thời Bắc Lương dịch 4 quyển.

b. Ngài Cầu Na Bạt Đà La thời Lưu Tống dịch 4 quyển.

c. Ngài Bồ Đề Lưu Chi thời Bắc Ngụy dịch 10 quyển.

d. Ngài Thật Xoa Nan Đà thời Đường dịch 7 quyển.

Kinh Lăng Già mà ngài Bồ Đề Đạt Ma truyền thừa chính là bộ kinh của người dịch thứ hai.

Kinh Lăng Già nói trên là bộ kinh duy nhất của Thiền Tông làm tông chỉ, nghĩa là Thiền Tông căn cứ kinh điển này để ấn tâm. Hành giả tham cứu kinh điển Lăng Già để ngộ được chỗ

kiến giải của mình có chính xác cùng không, nghĩa là hành giả đem chỗ kiến giải của mình so sánh với giáo lý của kinh này xem có hợp với nhau không để xác định tiêu chuẩn. Có thể nói, Thiền Tông kể từ Bồ Đề Đạt Ma, tổ thứ nhất tiến thẳng một mạch đến Hoàng Nhãn, tổ thứ năm đều truyền thừa kinh *Lăng Già*. Đương thời kinh *Lăng Già* rất thịnh hành nơi phương bắc (Trường Giang là thuộc về phương bắc) và đã kiến lập được một tông phái gọi là *Lăng Già Tông*. Như *Tăng truyện* nói rằng: “Thiền sư sơ tổ Đạt Ma đem bốn quyển *Lăng Già* trao truyền cho Huệ Khả và nói rằng: ta xem đất Hán chỉ có kinh này, các bậc nhân giả y cứ theo đó thực hành, tự nhiên sẽ được đạt đạo.” Lại nữa, ngài Huệ Khả mỗi khi thuyết pháp xong liền nói rằng: “Bốn quyển kinh này lưu truyền cho đời sau sẽ biến thành danh tướng, như thế đáng thương hại vậy!” Chưa hết, tư chất truyền thừa kinh *Lăng Già* của thiền sư Pháp Xung được thấy trong Pháp Xung truyện. Nguyên vì thiền sư Pháp Xung hoàng pháp tại bắc phương chuyên sử dụng mạng mạch gia bảo của kinh *Lăng Già*. Cho nên Lăng Già tông ở đây được gọi là Nam Thiên Trúc Nhất Thừa Tông. Như Pháp Xung truyện nói rằng: “Xung vì áo điển của Lăng Già, say mê nghiên cứu lâu ngày, theo đuổi, phỏng vấn các vị sở tại, không sợ hiểm nguy, gặp được kẻ đồ đệ của Khả Sư, gia công học tập kinh này. (Xung) liền y chỉ nơi sư để tu học, thường đả kích Đại sư (thầy của Xung) liền bỏ đồ chúng ra đi. Xung tha hồ giảng dạy khắp nơi, tức là liên tục giảng Lăng Già hơn 30 lần. Sau đó Xung lại gặp được Khả Sư và đích thân nhận người làm giáo thọ. Xung căn cứ nơi Nam Thiên Trúc Nhất Thừa Tông giảng giải Lăng Già cả trăm lần (Chú thích 10).” Nam Thiên Trúc Nhất Thừa Tông sở dĩ thành danh là do kinh *Lăng Già* và kinh này được mang đến từ Nam Ấn Độ. Kinh *Lăng Già* chính là bộ kinh do đức Phật giảng tại núi Lăng Già thuộc Nam Ấn

Độ. Như kinh nói: “Ta vì các chúng sanh phá hoại các phiền não, biết được căn tánh ưu khuyết của họ và vì họ nói pháp môn độ thoát. Các pháp mỗi mỗi phát sanh không phải được thành lập ngoài nguồn gốc phiền não. Pháp ta nói tuy Nhất Thừa, nhưng chính là Đại Thừa vậy.” Đời nhà Đường, vị thầy giảng dạy kinh Lăng Già chính là Thiền sư Tịnh Giác và trong truyện Pháp Xung, thiền sư cũng có giảng đến pháp thoại này. Pháp truyền thừa của kinh Lăng Già là truyền thẳng và truyền đến Ngũ Tổ. Ngũ Tổ truyền pháp cho Thần Tú cũng là truyền kinh *Lăng Già*. Nhưng Ngũ Tổ khi truyền pháp cho Huệ Năng thì lại truyền kinh *Kim Cang* mà không truyền kinh *Lăng Già*. Tại sao Ngũ Tổ không truyền kinh *Lăng Già* mà lại truyền kinh *Kim Cang*? Lý do nổi bật chỉ điều này là, Lục Tổ trước kia khi chưa đến Đông Sơn học pháp, một hôm nghe người tụng kinh *Kim Cang* đến chỗ thích hợp liền tỏ ngộ. Khi đến Hoàng Mai, Lục Tổ tự mình thường tụng kinh *Kim Cang* làm căn bản. Tổ Hoàng Nhãn chưa từng chỉ dạy cho Huệ Năng về tâm yếu kinh *Lăng Già*. Cho nên Ngũ Tổ liền đem tâm pháp nơi chỗ sở ngộ của Huệ Năng trao truyền cho Lục Tổ. Đó là thuộc về loại tùy cơ thuyết giáo của Ngũ Tổ. Tất cả học chúng của Ngũ Tổ kể luôn cả Lục Tổ Huệ Năng mỗi khi cùng nhau học pháp đều tôn vinh Thần Tú lên ngôi vị Thủ Tọa. Như thế tư cách của Thần Tú thì cao hơn Huệ Năng? Chỉ vì chỗ ngộ đạo của Thần Tú thuộc về cảnh giới Lăng Già là cảnh giới tiệm giáo và nó không phải là cảnh giới đốn giáo. Điều đáng chú ý, Thần Tú không phải không bằng Lục Tổ về chỗ đốn ngộ thâm sâu. Lẽ đương nhiên Thần Tú cũng thấu rõ lý đốn ngộ và họ cũng đã trải qua sự đốn ngộ đó rồi. Lúc bấy giờ (Đương nhiên Thần Tú cùng Huệ Năng đều ở chung một chùa), Thần Tú lại chú trọng nơi sự tu tập nhiều hơn. Nếu như so sánh với nhau về sự tu tập, công phu của Lục Tổ thì tiến bộ hơn Thần Tú một

bậc. Về sau Thần Tú thì hoàng hóa ở phương bắc và đều sử dụng kinh *Lăng Già* làm tông yếu. Sự thành công của Thần Tú là “hai lần làm Pháp Vương ở Bắc Kinh và làm Quốc Sư ba đời vua.” Các môn hạ của Thần Tú gồm có các ngài như: Phổ Tế, Nghĩa Phước, Huyền Trách (?) v.v... Lại nữa “Thần Tú tiếp tục lãnh chúng, thọ ân huệ sự tôn sùng của cung đình và sự tôn vinh của toàn quốc.” Do nhân duyên đó, các thiền nhân trong thiên hạ đều tấp nập đến chỗ của Thần Tú để nương tựa “Đông Sơn Pháp Môn” (Chú thích 10), tôn vinh Thần Tú là Tổ thứ sáu và Phổ Tịch là Tổ thứ bảy. Còn Huệ Năng thì đi về phương nam, sử dụng kinh *Kim Cang Vô Tướng* làm pháp môn đốn ngộ để xiển dương Tâm yếu. Tất cả mọi giới tại Đại Giang Nam đều quy hướng về tông môn của ngài. Đệ tử của Huệ Năng là Thần Hội. Thần Hội đến phương bắc hoàng dương đại sự. Trong Đại Hội Vô Giá, Thần Hội thẳng tay công kích toàn bộ phương pháp truyền thừa của dòng Phổ Tế và cho phương pháp truyền thừa của họ là phi pháp và phương pháp đó không phải là chánh tông. Thần Hội luôn luôn đề cao y pháp của Thiệu Châu. Lúc bấy giờ Thần Tú đã viên tịch và môn đồ của Phổ Tế đã già nua. Tông tượng của Lăng Già thì không bằng thế lực hoạt bát lớn lao của Thần Hội. Lăng Già Tâm Tông chung cuộc lần lần bị mai một. Ngược lại, sự hoàng dương kinh *Kim Cang* từ từ chiếm địa vị ưu thế khắp cả nước. Thế nên Kinh Giáo của Thiền Tông lúc bấy giờ là kinh *Kim Cang* thay thế kinh *Lăng Già*. Huệ Năng nhờ thế lực của Thần Hội mới đạt được kết quả là chánh thức trở thành Đại Tổ Sư thứ sáu. Toàn bộ pháp môn truyền thừa của kinh *Lăng Già* bị thay thế bởi toàn bộ pháp môn truyền thừa của kinh *Kim Cang* và lối truyền thừa này được trao truyền cho đến ngày nay. Về sau các thiền nhân căn cứ nơi Tông Lăng Già xem lại thì nhận thấy, toàn bộ pháp môn truyền thừa của Huệ Năng đều là pháp môn biên soạn cả.

Còn sự biến hóa của Thiền Tông như thế nào? Đó là sự chuyển biến tư tưởng nơi Phật Học và sự chuyển biến này đã đạt đến cứu cánh. Nguyên nhân áo nghĩa của kinh *Lăng Già* và kinh *Kim Cang* thì hoàn toàn khác nhau. Điểm bất đồng của hai bộ kinh nói trên có thể là do một thời kỳ nào đó đã tìm được căn cứ. Tiệm đây, nội dung của hai bộ kinh xin tuần tự trình bày: kinh *Lăng Già* thì chuyên giảng về Pháp Tướng Duy Thức và kinh *Kim Cang* thì chuyên giảng về Vô Tướng Tánh Không. Nhưng tông chỉ của Lăng Già Tông và Thiền Tông, cả hai đều chủ trương minh tâm kiến tánh thì ý nghĩa của hai tông phái này rất kết hợp với nhau. Đại ý toàn bộ kinh *Lăng Già* mặc dù cũng thuyết minh Pháp Tướng Chân Như, nhưng nếu như ly khai Tứ Cú thì tuyệt đối sai lầm trăm phần trăm. Có thể khẳng định, kinh *Lăng Già* quá thiên trọng về sự trình bày cụ thể các mặt như “năm Pháp, ba Tự Tánh, tám Thức, hai Vô Ngã.” Điểm rõ ràng nhất là kinh *Lăng Già* hoàn toàn chú trọng nơi phương diện Pháp Tướng và theo kinh này, nhờ Pháp Tướng mới có thể tiến sâu vào Pháp Tánh. Đó là tông chỉ của kinh *Lăng Già* và tông chỉ này chỉ thuộc về Tiệm Giáo và không phải thuộc về Đốn Giáo (Chú thích 11). Còn chủ trương của kinh *Kim Cang* là trình bày Pháp Tánh và cũng là mục tiêu chính yếu của Thiền Tông. Pháp Tướng thì chú trọng nơi sự phân tích và sự phân tích của Pháp Tướng đều khởi điểm từ chỗ phức tạp của các pháp để tìm ra sự mạch lạc của chúng. Hồ Thích là một học giả danh tiếng của Trung Quốc nói rằng: “Duy Thức Học Trung Quốc là bộ phận triết học phức tạp.” Duy Thức Học tận lực phân tích khả năng của sự vật hy vọng có thể minh tâm kiến tánh. Do đó kinh *Kim Cang* cũng bắt đầu từ tánh không duyên khởi để phát huy Pháp Tánh (Chân Như) và kinh *Lăng Già* cũng khởi điểm từ pháp tướng duyên sanh trên liền bắt tay vào việc để làm sáng tỏ cái Tâm. Nếu như so sánh cả hai

bên, kinh *Lăng Già* và kinh *Kim Cang* thì hoàn toàn không giống nhau. Pháp Tánh thì lia nói năng và cũng không lo nghĩ đến chỗ đạt đạo. Cho nên tông chỉ của Tổ Sư Thiền là chú trọng nơi sự tu chứng, cứ một lòng tham cứu thì tương lai một ngày nào đó rốt cuộc sẽ được khai ngộ. Vì chủ trương như thế của Tổ Sư Thiền, cho nên các thiền khách lúc bấy giờ không ham muốn học nhiều về pháp tướng phiền toái của kinh *Lăng Già*, mà ở đây họ chỉ ưa thích Pháp Tánh đơn giản trực tiếp của kinh *Kim Cang*. Theo họ, tham cứu về nguyên lý, Ý Thức nắm lấy bốn tâm thì mới có thể chứng đắc Bốn Tánh. Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến cho kinh *Kim Cang* thay thế kinh *Lăng Già*.

Như trước đã trình bày, lịch sử của Thiền Tông thì đã phát triển và biến hóa. Một cách nói thẳng, Thiền Tông kể từ Huệ Năng trở về sau thì hoàn toàn không lập văn tự và chủ trương không cần phải nghiên cứu ba tạng giáo lý, chỉ cần sử dụng Thiền Quán để xem câu thoại đầu như thế nào là đủ rồi. Nhưng trên thực tế, lối chủ trương này xét ra thì không phải đơn giản. Vấn đề không đơn giản ở đây được nhận định trên hai phương diện như sau:

(còn tiếp)

### **Chú giải:**

*Chú thích 4:* Tham cứu *Thang Sử*, phần thứ 2, chương thứ 28, trang 855, niên lịch của Chân Đế.

*Chú thích 5:* *Kiết Tạng Tam Luận Huyền Nghĩa* nói rằng: “Xưa ngài La Thập phiên dịch Thành Thật Luận Cảnh và ra lệnh cho Tăng Duệ giảng giải.”

*Chú thích 6:* Thấy trong *Thang Dụng Đồng Phật Sử*, chương 18, trang 721.

*Chú thích 7:* Thấy trong *Hoàng Sâm Hoa Phật Sử*, tiết 11, trang 120.

*Chú thích 8:* Thấy trong *Thái Hư Đại Sư*

*Toàn Thư*, Trung Quốc Phật Học, chương 2, tiết 1, trang 11.

*Chú thích 9:* Cũng đồng với *Thái Hư Đại Sư Toàn Thư* ở trước, tiết 2 gồm có: Y Giáo Tu Tâm Thiền, Phân An Ban Thiền, Ngũ Môn Thiền, Niệm Phật Thiền, Thật Tướng Thiền. Tiết 2 gồm có: Ngộ Tâm Thành Phật Thiền. Đây tức là Thiền từ Bồ Đề Đạt Ma trở về sau.

*Chú thích 10:* Điều thấy trong *Lăng Già Tông Khảo* của Hồ Thích (*Hồ Thích Luận Cận Trước*, trên tập 1, trang 198.)

*Chú thích 11:* *Kinh Lăng Già* có nghĩa của “Tông Thông Thuyết Thông.” Tông Thông nghĩa là thấy được Pháp Tánh và Thuyết Thông nghĩa là thấu rõ Pháp Tướng.

## thơ PHÙ DU

### Sương

*Thuyền chài một chiếc ra khơi  
Triền sương mỏng lộ chân trời dàng đông  
Rừng dàng tây  
Gió bắc lồng  
Cỏ cây chơm chớm sắc rừng tải sương  
Đàng em sương xuống ướt vườn  
Trang thơ sương khói lên nguồn dàng tôi.*

### Bên Bờ

*Bến nước bao năm vắng tiếng đò  
Ngược xuôi thuyền máy sóng lô xô  
Một chiều thu lạnh, bên bờ dốc  
Ông lão ôm cần, câu giắc xưa.*

## ĐẠO LÝ NGƯỜI XƯA

Dương Phủ đời nhà Minh, đỗ tiến sĩ, làm đến chức ngự sử, có tiếng là nhân hậu, thẳng thắn, và thanh liêm.

Thuở thiếu thời, ông nhà nghèo, nhưng siêng năng làm việc, phụng dưỡng cha mẹ, và chuyên cần học hành.

Một hôm nghe bên đất Thục có Vô Tế Đại Sĩ là vị chân tu, Dương Phủ bèn xin phép song thân vắng mặt ít lâu, để tìm bậc Vô Tế học đạo.

Trên đường đi, ông gặp 1 lão tăng bảo rằng: “Gặp Vô Tế sao bằng gặp Phật!”

Ông bèn hỏi: “Phật ở đâu?”

Lão tăng nói: “Người cứ quay về, hễ gặp người nào quần áo, giày dép như... thế này..., thì là Phật đấy!”

Dương Phủ chú ý suốt đường về, chẳng gặp một ai ăn mặc như thế cả. Đến nhà thì trời đã khuya, cửa đóng, ông bèn gọi song thân... Nghe tiếng, mẹ ông mừng quá, vội khoát áo nâu, đi dép ngược, ra mở cửa cho ông vào.

Bấy giờ, dưới ánh đèn, ông mới nhận ra hình dáng mẹ ông đúng như lão tăng đã diễn tả.

Từ đấy, Dương Phủ biết cha mẹ trong nhà tức là Phật. Ông chỉ cần vâng lời và phụng dưỡng, xem như tu nhân tích đức rồi, chứ chẳng cần cầu kỳ, tìm Phật ở đâu xa!

(Theo Lý Nguyên Dương)

### Lời bàn

Làm con phải nhớ “Ta có thân này là nhờ cha mẹ.” Chớ nào phải thần linh Thượng đế nắn tạo? Thân ta dù so với kẻ khác có thể không



bằng, nhưng nó là vật trân quý yêu thương nhất của cha mẹ ta, nên cả hai người luôn luôn tận tụy hy sinh để cho ta được an lành, và khôn lớn nên người, học hành đỗ đạt, có chỗ đứng xứng đáng trong xã hội. Tình thương phụ mẫu ấy vô bờ bến. Lòng từ bi của đức Phật đối với chúng sinh cũng như thế đó thôi!

Kinh Phật chỉ rõ: *“Con mà làm hại đến cha mẹ, tội nặng bằng làm hại 2 vị Phật. Ngược lại, một hiếu tử khi biết phụng dưỡng, tôn kính cha mẹ, thì phước đức cũng vô lượng, nhiều bằng cúng dường 2 vị Phật!”*

Hơn nữa, hành động “ngoan đạo” của một Phật tử ở trong chùa chỉ có vào các ngày rằm, mồng một, hay dịp lễ, và không ảnh hưởng đến chung quanh bao nhiêu, vì ai đi chùa cũng dụng tâm ít nhiều làm việc phước. Nhưng cử chỉ hiếu thảo của 1 người con trong gia đình hằng ngày, luôn luôn hẳn là gương sáng cho tất cả noi theo, nhất là đám trẻ thơ khi thấy người lớn đối đãi như vậy thì sẽ bắt chước!

Tổ tiên ta vẫn dạy: *“Hiếu đứng đầu cả trăm nết tốt!”* Chỉ có người có thương yêu hiếu đạo mới biết trung với tổ quốc, và nhân từ, tôn kính đồng bào!

Văn chương bình dân Việt Nam cũng có các câu:

*“Thứ nhất là tu tại gia,*

*Thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa!”*

hay:

*“Tu đâu cho bằng tu nhà,*

*Thờ cha, kính mẹ mới là thật tu!”* ■

**Tri Giác**

*(Tiếng nói Phật tử Hương Việt)*



## Vu Lan Mùa Hiếu Hạnh

Sống trong buổi văn minh vật chất, mà nói đến “đạo đức” không phải là chuyện dễ! Tuy nhiên, hiếu thảo là giá trị đạo đức đáng tồn tại, và đề cao!

Ở Âu Mỹ, mỗi năm có “Fête de Mère,” “Fête de Père.” Các cửa hàng treo đầy “quảng cáo,” cho con cái mua quà tặng cha mẹ, để chứng tỏ lòng nhớ ơn của mình. Ở Mỹ thì có ngày Mother day, Father day tặng hoa cha mẹ.

Về phía đồng bào VN, nhất là các Phật tử, thì Rằm tháng Bảy Âm Lịch, là dịp đi chùa dự lễ Vu Lan, báo hiếu.

Ba pháp cao quý trong đạo Phật “thành thật, nhẫn nại, và biết ơn,” thì biết ơn là pháp được người đời khen ngợi nhất!

Cha mẹ là 2 bậc có ân đức sâu dày đối với con. Ôn đức đó chan hòa từ khi con còn là phôi thai trong lòng mẹ cho đến lúc chào đời. Và nó còn tiếp diễn, để con được nuôi dưỡng đầy đủ, học hành thành công trong xã hội. Cha mẹ nuôi nấng, giáo dục con mà chẳng hậu ý. Khi con hiển vinh, cha mẹ không nhất thiết dự phần, nhưng nếu con thất bại, cha mẹ lại hoàn toàn chia xẻ.

Đối với con, cha mẹ hằng có 4 đức tánh của Phật, là: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Tâm Từ khiến cha mẹ thương con như chính mình. Tâm Bi mong cho con đừng khổ. Tâm Hỷ vui mừng trước thành công của con nhiều hơn thành công của mình. Và Tâm Xả khiến cha mẹ chỉ nhớ đến cái tốt của con, mà để quên đi mọi lỗi lầm. Do 4 đức

lành trên, cúng dường cha mẹ, con sẽ được phước báu như cúng dường chư Phật!

Kinh còn chép: “Nếu con để cha mẹ lên 2 vai, rồi đưa đi nhiều vòng khắp trái đất, hầu hạ cha mẹ nơi vai mình, dẫu 2 vị bệnh hoạn, phóng uế trên người..., con cũng chưa trả hết ân đức cha mẹ!

Theo Phật giáo, do những nhân quả tương quan đồng nghiệp, lưu lại từ vô thủy giữa con và cha mẹ, nên hình hài thai nhi có nhiều điểm ẩn lộ giống cha mẹ. Và ngày nào chúng ta chưa đạt được trí tuệ thanh tịnh giải thoát, thì ngày đó chúng ta chưa hiểu thấu ân đức mênh mông, trong vô số kiếp của cha mẹ đối với ta!

Bổn phận làm con trước tiên phải vâng lời cha mẹ, nhất là không nên làm mất phong hóa, hay danh dự cha mẹ. Khi cha mẹ tuổi già phải hết lòng phụng dưỡng, an ủi người trong những lúc bệnh hoạn, hay buồn phiền giữa cuộc đời. Nếu cha mẹ là Phật tử, thì người con sáng suốt phải nhắc nhở tinh tấn tu hành. Vì cung cầu vật chất là báo hiếu hiện tiền, còn nhắc nhở cha mẹ tu hành, là báo ơn vị lai!

Ngoài ra, Rằm tháng Bảy vốn không phải là dịp duy nhất để báo hiếu cha mẹ, mà trong đời sống hằng ngày, lúc nào hàng con hiếu thảo cũng có thể đền ơn đấng sinh thành. Đặc biệt khuyến cha mẹ tin Tam Bảo và nghiệp nhân quả luân hồi.

Sau đây là 3 quả lành của người con có hiếu:

1. Được mọi người thương mến.
2. Được cha mẹ dành cho tất cả những gì họ có.
3. Được hưởng quả lành trong tương lai. ■

*Phật tử Nguyễn Thị Ngọc Vân  
(Caroline)  
(Tiếng nói Phật tử Hướng Việt)*

## WHY I BECAME A BUDDHIST?

Tại Sao Tôi

Trở Thành Phật Tử?

David Stewart (Thường Pháp)  
Thiện Quảng (Thường Trí) dịch

When I was asked to write a short article about a Westerner's view of Buddhism, I thought I would have an easy time of it. What I have found is that it is hardly easy to truly analyze and put to words the underlying reasons for being a certain religion. What I can share with you, the reader, is how I came to be a Buddhist and the personal reasons why I have chosen to do so. Hopefully I can build some understanding of the Buddhist faith and dispel some common myths that many Westerners have about my religion.

My first steps to entering the Buddhist path began when I was a teenager. The exact age escapes me, but I do remember that around fifteen years of age I seriously began to question the faith which I was born into. I was raised in a very liberal Methodist spiritual community, and the ties to it were primarily those of habit. I was raised in a Methodist household, I attended Sunday School, and went on the prescribed youth retreats with my peers at church. Anh while I can admire the emotional devotion that these people had for their faith, I was always possessed of a great doubt for what I was being taught. Whenever I asked questions about why I should believe what was being presented to

me the answer was based simply on faith.

Needless to say that my teenage rebellion and intellect would not allow to accept simple answers based purely on faith. In time I became more of an outsider and more disenchanted with all things spiritual. Now you may suppose that I lack faith, given my previous statements, but this is hardly the case. Like Siddharta, I was going through a very important stage of one's spiritual development, that of experiencing "Great Doubt." It is not until a person goes through this painful period of spiritual maturation, that a person can further deepen their devotion to a religion. Without this "growing pain," a person only develops a superficial understanding of their beliefs.

I began to look into other religious beliefs such as B'hai, Judaism, and Hinduism. I read about Taoism. I studied more and more, and still came up with nothing, no matter what faith I currently was looking into. I was about to simply declare myself a devote secular humanist, then I decided to take up a martial art, and this is where my turning point came. Yes, it sounds cliché. I began to push myself for mastery over myself physically, and decided that without the mental side, I would be lacking as a martial artist. So I took to meditation. This naturally led to reading about Zen Buddhism.

The path I took may seem typical, but as I see it is not a terribly poor path on which to enter Buddhism, after all Siddharta was quite accomplished in the martial studies. Still I had other questions which remained unanswered. I was still convinced that humans had both the capacity for infinite good and evil, but my faith in an omnipotent, omniscient god was not there. So where did "good" and "evil" come from? Left with these questions, I studied more and more about the Buddha, and found that he had these exact questions. He had my great doubt. He

experienced spiritual longing, and ultimately his spiritual quest led inward, much like my own quest. In his life I found a mirror to my own. So I found refuge in the Buddha.

My relating to Buddha eventually led me to a desire to study his teachings, the Dharma, and in the Dharma I found answers to the questions I had always had. The Dharma is beautiful in its simplicity, and profound in its message. This still doesn't make it an easy road to follow. In fact the simplicity of Dharma was recognized by Buddha as an incredibly complex idea. It is like Buddha's disciples wondering about why Buddha smiled as he smelled a flower, we often miss the heart of a matter for wondering about the largest of details. So much of the information about Buddhism is distorted by those with a superficial understanding of the teachings of Dharma, that it was very difficult to study further about the path I had chosen to take.

It is an unfortunate fact that most Westerners perceive Buddhism as the realm of monks and martial artists, that it is a cult devoted to dour contemplation and grim-hearted warriors. In order I must find a Sangha, a Buddhist community, in order to deepen my understanding. This is no easy task for a Westerner, and I must admit that I am a little jealous of those who are born into Buddhism. Finally, after asking around about the location of a temple in my town, I was finally told about Quan Am Temple.

When I came into the temple on a Sunday it was as if I had come home after a long trip away. I feel instantly at home. Everyone was happy to see me, and treated me with consideration that I had never before experienced. Yes, it must have been an odd sight for an American to suddenly show up, but I was treated like a family member from the moment I set foot in the temple. I could finally take refuge in a Sangha. I had finally found the "Third Jewel," a

community in which I could explore my Buddha Nature and practice my new found faith.

This past February I formally became a Buddhist. While I still don't understand all my family members at the temple (there is a language barrier), there is something more which binds us all together. I hope that more Americans will come to join our community, if not to take refuge in the Three jewels, but to simply learn more about Buddhism. In any case I am happy to finally have been given a chance to tell others about why I became a Buddhist, and hope to share more about my faith in the future.

\*

Khi được yêu cầu viết một đoạn văn về quan điểm của người Tây phương đối với Phật giáo, tôi nghĩ rằng mình cần phải dành chút ít thời giờ cho việc này mới được. Tôi nhận thấy việc phân tích một cách trung thực và viết ra những lý do căn bản khiến cho tôi phải theo một tôn giáo nào đó, là một việc cũng có phần dễ dàng, không đến nỗi khó khăn cho lắm. Quý bạn đọc sẽ cảm thông với tôi qua sự việc tôi đã đến cùng quý bạn để trở thành một người Phật Tử, cùng với những lý do cá nhân vì sao tôi đã quyết định chọn Phật giáo. Mong rằng tôi có thể đề ra một vài nhận định về niềm tin của người Phật Tử và loại bỏ những huyền thoại mà nhiều người Tây phương thường ngộ nhận về Phật giáo.

Từ thuở thiếu thời, tôi đã tung những bước chân đầu tiên để hướng về đạo Phật. Chính xác vào độ tuổi nào thì tôi đã quên đi, nhưng tôi còn nhớ vào khoảng tuổi mười lăm, tôi bắt đầu đặt câu hỏi một cách nghiêm túc vào nơi đức tin mà tôi đã bị áp đặt từ lúc mới lọt lòng. Tôi lớn lên trong một cộng đồng giáo hội Methodist rất là phóng khoáng, và sự liên hệ của tôi với giáo hội ấy xét trên cơ bản thì chỉ là vấn đề tập tục. Gia

đình tôi theo đạo Methodist, tôi đã từng tham dự các lớp học ngày Chủ Nhật và liên tục tham gia các hoạt động tu dưỡng dành cho giới thanh niên tại nhà thờ với những người bạn cùng trang lứa. Trong khi tôi thán phục tấm lòng mộ đạo của những người có đầy đủ đức tin, tôi vẫn còn nghi ngờ về những điều mà tôi được truyền dạy. Mỗi khi tôi đặt nghi vấn tại sao tôi phải tin vào một điều nào đó thì chỉ được trả lời là dùng đức tin để tin.

Khỏi cần phải nói, sự bông bột và trí thông minh của tuổi trẻ không cho phép tôi chấp nhận những câu trả lời đơn giản như thế, vì cho rằng căn bản của niềm tin lại cũng chỉ là niềm tin. Ngay lúc đó, tôi đã chuyển mình thành một người ngoại cuộc và không còn nhắm mắt tin theo tất cả những điều thuộc lãnh vực tinh thần mà tôi đã được truyền dạy. Cũng có thể bạn cho rằng tôi thiếu đức tin vì do những lời khẳng định như tôi vừa nói. Nhưng sự thật thì không phải như vậy, phải nói rằng đối với tôi đây là một trường hợp rất là đặc biệt. Giống như Thái Tử Sĩ Đạt Ta, lúc bấy giờ tôi cũng đang trải qua một tình huống biến chuyển nội tâm hết sức là nghiêm trang, biến chuyển ấy đã kết thành một KHỐI NGHI TO LỚN trong tôi. Những ai chưa từng kinh qua những trần trở đầy khó khăn gian khổ này, thì chẳng bao giờ có thể thấu hiểu một cách sâu xa niềm tin tưởng của chính họ đối với một tôn giáo; và nếu không có những trần trở ấy phát sinh thì cái niềm tin mà họ nói ra đó chỉ là một sự triển khai cái tri kiến thiển bực mà thôi.

Tôi bắt đầu tìm tòi các niềm tin khác như Ba Hai Giáo, Do Thái Giáo và Ấn Độ Giáo. Tôi đọc sách của Lão Tử. Tôi tiếp tục nghiên cứu nhiều hơn nữa, nhưng hãy còn chưa có kết quả gì, lúc bấy giờ chẳng có thể tìm ra bất cứ một niềm tin nào khả dĩ. Hầu như tôi sắp trở thành một người không tôn giáo. Sau đó tôi quay qua học võ thuật và đây chính là một BƯỚC



NGOẶT. Phải, điều này nghe có vẻ sáo ngữ. Tôi bắt đầu chuyển hướng nhắm tới một điều gì cao cả hơn, vượt lên trên cái tôi thể xác, và đoán quyết rằng nếu không chú trọng về phương diện tinh thần thì tôi sẽ là một con nhà võ chưa đúng nghĩa. Vì thế tôi dùng cách trầm tư mặc tưởng để bổ túc cho sự thiếu sót đó. Điều này tự nhiên dẫn tôi vào con đường Thiền Định của Phật giáo.

Con đường mà tôi chọn đó có vẻ rất là mầu mực, theo thiếu ý của tôi, với con đường này chúng ta có thể bước vào ngưỡng cửa Phật giáo không đến nỗi khó khăn cho lắm. Đây chính là con đường mà Thái Tử Sĩ Đạt Ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn sau nhiều cuộc diễn tập chiến đấu. Mặc dầu vậy, tôi vẫn còn nhiều vấn đề khác chưa có câu giải đáp. Chẳng hạn như tôi luôn luôn quả quyết rằng chỉ có Con Người mới có đầy đủ tư cách và năng lực để định đoạt toàn bộ hành động của chính mình, làm Lành hay làm Dữ, không bao giờ tôi lại đem lòng tin tưởng có một vị Thượng Đế với toàn trí toàn năng. Như vậy thì vấn đề ở đây là: điều Lành và điều Dữ phát xuất từ đâu? Từ Con Người hay từ Thượng Đế? Tôi mang những câu hỏi này đi tìm câu trả lời nơi đức Phật. Tôi nhận thấy rằng xưa kia đức Phật cũng có những thắc mắc như tôi vậy. Ngài cũng có cái KHỔINGHI TO LỚN như tôi ngày nay. Ngài cũng đã kinh qua những vấn đề chưa có câu giải đáp, và cuối cùng Ngài đã QUAY TRỞ VÀO NỘI TÂM để tìm ra câu giải đáp; vấn đề của riêng tôi cũng tương tự như thế. Nhìn qua cuộc đời của đức Phật, tôi đã tìm thấy một tấm gương sáng để noi theo, và như thế tôi đã tìm được sự an trú nơi đức Phật.

Kết quả là: sự gieo duyên đó đã khiến tôi thấy cần phải học hỏi những điều Ngài giảng dạy, đó là PHẬT PHÁP. Và từ trong Phật Pháp tôi đã tìm ra câu trả lời cho những điều mà từ lâu tôi vẫn thường thắc mắc. Phật Pháp được tuyên bày ra quả thật rất tuyệt vời, vẫn từ tuy

đơn giản mà ý nghĩa rất là sâu sắc. Nói thế không có nghĩa Phật Pháp là một con đường dễ bước vào. Thật ra, đức Phật cũng công nhận cái đơn giản của Phật Pháp như là một hệ thống tư tưởng vô cùng khó hiểu. Chẳng hạn như việc những đệ tử của Ngài lấy làm ngạc nhiên sửng sốt, không biết vì sao Ngài mỉm cười khi Ngài gửi một đóa hoa. Đó là vì chúng ta thường hay đánh mất bản chất của vấn đề, để đi thác mắc về những chi tiết nổi bật của hiện tượng. Hiện nay có quá nhiều vấn đề trong đạo Phật đã bị những người hiểu biết nông cạn về Phật Pháp giải thích ý nghĩa một cách sai lầm. Điều đó sẽ gây cho tôi ít nhiều sự khó khăn trong khi tôi muốn nghiên cứu sâu rộng về con đường mà tôi đã chọn.

Thật là một điều không đáng vui mừng khi phần lớn những người Tây phương nhìn đạo Phật như là một lãnh vực hoạt động của các nhà sư, các nhà võ thuật, và như là một hệ thống nghi lễ để cúng dâng cho những người tu sĩ trầm lặng khắc khổ và kiên quyết. Để có thể đi sâu vào CỐT TỬY của đạo Phật ngõ hầu tăng gia sự hiểu biết của mình, tôi quyết định phải tìm một TĂNG ĐOÀN, một cộng đồng Phật giáo. Đây không phải là công việc dễ dàng cho một người Tây phương như tôi. Phải thú thật rằng tôi đã có một chút lòng ganh tỵ với những người đã được may mắn sanh vào trong Phật Pháp trước hơn tôi. Và sau một thời gian dò hỏi, cuối cùng tôi đã tìm được một ngôi chùa trong thành phố mà tôi đang ở, đó là chùa Quan Âm.

Thế rồi đến một ngày Chủ Nhật nọ, ngay khi tôi bước chân vào chùa Quan Âm, tôi liền có một cảm giác thoải mái vô cùng, và tự thấy mình như một người vừa trở lại nhà sau một cuộc du hành lâu ngày xa vắng. Tôi không ngờ, hôm ấy tôi được mọi người vui vẻ đón tiếp rất mực ân cần chưa từng có. Đáng lẽ một người Mỹ thành linh đơn thân xuất hiện sẽ gây nhiều bỡ ngỡ, nhưng ngược lại, ngay từ bước chân đầu

tiên đến chùa tôi đã được đón tiếp như một người thân thuộc. Hôm đó tôi đã xin quy y với Tăng Đoàn. Chính nhờ thông qua NGÔI TĂNG BẢO mà tôi mới được biết rằng tôi vốn có cái TRI KIẾN PHẬT và đây chính là nơi tu tập để thể hiện niềm chánh tín ấy mà tôi mới vừa được khai thị.

Tháng 2 vừa qua tôi đã chính thức trở thành Phật Tử. Mặc dù tôi vẫn chưa hiểu được tất cả Phật Tử quen thuộc của chùa (vì ngôn ngữ bất đồng), nhưng hình như có một sợi dây vô hình đã ràng buộc chúng tôi gắn bó bên nhau. Tôi hy vọng rằng nhiều người Mỹ nữa sẽ đến với cộng đồng của chúng ta, dù không Quy Y Tam Bảo thì cũng học hỏi được nhiều hơn về đạo Phật. Dù sao, tôi rất hân hạnh có được một cơ hội để biện minh TẠI SAO TÔI TRỞ THÀNH PHẬT TỬ và ước mong được cùng quý bạn đọc chia sẻ với tôi mãi mãi về sau, nỗi vui mừng sau khi tìm được một niềm tin chân chánh. ■

## thơ HOÀNG VIỆT THI

### Câu Thơ

Vàng trắng xanh vữa mọc  
Trận gió đùa mái tranh  
Cây đèn dầu vụt tắt  
Câu thơ mới hình thành  
Cây bút khoanh một nét  
Dừng ở giữa thình không  
Ngoài vườn vang tiếng ếch  
Câu thơ rơi ấm lòng.

(tặng Vĩnh Thọ)

## CÂY VÚ SỮA

Diệu Nga

Cây vú sữa đã già cỗi lắm rồi. Những nhánh cây khô cằn và khẳng khiu hình như có thể gãy bất cứ lúc nào. Lá vú sữa tròn úm, một bên thì xanh, một bên màu nâu lợt phơn phớt những lông tơ làm cho người ta liên tưởng đến hình ảnh “cây vàng lá ngọc” trong truyện cổ tích, bây giờ chỉ còn lơ thơ. Nhựa không đủ sức nuôi cây nên lá không còn mượt mượt như xưa. Nhiều lá như cháy khô, có lá cong queo thu mình lại để sinh tồn theo tinh thần “*khéo ăn thì no, khéo co thì ấm.*” Thân cây to gần bằng thân dừa nhưng da đã nứt nẻ, sần sùi, mốc thối. Cây nghiêng hẳn vào đất liền, một phần rễ bị lộ thiên vì nước sông vô tình đã kéo đi một phần đất của cây vú sữa.

Bà Tư cầm cái lồng hái mà cứ ngẩn ngơ hoài, không nỡ. Cây già nua tàn tạ như vậy mà còn cho trái. Trái của nó ngon thiệt nhưng bà thương cây quá. Hái trái của nó, bà cảm thấy như mình nhẫn tâm tận dụng lòng tốt của một người bạn thân. Mà “người bạn” này, bà mới gặp lại sau mười năm xa xứ nên tình thương mến của bà còn đậm đà hơn xưa nữa. Bà chống cây tre xuống đất, đứng im lặng ngậm ngùi...

Mới ngày nào bà cho cây xuống đất, lúc cây còn nhỏ xíu. Nhờ chịu khó bón phân vun đất, cây lớn nhanh. Chỉ hai năm sau, cây có trái. Năm đầu, trái chiêng không nhiều nhưng lớn lắm, bằng cái chén vậy; lúc còn non, vỏ xanh màu lá, đến khi sắp chín, đầu hơi nhọn, da bóng lưỡng và đổi màu vàng rám. Năm sau, trái sai

vô kể. Hái hết đợt này đến đợt kia, mỗi lần năm, sáu chục trái. Dùng con dao bén xẻ một trái chín mùi, những giọt sữa trắng chảy ra, ruột cũng trắng tươi, mịn, mềm và ngọt dịu, ăn vào mát cả ruột gan.

Giống vú sữa này do chính bà chọn mua ở vườn ương cây tại Mỹ Tho nên cây cũng là niềm hãnh diện của bà. Vú sữa chín vào dịp gần Tết nên bà dùng làm quà biếu xén, không bán cho bạn hàng.

Cây đã lớn lên và trưởng thành trong thời kỳ gia đình bà sung túc và hạnh phúc nhất. Thời ấy, bà có dâu hiền, có rể quý, cháu nội, cháu ngoại, thật đầm ấm vui vầy. Bà rảnh rang đi chùa, ông chăm sóc cây kiểng, chẳng có gì phải bận tâm lo lắng. Cuộc sống thật đầy đủ an nhàn, dù ai đánh đổi địa vị cao sang quyền thế chắc chắn bà cũng chối từ.

Nhưng rồi cảnh vô thường ác liệt xảy ra, bà đau thể chối từ sự đổi thay của thời cuộc! Gạt nước mắt tiễn chồng con xuống tàu đi Mỹ, bà ở lại với Thảo, cô con gái cứng, thẳng rể “cách mạng” và Thúy, đứa cháu ngoại đầu tiên. Rể của bà là một cán bộ nằm vùng; khi “cách mạng thành công”, Hải trở thành người có quyền thế trong tay; chẳng những quyền hành đối với cơ quan, quận, xã mà thôi, Hải nắm luôn quyền thu xuất trong nhà.

Thế là bà không còn đồng xu bỏ túi. Cây vú sữa này đã nuôi bà. Những khi trái gió trở trời không tiền thang thuốc, bà phải mua chịu ở tiệm thuốc bắc trong làng, đến mùa vú sữa, bà mang trái đến cho chủ tiệm để trừ nợ.

Hải kiểm soát, bán buôn hết thấy các lứa dưa, mùa cam, may mà nó quên cây vú sữa. Có lẽ vì cây trồng khuất ở bờ rạch sau nhà và vì hồi trước bà không hề bán vú sữa nên Hải không để ý tới.

Năm năm trời sống trong thiếu thốn, uất hận vì sự trở mặt của thẳng rể cho đến lúc không còn chịu đựng được nữa, bà theo tàu người em

đi vượt biên.

Cuộc đời mới bắt đầu hay chỉ là muốn tìm lại bóng hạnh phúc ngày xưa? Ở Mỹ, bà được sống với chồng con. Người đàn bà Việt Nam không có niềm vui riêng tư nào, bà chỉ vui trong sự đầm ấm của đại gia đình. Ở chung với vợ chồng Hiếu cũng tạm ổn. Một phần vì ông Tư đi làm thêm có phụ tiền nhà, một phần vì ông dạy cho bà cách “ăn theo thuở, ở theo thời” nên bà cũng biết tùy thuận theo hoàn cảnh mới, bỏ bớt những khuôn mẫu, cố chấp, lễ nghi cứng ngắt ngày xưa...

... Thảo thấy mẹ đứng trầm ngâm, nàng thông cảm được nỗi niềm tâm sự của mẹ. Bao nhiêu nhớ thương, bấy nhiêu kỷ niệm! Cây vú sữa này cũng đã chứng kiến nhiều sự biến đổi của đời nàng. Mẹ theo tàu của cậu đi vượt biên, thoát đã mười năm. Từ đấy, Thảo phải làm việc nhiều hơn, công việc luôn những việc của mẹ trước kia, từ ngoài vườn đến trong bếp. Chồng nàng thì mê mệt trên đường công danh. Anh thích quyền uy và thế lực, anh không quan tâm đến việc nhà, cũng không có thì giờ để thấy người vợ hiền làm suốt ngày, quần quật như trâu, tháo vát như một “chiến sĩ lao động” đến nỗi dung nhan, vóc dáng của nàng thay đổi một cách nhanh chóng và thảm hại. Cô Thảo ngày xưa tóc mây, da trắng, dáng gầy thanh thanh bây giờ đã biến thành một thiếu phụ luống tuổi, da sạm đen, tóc muối tiêu còn thân hình thì vạm vỡ như một anh tá điền.

Hải bận nhiều việc “đại sự”, vắng nhà thường xuyên. Thảo không hề biết được những chuyện anh làm. Nàng bị biến thành một mù quáng gia làm việc không công hơn là một người vợ bởi vì Hải không hề để ý đến tâm tư, đời sống của vợ, cũng không tâm sự gì với nàng. Anh kín mít như bưng. Anh là một ông chủ lớn không phải là một người chồng cùng chia ngọt xẻ bùi.

Sự cô đơn lạnh lẽo làm tình cảm trong lòng nàng cũng tàn lụn dần. Thảo chỉ sống vì con.

Cảnh “đồng sàng dị mộng” đôi khi làm nàng tơ tưởng đến Hồ, người yêu thuở ban đầu. Nàng không biết nếu ngày xưa được làm vợ Hồ, đời nàng có cơ khổ đến dường này chăng? Nào ai biết được cái gì sẽ xảy ra cho mình? Cuộc đời là một chuỗi ngày bất trắc, đổi thay. Than ôi! hạnh phúc, phải chăng chỉ là ảo tưởng? Cuộc sống hạnh phúc ngày xưa của ba má nàng, của Hải và Thảo trong những năm đầu tiên, giờ chỉ còn là kỷ niệm.

Điều may mắn cho Thảo là nàng còn một bà mẹ. Bà vừa trở về thăm nhà sau mười năm xa cách. Tóc bà lơ thơ, trắng hếu, đôi chân đã yếu nhưng da dẻ còn hồng hào và đôi mắt bà toát ra sự an lành.

Thảo có cảm tưởng mẹ nàng là một bà tiên. Bà cũng là một vị phúc thần đã cứu vớt nàng những lúc điêu đứng và lo gầy dựng tương lai cho đám con nàng. Nàng chợt thấy có sự trùng hợp lạ kỳ: bà chẳng khác nào cây vú sữa thân thương này. Tuy già lão, tuy rế chỉ còn bóm một phần vào đất mà năm nào nó cũng cho trái. Cây cố gắng hiến cho đến ngày tàn cũng như mẹ lo lắng, tiếp tế cho nàng mãi không thôi.

Thảo rùng mình. Rủi mẹ mất, nàng sẽ ra sao? Cây vú sữa có thể ngã xuống bất cứ lúc nào, và mẹ đâu thể sống đời để lo cho Thảo hoài được. Đôi khi Thảo xấu hổ vì cứ bám vào mẹ mãi nhưng biết làm sao hơn? Hải lần lượt bán bớt vườn đất cho người ta, lại thêm nạn ăn cắp vặt hoành hành cả thôn xóm nên huê lợi chẳng thấm vào đâu. Nhiều người đồn Hải có vợ bé mới bán vườn để tậu nhà cửa. Thảo không còn hơi sức đâu để ghen tuông; nàng biết mình phải tự lo cho các con, không cần đến người chồng vô nghĩa đó. Có lẽ Hải cũng biết Thảo được nguồn tiếp tế từ Mỹ nên anh càng buông trôi, phó mặc cho nàng.

... Thảo nhìn sự già nua của mẹ, nhớ đến người cha quá cố, lòng nàng lo sợ vu vơ... Thảo tiến đến sau lưng mẹ, nhẹ nhàng đỡ lấy cây sào,

giơ lên hái trái. Mẹ về ăn Tết nên cũng gặt mùa vú sữa. Thảo biết mẹ về nên để dành nhiều trái chín trên cây. Trái bây giờ nhỏ xiu nhưng vẫn còn ngon. Mẹ ngồi xuống, mân mê từng trái một, không nói năng chi.

Nàng đỡ mẹ đứng lên, tay xách giỏ vú sữa, tay dìu mẹ vào nhà. Hồi đó, mẹ hay nói hay cười, bây giờ sao mẹ cứ dăm chiêu. Thảo kể chuyện nhà cửa cho bà nghe, bà không chú ý chi lắm. Kể cả việc Hải lánh mặt bà, bà cũng không bắt bẻ chi. Chẳng biết tuổi già làm mẹ mệt mỏi hay vì cái chết của cha nàng làm bà không còn thiết gì đến những sự việc chung quanh?

Thảo lựa trái vú sữa lớn nhất, cắt ra làm tư, xẻ vỏ, bỏ hạt rồi mời mẹ. Bà Tư run tay cầm lên một miếng, bập bập rồi nuốt, vị ngọt thấm vào lưỡi, nghe mát rượi. Nước sữa trắng đục chảy xuống tận cằm. Bà xây qua xây lại tìm cái khăn giấy nhưng chợt nhớ đây là quê nhà ở Cái Bè, có ai xài khăn giấy bao giờ! Thảo lẹ tay đưa mẹ cái khăn rằn đỏ. Bà cầm khăn lau miệng rồi tự nhiên thấy tức cười.

Chợt ý thức rằng mình đã im lặng quá lâu, bà hỏi:

— Tụi nó chừng nào mới nghỉ Tết?

Nghe nhắc tới con, Thảo trả lời với một chút hãnh diện:

— Dạ còn một tuần nữa má à. Tại tụi nó học trường Nguyễn Đình Chiểu thành ra kỷ luật nghiêm lắm, không dám “cúp cua.” Hên là má về nhằm ngày cuối tuần nên tụi nó theo con lên Saigon đón má được đó!

Trong ba đứa cháu ngoại, bà Tư thương Thúy nhất, có lẽ vì nó giống hệt Thảo ngày xưa.

— Năm nay con Thúy cũng 18 tuổi rồi há!

— Dạ. Nó sắp thi tốt nghiệp phổ thông. Sau đó, nó sẽ theo ngành sư phạm. Nó học giỏi chứ không dốt như con hồi đó!

Dĩ vãng chầm chậm trở về. Ở, hồi đó ba anh em tụi nó cũng ở chung một nhà trọ tại Mỹ Tho



để đi học. Mỗi chủ nhật kéo nhau về làm âm ỉ cả nhà, thật vui. Bây giờ bà nhìn quanh quất trong nhà, thấy quạnh hiu. Ván nhện, bọ hóng giăng đầy, bếp núc lạnh tanh, cửa nẻo tróc sơn loang lổ. Đồ đạc trong nhà mất đi hơn một nửa. Cái tủ thờ cần ốc xa cừ, bộ bàn ăn mặt cẩm thạch trắng, gỗ cẩm lai, bộ ván gỗ chân quỳ đầy hơn một gang tay, những món đồ giá trị nói lên sự phong phú của gia đình bà ngày xưa, giờ không còn.

Bà không biết Hải thay Thảo đã bán chúng. Bà hơi ân hận. Nếu mình có tiền gửi đều đặn cho Thảo, chắc cũng đâu đến nỗi nào! Nhưng bà đâu thể làm khác hơn được.

Nhớ lại mấy năm đầu tiên mới sang Mỹ, bà không có đồng xu dính túi. Ông Tư phải đi làm lao động ngoài trời suốt cả bốn mùa mới đủ tiền xoay xở. Hồi bà chưa qua, ông tá túc vợ chồng Hiếu, tối ngủ ngoài phòng khách cũng không sao. Có bà sang, cần thêm phòng, phải mượn nhà khác. Ở Mỹ, nhà thêm một phòng giá cao hơn, thật là mắc mỏ.

Thời gian này, bà đâu dám mở miệng xin tiền ông để gửi về Việt Nam. Bẵng đi mấy năm liền, mãi đến khi ông được lãnh trợ cấp của người già, ông tiếp tục đi làm nửa buổi, nhờ đó mới có dư chút đỉnh. Ông cho bà mỗi tháng 100, bà cúp núp gửi về cho Thảo.

Với sự khuyến khích của ông Tư, bà rón học Anh văn để có thể thi quốc tịch Mỹ. Tuổi già lú lẫn, học trước quên sau thật là khó khăn quá đỗi. Mỗi lần nhớ lại ngày được phỏng vấn, bà còn mắc cười. Phần thi viết nhờ có người ngâm giúp, đã được thông qua. Giờ chỉ vào vấn đáp.

Trước đó một tuần, Thuận chở bà sang nhà nó để nghe con dâu Mỹ của bà nói chuyện cho quen giọng và mỗi tối, cô ta dợt cho bà chục câu trả lời tủ vì kinh nghiệm của những người thi trước, ai cũng được hỏi có chừng ấy câu thôi. Bà học chăm lắm, chép ra từng câu rồi viết âm tiếng Việt, đọc đi đọc lại đến nằm lòng. Mỗi

đêm trước khi ngủ cũng nằm đọc thầm nên thuộc lâu lâu.

Ngày thi, bà thức dậy sớm lắm, tiếp tục ôn bài. Bây giờ bà mới thông cảm với tình cảnh của học trò. Vào đến cơ quan INS là tìm bà bắt đầu đánh lô tô trong lồng ngực, bà có cảm tưởng như mình sắp lên đoạn đầu đài. Lúc ngồi chờ tới phiên, cả tay chân đều toát mồ hôi lạnh. Ông Tư phải trấn an bà nhiều lần. Đến khi họ kêu tới tên, bà run như cây sậy, đứng dậy không nổi. Hễ gắng đứng lên thì sụm xuống, mắt nổ đom đóm.

Ông Tư kể tai nói nhỏ: “Bà hít thở từ từ, có gì mà sợ. Không đậu thì rút, ai giết bà đâu!” Câu nói “khi dễ” của ông Tư làm bà “nổi máu anh hùng” ngày xưa, bà không còn ngán nữa, đứng dậy ngang nhiên như một “chiến binh oai dũng.”

Nhưng rủi cho bà hôm đó, người phỏng vấn này không phải là người đã hỏi những người quen của bà, thành ra các câu “tủ” của bà kể như trượt lớt. Họ hỏi một câu, bà đọc một câu. Thấy ông ta lắc đầu, bà đọc câu khác. Ông Mỹ nhăn mặt, bà số câu thứ ba, rồi câu thứ tư. Cho tới lúc ông ta chịu không nổi, ôm bụng cười chảy nước mắt thì bà hiểu kết quả kỳ thi ấy ra sao rồi.

Thua keo này ta bày keo khác. Đi thi có cực khổ chi đâu; dù sao bà cũng thuộc bài sẵn, nếu may mà gặp “đúng người” thì bà trúng tủ, đậu là cái chắc. Nhứt hóa tam. Lần thứ ba thì bà “trúng tủ” thiệt. Bà gặp đúng ông Mỹ già có râu “Ăng lê” như bà Hai Hậu, như ông Tư tả. Ông ta hỏi một câu, bà đáp một câu theo đúng y như thứ tự lổp lang trong trí nhớ của bà. Hỏi ba, bốn câu gì đó, ông ta nhìn bà, cười mỉm rồi nói: “OK.”

Trời ơi, bà mừng như trúng số! Rồi đây bà sẽ được lãnh tiền già. Đối với bà, tiền này cũng như từ trên trời rơi xuống. Chẳng hiểu tại sao họ lại cho mình hưởng phụ cấp này trong khi mình không có đi làm đóng thuế cho Mỹ một đồng xu các bạc nào. Họ tốt thiệt!

Khi bà được hưởng trợ cấp thì ông Tư cũng đã yếu. Ông không còn đi làm thêm. Vả lại, hai “đầu lương già” tính ra cũng được cả ngàn bạc thành ra thoải mái lắm. Thế là bà Tư thực hiện “mộng ước” của mình ngay. Vài ba tháng một lần, bà dốc túi gửi về Việt Nam, khi 500, khi 300.

Thảo được tiếp tế thật đúng lúc. Các con của nàng đều lớn, cần phải lên tỉnh học nên nàng muốn một căn nhà gần trường cho tụi nó ở. Nhà tại tỉnh lại tiện việc nhận thư từ tiền bạc của mẹ nàng ở ngoại quốc. Thỉnh thoảng Thảo muốn người giữ nhà và làm vườn, nàng lên đó lo cơm nước cho tụi nó, vài ba tuần mới về.

Thằng Út Toàn lúc mới học lớp ba, Thảo cũng chuyển lên tỉnh học luôn. Nàng đã chán cảnh vườn quê, nhất là vì Hải bỏ bê nhà cửa nên nàng cũng không tha thiết lắm. Nhưng có lần Hải đòi bán nhà, Thảo quyết liệt phản đối. Lý do là mẹ nàng sẽ trở về thăm quê, nàng muốn giữ ngôi nhà này là kỷ niệm vô giá của mẹ.

Vườn bây giờ chỉ còn lại chừng nửa mẫu chung quanh nhà nhưng dù sao cũng là khung cảnh thân thiết của mẹ nàng. Quả thật vậy. Mẹ về đi thăm từng gốc dừa, từng cây cam. Cây nào cũng xơ xác, nhiều cây đã chết khô nhưng mẹ vẫn trân trọng, bồi hồi.

Trong cảnh quạnh hiu tàn tạ đó, chỉ còn gốc mai già với những nhánh đầy búp hoa mუმ mუმ hứa hẹn một mùa xuân tươi thắm. Cây mai làm bà Tư nhớ kỷ niệm xưa. Hồi đó, năm nào cũng vậy, tới rằm tháng chạp là bà hối tụi nhỏ lật lá. Mai mà được lật sạch lá sẽ cho nhiều bông hơn là để tự nhiên. Tới ngày cuối năm, dù cứng cây mai lắm, bà cũng biểu ông cưa hai nhánh. Một nhánh đem cúng chùa, một nhánh chưng ở bàn thờ ông bà. Tối giao thừa đi chùa nhìn cành mai của mình được thầy cắm vào bình bông ở chánh điện, bà sung sướng đứng yên ngắm nghía mấy búp hoa vàng tươi đẹp lác đác nở đúng lúc đầu năm.

Thảo cho biết lúc sau này nạn ăn cắp vặt hoành hành lắm. Để giữ cây mai và trái cây chung quanh nhà cho mẹ về xem, nàng phải nuôi con chó “bẹt giê.” Con chó vừa dữ vừa khôn làm Thảo đỡ sợ trong cảnh đơn chiếc nơi này.

Bà Tư ăn xong trái vú sữa, cảm thấy khỏe khoắn. Thảo ép mẹ ăn thêm, bà nói để dành ăn từ từ. Rồi bà đòi đi chùa:

— Chùa làng mình bây giờ ra sao?

— Dạ, thầy trụ trì cũ cũng còn ở đó nhưng bây giờ ít người lui tới. Thầy làm ruộng, làm rẫy, tự sống một mình. Người ta ép thầy hoàn tục, thầy không chịu.

Bà Tư gật gù. Tu mà gặp thử thách, nghịch duyên thì mới rõ ai là người vững tâm. Bình thường, ai cũng như ai vậy thôi. Bà về Việt Nam chuyển này một công mà hai chuyện. Trước là thăm con cháu, nhà cửa, chị em cho đỡ nhớ; sau là đem hũ tro cốt của ông Tư về thờ ở chùa làng.

Chồng bà không hề trời trăng phải làm việc này nhưng ý bà muốn như vậy và dặn con cái sau này khi bà trăm tuổi cũng phải thiêu rồi đem cốt về chùa Tịnh Nghiêm. Nằm ở đây, giữa lòng quê hương, ngay làng Phước Thạnh này mới ấm cúng. Sớm chiều lại được nghe kinh kệ, thế nào cũng siêu sanh.

Bà biểu Thảo hái chục cam, chục quít đem theo cúng chùa rồi tự tay bà ôm hũ tro cốt, vịn vai Thảo, bước chầm chậm theo con đường làng râm mát. Lối xóm bây giờ lạ hoắc, bà không quen ai. Có lẽ những người quen thuở trước giờ cũng tứ tán khắp nơi; một vài người đã qua đời. Đám con cháu của họ có khuynh hướng về thành thị, để sống hơn.

Chùa cách nhà không xa lắm nhưng vì bà đi bộ từng bước chậm rì nên hơn nửa tiếng đồng hồ mới tới nơi. Khi mái chùa hiện ra, bà đứng lại vừa thở, vừa quan sát. Hai bụi trúc ở cổng tam quan giờ lớn quá, lá tỏa ra che khuất cả tên chùa. Đường vào chùa trước kia đầy hoa cỏ, bây

giờ toàn những bắp cùng khoai. Mái lá đã cũ lấm, ngả màu đen sậm, chắc mùa mưa phải chịu dột.

Hai mẹ con vào trong mà chẳng thấy bóng dáng thầy. Thảo đỡ mẹ ngồi xuống ghế nghỉ mệt rồi đi tìm. Thầy Thường Lạc đang lúi húi nhổ củ cải trắng; thầy xếp thành từng đống nhỏ, ngay hàng thẳng lối. Lâu lắm rồi Thảo mới có dịp đến chùa, gặp thầy. Thầy đã ngoài 50 nhưng còn rắn rỏi lắm với làn da đen sậm của một người nông dân. Quần áo lam lũ, rách bời. Có lẽ tóc thầy tự cạo nên không được nhẵn thín như các vị sư khác.

Khi Thảo thưa: “Dạ có má con ở Mỹ về thăm thầy!” nhà sư mới hay có người đến.

Thầy đứng dậy, phủi tay, quệt mồ hôi trán đang tuôn thành giọt. Nắng trưa phản chiếu lấp lánh trên khuôn mặt ướt đẫm của ông. Thầy nở một nụ cười. Hình như sự lao tác không làm thầy khổ sở chút nào.

— A Di Đà Phật! Cô cảm phiền vô trước, mời bà dùng nước, tôi sẽ vô liền.

Dù thầy Thường Lạc đã rửa mặt mày tay chân và thay bộ đồ khác trước khi vào phòng tiếp khách nhưng bà Tư cũng không nhận ra vì bây giờ thầy khác xưa nhiều quá. Nhìn vẻ lam lũ của thầy, bà ứa nước mắt.

Thầy chấp tay, mỉm cười, nói:

— A Di Đà Phật! Chào đạo hữu Diệu Châu. Xin mời lên chánh điện lễ Phật.

Chánh điện bây giờ cũng vắng vẻ, điều hiu tuy nhiên vẫn giữ được sự sạch sẽ, trang nghiêm. Tiếng chuông u trầm cất lên, bà cúi xuống đánh lễ Phật với lòng bồi hồi, thương cảm.

Sau khi hai bên hỏi thăm về đời sống của mỗi nơi, bà Tư vào đề ngay:

— Thầy cũng biết, nhà tôi qua đời hơn hai năm nay. Hơn chục năm sau này, ông chuyển tu Tịnh Độ. Lúc mất, ông đi rất nhẹ nhàng, thầy có nghĩ rằng ông nhà tôi được vãng sanh?

— Người tu Tịnh Độ cầu vãng sanh, lúc lâm

chung là lúc quyết định. Nếu ông biết mình sắp chết mà không sợ hãi, không quuyến luyến cõi đời, không bịn rịn vợ con, ra đi một cách an ổn thì chắc được siêu sanh.

Bà Tư kể:

— Ông cảm lạnh sơ sài, nào dè ông đi. Ngày trước đó, ông còn nói đùa: “Bệnh sơ sơ mà đi được là nghiệp nhẹ, bà đừng khóc lóc, đừng than thở gì hết cho tôi nhờ.”

Thầy Thường Lạc hiểu ông Tư. Thầy đã làm lễ qui y và hướng dẫn ông tu học mấy chục năm về trước. Tâm ông như một thửa ruộng tốt. Giống Bồ Đề thầy gieo trên ấy nảy nở nhanh, phát triển mạnh. Sau này thời cuộc biến chuyển, sự đổi đời càng trợ duyên cho ông thức tỉnh, quyết chí tu. Ông chuyên tu về Tịnh Độ, có thể đã biết trước ngày chết, thầy tin ông được vãng sanh.

Thầy vui vẻ hỏi tiếp:

— Rồi đạo hữu có khóc không?

Bà Tư thành thật:

— Dạ, giựt mình thì có, khóc thì không. Bởi vì tôi cũng biết khóc lóc chẳng những vô ích mà còn làm hại công phu tu hành của ông.

— Đạo hữu làm như vậy là đúng đó.

Bà e dè nói tiếp:

— Ông đi không trời trắng gì thành ra vấn đề an táng, thờ phượng tôi nghĩ không ra. Nếu hỏa thiêu rồi đem chôn ở nghĩa trang bên Mỹ thì tội cho ông, cứ dặt dờ nhớ nơi chôn nhau cắt rún. Còn đem về đây chôn đất nhà thì chẳng dẫu gì thầy, đất đai bây giờ thẳng rể tôi là chủ, tôi đâu có quyền. Thành ra tôi tính xin thầy cho tôi đem hũ cốt này vô chùa, sớm chiều ông được nghe kinh kệ thì tốt quá!

Thầy Thường Lạc uống hớp nước lạnh, trầm ngâm một lúc rồi nói:

— Theo lệ thường, đạo hữu tính như vậy cũng phải nhưng tôi cho rằng ông Tư đã được vãng sanh, đâu cần nhọc tâm lắm vì mớ tro bụi này.

Thảo nãy giờ yên lặng theo dõi câu chuyện, giờ nghe thầy nói vậy, cô giật mình, xen vô:

— Dạ thầy thương xin nhận giùm, con sẽ cúng tiền lợp chùa lại cho đàng hoàng hơn.

Thầy thương hại nhìn Thảo; tâm cô còn “đời” quá, lúc nào cũng có sự trao đổi như là “bánh ích đi, bánh qui lại.”

— Tôi chưa hề nói nhận hay không nhận. Tôi hỏi đạo hữu Diệu Châu một câu và cô Thảo một câu. Nếu cả hai đều đáp được, tôi sẵn sàng làm theo sự yêu cầu của các vị.

Hai người hồi hộp giương mắt nhìn thầy, chờ đợi.

— Đạo hữu Diệu Châu hiểu rằng mỗi chúng ta đều đã trải qua vô lượng kiếp. Trong vô lượng kiếp đó, chúng ta có nhiều quê hương, có nhiều hài cốt, phải không? Bây giờ, những quê hương cũ, những hài cốt xưa của đạo hữu đâu? Đạo hữu còn nhớ không? Có giữ chúng được không?

— Dạ không!

— Tại sao?

Bà chợt nhớ lại bài học cũ trước đây thầy đã dạy:

— Bởi vì tất cả đều giả tạm không thật có!

— Biết là giả tạm thì phải biết buông bỏ, cố sao cứ nắm níu hoài. Lòng luyến tiếc không muốn rời bỏ là mầm mống của tử sinh. Dù đạo hữu tu bao nhiêu năm đi nữa nhưng nếu chưa lìa được ái dục là còn chịu cảnh luân hồi. Dù Phật Di Đà phóng quang tiếp dẫn, đạo hữu cũng không thể vãng sanh nếu còn bị tình trần lồi kéo quá mạnh mẽ.

Bà Tư hiểu ý thầy. Thầy đã từ bi chỉ dạy bí quyết tu hành. Chẳng phải bà không biết nhưng lắm khi quên lãng hoặc có chợt nhớ cũng không thực hành được. Bây giờ, từng tuổi này, đã gần đất xa trời, nếu không dụng công trì chí thì thật là uổng một kiếp người. Bà Diệu Châu cảm động đến nghẹn lời. Thảo thấy mẹ xúc động, cô không biết làm sao, cứ ngồi im bẻ mấy ngón tay.

Thầy Thường Lạc xây qua Thảo:

— Còn cô, tôi hỏi câu này. Cô gửi tro cốt của ba cô ở đây, nếu mai kia một nọ tôi thành linh qua đời, lấy ai hương khói, ai tụng kinh cầu siêu? Đừng ý y vào ông thầy tu nhiều quá!

Bà Tư, nhất là Thảo, biết tánh thầy Thường Lạc rất “cừ khôi.” Ông không sợ ai, dù người ta hăm dọa đủ thứ; ông chỉ thích nói sự thật và sống tự lập. Thầy hỏi câu này làm Thảo cũng cứng họng.

Thái độ lúng túng của Thảo và vẻ mặt buồn xịu của bà Tư làm thầy thương hại, đổi giọng bông đùa:

— Thổ thần thổ địa ở vùng này không linh. Có khách quý tới mà không báo trước cho tôi hay để chuẩn bị. Tôi đã nhổ xong mấy giống củ cải, ngày mai bạn hàng đến lấy. Họ sẽ đem gạo, nếp và tương chao cho tôi. Nếu đạo hữu muốn cúng vong, ngày mai có thể trở lại.

Thảo hiểu rõ hoàn cảnh thanh bạch của thầy. Nhiều khi thiếu gạo, thầy ăn toàn bắp hoặc khoai. Thảo tính trong bụng ngày mai sẽ đem gạo và thức ăn đến chùa nấu nướng không dám làm phiền thầy nhiều quá. Chợt nhớ đến giỏ trái cây, cô đi tìm cái mâm, chằm rãi sắp cam quýt vào. Bà Tư trịnh trọng đưa hũ tro cốt cho thầy. Thầy đỡ lấy, vỗ nhẹ vào hũ như thầy giáo vỗ đầu một đứa học trò lúc nó giỏi hay ngoan.

Hai người từ giã ra về với lòng cảm kính. Cũng như thầy, bà biết chồng bà đã về miền An Lạc. Ngay lúc sanh tiền, tâm ông không hề có sự bức bối, đau khổ. Ông thản nhiên vui sống trong cảnh khổ cực, cảnh nghèo cùng và sẵn sàng làm sự ích lợi, gây sự vui vẻ cho người chung quanh.

\*

\* \*

\*

Hai tháng vui vầy xum họp nơi quê nhà trôi qua thật nhanh chóng. Bà Tư trở lại Mỹ với lòng luyến tiếc, bùi ngùi và nỗi nhớ thương lại còn ray rứt hơn. Bà thầm mong những ngày cuối



trong cuộc đời được về sống nơi mái nhà xưa, giữa khu vườn râm mát bóng dừa, được thở không khí thoang thoảng mùi hoa cam, hoa bưởi.

Nhưng ước vọng đó chắc không bao giờ thực hiện được. Nếu bà về Việt Nam ở luôn, người ta sẽ không cấp tiền già cho bà và Thảo sẽ lâm vào cảnh khốn đốn. Bà biết sức mình đã yếu, chẳng còn sống được bao lâu nữa, nhưng hễ còn sống là còn lo lắng cho con.

Đành rằng Thảo có anh em ở Mỹ nhưng mà phận ai nấy lo, làm sao cáng đáng gia đình Thảo hoài được. Thuận tuy là kỹ sư nhưng chỉ một đầu lương, lại có vợ Mỹ, sống theo lối Mỹ thì làm sao có dư? Vợ chồng Hiếu thì mang tiếng là chủ nhà hàng nhưng năm sau này buôn bán ế ẩm vì các tiệm mở ra cạnh tranh quá nhiều. Hai vợ chồng Hiếu bị nợ nần chồng chất và làm việc bù đầu, sinh chán nản, mệt mỏi nên trong nhà chẳng vui.

Nhớ hồi ông Tư mới mất, bà nghĩ tiếp tục phụ chút đỉnh tiền nhà nhưng lúc đó tụi nó còn làm ăn được, không chịu lấy. Nhờ vậy, ngoài tiền gửi cho Thảo ra, bà còn để dành được mớ tiền để về Việt Nam. Chuyến đi vừa rồi, tính ra tốn cả 3000 đô. Những người đã có kinh nghiệm đi về, họ nói: “Về Việt Nam đem theo bao nhiêu cũng không đủ.” Thật vậy, khi bà trở qua Mỹ, cái túi rỗng không. Mà bà có đi chơi, ăn xài gì cho cam. Hễ gặp người bà con, quen biết nào khốn cùng là bà móc túi ra, móc ra hoài làm Thảo tiếc tiền, nhăn mặt.

Bà Tư biết ý, nói riêng với nàng:

— Phần con, chừng về Mỹ má sẽ gửi qua thêm 1000. Tiền má mới cho, cứ sang sập để đó; chừng có thêm tiền thì bỏ hàng, bắt đầu buôn bán. Bán tạp hóa vậy chớ có lời lắm, sống được đó con. Bây giờ còn được chút tiền, má muốn bố thí, muốn giúp đỡ bà con. Đã sống trong cảnh thiếu hụt, má thương người nghèo khó, con à. Đây là ước muốn cuối đời của má, con đừng cản trở.

Khi bà về Mỹ, hai ngày sau, Hiếu kêu bà, hỏi nhỏ: “Má còn dư tiền không, cho con mượn đỡ; lúc sau này lỗ lã quá mà phải cầm cự. Rán chịu trận, chờ hai tiệm kia dẹp, mình ngon lành trở lại.”

Bà Tư trả lời với lòng hối hận:

— Má không dè con túng dữ vậy nên về bến má cho người này người kia hết trơn.

Hiếu làm thỉnh cúi đầu. Chàng không dám thố lộ cho mẹ biết là Kim cần nhằn dữ lắm. Nàng trách má chồng vô tình. Ở đây mà không lo cho người tại đây; có bao nhiêu tiền cứ gửi về Việt Nam, đã vậy còn ôm mấy ngàn bạc về cho Thảo thành ra Kim sinh ác cảm với cô em chồng.

Cả năm nay, tuy bà phụ tiền nhà trở lại, nhưng đối với người làm ăn lớn thuyền lớn sóng, 200 bạc có thấm vào đâu!

Bà Tư nhìn vẻ mặt bơ phờ của Hiếu, càng thêm xót xa. Bà nói đại không kịp suy nghĩ:

— Thôi rày tới, tiền già của má con cứ lấy hết mà xoay xở, chừng nào má cần, má cho con hay. Ờ, tiền hai tháng má đi cũng còn đó mà, phải hông?

Hiếu ấp úng:

— Dạ con đã mượn để phát lương. Xin má tha lỗi.

Lòng mẹ lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ, bà không chấp nhứt chi. Đứa con nào cần đến bà, bà cũng rút ruột ra cho.

— Con cần thì cứ lấy, lỗi phải gì. Nhưng nhớ tiếp tục đóng quỹ hậu, rủi má có bề nào, con khỏi chạy tiền lo tống táng.

Rồi bà chép miệng, thở dài:

— Nếu má biết con túng hụt đến mức này thì má đâu về Việt Nam chi cho tốn kém!

Hiếu cảm động, nước mắt lưng tròng. Chính vợ anh đã đề nghị với anh như vậy nhưng anh không nghe.

Anh thành thật nói:

— Má về chuyến này đâu phải đi chơi. Má

đem tro cốt của ba về mà.

Nhớ lại lời khuyên của thầy Thường Lạc, bà trả lời gọn hơ:

— Xác thân giả tạm cần gì phải nhọc nhằn gìn giữ. Lo cho người sống có lẽ hợp lý hơn, con à.

... Mấy tháng sau, thư từ Việt Nam đến với bà tới tấp. Thư của Thảo, của cháu Thúy, của mấy người bà con chú bác, cô cậu, bạn dì. Ai cũng xin tiền. Bây giờ, công việc làm ăn của Hiếu đã đến hồi khốn đốn thật sự. Nghe nói nhà băng chủ nợ đã kiểm kê tất cả đồ đạc trong nhà hàng. Chỉ chờ tới kỳ hạn sau cùng mà không tiếp tục trả thì họ lấy hết. Cả nhà sống trong sự lo lắng, căng thẳng. Thư của Thảo làm bà Tư càng thêm rối bời. Bà hứa sẽ gửi Thảo thêm 1000 cho đủ vốn mua bán làm ăn nhưng bà có gửi được xu ten nào đâu! Cuối cùng, bà phải cầu cứu Thuận.

Thuận nghe mẹ gọi, thứ bảy đó, chở con về thăm. Con trai mà lấy vợ ngoại quốc thì cháu nội có cũng như không. Bà Tư nghĩ vậy vì thằng “Tim” chẳng biết nói một tiếng Việt, giữa bà và nó hình như không có sự liên hệ gì.

Thuận vừa vào cửa đã phân trần:

— Vợ con bầu bì nên mệt hoài. Hồi má về tới giờ nó tính đi thăm mấy lần mà rốt cuộc không đi được.

— Nó tới thăm, tao cũng đâu nói chuyện gì với nó đặng đâu!

Không có ai ở nhà vì mọi người đều ra tiệm, thằng Tim đứng xơ rơ một hồi rồi sà vào đóng đồ chơi của thằng Tùng.

Bà Tư đưa thư Thảo cho Thuận xem. Anh liếc sơ qua rồi hỏi:

— Bộ hồi nào tới giờ chỉ ở không, hổng làm gì hết trơn à? Chỉ phải tự lo sống chết. Trông cậy vào tiền của má hoài, mai kia má trăm tuổi, chỉ cậy vào ai?

Thuận vốn rất thực tế, sự thực tế của người Mỹ. Bà biết thế nào anh cũng rầy rà.

— Má nên biết—anh tiếp—người Mỹ nuôi con đến 18 hoặc 21 tuổi là cùng. Sau đó nó phải tự lo. Còn má muốn nuôi con, nuôi luôn cháu chất nữa, đến bao giờ?

Bà Tư không muốn nghe Thuận giở giọng dạy đời, bà chận lại:

— Tao là người Việt, tao nuôi con đến tàn hơi. Sống, phải có cái tình chớ!

Nghe mẹ xẵng giọng, Thuận biết mình lỡ lời. Anh ngồi suy tư. Nghĩ cũng thương bà. Mấy tháng sau này, tiền già của bà, bà giúp Hiếu hết. Mà đưa hết cho Hiếu thì Thảo lại đòi.

Phần anh thì sống đủ chớ không dư. Muốn có 1000 giúp Thảo không phải là chuyện dễ, lại còn phải qua ý kiến của vợ anh. Thật là cái khổ dây chuyền.

Thuận đắn đo một hồi rồi lấy chi phiếu ra ký 200 đưa cho bà Tư:

— Khả năng con chỉ có bấy nhiêu, má gửi về cho chỉ, nhấn đừng làm phiền người bên này nữa. Ai cũng có phần phải lo. Tiền má cho chỉ hồi nào tới giờ, nếu biết lo, có thể tự túc làm ăn lâu rồi!

Bà Tư thâm công nhận Thuận có lý và hiểu rằng đây là lần đầu cũng là lần cuối, bà không thể xin xỏ gì thêm cho Thảo được.

Có món tiền, bà mừng rơn. Chờ Thuận vừa ra về, bà đội mũ trùm khăn đi đến nhà bà Hai Hậu, người bạn tri kỷ cũng là người hàng xóm tốt bụng và dễ thương của bà. Lần nào gửi tiền về Việt Nam, bà Tư cũng nhờ bà Hậu chuyển giúp.

Bà Hậu đang thong thả đứng ngắm bụi hoa hồng ngoài sân. Hồng bạch và hồng nhung nở rộ, khoe sắc thắm tươi dưới nắng vàng. Hồng ở xứ Mỹ to nhưng kém thơm, không bằng những đóa hồng xinh xắn ngào ngạt hương ở xứ mình. Giòng tư tưởng của bà Hậu đang đi lang thang như vậy thì bà chợt thấy người bạn già của mình.

— Gần sang mùa hè rồi mà chị còn lạnh sao chị Tư?

— Không lạnh lắm mà làm như quen rồi. Hễ ra đường, tôi phải có nón, có khăn.

Bà Hai Hậu kín đáo nhìn bạn. Bà Tư lúc sau này xuống sắc thấy rõ. Hình dung tiêu tụy xác xơ, môi tái thâm, da nhợt nhạt. Bà Hậu cảm thương bạn và hiểu hoàn cảnh khó khăn của bà Tư hiện giờ. “Tội nghiệp, già từng tuổi này mà còn khổ!”

— Tôi thấy chị yếu đó. Đầu năm tới giờ có đi khám tổng quát chưa?

— Chưa! Thôi kệ già rồi, chết cũng vừa.

Hai người từ từ đi vào nhà. Bà Tư nói tiếp ý nghĩ của mình:

— Nói thiệt với chị, tôi không sợ chết. Chết lúc này lại càng khỏe thân nhưng chỉ tội nghiệp con cái, không ai lo.

Bà Hậu rán nín cười:

— Chị làm như có con mọn không bằng! Con cái chị già hết trơn, còn lo nỗi gì?

— À há! Mà muốn lo cũng không được chị ơi. Sức người có hạn.

— Chị biết vậy thì đừng thêm lo nữa. Nhớ hồi đó, tôi học hặc với con dâu, chị khuyên tôi làm hòa với nó, tôi nghe theo nên cả mấy năm nay yên nhà yên cửa, tôi được an ổn thanh thoi. Giờ tôi khuyên chị, chị phải nghe tôi. Người ngoại cuộc thường sáng suốt mà!

Bà Tư vừa đưa tấm chi phiếu vừa nói:

— Tuy biết vậy mà tánh tôi ưa lo, bỏ không được. Hồi ông nhà tôi còn, ông la tôi hoài. Nè tôi mới xin của thằng Thuận được 200, nhờ chị chuyển về cho con Thảo giùm tôi.

Bà Hậu cầm lấy, giọng thân tình:

— Chỗ chị em, tôi nói thẳng chị đừng buồn. Từng tuổi này, phải lo dọn mình cho ngày ra đi. Nếu chị ra đi trong lo lắng, buồn bực sâu khổ thì uổng công chị niệm Phật hồi nào tới giờ. Tôi dám chắc như vậy đó. Thầy nói “cận tử nghiệp” mạnh mẽ lắm, nó thường quyết định kiếp sau của mình một cách không ngờ được.

Nè, giả tử như không có chị thì sao? Con

Thảo còn sức vóc khỏe mạnh có thể làm ăn mà. Còn vợ chồng thằng Hiếu nếu bị “băng rúp” mất cái nhà hàng thì tụi nó đi làm cho hãng xưởng, hai đầu lương cũng sống đủ, phải không?

Bà Tư ngồi im suy nghĩ, thấy bạn hữu lý. Rồi sức nhớ tới hoàn cảnh bực bội khổ sở mấy năm về trước của bạn thật là trái ngược với vẻ hạnh phúc an vui hiện tại, bà Tư tò mò ước hỏi:

— Chị bây giờ thanh thoi quá!

Bà Hậu tình thật nói:

— Thú thiệt với chị, hai năm trước, tuy tôi đã làm hòa với con dâu, tìm cách nói chuyện vui vẻ với nó nhưng hai bên vẫn còn gượng gạo lắm. Mà tánh tôi không đóng kịch được nên ngày đêm tôi suy nghĩ tìm cho ra cách sống thật với lòng mình. Tôi tự xét: từ nhỏ tới lớn mình làm nghề buôn bán nên đầu óc quen tính toán lợi hại hơn thua, lại ham thu góp bạc tiền cho nên khi vừa phải phụ tiền tháng cho nó lại vừa phải quán xuyến công việc trong nhà, tôi thấy mình bị “chơi ép” mới sinh tức tối. Phần con dâu tôi, nó cũng ham tiền...

Thấy bạn có vẻ ngập ngừng, biết ý, bà Tư đỡ lời:

— Thì ở đời này, ai lại không cần tiền; hễ cần thì phải ham chớ!

Biết bạn hiểu mình không có ý nói xấu con dâu, bà Hậu tiếp:

— Một ngày kia, nó tỏ ý muốn đi làm thêm vào 2 ngày cuối tuần. Tôi hỏi: “Con đi làm thêm chi cho cực vậy. Cuối tuần ở nhà hủ hủ với chồng con phải vui hơn không?” Nó trả lời: “Con muốn làm thêm đặng trả rút tiền nhà cho xong. Nợ nhà mà xong thì khỏe lắm, chừng đó dư tiền.”

Tôi nhớ tới mấy ngàn đồng đã ký cốp để dành hồi nào tới giờ, tự nghĩ: “Mình không có chuyện gì xài, nó lại cần, thôi đưa nó cho rồi. Không đưa sớm, tới khi mình chết, tiền cũng thuộc về nó hết mà chẳng có ơn nghĩa gì. Ôm giữ tiền bạc trong mình chỉ mắc công lo.”

Nghĩ vậy nên tôi thành thật nói với nó: “Má

có một số tiền để má đưa hết cho con trả bớt nợ nhà. Còn tiền phụ cấp của má hàng tháng, con cứ giữ hết đi. Chừng nào má cần xài, má cho con biết.”

Nghe vậy, con dâu trở mắt nhìn tôi, ý chừng xem tôi nói chơi hay nói thật hoặc là thử thách nó điều chi đây. Đến chừng biết tôi thiệt tình, nó ôm tôi chặt cứng. Cái ôm xiết đó thật chặt tình cảm giữa mẹ chồng và nàng dâu. Từ đó, tôi khỏi phải giữ tiền bạc chi mà lại được nó săn sóc, kính nể, thương yêu còn hơn mẹ ruột của nó nữa.

— Vậy bây giờ chị không có đồng bạc nào trong tay hả? Muốn xài chút ít gì phải hỏi nó sao?

— Tôi có cần hỏi đâu. Nó tự động bỏ tiền vô bóp tôi hoài, dư dả xài không hết. Bây giờ tôi muốn gì được nấy. Đòi đi đâu là nó chở đi. Bởi vậy, tôi đòi đi chùa hoài, để nó có dịp lui tới chùa chiền, tạo duyên với Phật pháp.

Thấy sự thảnh thơi của bạn rồi nhớ tới hoàn cảnh túng ngặt của mình, bà Tư bần khoản:

— Chị nhờ bụng xả mà được hạnh phúc. Tôi cũng không tha thiết chi tới bạc tiền, có bao nhiêu tôi cũng cho, mà sao tôi lại khổ vì tiền?

Bà Hậu dẫn đo một chút rồi trả lời:

— Chị bỏ phần chị mà lại gánh phần của con cái. Thầy nói sự tham chấp của con người có nhiều hình thức lắm. Mình không tham cho mình lại tham giùm cho người khác, cũng khổ y như vậy thôi.

Lòng sân cũng vậy đó. Hồi Tết tôi đi chùa cúng vía đức Phật Di Lặc, thầy kể chuyện nầy vui lắm, để tôi thuật lại chị nghe đỡ buồn: “Xưa có một người tu tại gia đã lâu năm, tự cho mình đã phá được ngã chấp, không còn tham sân si. Bà con chòm xóm ai cũng kính mến, tôn trọng. Người ta nói chưa hề thấy ông giận dữ; ai nói phải nói trái, ai bêu xấu ông, ông cũng chấp tay niệm Phật hoặc mỉm cười. Tiếng đồn tới tai một thiền sư. Thiền sư muốn thử ông cư sĩ nọ, giả

dạng thành một cụ già, đến gõ cửa nhà ông cư sĩ. Thiền sư tự xưng là người quen biết cũ của cha ông ta. Vì vậy, cư sĩ có dịp nói về người cha quá cố, về những đức tính quý báu của cha, về công lao dạy dỗ, giáo dục của cha mình. Chờ cư sĩ dứt lời, thiền sư phán cho một câu: cha của ông tốt thì tốt thiệt nhưng có tật ăn cắp vặt. Đi tới đâu là tìm cách chôm một món của người ta!

Nghe vậy, ông cư sĩ “đắc đạo” nổi tam bành, phùng mang trợn mắt, đuổi khách quý ra khỏi nhà lập tức.”

Đó, chị thấy không, ông cư sĩ nọ tuy bỏ được tự ái của riêng ông như ai nói động tới cha ông thì có chuyện ngay. “Cái tôi” của ông bấy giờ trá hình dưới hình ảnh của cha ông còn lòng tham của người lớn tuổi như mình thường ẩn núp trong sự mong mỏi con cháu mình phát tài phát lợi.

Chị thấy không, ở Mỹ nầy đâu có ai chết đói, vậy mà đa số đều khổ vì đồng tiền. Tại mình tham cầu nhiều quá!

Tuy “lời thật mất lòng” nhưng bà Tư không giận bạn, bà phục bạn thì đúng hơn; cũng như bà đã phục chồng bà trong cách sống “không vướng bận” của ông.

Tối hôm ấy, bà Tư lên cơn sốt, nóng mê man. Trong cơn mê, cuốn phim quá khứ quay lại trong ký ức, chậm chậm mà rõ ràng từng chi tiết. Hình ảnh bao người thân hiện ra, những người đã chết từ lâu hoặc mới qua đời... Họ đứng đó, rủ rê bà đi theo họ. Chợt bà thấy ông Tư, ông đang đi chung với một đám người khác, trông ai cũng cốt cách phi phàm.

Bà cất tiếng gọi ới ới. Ông Tư dừng lại, ngó bà với đôi mắt xót thương. Ông nói: “Nghiep ai người ấy chịu, đâu ai gánh cho ai được, sao bà ôm đồm quá! Tới nước nầy mà chưa tỉnh thì ai cứu được bà?” Nói rồi ông bỏ đi.

Bà Tư ôm mặt khóc ròng và tỉnh dậy, mới hay mình vừa trải qua một giấc mơ. Và chợt thấy rõ ràng cuộc đời của bà cũng chỉ là một giấc mơ



thôi!

Bà thức dậy nhưng ngồi lên không nổi, tay chân dường như bị tê liệt hết rồi. Cả người nóng hừng hực. Khát nước quá! Môi, cổ khô rang, đầu nặng và nhức như búa bổ. Không có ai ở chung quanh. Không ai có thể giúp bà. Nếu mình chết trong lúc này thì sao? Bà không cảm thấy sợ hãi vì biết rằng dù có đông vậy con cháu đứng chung quanh khóc than nín kéo, có danh y thần dược, cũng không ai có thể giúp bà thắng vượt được cái chết.

Bà mệt quá, mệt ngất ngư, làm như chẳng có đủ không khí để thở. Bà há hốc miệng ra, rán hít không khí vào cho đầy; nhưng buồn phổi, trái tim không còn muốn hoạt động như mọi ngày. Cơ mệt kéo tới làm bà lại thiếp đi. Còn sót lại một chút tỉnh thức, bà không thấy ân hận gì nếu bà chết hôm nay. Đã tới lúc buông bỏ thân tâm, chẳng tiếc nuối gì. Bà cố dùng hết sức lực tìm xâu chuỗi Bồ Đề dưới gối, rán kéo nó lên, để trên ngực. Xâu chuỗi giúp bà nhớ lại rõ ràng hồng danh đức Phật A Di Đà, nhớ lời phát nguyện vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của mình...

Tuần lễ sau, Thảo nhận được tiền kèm theo một hung tin. Thảo không dám tin đây là sự thật, nàng điếng người. Thảo quay trở về Cái Bè, nàng muốn ra sau nhà, ôm cây vú sữa để khóc thương mẹ. Nhưng than ôi, cây vú đã bị cơn mưa bão hôm nào làm trốc gốc. Nó nằm sóng sượt trên mặt đất, cành lá rơi rụng tả tơi, mấy trái non sái mùa còn lẫn lóc chung quanh... ■

3/96

*Tìm đọc:*

### GIỌT LỆ NHƯ SƯƠNG

tập truyện ngắn của Nữ sĩ Diệu Nga  
sắp được Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản

## GIỚI THIỆU SÁCH CỦA VĨNH HẢO

1. **MẸ, QUÊ HƯƠNG VÀ NƯỚC MẮT:** tập truyện, dày 216 trang, giá \$10 mỹ kim.
2. **NÚI XANH MÂY HỒNG:** truyện dài, dày trên 180 trang, giá \$10 mỹ kim.
3. **BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ:** tập truyện, dày 224 trang, giá \$10 mỹ kim.
4. **THIÊN THẦN QUÉT LÁ:** tập truyện ngắn, dày 214 trang, giá \$10 mỹ kim.
5. **SÂN TRƯỚC CÀNH MAI:** tập bút, dày 214 trang, giá \$12 mỹ kim.
6. **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG:** truyện dài, dày 377 trang, giá \$15 mỹ kim.
7. **BỤI ĐƯỜNG:** (tức Phương Trời Cao Rộng II) truyện dài, dày 380 trang, giá \$15 mỹ kim.
8. **NGÕ THOÁT:** (tức Phương Trời Cao Rộng III) truyện dài, dày 350 trang, giá \$15 mỹ kim.
9. **CỜI TRÓI:** (tức Phương Trời Cao Rộng IV) truyện dài, dày 720 trang, chia làm 2 tập, mỗi tập giá \$15 mỹ kim.
10. **CHẠNH LÒNG TIẾNG THƠ RƠI,** tập thơ gồm 66 bài, dày 90 trang, giá \$6 mỹ kim.

Mua sách xin gửi chi phiếu đến:

**Chiêu Hà Publisher**

**4702 W. FIRST ST., # E,  
SANTA ANA, CA 91393. USA**

hoặc:

**P.O. BOX 2303**

**NORTH HILLS, CA 91393-0303 — USA**

(địa chỉ hộp thư này chỉ có hiệu lực đến cuối năm 97)

\* *Độc giả tại Hoa Kỳ miễn trả cước phí; muốn nhận sách sớm với hạng 1st class, xin gửi thêm \$1 mỹ kim cho mỗi cuốn sách.*

\* *Độc giả ngoài Hoa Kỳ xin thêm \$2 cho mỗi cuốn sách.*

# PHÁ HỦY TƯ TƯỞNG BỐN HỌC THUYẾT CỘI NGUỒN CỦA TẤT CẢ SỰ SAI LẦM

*Đề Bà Bồ Tát trước tác bằng Phạn văn  
Bồ Đề Lưu Chi dịch sang Hán văn  
Vân Nguyên chuyển sang Việt văn*

(Tiếp theo PGHN số 9)

Đã tổng đáp tương tà kiến của 4 loại ngoại đạo, bây giờ sẽ tiếp tục nói rõ từng thứ tà kiến một.

## I. PHÁ NHẤT

Nếu quán sát một cách như thật thì nghĩa lý hư vọng của các ngoại đạo Ca Tỳ La, Ưu Lâu Khư vân vân đều không thể thành lập. Vì sao?

Nếu cho rằng cội nguồn tất cả các sự vật trên thế gian này Đồng Nhất là Một thì vô lý bởi vì sự vật (pháp) nào hoại diệt thì đã hoại diệt, sự vật nào bất diệt thì không tan rã, làm sao trong một pháp có thể vừa hoại diệt vừa bất diệt?

Các ông (Tăng Khư) lập thuyết rằng tướng của Ngã và Tướng của Giác (linh hồn) nếu khác nhau là điều bất khả đắc, cũng như miếng lụa trắng, vải lụa và màu trắng không thể phân ly.

Trong Đạo Phật, ý nghĩa trên thật không phù hợp.

Lập thuyết “sự sự vật vật đồng nhất” của các ông rất sai trật. Ví như cho rằng tướng của bàn tay và ngón tay là một mới bất khả đắc. Lý này ra sao? Bàn tay được gọi là bàn tay vì nó có ngón và bàn (ngón và bàn sai biệt cộng hợp mới có bàn tay). Ngoài 2 pháp ấy ra thì không thể có bàn tay. Cũng vậy, màu trắng và vải lụa nếu là Một pháp, là Đồng Nhất thì không thể được.

Vì sao? Vì không có pháp sai khác cộng hợp vậy.

Bàn tay gồm có bàn và ngón. Nếu cái này không hiện hữu thì cái kia cũng không hiện hữu. Lý này ra sao? Nếu màu trắng không hiện hữu thì vải lụa không hiện hữu. Cũng như chặt tay tức chặt ngón và bàn. Nếu ông cho rằng màu trắng hoại diệt mà vải lụa vẫn tồn tại là điều không đúng, vì nếu vải lụa không hoại diệt thì màu trắng vẫn không hoại diệt; cũng như nói chặt đi bàn tay mà ngón và bàn vẫn còn hiện hữu. Cũng như chặt đi ngón và bàn mà cánh tay vẫn còn hiện hữu.

Nếu các ông cho rằng các màu sắc như xanh, vàng, đỏ... có thể nhuộm và làm tiêu hủy màu trắng đi nhưng tấm vải lụa vẫn còn đó thì lập thuyết các pháp Đồng Nhất đã sai trật. Vì nếu đồng nhất thì các màu không thể bị tiêu hủy khi tấm vải lụa chưa bị tiêu hủy.

Hỏi: Nếu chúng tôi nói, các màu xanh, vàng, đỏ... chỉ che khuất chứ không tiêu hủy màu trắng thì sao?

Đáp: Nếu như vậy thì cũng có nghĩa màu sắc che phủ tấm vải lụa mà không hủy diệt vải lụa. Nhưng nghĩa lý này không thể thành lập. Nếu nói tẩy sạch màu thì vải lụa lại hiện sắc trắng như khi mới dệt thành, màu trắng ấy chính là vải lụa, vải lụa chính là màu trắng. Nếu vải

lụa bị tiêu hủy thì các màu sắc xanh, vàng, đỏ... cũng bị tiêu hủy thì làm sao có thể thấy sắc hiển lộ?

Nếu ý các ông cho rằng màu trắng bị tiêu hủy bởi sự che khuất của các sắc khác mà không hủy diệt vải lụa nên chỉ tiêu hủy sự che khuất bởi các sắc mà không hủy diệt màu trắng thì phải có 2 pháp là: 1. Hủy diệt sự che khuất. 2. Không hủy diệt sự không che khuất, thì sao có thể gọi là Đồng Nhất?

Do vậy, luận thuyết sự sự vật vật là Một, Đồng Nhất của hàng Tăng Khư không thể nào thành lập.

## II. PHÁ DỊ

Hỏi: Ngoại đạo Ca Na Đà của Vĩ Thế sư cho rằng các pháp đều sai khác nhau bởi vì Ngã và Giác khác nhau. Vì dị biệt nên mới có thể phân chia đây là Ngã còn đây là Giác. Ví như khi nói về tấm vải lụa trắng thì có thể phân biệt đây là vải lụa còn đây là màu trắng.

Đáp: Nghĩa lý này cũng không đúng sự thật, không có thật dụ rõ ràng.

Như có người nói: “đây là bàn tay, đây là ngón tay,” người ấy tuy nói như vậy nhưng không thể cho đó là pháp sai khác nhau. Cũng thế, không thể cho rằng Ngã và Giác là 2 pháp dị biệt nhau.

Cách nhìn của người đời đối với tấm vải lụa phân thành 2 loại sai khác là Tướng và Xứ.

Sai biệt về Tướng là những sự giống nhau và khác nhau của sắc, hương, vị, xúc đối với một tấm vải lụa.

Sai biệt về Xứ là như 2 tấm vải lụa mới dệt xong đều cùng có tướng màu trắng nhưng chất liệu khác nhau vì một tấm dệt bằng tơ tằm còn tấm kia dệt bằng bông gòn nên sắc, hương, vị, xúc cũng khác nhau, nếu không như thế thì (khi phân biệt) có 4 điều sai trật (về sắc, hương, vị, xúc).

Khi màu trắng bị tiêu hủy thì tấm vải kia

cũng bị tiêu hủy, các pháp sắc, hương, vị, xúc kia đều bị tiêu hủy.

Ví như cái bình đất khi nung vào lửa sẽ biến thành màu đỏ hoặc xanh và hương, vị cũng đổi khác đi. Nếu không vậy thì sắc, hương, vị, xúc cố hữu không bị biến đổi. Do vậy, bảo rằng tấm vải lụa và màu trắng kia là 2 pháp sai biệt thì thật bất khả đắc. Vì nếu màu trắng bị tiêu hủy mà vải lụa vẫn tồn tại hay tấm vải lụa bị tiêu hủy mà màu trắng vẫn tồn tại hay sao.

Hỏi: Ở đây chúng tôi không nói như thế mà ý là cái này nương vào cái kia để hiện khởi. Ví như bức họa trên vách nường vào vách tường mà có nên khi bức tường sụp đổ thì bức họa cũng không còn nhưng khi bức họa bị cạo sạch thì bức tường vẫn tồn tại. Ý nghĩa màu trắng bị tiêu hủy mà vải lụa vẫn hiện hữu của chúng tôi nói là như thế đó.

Đáp: Ví dụ về bức tường của các ông không phù hợp với luận lý của các ông. Bức tường thì có trước rồi mới vẽ hình lên vách nhưng tấm vải lụa mới dệt xong cùng có màu trắng. Màu trắng và vải lụa cùng hiện hữu không trước không sau, không thể nói là màu trắng có trước còn vải lụa có sau được.

## III. PHÁ CÂU

Hỏi: Ngoại đạo Ni Kiên Tử nói rằng tất cả các pháp vừa đồng nhất vừa sai khác (Câu) nên bảo các luận sư khác như Ca Tỳ La (của Tăng Khư) vân vân rơi vào sai lạc.

Bởi (họ) lập thuyết trên Nhất và Dị nên có thể nói, các pháp vừa Câu vừa Bất Câu.

Thí như đèn lửa và ánh sáng có đây có kia, không đây không kia. Có đèn thì có ánh sáng, có ánh sáng thì có đèn, không đèn thì không ánh sáng, không ánh sáng thì không đèn (Nhất).

Bởi khác nhau (Dị) nên có năng chiếu và sở chiếu. Đèn ở đây mà chiếu ánh sáng tới kia nên nói là Dị Biệt. Cũng như Ngã và Giác, màu trắng và vải lụa vân vân đều có thể nói nó là Đồng

Nhất, cũng có thể nói nó là Dị Biệt.

Thí như vải lụa, không thể tách rời ra khỏi nhau để nói đây là màu trắng còn đây là vải lụa.

Người đời cho rằng đây là con trâu, kia là con ngựa nhưng vải lụa thì không như thế. Bởi vậy, chúng tôi (Ni Kiên Tử) không nói Dị cũng không nói Nhất. Nếu là Đồng Nhất thì khi màu trắng không còn tức vải lụa phải bị tiêu hủy. Và nếu là Đồng Nhất thì cũng không thể nói đến các màu sắc xanh, vàng, đỏ... Do thế, chúng tôi lập luận rằng “các pháp vừa Đồng Nhất vừa Dị Biệt.”

Đáp: Nghĩa lý này không đúng.

Cũng như tôi đã nêu ra những sai trái của Tăng Khư và Tỳ Thế sư. Những gì Tăng Khư chấp Nhất, tôi đã phá hủy. Những gì Tỳ Thế sư chấp Dị, tôi cũng đã phá hủy. Phá hủy ra sao? Nếu đèn lửa và ánh sáng Đồng Nhất thì đèn lửa chính là ánh sáng, ánh sáng tức là đèn? Ở đây có khác về số mà chẳng khác về nghĩa.

Còn nếu Dị Biệt, là 2 pháp riêng lẻ thì làm cách nào tách rời đèn lửa và ánh sáng thành 2 pháp độc lập? Cũng như lòng ngón và bàn tay không thể nào độc lập. Tay và chân thì khác nhau nhưng các thứ duyên sanh bàn, ngón không thể tách rời mà có được bàn tay. Bàn tay tuy thế cũng không thể là Đồng Nhất, vì nếu Đồng Nhất thì sao lại Dị Biệt với ngón tay?

Bởi vậy, không thể nói các pháp là Nhất hay Dị và học thuyết Câu, tức vừa Đồng Nhất vừa Dị Biệt bất thành.

#### IV. PHÁ BẤT CÂU

Hỏi: Luận sư Nhã Đề Tử nói rằng, các luận sư của 3 phái kia lập thuyết hoặc các pháp là Một, hoặc Sai Khác, hoặc vừa Đồng Nhất vừa Dị Biệt đều sai trật. Trong kinh điển của chúng tôi không đồng ý các điều như thế mà chỉ chấp nhận Bất Câu, do đó chúng tôi không vướng phải các lỗi như các học phái kia. Nhưng đầu sao cũng không thể nói là không Bất Câu.

## THƠ YẾN LAN

### Vùng Trời Quê Đó

*Quê người xuôi ngược bao năm qua  
Kiếp sống tha hương lệ chan hòa  
Dần trôi ngày tháng hồn đơn bóng  
Dâng mối tơ sầu dạ xót xa.*

*Dâng mối tơ sầu dạ xót xa  
Khi hoàng hôn xuống, mỗi chiều tà.  
Đường về Quê Mẹ mờ sương phủ  
Ngăn cách đôi bờ Đất Nước xa.*

*Mây trắng chiều nay nhẹ gió bay  
Về đâu mây hơi vắng chiều nay.  
Mình ta đơn lẻ hồn tương nhớ  
Về đến quê nhà tận nơi xa.*

*Thương nhớ quê nhà tận nơi xa  
Quê tôi rục rờ nắng chan hòa.  
Mẹ hiền ngày tháng pha sương nắng  
Năm tháng phai dần mái tóc xanh.*

*Vùng trời Quê Đó vẫn màu xanh  
Ấp ủ tình tôi mãi chân thành  
Yêu thương Quê Mẹ dù nghèo khó  
Lịch sử oai hùng - Viết sử xanh.*

*High Point, North Carolina*

*4/1/97*



# Ý THỨC CỘI NGUỒN

## DẪN ĐẠO TINH THẦN DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI

*Tâm Viên*

### I.

Trên ngàn năm rách nát bởi Trung Hoa tham lam ngấu ngiến,

Trên tám mươi năm tàn phá bởi Thực Dân nông công chà đạp,

Trên năm mươi năm liên tục cấu xé bởi các ý thức hệ ngoại lai chọn Việt Nam là võ đài tỷ thí.

Và giờ đây, trên hai mươi năm băng hoại tận cùng bởi Đảng Cộng Sản độc tài quá gian và quá ác (Đảng Cộng Sản là gì? Định nghĩa tóm gọn: một tập đoàn chuyên gieo rắc tang thương thù hận, lấy chiến tranh làm lẽ sống, coi cướp giết như nghề chuyên nghiệp, xem luật rừng là lẽ phải...), nhưng vì kỹ thuật gian trá tinh vi nên ban đầu ai chưa vào Đảng dễ lầm tưởng Họ thương dân yêu nước và kỹ thuật ác quá tinh vi nên ai đã lỡ vào Đảng rồi khó hòng ra khỏi: Đảng viên nào chỉ cần một tư tưởng dựng xây có “tính người” thoáng hiện đều có thể bị “thanh trừng.”

Nhưng thời nào cũng thế, Đồng Bào Việt Nam đều cùng cố gắng chuyển xoay thế nước sao cho được hưng vinh. Hiện tại, nhiều đoàn thể, nhiều cá nhân xuất hiện hoặc nêu ra những tội ác tày trời của Đảng CSVN, hoặc đòi giải thể bạo quyền Hà Nội, hoặc công bố những đường hướng phát triển đất nước... đều không ngoài mục đích “vì dân.”

Tại sao phải thế? Tại sao phải dựng xây đất nước? Nước nghèo dân khổ có quan hệ gì mình mà mình phải “vì dân.”

Ở đây, chúng tôi không đi sâu vào những “trá hình chủ nghĩa vì dân” trên những bước danh lợi riêng tư nên cá nhân này cố tình chà đạp cá nhân kia, thế lực này cố ý tiêu diệt thế lực kia..., chúng tôi không đi sâu vào những “trá hình chủ nghĩa quốc gia,” những “trá hình chủ nghĩa cộng đồng nhân loại” cho đến những “trá hình chủ nghĩa bác ái vị tha” bởi vì, hình như ai nấy đều thấy rõ tôn giáo này chém giết tôn giáo kia có nhiều bằng hiệu vị tha bác ái, đất nước này tạo chiến tranh (chính trị, quân sự, kinh tế...) gây thù hận cho đất nước kia có nhiều bằng hiệu vì sự phồn thịnh của xứ sở mình hay của cộng đồng nhân loại... mà chúng tôi chỉ muốn thử tìm hiểu xem Đồng Bào Việt Nam có ý thức nào gọi là ý thức cội nguồn dẫn đạo tinh thần dân tộc đi lên hay chỉ như các dân tộc khác trên thế giới: đầu óc dật dờ mê tín thần linh, tiếp đến cuồng tín vật dục mà cứ tưởng văn minh nên trở thành dị dạng “đầu Đông mình Tây, chân Kim tay Cổ” đã tạo dựng tất cả những thảm trạng kinh hoàng kể từ khi con người biết ghi chép lịch sử loài người.

### II.

Loài người trên trái đất tự ngàn xưa nếu không mê tín Đa Thần thì cũng cuồng tín Nhất Thần, nếu không nghĩ cuộc sống mình hoàn toàn bị thao tác bởi các Thần Linh thì cũng phó thác đời mình vào một vị Thần Linh: nếu không thờ phụng cúng tế Thần Linh thì tai ương ào tới, nếu không theo cách Thần Linh dạy bảo để mà rửa



tội thì chẳng thể nào sống an vui...

Rồi, không ít người vỡ mộng, cầu xin hoài mà vẫn sống kiếp đọa đầy bèn cho rằng Thần Linh chỉ tạo nên những bất công, tạo nên những giai cấp thống trị và bị trị muôn đời... Họ bắt đầu chê bai chà đạp Thần Linh mà đề cao vật chất. Cho tới khi Khoa Học tiến bộ, chủ nghĩa Duy Vật càng đậm nét. Họ hô hào vì dân vì nước, vì cộng đồng thế giới nhưng thật vì lợi danh vị kỷ: nếu không được làm bá chủ hoàn cầu thì cũng phải tận hưởng dục lạc thế gian... Thế là từ nô lệ Thần Linh người ta chuyển sang nô lệ vào Vật Dục.

Lại vẫn chẳng ít người quan niệm Thần tạo dựng loài người và vũ trụ, tạo súc sanh và cây cỏ nuôi sống con người nên cũng đã tạo Khoa Học để phụng sự con người... Họ vừa phò thác đời mình vào Thần Linh vừa tìm cầu tận hưởng Vật Dục mình khao khát, miễn sao cứ vững tin vào Thần thì lỡ có chết đi, linh hồn cũng sẽ được rước về cõi trên hưởng phước...

Chỉ cần nô lệ Thần Linh, con người đã tự đánh mất giá trị Trí Tuệ chính mình. Chỉ cần nô lệ vào Vật Dục, con người đã tự đánh mất giá trị Tình Cảm chính mình. Vừa nô lệ Thần Linh lại vừa nô lệ vào Vật Dục, con người ấy trở thành gì nếu không là dị dạng?

Có thể nói, trên đây là 3 luồng tư tưởng nô lệ đã tạo nên tất cả những gì ác độc, kinh hoàng và băng hoại nhất cho xã hội loài người.

### III.

Không biết tự bao giờ người Việt đã sử dụng 2 chữ Đồng Bào trong ngôn ngữ. Nếu không lầm, danh từ ấy xuất phát từ nghĩa lý u huyền của linh thoại Âu Cơ và Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ. Rồng Tiên kết hợp. Một bào thai nở ra trăm trứng...

Mỗi trứng là một phần của bào thai. Một thân thể như trăm ngàn thân thể vì trong một bào thai. Vạn thân thể tuy có bóng hình riêng

biệt nhưng cùng chung một loại: NGƯỜI. Cái cùng chung loại ấy là ý nghĩa thứ nhất về Một Bào Thai thúc đẩy mở rộng lòng thương yêu đùm bọc.

Rồng không cố định là Rồng, Tiên không cố định là Tiên, Bào Thai không cố định Bào Thai. Rồng nếu cố định là Rồng tất không thể chuyển di kết hợp cùng Tiên sanh trăm vạn trứng. Bào thai nếu bất biến, cố định thì chẳng gọi là bào thai để nở ra trăm vạn bóng hình. Tuy mang dáng vóc Người nhưng dòng máu lại Rồng Tiên. Tuy ăn ở như Người nhưng tận cùng tâm thức đều cùng muốn vươn tới cảnh giới Rồng Tiên vờn mây giỡn gió. Tánh Không Cố Định, Không Bất Biến ấy là ý nghĩa sâu thẳm thứ nhì trong linh thoại Rồng Tiên thúc đẩy cùng hưởng thượng, hướng tới cảnh giới Tự Do Tự Tại.

Vì không thấy Cố Định nên con người tự mình tiến hóa hay thoái hóa bằng những bước đi Nhân Quả của chính mình. Con người có thừa khả năng làm Thần Linh. Thần Linh cũng thừa khả năng đọa lạc thành cầm thú. Thần làm ác, Thần đang xây khổ. Người làm lành, Người tạo an vui. Rồng Tiên ở đây không còn là một loại Thần Linh cố định — không có gì cố định, bất biến trong thế gian này — mà trở thành cảnh giới của sự Tự Do Tự Tại không vướng mắc, không trở ngại bởi không tạo những nguyên nhân xấu ác buộc ràng với khổ đau nên đồng tâm hiệp lực phá vỡ mọi xích xiềng nô lệ.

Có người nói rằng câu chuyện Một Bào Thai sanh trăm vạn trứng như vay mượn từ thuyết Đại Ngã sanh Tiểu Ngã của Bà La Môn giáo. Và nếu thế, dân tộc Việt Nam đã mang tội loạn luân vì anh em ruột thịt nên chồng vợ? (cũng nhớ có người từng rao giảng: “Luân Hồi là loạn luân” xin nhắc lại vì ở đây có sự tương quan.)

Có thể thế chẳng?

Bà La Môn, một tôn giáo Ấn Độ cổ xưa chủ trương con người là Tiểu Ngã còn Phạm Thiên

là Đại Ngã. Đại Ngã sanh Tiểu Ngã, sanh sơn hà đại địa, sanh cầm thú cỏ cây, sanh các giai tầng độc ác bất công trong xã hội. Nếu loài người ngày tắm 3 lần với nước sông Hằng linh thiêng thì rửa sạch được những tội lỗi oan khiên (nhưng nước đã có công năng “rửa tội” thì cũng công năng “rửa” ấy tẩy trừ luôn hạnh phúc.) Nếu giai cấp Giáo Sĩ biết tu hành theo mấy chữ (A Âu) rơi rớt từ khước miệng Phạm Thiên thì Tiểu Ngã sẽ được hợp nhất với Đại Ngã toàn năng (nhưng Đại Ngã đã toàn năng thì cần gì bày vẽ chuyện tu hành, sao không hô biến để toàn thể vũ trụ cùng hợp thể!)

Trăm vạn bóng hình tuy khác nhưng cùng một loại: Nhân loại, nên nói từ Một Bào Thai: Đồng Bào. Một Bào Thai không là Đại Ngã. Trăm trứng không còn là Tiểu Ngã. Từ ý nghĩa thứ nhất của linh thoại Rồng Tiên dẫn tới ý nghĩa thứ nhì sẽ rõ ràng hơn nên mình và Thần không khác.

Nếu thấy có một Đại Ngã sanh nhiều Tiểu Ngã là thấy có một thật thể bất biến, cố định. Nếu là cố định thì Đại Ngã chẳng thể nào sanh Tiểu Ngã. Hay nói cách khác, Đại Ngã Toàn Năng thì Tiểu Ngã cùng Toàn Năng, Tiểu Ngã khổ đau vì Đại Ngã gây nhiều tội lỗi...?

Mình và Thần không khác có nghĩa mình chẳng cố định là mình, Thần chẳng cố định là Thần nên mình cũng “Như” Thần, Thần cũng “Như” mình. Mình là Thần, Thần là mình nên mình có quyền hưởng thưởng để vươn tới Tự Do từ sự tự do hưởng thưởng hay hưởng hạ.

Tới đây, vấn nạn “loạn luân” cũng vô tình tan biến. Nếu thật có một Đại Ngã sanh loài người, loài người mới mang tội loạn luân... Một Bào Thai đã không là Đại Ngã thì làm gì có chuyện loạn luân? Mà chính trong sự Tự Do hưởng thưởng, người Việt không muốn biến mình thành cầm thú nên không hành động như cầm thú — cũng là điểm xuất phát luân lý, đạo đức của dân tộc Việt Nam.

Từ đó, dầu trải lăm gian nguy, lá lành vẫn thường đùm lá rách để tình nước tình nhà dào dạt trong biển cả Từ Bi.

Từ đó, mình chính là dân tộc, dân tộc chính là mình để lòng dân tương giao thế nước, để hưng vong tổ quốc là hưng vong của bản thân nên chuyện dựng xây trở thành trách nhiệm muôn đời mà không còn là bốn phận trong Trí Tuệ thâm sâu Tỳ Duyên Diệu Hữu.

Từ đó, vượt thoát mọi cuộc xâm lăng nô lệ, phá hủy mọi sự đồng hóa và nô lệ — từ đồng hóa văn hóa cho đến nô lệ chủ nghĩa Thần hay Vật để cất những bước đi mẫu nhiệm với Phương Tiện Tự Do kết thành những tràng hoa lịch sử.

#### IV.

Có những cái thật xưa nhưng không hề cũ vì hoạt dụng của nó đã dẫn đạo tinh thần nhân loại muôn đời.

Thế giới hiện nay đây bất an và tai họa bởi thiếu vắng tình thương và sự cam lòng nô lệ.

Vay mượn ngôn ngữ thế gian để nói lên điều thoát tục. Vay mượn sự nô lệ Thần Quyền từ thuở xa xưa để dẫn đạo Việt Nam thoát vòng nô lệ trong đùm bọc thương yêu. Câu chuyện Rồng Tiên thơ mộng ấy phải chăng là sức mạnh tâm linh nuôi dưỡng hồn thiêng sông núi mở ra những quang lộ Hòa Bình tiến tới cộng đồng nhân loại để trở thành Linh Thoại chung cho loài người trên mặt đất?

Hay nói cách khác, tất cả những gì gọi là Cách Mạng, Chính Trị, Kinh Tế, Văn Hóa, Tôn Giáo... mà không khơi mở được Tình Thương và phá hủy cùm Nô Lệ thì không thể bước tới Văn Minh Tiến Bộ mà còn ngược lại.

Hay cách khác nữa, khi dân tộc Việt Nam còn sử dụng 2 chữ “Đồng Bào” trong ngôn ngữ, khi loài người còn xếp mình vào hàng “Nhân Loại” thì Linh Thoại Rồng Tiên vẫn là ý thức cội nguồn dẫn đạo con người. ■

# Bây cả rông rông

của ĐHAM THĂNG  
(Mùa Vu Lan Báo hiếu)

Thầy giáo nhíp roi mây xuống bàn, cả lớp  
è a đọc:

*Công cha như núi Thái sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con...*

Hơn 30 đứa học trò tuổi vừa lên 7 - 8 của  
lớp Tư B gân cổ la lớn, cố ý cho tiếng của  
mình lớn hơn tiếng đứa bên cạnh, không biết  
chúng có hiểu rõ nghĩa bài học? Riêng tôi,  
thiệt tình tôi không biết mình đang đọc bài  
gì, vì lòng dạ đâu còn nghĩ gì khác hơn sự  
nhớ nhà.

Tay khoanh để trên bàn, mắt nhìn thẳng  
cái bảng đen, nhưng khi liếc nhìn thấy thầy  
giáo quay nhìn đám trẻ phía bên kia, tôi liếc  
mau ra cửa sổ, nơi có bụi chuối già hương,  
tàu lá phe phẩy trong gió nhẹ buổi sáng. Bụi  
chuối giống chuối ở quê nhà tôi quá. Đợt non  
in lên trời xanh che khuất một phần cụm mây  
đang trôi lững lờ... Mây trôi về đâu? Về phía  
quê tôi?

Tôi đang học lớp Tư B trường Khương  
Hữu Phụng bên kia cầu Thiêng Đức tại chợ  
Vinh Long. Tôi là cậu học trò vừa nhập nội  
trú được ba ngày, lòng nhớ nhà, nhớ má, nhớ  
em thất tha thất thèo, nên những tiếng công

cha, nghĩa mẹ đang đọc bô bô theo bạn bè  
chỉ làm cho tôi nhớ má tôi hơn, chớ làm sao  
biết rõ nghĩa lý của bài?

Bỗng chú tùy phái bước vào nói gì với  
thầy. Tiếng đọc bài của học trò vẫn òn ào.  
Thầy giáo đập roi mây xuống bàn. Học trò  
ngừng đọc. Thầy nhìn tôi, nói:

- Thăng Thăng có người nhà tới thăm.  
Cho phép trở ra phòng khách.

Không ngờ thầy nói với tôi, tôi còn đang  
bàng hoàng thì thầy nhắc lại:

- Ủa sao còn ở đó? Cho phép trở ra gặp  
người nhà.

Lần này tôi mới sực tỉnh, trống ngực đập  
thình thình.

Trời ơi! Từ nhỏ tới tuổi này tôi mới sống  
xa nhà có ba ngày mà cảm thấy lâu như mấy  
tháng. Đây là lần đầu tôi rời khỏi mái ấm gia  
đình và vòng tay đùm bọc của mẹ, đang ngồi  
giữa cảnh xa lạ thả hồn nhớ về... thì "ai" lại  
kiếm đây?

Tôi hồi hộp bước theo chú tùy phái không  
biết mình đang vui hay đang lo? Bao nhiêu  
cặp mắt thơ ngây nhìn theo tôi, thêm mong.

Từ lớp Tư đến phòng khách chỉ độ vài  
chục bước. Gần đến cửa, nhìn thoáng vào  
phòng tôi thấy bóng chiếc áo dài đen và khăn  
bàn lông sọc đỏ của... má tôi. Má đang bồng  
em gái tôi đứng chờ.

Bà nhìn tôi chỉ thốt được tiếng: Con! rồi  
nghẹn ngào, mắt đỏ hoe.

Tôi chết sùng. Con mừng đột ngột làm tôi  
đứng khựng lại, nước mắt chảy trào mà  
không hay, miệng muốn kêu tiếng "má" thật  
lớn mà sao không thốt ra thành tiếng?

Chú tùy phái bước ra ngoài, má tôi kéo  
khăn chặm vội nước mắt của bà, nhoèn cười  
bước tới bên tôi nắm tay kéo ngồi lên băng  
gỗ, miệng nói bệu bạo:

- Ngồi xuống đây con. Con học ra sao  
con? Con có nhớ nhà không? con ăn cơm  
nhiều không? con... con...

Bà hỏi nhiều thứ, tôi không kịp trả lời mà chắc má tôi cũng không cần tôi trả lời. Lòng má có bao nhiêu lo lắng thì hỏi ra hết bấy nhiêu, chớ mới xa nhà từ sáng ngày thứ hai đến ngày nay là ngày thứ tư: vừa có hai đêm và hai ngày rười.

Tôi ngồi sát vào má. Em gái trên tay bà được 2 tuổi, nó quơ quơ đôi tay nhỏ xíu nắm tóc, tôi để yên, tận hưởng sự trù mến êm đềm của tình ruột thịt. Má tôi kéo tay nó:

- Đùng. Đùng nắm tóc anh, rối xù đầu, thầy giáo rầy đa...

Nghe nhắc tới thầy giáo, tôi chợt nhớ mình là học trò, không còn... nhỏ em nữa, nên ngồi xích ra, sửa bộ ngay ngắn. Má tôi như biết vậy, bà nhìn hai bàn tay dính mực tím của tôi, cười. Bà hỏi:

- Mèn ơi, mực dính tèm lem, coi chừng quẹt vô áo khó giặt nghe con. Quần áo dơ ai giặt cho con? ờ, mà lo gì, con gom lại, chiều thứ bảy đem về nhà má giặt cho con.

Bây giờ tôi mới lên tiếng:

- Hồng cần đầu má. Hề quần áo dơ, mỗi sáng để tại giường của mình, có người đem đi giặt phơi. Con ở băng-son-na mà. (pensionnat= nội trú).

Tiếng băng-son-na vừa thốt ra, tôi trở về thực tế, nước mắt lại trào ra.

Tôi đã là học sinh nội trú của trường Khương Hữu Phụng, ngày thường phải ở luôn tại đây, chỉ được về nhà vào chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, sáng thứ hai trở lại trường. Vì nhà tôi ở cách trường 10 cây số có ghe đò thuận tiện nên được về nhà mỗi tuần, chớ còn bao nhiêu bạn bè có nhà ở xa đều phải chờ đến Tết hoặc bãi trường mới được về.

Năm học vừa qua, tôi học lớp Năm (thời bấy giờ lớp bắt đầu gọi là lớp Năm hoặc lớp chót, ngày nay gọi là lớp Một) tại chợ Ngã Tư Long Hồ. Tôi đã qua thời gian học xa nhà, nhưng tôi không buồn vì sáng đi chiều về nhờ có chiếc đò dọc của chú Bảy tôi đưa

đón bà con trong làng ra buôn bán ở chợ Vãng. Nhiều người chỉ buôn bán thổ sản thu hoạch của vườn nhà như buồng cau, quài chuối, hoặc vài ba mục măng Mạnh Tông, năm ba trái bầu da xanh màu ngọc thạch lốm đốm trắng. Họ chỉ bán để có số tiền nhỏ nhoi mua lại đầu lửa, đường thẻ, đậu xanh hoặc mua cái lược bé xinh xinh cho đứa con gái tóc bom bê khét nắng, cũng như có cô gái quê thẹn thò đem mấy trái dừa khô gọt vỏ sạch sẽ ra chợ bán lấy tiền mua đôi guốc sơn đỏ vẽ hoa lá mà cô mơ ước từ lâu.

Nhờ những người bà con quê mùa thân thương đó nên đò của chú tôi ngày nào cũng có khách đi, và tôi đã vui vẻ làm học trò trường Long Hồ suốt năm qua.

Mỗi ngày chú Bảy chèo đò đến nhà tôi khoảng 3 - 4 giờ sáng. Vì ở gần nhà chú nên tôi xuống đò đầu tiên. Khuya nào chú cũng lên công tôi từ nhà xuống ghe vì tôi vẫn còn say ngủ. Má tôi đã thức dậy từ hồi nào để vắt gói cơm dẻo vào mo nang với tép kho, cá mặn. Bà xách cặp với túi cơm theo sau chú Bảy đến tận chiếc đò để yên lòng khi nhìn thấy chú nhẹ nhàng đặt tôi nằm phía sau lái. Chỗ khoang này có chiếu gối do má tôi gói trước.

Tôi ngủ tiếp, cũng có lúc không ngủ được vì tiếng ồn ào chào hỏi của bà con đi chợ. Tiếng nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, tiếng khuấy nước của hai cây chèo mỗi khi chú tôi nhấn mạnh tay, lâu lâu chú lại thổi một tiếng tù-và dài: tú...u...u...u...u... để báo tin cho người muốn đi đò biết. Những âm thanh này làm tôi thao thức nhớ về má tôi giờ này đang làm gì tại nhà khi thằng con đã xuống đò đi học?

Có lần tôi hỏi:

- Má ơi, hồi khuya khi con theo chú Bảy rời thì má làm gì hả má? Má đi ngủ lại hả má?

Bà cười, cú nhẹ lên đầu tôi, máng yêu:

- Thằng cha mày. Thì ngủ lại chớ làm gì.

Tôi biết bà nói vậy chớ không ngủ lại. Chắc chắn sau khi tôi xuống đồ xong xuôi, bà trở lên nhà ngồi âm thầm ăn trà trên bộ ván gỗ, nghe tiếng chó sủa, tiếng gà đua nhau gáy trong xóm... và chắc má tôi đang theo dõi tiếng tù-và làm bằng sừng trâu của chú Bảy để biết giờ này con đồ dọc chớ thằng con thương yêu của mình đi đến đâu? Và lại, khi tôi đi, chắc trong lòng sẽ trống chỗ, chỉ còn bà và đứa em gái nhỏ, bà sẽ thấy thiếu thốn cũng như tôi đang nằm chèo queo tại đây đâu có hơi ấm của mẹ. Tôi cố nhắm mắt tự nhủ: "Hãy rán đi học, chiều về nhà mà..." và tôi thiếp đi vào giấc ngủ tuổi thơ.

Thời gian này, ba tôi đi làm việc ở tận Hà Tiên, gian nhà rộng rãi chỉ có má sống với anh em tôi. Tình thương áp ù giữa mấy mẹ con nên hình ảnh chụp chồn in trên vách lá cũng như tiếng tù-và quen thuộc của chú Bảy, tiếng chuông chùa âm vang trên đầu cây ngọn cỏ mỗi buổi chiều đã in sâu vào lòng tôi từ ngày thơ ấu, tôi cứ ngỡ là sẽ sống mãi nơi đây trong vòng yêu thương lo lắng của mẹ, ai ngờ giờ này tôi đang là học trò nội trú, ăn cơm tháng tại trường xa. Tôi là học sinh trường tỉnh đã biết tự lo liệu cho mình, biết mỗi buổi sáng thức dậy cuốn mùng, xếp mền, biết lấy cái thau bằng thiếc, lấy bàn chải, kem đánh răng để tự đánh răng rửa mặt.

Tôi hỏi má:

- Má đi đâu vậy má? Má lại đây bằng gì vậy má?

- Thì nhớ con, nên bữa nay đi chợ Vãng, ghé thăm rồi chiều về bằng đò của chú Bảy.

Tôi đang cố quên thực tế của mình là kẻ sống xa nhà thì má tôi lại nói đến về, đến chiếc đò... làm mắt tôi cay xè, tôi nhìn xuống đất. Má tôi cũng cố ngăn xúc động, cúi xuống lấy trong giỏ xách 4 đòn bánh tét đưa tôi, nói:

- Con đem 4 đòn bánh tét về phòng để tới nếu đói bụng thì lấy ra ăn. Bánh tét nhum chuối mà con thích đó. Má mới gói hôm qua.

Đến đây tôi không cảm được nước mắt nữa, mặc tình cho nó trào ra. Mới cách xa ba ngày má tôi đã lo lắng cho tôi rồi. Chắc là bà bồn chồn nhớ con.

Tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi, bọn học trò thập thò ngoài cửa nhìn vào. Tôi chùi mau nước mắt sợ chúng trông thấy. Má tôi trều mền hỏi nhỏ: - Con còn tiền xài hông?

- Dạ còn. Má cho con một cát (10 xu) chú tám cho con 6 xu, con mới xài có 5 xu. Má đừng lo, mỗi sáng nhà trường cho ăn cháo, đâu có tốn tiền.

- Vậy con xài gì hết 5 xu đó?

- Con ăn xôi vị. Mỗi chiều sau giờ ăn, học trò được dẫn đi dạo quanh trường, con lại cầu sất, ở đó có bán xôi vị ngon lắm, một xu một miếng má à...

- Chết, chết... Cầu sất Thiêng Đức đó hả? Cầu sất cao nghệu, con đừng lại gần con ơi, rùi té xuống nước...

Bà chỉ nói tới đó, sắc mặt đang hồng hào trở nên tái xanh. Tôi mới biết lợi lỏm bôm nên bà sợ cho đứa con 7 tuổi. Tôi nắm tay má an ủi:

- Hồng sao đâu má, mỗi lần đi dạo có anh lớn đi theo coi chừng mà. Đứa nào leo lên cầu bị phạt 5 roi mây. Má đừng lo.

Suốt giờ thăm hôm đó, má tôi nhắc đi, nhắc lại: nào là đừng đến bên cầu, ra đường phải coi chừng xe... Thấy bà quá lo tôi không dám kể cho bà biết đã hai buổi chiều xa nhà tôi đều có đứng bên cầu để nhìn mặt sông Long Hồ.

Buổi chiều nước lớn, sông Long Hồ nhận thêm nước từ sông Cửu Long chảy vào để trôi xuôi về phía trong xa, nơi có quê tôi. Dòng nước êm đềm mang những đê lục bình giang hồ. Tôi không như nhiều đứa bạn học trò nhỏ khác đứng chỉ trở bày cá đớp bọt



nước, tôi đang tìm trong đám xoong ghe xuôi ngược biết đâu sẽ gặp chiếc đò của chú Bảy tôi, hoặc người quen trong xóm đang bơi xoong về. Tôi hi vọng thấy họ để thấy nét quen thuộc của xóm tôi cho người nổi nhớ nhà.

Tôi ngoan ngoãn ngồi nghe mà thương người mẹ quê của mình. Từ nhỏ má tôi chỉ ở nhà quê, lớn lên làm vợ ba tôi. Ba tôi là họa viên công chánh nên phải đi các tỉnh miền tây thời kỳ đó đang mở mang phát triển vùng Hà Tiên - Châu Đốc, rừng tràm nước cỏ không tốt, mỗi năm má tôi chỉ lên thăm ba tôi vài tháng rồi lại về quê nhà dạy dỗ đàn con và chăm lo mấy mẫu đất hương hỏa. Bà sống êm đềm với bà con chòm xóm chỉ biết giàn bầu, giây bí, hương lúa, hương cau. Chỉ sống với đĩa đèn dầu mù u đủ soi sáng gian nhà từ đường, chỉ được hưởng ánh sáng đèn măng-sông khi Tết đến hoặc ngày ba tôi về thăm, nên bà sợ ánh đèn điện giăng trên đường phố chợ, sợ những tiếng kèn xe hơi kêu bí bo, sợ cả những tiếng la: ép vô! ép vô! của mấy bác xe lôi ba bánh.

Sau giờ thăm, má tôi ra về, tôi không còn bụng dạ nào học nữa, vô lớp đọc theo thầy như cái máy, chỉ trông mau hết giờ. Đến giờ cơm trưa tôi ăn không được, một phần đang bồi hồi vì má mới tới thăm, một phần vì buổi cơm hôm đó có canh khoai và cá cơm kho tiêu.

Nhìn thấy cá cơm nhỏ xíu còn nguyên con nằm sấp lớp trên đĩa, tôi lại nhớ đến má tôi, nhớ đến mùa mưa năm rồi...

Một buổi sáng bà dẫn tôi ra ruộng để xúc cá ròng ròng. Mùa mưa, ruộng quê tôi có nước lấp xấp, nhiều loại cá đến đẻ trứng nở con. Các nông dân thường ra ruộng xúc cá, hót tép. Hôm nào gặp được một bầy cá ròng ròng là bầy cá lóc con vừa mới nở khoảng một tuần, thân còn nhỏ như đầu đũa, lội thành đoàn, ẩn hiện dưới mặt nước, tạo thành

một vùng đỏ nâu thì họ mê lắm vì cá này ăn rất ngon. Tội nghiệp cho đám cá còn quá bé, lội nương tựa vào nhau như một đĩa bàn lớn nên rất dễ bị xúc trọn bầy.

Thời bấy giờ đâu có ai nghĩ chuyện nuôi dưỡng bầy cá để chờ chúng nó lớn lên. Ai gặp là cứ xúc đem về luộc chín, cuốn với bánh tráng, đâu biết mỗi miếng như vậy là ăn cả mấy mươi con cá lóc tương lai?

Cũng như bà con khác, má tôi xúc cá bằng cái nia lớn, tay xách rổ quảo, một loại rổ nhỏ. Tôi cầm cái chai đi lom xom theo sau thăm mong má tôi xúc được cá bải trầu kỳ vì xanh đỏ để tôi bỏ vào chai đem về chơi thay thế cá thia thia.

Từ xa má tôi thấy mặt nước lay động như sủi bọt. Bà ra dấu cho tôi đứng lại, im hơi. Bà nhẹ nhàng bước tới rồi nhanh nhẹn lia cái nia xuống nước, xúc lên gần nguyên trọn bầy cá lóc con chưa kinh nghiệm ra đời. Một vài con theo nước rớt lại. Má tôi đưa cao cái nia lên khỏi mặt nước mỉm cười. Bà đang há hê bỗng la lên: Ui da !...

Nhìn xuống chỗ vừa bị đau nhói, bà thấy con cá lóc mẹ bằng bắp tay đang dương kỳ sửa soạn phóng vào cắn chum bà lần nữa.

Má tôi ngạc nhiên nhìn con cá phùng mang trong nước bùn. Bà sùng sốt vì mọi khi gặp bầy cá ròng ròng người ta chỉ mong xúc gọn đám cá con, ít khi hy vọng bắt được cá mẹ vì nó bơi nhanh lủi mất, vậy mà hôm nay cá lóc mẹ không lội đi lại còn phóng cắn chum bà rồi chuẩn bị cắn nữa.

Một giây do dự, má tôi hạ nia xuống nước trút bầy cá con trong nia cho chúng lội đi. Bà lấy tay khuấy nước đuổi con cá mẹ rồi bình thần bước lên bờ ruộng.

Tôi lo sợ hỏi:

- Sao vậy má? Có gì vậy má?

- Hồng có gì đâu con. Con cá lóc mẹ...

- Nó cắn má hả ? Đau hông mà má sợ nó ? Rồi sao má thả bầy cá ròng ròng ?

- Ờ... ờ ... Nó cắn đâu có đau, nhưng thôi, đi về con.

Hôm đó mấy mẹ con tôi ăn cơm với ốc bu xào xả. Trong lúc ăn tôi hỏi má tôi về việc thả bầy cá hồi sáng.

Má tôi nói:

- Từ nay mẹ con mình đừng xúc cá rờng rờng nữa. Tội nghiệp con cá mẹ thương con cố sức bảo vệ mặc dù nó yếu. Nếu gặp anh trai trẻ nào có đem theo cái nôm, chắc chắn cá mẹ bị bắt chung với bầy con...

Bà mơ màng nói tiếp:

- Má thấy tình mẫu tử của nó to lớn quá. Cũng như người, nó biết thương yêu đùm bọc con, tại sao mình bắt bầy con nhỏ của nó, chắc nó đau khổ lắm.

Từ đó ai đi xúc cá rờng rờng mặc họ, má tôi thì không bao giờ ! Tình thương con của bà mẹ hiền chuyển đến tình thương loài vật, loài cá. Lòng má tôi bao la như vậy, sau này khi lớn lên đọc thuộc những bài Công Cha Nghĩa Mẹ và nghe những lời hát : *Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào..* tôi cũng cảm xúc nhưng chỉ phần nào thôi. Vì từ nhỏ tôi đã thấy lòng má tôi bao la rồi.

Tôi không so sánh lòng Mẹ như biển Thái Bình mênh mông, chỉ so sánh lòng má tôi như con sông Long Hồ chảy ngang quê tôi. Dòng sông sáng lớn chiều rờng âm thầm bù đắp phù sa, tưới mát ruộng đồng nuôi sống dân quê chất phác, nuôi sống cây cỏ tốt tươi từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Dòng sông cứ làm nghĩa cử không cần ai biết ơn cũng như lòng các bà mẹ quê chất chiu tần tảo nuôi con không mong ngày con khôn lớn trả ơn lại mình.

Mà thật vậy, má tôi đã mất trong thời chinh chiến khi tôi vừa trưởng thành.

Tôi đau buồn vì đâu còn Mẹ hiền để báo hiếu đền ơn !

## Thơ TỪ TÂM

### Tiếng Chuông Chùa

*Thoáng nghe thoang thoảng hương thiền  
Từ nơi Diệu Ngự tỏa trên Liên Đài.  
Ta từ nơi chốn luân hồi  
Về đây nương bóng Như Lai tu hành.*

*Đêm về gió mát, trăng thanh  
Trăng vui trăng cũng kính hành với ta.  
Nguyện mau ra khỏi Ta Bà  
Xa căn nhà lửa, vào nhà Như Lai.*

*Bao phen lỡ một, lâm hai  
Cho nên còn mãi lệ rơi, ưu phiền.  
Hôm nay ngày lễ Vu Lan  
Nguyện cho mau thoát muôn vàn khổ đau.*

*Dù cho bãi biển, nương dâu  
Cũng xin ghi mãi Đạo mầu vào tâm.  
Tai nghe vắng vắng dư âm  
Tiếng chuông chùa đổ, khiến tâm nhẹ nhàng*

*Hương Từ Bi, Ánh Đạo Vàng  
Tu hành tinh tấn, Lạc bang tìm về.  
Trầm hương nghi ngút đường quê  
Hoa sen đua nở, lối về thanh thang.*



## Con Đường Vô Tận

Huỳnh Trung Chánh

Chiếc tàu dò Cao Lãnh Sa Đéc Đại Tân hụ mấy đợt còi thúc giục hành khách inh ỏi, nhưng vẫn im lìm nằm vạ tại bến tàu, không có vẻ gì sắp di chuyển cả. Hành khách đã quen thuộc với sinh hoạt này nên một số đông vẫn tà tà trên bến thoải mái truyện trò. Sinh hoạt trên tàu rộn rịp như cảnh chợ đông. Hàng hóa từng bao chỉ xanh tới tấp khuân lên tàu, chất tràn cả lối đi. Hành khách lên xuống tới lui, ới ới chỉ điểm nhau chọn một chỗ tốt cho cuộc hành trình. Mấy em bé bán hàng rong len lỏi khắp nơi tha thiết rao hàng mời mọc:

“Nước mía! nước chanh đá đây!”

“Thử tô bánh canh giò heo chị?”

“Cậu ăn đĩa cơm tấm bì cho chắc bụng! còn kịp giờ chán mà!...”

Không lạ gì cảnh này, Đinh Hữu Thuật đứng dựa vào boong tàu lơ đãng nhìn cụm mây trắng xa xưa, cố che dấu niềm riêng đang ngổn ngang trong dạ. Chàng vô tình đưa mắt nhìn về hai đứa bé, đang đứng co ro một góc tàu, dáo dác nhìn lên bờ sục tìm cha mẹ. Chúng đã được cha mẹ dẫn đến bất ngời chờ để “xí phần” trước chỗ ngời, rồi họ lại quày quã trở lên bờ giải quyết chuyện gì khá lâu mà sao vẫn còn biệt dạng. Tàu lại hụ lên ba hồi còi liên tục, lần này tiếng còi có mùi đồn dập quyết liệt; thế rồi, giây thừng cột tàu được tháo ra, và tàu từ từ xê dịch. Đám hành khách đang tùm nãm tùm ba quuyến luyến níu kéo nhau trên bến mới vội vã trở tài khinh công ào ào phóng xuống tàu. Tới phút này vẫn

chưa thấy cha mẹ xuất hiện, hai đứa bé lo sợ cuống cuồng, đứa bé gái méo cái miệng “méo xẹo” trông dễ thương vô cùng. Thuật chột liên tưởng đến câu hát ru em:

“Tàu súp lê một còn trông còn đợi!”

“Tàu súp lê hai còn đợi còn chờ!”

“Tàu súp lê ba! tàu ra bể Bắc!”

“Tay vịn song sắt mà nước mắt nhỏ hai hàng...”

Chàng tùm tùm cười, thâm nghĩ: “thì cũng có ba tiếng “súp lê,” tàu ra hướng Bắc và có hai hàng nước mắt, dù là nước mắt trẻ con lạc mẹ.” Nước mắt nào chẳng làm cho người ta mềm lòng, Thuật chen vội đến bên em bé “xuýt xoa” dỗ dành:

— Không sao đâu cháu! Ba má cháu không bị trễ tàu đâu! cháu đừng lo!

Được an ủi, con bé chẳng những không nín, mà lại còn ngoác mồm khóc thét, khiến Thuật bối rối chẳng biết phải làm thế nào cho ổn. May mắn là chiếc tàu đang đứng đĩnh xoay đầu, chưa cách bến bao xa, thì đã nghe tiếng kêu ới ới, rồi có chiếc xuống con chèo thật nhanh đưa ra thêm mấy người hành khách chậm chạp nữa, trong số này có cả cha mẹ hai đứa nhỏ. Con bé đang bù lu bù loa khóc, vừa thấy mẹ mừng rú lên. Em lại được dúm cho chiếc bánh cam, nên tuy nước mắt chưa khô, mà đã hí hửng cười tươi rồi. Đôi vợ chồng lúng túng ngỏ lời cảm ơn Thuật đã trông nom dùm hai đứa trẻ. Người đàn ông rất lịch thiệp, tự giới thiệu tên và nghề nghiệp: thầy giáo Cư. Vợ chồng thầy phải gấp rút lên đường về quê nhà tại Bến Tre, vì thân phụ thầy đang lâm bệnh trầm trọng. Thuật cũng tự giới thiệu danh tánh và với giọng nửa đùa nửa thật chàng cho biết từ ngày bỏ học về nhà “ăm bằm” cha mẹ, suốt ngày chàng chỉ biết “rong chơi lêu lổng” với bè bạn mà thôi. Tuy Thuật dè dặt tránh tiết lộ thân thế và tư tưởng thâm kín của mình và đẩy đưa câu chuyện xoay quanh toàn những đề tài vô thưởng vô phạt, vậy mà, chỉ trong một khoảng thời gian ngắn hai kẻ xa lạ đã

đối đáp dòn tan. Bên cạnh đó, thím giáo vừa quạt vừa dịu dàng cất tiếng ru con ngủ. Tiếng ru gợi cảm của thím nhỏ, nhưng trong sáng rõ ràng, từng âm thanh ngọt ngào như rót vào tai mọi người:

*“Mười giờ! ông Chánh về Tây!*

*“Cô Ba ở lại lấy thầy thông ngôn*

*“Thông ngôn ký lục bạc chục không màn*

*“Lấy chồng thợ bạc, đeo vàng đỏ tay!”*

Vần thơ trên tuy mô tả câu chuyện tình thời sự bất bình thường, nhưng thật ra đã ngấm cưỡi cợt đức hạnh tối tệ của đám người Việt chạy theo thực dân Pháp, vì vậy, chỉ một thời gian ngắn sau khi xuất hiện, nó đã biến thành câu ca dao phổ biến trong dân gian.

Lời ru vô tình gợi cho hai người đàn ông một đề tài mới để bàn bạc. Thầy giáo Cư phê bình:

— Bọn “me Tây, Bồi Tây” dễ ghét làm sao á!

Thuật thở dài đáp:

— Cái bọn “bồi Tây, me Tây” bại hoại này thì đâu còn gì để phê bình nữa. Chúng hãm hại đất nước, ức hiếp dân lành còn hơn kẻ ngoại bang nữa kìa!

Chẳng biết có lưu tâm đến mẫu đối thoại của hai người không, mà bỗng nhiên lời ru của thím giáo lại trở nên ngậm ngùi u oán:

*“à...ơ...!*

*“Non nước u sầu hệ bởi đâu?*

*“Dầu dầu mây bạc cõi Ngao Châu!...”*

và

*“Thà đui mà giữ đạo nhà...”*

*“Còn hơn có mất ông cha không thờ!...”*

Thấy vẻ ngẩn ngơ của Thuật, thầy giáo giải thích:

— Đây là những câu thơ của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu! Dân Bến Tre chúng tôi, ai chẳng thuộc nằm lòng những vần thơ nước thương nòi của cụ!

Thím giáo lại tiếp tục ru con:

*“à...ở...”*

*“Chùng nào con xán bung vành!*

*“Tàu binh liệt máy, thì anh mới về!” (1)*

— Câu hát trữ tình này rất phổ biến tại Cao Lãnh, xuất xứ thế nào tôi chưa tìm hiểu ra, nhưng tôi thấy có gì trật trật hay là lạ sao đó! Anh nghĩ coi chiếc tàu, chiếc xán là sản phẩm ngoại lai, đâu có gắn gũi thơ mộng với dân quê như chiếc xuồng, chiếc ghe, vậy mà không hiểu tại sao tác giả lại mượn hình ảnh này để gợi cảm tình của mình? thầy giáo Cư lại lên tiếng.

Thuật góp ý:

— Câu ca dao này có lẽ phát khởi từ nhóm nghĩa quân Thiên Hộ Dương ngày trước. Thuở đó, bọn Pháp xâm lăng miền Tây đã dựa vào những chiếc tàu tối tân chở binh sĩ đi khắp nơi tấn công nghĩa quân quê nước. Địa phương nào không có đường sông thuận tiện, như vùng Đồng Tháp Mười, chúng phải đào kinh ngang dọc làm đường vận chuyển quân. Thời đó, chiếc xán như con quái vật khổng lồ lạnh lùng nuốt trứng ruộng đồng, nhà cửa dân lành. Nó cũng khủng khiếp như đoàn quân viễn chinh độc ác giết người cướp của, cưỡng hiếp phụ nữ kể cả người già và trẻ con. Chính vì vậy, mà người nghĩa quân năm xưa đã xử dụng hình ảnh phá hủy tàu binh và xán đào kinh để nói lên chí nguyện đuổi quân xâm lăng của mình. Chùng nào hết kẻ xâm lăng thì người nghĩa quân mới có quyền nghĩ đến tình riêng.

— Ôi! câu hát mộc mạc vụng về mà chan chứa tình nước tình nhà cao ngất! Hào khí của người xưa quả đáng cho chúng ta khâm phục!

Nhờ mấy câu hát ru con yêu nước, Thuật hiểu rõ lòng dạ của vợ chồng thầy Cư, chàng tin tưởng ngay người bạn mới và thổ lộ hết những bí mật của đời chàng. Thuật đã dấn thân đời mình cho sự nghiệp cách mạng giành độc lập, nhóm chiến hữu của chàng đã lập ra tổ chức “Đông Kinh Nghĩa Thục miền Nam,” với hoài bão vận động đưa những thanh niên nhiệt huyết sang Trung Hoa và Nhật học hỏi, chờ ngày

thành tài về nước thành lập lực lượng võ trang đánh đuổi bọn xâm lăng. Lúc bấy giờ, trận thế chiến thứ nhất vừa bùng nổ bên trời Âu, chánh quyền Pháp tăng cường kiểm soát an ninh, tung mật thám khắp nơi mưu đồ phá vỡ các đoàn thể cách mạng, do đó, con đường vượt biên xuyên qua vùng thượng du Bắc Việt trở nên nguy hiểm, nhất là đối với người miền Nam không hiểu rõ sinh hoạt miền Thượng du, và có giọng nói khác biệt. Thuật có vốn liếng Hán học, lại có thể đàm thoại sơ sài tiếng Quảng Đông, nên được anh em tin tưởng ủy thác tìm con đường vượt biên mới qua ngã Miên Lào. Do đó, hôm nay chàng về xã Mỹ Xương thăm nhà lần cuối cùng trước khi lên đường... Thế rồi, Thuật bỗng cúi người run giọng: “Ngày mai, nếu “nhà tôi” hỏi tôi chừng nào trở lại, chẳng biết tôi có đủ can đảm nhắc lại câu hát của người xưa: “*Chừng nào con xán bung vành. Tàu binh liệt máy thì anh mới về...*” hay không?”

Tàu dừng bến xã nhà, Thuật bận bịu từ già bạn mới nên vẫn còn chần chờ trên tàu. Bỗng Thuật nhìn lên bờ, chàng tái mặt khi thấy cai tổng Ninh, tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp, đang chỉ chỗ ba hoa với mấy tên “phèn” (2) mật thám Sa Đéc. Bọn họ chăm chú nhìn kỹ từng người xuống tàu như đang lục tìm ai.

Thầy giáo Cư tỉnh ý lên tiếng:

— Có gì lạ phải không anh?

— Nguy hiểm quá! bọn “phèn” Sa Đéc đang bủa lưới chận bắt người! Có thể hành tung của tôi đã bị lộ, nên bọn chúng mới rình rập tôi ở chỗ này!”

Sau mấy giây phút bối rối, thầy giáo Cư bình tĩnh bảo Thuật nằm cạnh thím giáo, ôm đứa cháu trai trong lòng giả vờ ngủ, rồi thầy giáo ra đứng bên hông tàu, thơ thẩn nhìn mây bay như người vô sự. Thím giáo hội ý chồng, lấy nón lá che mặt cho Thuật, phe phẩy quạt, đu đưa chiếc võng, rồi liên tục cất tiếng ru con ngọt ngào... Bọn mật thám lên tàu lục soát, không chú ý gì

đến cảnh gia đình đầm ấm này, nên Thuật thoát nạn.

Thuật tránh liên lạc với bạn hữu vì sợ bị theo dõi mà gây nguy hại cho tổ chức. Ngày hôm sau, Thuật đón xe đò đi Châu Đốc, và nhờ mang sẵn giấy căn cước “thuộc dân,” chàng vượt biên giới hợp pháp đến Nam Vang, rồi đi lên tỉnh Battambang, Ai Lao, tạm ẩn thân tại đồn điền An Phong, của vợ chồng cô em thứ năm nhũ danh Đinh Thị Xuyên. Chủ nhân thường xuyên sinh sống tại quê nhà, giao cơ sở cho người chú họ tên tư Hanh toàn quyền điều khiển. Viên quản lý đang sống phong lưu với năm bảy nàng hầu, cảm tưởng bất thần bị anh bà chủ thanh sát, nên phục vụ Thuật vô cùng chu đáo, từ việc ăn ở cho đến việc di chuyển khắp nước Lào. Nhờ vậy, chỉ mấy tháng sau, Thuật đã móc nối liên lạc lại với tổ chức, đồng thời, cũng tìm được người địa phương thông thạo, dẫn đường vượt biên giới đến Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Rủi ro bất ngờ, là chiến hữu Triệu Thúc Ba, phụ trách cơ sở cho tổ chức tại địa phương này bị bạo bệnh qua đời ba ngày trước khi Thuật có cơ hội gặp mặt. Mất đường giây liên lạc, Thuật bơ vơ xứ lạ quê người chẳng biết xoay sở ra sao. Tình cảnh của những người Việt làm cách mạng tạm trú tại miền Nam Trung Hoa lúc bấy giờ rất khó khăn. Tướng Đường Kế Nghiêu, đô đốc Vân Nam, chủ trương hợp tác với chánh quyền Pháp tại Đông Dương, vừa ra lệnh lực lượng an ninh lùng bắt tất cả Việt kiều lưu vong sống bất hợp pháp để giao nộp cho Hà Nội. Tiếp tục chuyển đi trong thời điểm này rất nguy hiểm, mà trở về Ai Lao bằng con đường cũ cũng là chuyện nan giải, vì các trục giao thông chính yếu đều bị nút chặng an ninh kiểm soát chặt chẽ. Do đó, Thuật băng rừng lội suối, hoặc chọn những con lộ hoang vắng kiểm soát lỏng lẻo mà đi. Vì không có lộ trình nhất định, vô tình Thuật đi lạc sang địa phận huyện Tân Châu, phủ Đại Lý. Thuật lại nảy ý vượt biên giới theo ngã Tân Châu sang



Miến Điện, rồi từ đó trở về Lào. Lộ trình này tuy quanh co khúc khuỷu nhưng rất an toàn. Chỉ mấy ngày lang thang xông bờ lướt bụi, ăn uống thất thường, chàng bệ rạc thất thiếu như một kẻ ăn mày. “Lộng giả thành chân,” Thuật cũng mon men theo những tên hành khất chánh hiệu, lỳ mặt kiếm chút cơm thừa, tuy bị đuổi xô vẫn đỡ nguy hiểm hơn vào tiệm ăn uống, nói năng không thành thuộc dễ bị lộ chân tướng. Trên con đường đất đá Ngõa thôn thuộc địa phận huyện Tân Châu, Thuật lồm bồm nghe một khách thương kể hành trạng của một vị sư già khổ hạnh, cầm và điếc không danh tính nhưng được dân địa phương tôn kính gọi là “Lung Á đầu đà”(3). Vị sư già này từ phương xa lưu lạc đến đây lâu lắm rồi, ngày ngày cứ vác cuốc, vác búa... đi đập đá, sửa đường, đắp lộ. Con đường này thở trước tắc trở gập ghềnh, đi lại cực kỳ khó khăn, nhờ sư khổ công bồi đắp mà việc đi lại mới dễ dàng. Tuy nhiên, đoạn đường thì dài mà chỉ một mình sư âm thầm sửa chữa, nên chỉ, chỗ này vừa bằng phẳng thì chỗ khác đã lồi lõm hư hoại; sư phải dời chỗ tạm trú liên tục, từ khúc lộ này đến khúc lộ kia, bền bỉ làm việc không ngừng năm này sang năm khác, mà con đường dường như dài vô tận, chẳng có triển vọng chấm dứt công tác. Làm lụng cực khổ suốt ngày, vậy mà nhà sư cầm điếc luôn luôn tươi mát, gặp bất cứ người nào, dù là đứa trẻ con, sư đều chấp tay trang trọng vái chào kèm theo một nụ cười hiền hậu. Cảm ân đức của sự, khách bộ hành có người xin cúng dường sư trọng hậu, nhưng sư chỉ nhận chút ít thực phẩm độ thân mà thôi. Ai kính mến sư, phát tâm theo sư đắp lộ sửa đường đôi ngày, sư cũng hoan hỷ. Động tính hiếu kỳ Thuật ước mong gặp được nhân vật lạ lùng này. Thật ra, ngoài chuyện hiếu kỳ, Thuật còn có hậu ý riêng. Chàng nghĩ khi gặp lão tu sĩ này, nếu nhận xét ông ta không nguy hiểm, thì chàng có thể “giả dạng” làm một Phật tử thuần thành phát tâm theo sư làm công quả cũng được. Đâu ai để ý gì

đến thẳng sửa đường đắp lộ, chàng cứ nương náu với sư một thời gian, chờ tình hình lắng dịu rồi tính. Giải pháp này chắc chắn sẽ đỡ nguy hiểm và khổ cực hơn cảnh chàng phải trốn chui trốn nhủi, đói rách và đi lang thang vô định như mấy ngày qua. Vả chăng, gần gũi với một người cầm điếc là chuyện lý tưởng, Thuật sẽ không bị tra hỏi gốc tích, và khỏi phải ăm ớ nói năng ngọng nghịu mà lộ chân tướng người Việt của mình. Điểm rắc rối là Thuật chẳng biết nhà sư cầm điếc đang “hành nghề” ở khúc lộ nào để đi tìm, chàng muốn dò hỏi nhưng làm sao dám lên tiếng, còn kẻ bàng quan khó chuyện với nhau cho vui, chớ đâu chỉ bày cặn kẽ ngọn ngành. Thuật đành phó thác cho số mạng, cứ âm thầm lồm lũi đi tới trước. Mãi đến khi trời đã về chiều, chàng mới thấy xa xa dáng một người đang lui cui đắp đất vá một lỗ hổng giữa lộ. Đó là một lão già chừng sáu mươi tuổi, mặc chiếc áo bạc màu rách nát, bê bết đất, nếu không nhờ cái đầu cao trội thì thật khó biết đó là một tu sĩ. Đoan chắc đã tìm đúng người, Thuật tới gần, gỡ nón chào. Vị sư già khoan thai từ tốn chấp tay xá đáp lễ và trao cho chàng một nụ cười hoan hỷ cảm thông. Thuật lặng người rung động rần rụa nước mắt. Chàng đang lâm vào một hoàn cảnh bi đát, thấy ai cũng hốt hoảng nghi ngại, lòng dạ rối như tơ vò vì chẳng biết nên làm gì, đi đâu, thăm hỏi ai? Vậy mà vừa đón nhận nụ cười của nhà sư, chàng liền cảm thấy an lành thư thái, giống như tâm trạng một chú gà con bị điều hâu săn đuổi, bỗng tìm thấy được mẹ hiền đang dang rộng đôi cánh thương yêu che chở. Sư vỗ nhẹ vai chàng ngậm bảo chàng yên tâm, đoạn sư tiếp tục công việc dang dở. Nhờ biết rõ sư bị bệnh câm và điếc nên Thuật không thắc mắc hỏi han câu nào, chàng trầm ngâm quan sát lối làm việc của sư, và chờ đợi khi sư hoàn tất việc đắp vá con lộ, quảy cuốc, xách giỏ đi, thì Thuật cũng lặng lẽ theo sau không “khách sáo” chút nào. Mãi đến khi trời sụp tối, lặn lội cả hai dặm

đường dài, ông lão mới đưa chàng tới nơi tạm trú, một cái chòi nhỏ xíu nằm ven lộ. Sư lúi húi thổi lửa, luộc khoai, rồi giơ tay ra hiệu mời Thuật ăn. Thuật đang đói bụng, ăn liên tục hai củ mới chợt nhớ đến sư. Chàng lúng túng chấp tay mời sư. Sư lắc đầu, chỉ về hướng mặt trời lặn. Suy nghĩ một lúc lâu, Thuật mới hiểu ý sư. Tuy làm việc nặng nhọc nhưng sư vẫn giữ giới không ăn sau giờ Ngọ. Thuật chẳng màu mè, khoan khoái vết sạch phần còn lại. Sư ngắm nhìn chàng ăn, hỷ hả như bà mẹ hiền đang chăm sóc đứa con “cưng,” vui với niềm vui của con. Ăn xong, Thuật cũng muốn dọn dẹp nhưng đang xơ rớ thì sư bảo chàng vào ổ rơm nằm ngủ. Thuật đã mệt đừ đừ, mắt riu lại mở không lên, nên cứ lăn càn ra đó, ngáy vang như sấm. Sáng sớm hôm sau, vừa thức dậy chàng đã thấy sư lo lắng đầu vào đó sẵn rồi. Thế rồi, hai người ăn cơm, xới phần còn lại cho bữa ăn trưa, rồi quảy gánh lên đường. Sau đó, cả hai cùng ra tay xúc đất đá đắp đường, trọn ngày không ai nói với ai một lời, nhưng mối liên hệ ngày càng mật thiết. Điểm lạ lùng là tuy tuổi đã cao, phải lao động nặng nề, mà thái độ sư lúc nào cũng ung dung, thông thả... trong khi Thuật phải vất vả, vận dụng toàn lực, mệt thở hổn hển mà vẫn chưa theo kịp. Do đó, buổi chiều khi Thuật lê lét về được tới lều, thì sức đã kiệt, đầu óc lơ đãng, chỉ đủ sức rón “nhét” tí thức ăn vào bao tử, là lăn ra nằm ngủ, chẳng quan tâm bất cứ chuyện gì, kể cả nỗi gian truân cơ cực hiện thời. Mấy tuần sau, khi thể xác đỡ bị bầm dập, đầu óc minh mẫn thì Thuật lại dần dần khám phá được niềm thú vị trong nếp sống “phụ lục lộ” lao khổ này, nên cũng đỡ lo lắng cho thân phận hẩm hiu của mình.

Thuở nhỏ, Thuật đã được mẹ đưa đến chùa Bửu Lâm, Cái Bè, quy y với hòa thượng Hải Huệ. Thỉnh thoảng chàng vẫn đến chùa, nhưng tánh chàng hiếu động nên chỉ lễ Phật, chào thầy rồi “chuồn” mất, chàng rất ngại khi phải tiếp xúc với giới tu sĩ trầm lặng. Lần này, Thuật bị

đặt vào cái thế phải chung sống toàn thời gian với một vị tu sĩ vừa già, lại vừa câm và điếc nữa..., nên ngoài nỗi khổ vì lao động cực nhọc, chàng còn cảm thấy tù túng và chán nản tột cùng. Thế nhưng, sau thời gian đầu bực bội khó chịu, Thuật lần lần lắng lòng, trầm ngâm, lặng lẽ quan sát và cuối cùng khám phá được rằng sau khi loại bỏ được mớ âm thanh ồn ào, lột bỏ được cái lễ nghi hình thức giả dối bên ngoài thì người ta mới sống thực với chính mình, mới cảm thông được với vạn vật mọi loài một cách thiêng liêng và sâu sắc. Nhận thức trên là một chuỗi dài chuyển biến nội tâm, nhưng thật ra, có lẽ đã bắt nguồn từ những hành động “lắm cảm vô tích sự” của sư. Đang đi, bỗng nhiên sư dừng lại, cẩn thận dùng chiếc lá nâng con sâu, con bọ... hay búng một bụi cỏ đại ra khỏi mặt đường. Sư làm việc đó chân thành như một lễ nghi tôn giáo nên mất rất nhiều thời giờ, khiến cho kẻ chờ đợi bực bội không ít. Sư cũng từng bỏ cả ngày để săn sóc cho một con mèo hoang bị trọng thương đang thoi thóp chờ chết, rồi hì hục đào mộ chôn nó, chu đáo như lo lắng cho một thân nhân. Sư cũng có thể sốt phân cơm cho con chó đói hay bớt phần nước uống, tưới cho bụi cỏ khô cằn. Điểm đặc biệt là bụi cỏ đại may mắn đó hôm sau trở được đóa hoa tí hon xinh xắn, khoe khoang màu sắc, mồm mỉm đón chào sư. Sư ân cần cúi xuống vuốt ve, trang trọng chiêm ngưỡng rồi gặt gù tán thưởng. Đóa hoa chợt rung động, đong đưa theo gió nháy nhót vui mừng. Chuyện khó tin, nhưng đối với Thuật, đó là sự thật: Họ — sư và bụi cỏ — đang trầm lặng đối thoại hào hứng với nhau. Thuật khám phá rằng trong con người chân chất của sư tiềm tàng một khả năng siêu việt có thể cảm ứng với muôn loài, tình thương bao la của sư chan hòa cả cỏ cây cát đá, nên bụi cỏ cũng quuyến luyến, thân thuộc với sư. Cảm nhận được điều đó, Thuật không còn xem nhẹ những chuyện “lắm cảm” của sư nữa. Chàng yên lặng quan sát thật kỹ, tìm hiểu thật sâu, để rút tĩa

những bài thuyết pháp không lời tỏa ra từ hành vi cử chỉ của sư. Làm việc hay nghỉ ngơi, cuộc đất hay ngắm trăng, lúc nào sư cũng an lạc, sư tận hưởng sự sống từng giây phút hiện tiền không để rơi rớt phí phạm. Sư thông thả đi đứng, thở, cuộc đất, đập đá, rải đất đá đắp đường... rất bình thường, nhưng trong mỗi cử chỉ đều biểu lộ cho một hành động tràn đầy ý thức, và vì vậy, nên rất sống động và tự tại.

Gần gũi với bậc chân tu thanh thoát, Thuật cũng hưởng lây được niềm hạnh phúc. Càng nếm được hương vị đó, Thuật càng tha thiết mong tham học Phật pháp với sư, nhưng ước mơ này khó thực hiện đối với vị thầy câm điếc. Thuật đành quan sát sư, tự tìm hiểu và tự vạch cho mình một phương pháp tu và sống lành mạnh. Bước đầu, Thuật tập theo dõi từng hành động, từng suy tư của mình. Chàng chiêm nghiệm được rằng khi đã dần dần tự kiểm soát được thân tâm, mình mới có thể “tự làm chủ” lấy mình, không còn bị giặc tham sân si hoành hành khuấy phá nữa, vì vậy, bản thân sẽ thư thái nhẹ nhàng hơn. Từ đó, dần phải làm việc nặng nhọc, Thuật vẫn cảm thấy an vui như khi ngắm nhìn trời mây hay thưởng thức cỏ nội hoa ngàn. Giờ đây, chàng ý thức rất rõ, là thời gian làm việc chính là thời gian thụ hưởng giây phút hiện tại nhiệm mầu, nhờ vậy, chàng không còn nóng nảy mong làm cho chóng xong, để rồi rơi vào trạng thái bồn chồn, sầu lo, thương ghét, giận hờn...

Lụi hụi mà Thuật đã nương nấu với nhà sư câm điếc tròn mười tháng. Thuật vui vẻ theo sư đi chuyển dài dài trên con đường đất đá gần trăm dặm để sửa chữa, chẳng chút bận tâm đến thân phận trốn tránh bị đất của mình. Một hôm có đoàn khách thương dừng bước ngay chỗ chàng sửa đường, họ cúng dường cho sư chút thực phẩm, rồi có lẽ thấy không cần dè dặt gì đối với thầy trò kẻ mang bệnh câm điếc, họ bỏ bỏ bàn bạc những tin tức chính trị nóng hổi

đương thời. Các vị tướng lãnh quân đội tỉnh Vân Nam chia thành hai phe kình chống nhau để tranh đoạt chức đô đốc. Hai bên đã dàn quân đối đầu nhau, giao tranh lớn chắc chắn sẽ xảy ra. Phe của tướng Cố Phẩm Trân có phần hùng hậu hơn phe của tướng Đường Kế Nghiêu, vị đô đốc đương thời. Giới lãnh đạo kình chống nhau, không ai bận tâm điều hành guồng máy hành chánh kinh tế trong tỉnh. Các viên chức nhỏ bất động không dám giải quyết điều gì vì sợ lãnh trách nhiệm, thành thử luật lệ nội an lỏng lẻo, giới kinh doanh mặc sức làm ăn phi pháp để làm giàu nhanh chóng.

“Trong tình trạng này, có lẽ, lệnh ruồng bắt những người Việt lưu vong không còn hiệu lực nữa. Mình có thể tái hoạt động rồi đây!”, Thuật thầm nghĩ rồi bồn chồn chẳng yên. Bấy lâu, sống êm đềm với nhà sư câm điếc, Thuật tưởng mình đã quên lãng “trần gian khổ lụy,” nào ngờ vừa nghe tin này, thì hào khí người trai trỗi dậy, chàng hăm hở mong sớm lên đường để tiếp tục sự nghiệp cách mạng của mình. Thế nhưng, nghĩ đến việc xa rời vị thầy tôn kính, Thuật cảm thấy bồi ngùi chẳng yên.

Sau một đêm trần trọc, chờ đến sáng khi đến lúc sắp lên đường, Thuật lay thầy từ tạ, rồi cảm động rưng rưng nước mắt lên tiếng:

— Con phải lên đường thầy ạ! Con muốn sống mãi nơi này với thầy, nhưng con không thể bỏ rơi quê hương và phụ lòng tin tưởng của bè bạn con được!-- chàng nói tiếng Việt, vì nghĩ thầy điếc thì nói tiếng nào cũng vậy thôi, thầy đoán mò được điều gì cũng tốt!

— Ó! đương nhiên thì con phải ra đi! Nhưng nếu con nán ở lại thêm một thời gian ngắn nữa thì tốt lắm!

Thuật sửng sốt, dáo dác nhìn sư. Chàng lắc đầu không tin tưởng lỗ tai mình. Chàng thầm nghĩ: “Lạ quá! Sư? Sư câm mà sao bỗng nhiên nói được, mà nói bằng tiếng Việt mới dị kỳ chớ? Sư là người cõi trần hay là từ cõi nào mà có thể

hiển lộ thân thông như vậy!”

— Con à! Thầy không cầm và điếc, và thầy cũng là người Việt như con vậy đó!

Thuật mừng rỡ hỏi lung tung:

— Thầy sang đây từ bao giờ? Cuộc đời tu tập của thầy như thế nào? Mà sao thầy lại chọn làm công việc này ở đây?

— Ô! Thầy vốn là tu sĩ chùa Phước Hưng, Sa Đéc. Thầy rời nước năm hai mươi lăm tuổi, tính đến nay đã tròn bốn mươi năm rồi! Cuộc đời tu tập, hạnh nguyện và nguyên nhân “cầm điếc” của thầy dài dòng, nhưng thầy có ghi chép lại. Thầy sẽ trao cho con để tìm hiểu sau này!

— Đúng là Trời Phật dun rũi cho con trên bước đường cùng, may mắn gặp được thầy!

— Dĩ nhiên như vậy rồi! Nếu không có nhân duyên ngày trước thì làm gì có chuyện hội ngộ về sau! Lần hội ngộ này tương đối đã hoàn mãn rồi. Do đó, thầy chỉ mong con lưu lại chốn này chừng hai tháng nữa thì mọi sự sẽ hoàn mãn tốt đẹp. Thật ra, thì thầy cũng có chút việc dự định phú thác cho con!

— Thầy dạy điều chi con cũng xin tuân theo! Ô! hai tháng thì ngắn ngủi quá! Con nghĩ con nên lại lâu hơn để có thời giờ học đạo với thầy!

Thế rồi Thuật ở lại tiếp tục theo thầy hành nghề phu lục lộ và học đạo. Chàng đã từng quy y với hoà thượng Hải Huệ, nhưng lúc đó nhỏ dại chẳng hiểu biết gì, pháp danh chàng cũng mù tịt nên thỉnh cầu được quy y lại. Thầy quở: “Nếu con chưa nắm vững nghĩa lý thì thầy sẽ giải thích con hiểu Tam Quy và Ngũ giới, con quên pháp danh thì thầy đặt cho con pháp hiệu Thiện Duyên để nhân đó mà tinh tiến tu tập, nhưng thầy không thể chấp nhận cho con quy y lại. Quy y lại là hành động vô tình khinh thường vị thầy đầu tiên, một điều mà một người con Phật ân nghĩa tình thâm không thể làm được, huống chi, “một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy,” khi lễ quy y đã tiến hành, dù con chưa tin hiểu đầy đủ,

nhưng nhân lành đã được gieo, quả lành theo đó mà trùng trùng duyên khởi, phước báu mênh mang, thâm ân thầy xưa sao quên cho được!”

Thuật thỉnh cầu sư trao truyền một pháp môn để tu tập thì sư đáp:

— Phật pháp mênh mông chẳng bến bờ, mà thời giờ còn lại ngắn ngủi, vì vậy thầy đành bắt chước người nhắc nhở con bằng bài kệ:

*Chớ tạo các điều ác*

*Vâng làm mọi việc lành*

*Giữ tâm ý trong sạch*

*Đây lời dạy chư Phật.*

Tích xưa kể rằng vào thời nhà Đường có vị cao tăng nổi tiếng là đạo cao đức trọng thường ngồi tu trên một nhánh cây nên được bá tánh tôn xưng là Diệu Sào hòa thượng. Vị thái thú đương thời là Bạch Lạc Thiên, nghe danh tìm đến, thỉnh cầu sư giảng dạy về đại ý Phật pháp. Sư trả lời bằng bốn câu kệ ngắn gọn này. Bạch thái thú phản đối: “Tưởng sư dạy gì đặc biệt, chớ những điều này thì đứa con nít lên ba tuổi cũng biết!” Sư thản nhiên đáp: “Con nít ba tuổi tuy nói được nhưng lão già tám mươi chưa chắc làm được!” Phật pháp giản dị như vậy đó con. Chỉ cần tránh điều ác, làm việc thiện là đủ, nhưng vấn đề là phải tâm tâm niệm niệm hết lòng hết sức thực hành điều đó, thì tâm ý mới giữ được thanh tịnh. Giới đã thanh tịnh thì định huệ sẽ phát sanh, con đường giải thoát chẳng còn bao xa nữa.

Nếp sống phu lục lộ vẫn tiến triển như thường lệ cho đến ngày thứ mười kể từ khi sư “khai khẩu.” Sáng hôm đó, khi Thuật lui cui gom mớ đồ nghề chuẩn bị lên đường, sư bỗng ôn tồn ngăn lại:

— Con mang theo chiếc rựa đủ rồi. Từ bây giờ mình sẽ không còn gánh vác chuyện sửa đường lộ nữa, bởi vì, hôm nay là ngày cuối cùng của thầy ở chốn này, thầy sắp đi xa rồi, con ạ!

— Ủa! Thầy đổi ý không bảo trì con lộ này nữa sao! Mà thầy định đi đâu vậy thầy?

— Chúng sanh vô tận thì hạnh nguyện bồ tát cũng vô tận... Nhưng giờ đây đã đến lúc thầy sẽ vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, thầy sẽ tu tập ở cõi này cho đến khi đạt đến trình độ bất thối chuyển, rồi mới trở lại cõi Ta bà tiếp tục con đường vô tận của mình.

Nghe tin thầy sẽ từ già cõi trần đột ngột, Thuật choáng váng tối tăm mặt mày. Chàng ước mong gần gũi với thầy thêm một thời gian nữa, nhưng làm sao có thể mở lời ngăn cản thầy vãng sinh cho được. Nước mắt tuôn tràn, Thuật lặng lẽ đi theo thầy như một người máy. Sư đi vào rừng sâu, qua khỏi hồ sen nhỏ, đến khoảng đất cây cối thưa thớt thì dừng lại bên một tảng đá bằng phẳng, rồi lên tiếng:

— Chỗ này yên tịnh hợp ý thầy lắm! Con hãy ngồi kế bên đây, thầy có lời cuối cùng dặn dò con! Ở hay! Tử biệt sinh ly là chuyện thường tình, đâu có ai tránh được điều đó! Sao con ở hờ quên làm chủ lấy mình, để cho tâm ý bấn loạn theo nỗi buồn vui giả dối như vậy?

Nghe thầy nhắc nhở, Thuật vội thở mấy hơi thật sâu, theo dõi tâm niệm mình và dần dần khôi phục thái độ điềm tĩnh thường nhật. Sư lại lên tiếng:

— Thuở sơ tâm xuất gia, có lần ta theo sư phụ làm lễ cầu an cho một gia đình ở xóm chài mũi Nai, Hà Tiên. Ta xúc động chứng kiến cảnh vô số loài thủy tộc: cá tôm tép ruốc... bị bắt làm khô làm mắm, nên nảy lòng phát nguyện tu hành để cứu độ loài thủy tộc này. Vì vậy, ta nhờ con thiêu xác thân ta, mang mớ tro tàn về nước để rải ở miền biển đó. Ta muốn kết thêm duyên và giữ lời ước nguyện năm xưa thêm bền chặt...

Sư trao cho chàng mấy tờ giấy chi chít chữ, rồi ôn tồn tiếp lời:

— Đây là tự truyện của ta! Con tùy nghi mà tìm hiểu, may ra giúp ích chút nào cho con trên bước đường tu tập. Ta cũng nhân cơ hội này nhắc con một điều là pháp môn nào của đạo Phật

cũng quy vào việc tu dưỡng tâm, tức là chỉ nhằm chuyển sửa tâm tham sân si thành tâm thanh tịnh. Căn bản của phép tu tâm là giới mà hơn một lần thầy tóm gọn lại là “làm lành lánh dữ.” Hành giả càng tu, tâm càng thanh tịnh, cái ngã tan biến dần, nên tự tại mà hòa hợp. Trái lại, dẫu đạt đến trình độ giác ngộ như thế nào mà thiếu hòa hợp, thì có lẽ tâm đã bị cái ngã che lấp, đường lối tu âm thầm rẽ sang hướng khác mà hành giả không hay biết. Để tránh lầm lạc đó, hành giả nên luôn luôn thận trọng và thành thật quán sát từng động niệm của tâm, càng nhận thấy lỗi của mình thì đạo hạnh càng có cơ phát triển.

— Khái quát thì như vậy, nhưng phải có pháp môn thấp chớ thầy?

— Tâm bệnh chúng sanh muôn vàn sai khác nên đức Phật cũng “tùy bệnh cho thuốc” mà đưa ra những pháp môn khác biệt. Pháp môn nào cũng phát xuất từ đức Phật và đều có hương vị giải thoát, nên không thể phán quyết pháp môn nào cao hơn pháp môn nào. Do đó, nếu quá khích tôn xưng pháp môn này, phỉ báng pháp môn khác là đã vô tình phỉ báng Phật pháp. Vấn đề chính yếu của người hành giả là một khi đã chọn pháp môn phù hợp với căn cơ mình, thì cứ dứt khoát nhất trí tu tập, không để bất cứ ai lung lạc thay đổi đường lối, thì mới mong đạt được kết quả như ý.

— Tiếc quá! Giờ này mới hiểu đạo lý thì đã muộn màng! Con đã nguyện dâng hiến đời cho dân tộc, thì đâu còn cơ hội tu tập gì nữa!

— Con ạ! Hy sinh đời mình cho dân tộc cũng là hạnh nguyện của bậc Bồ Tát. Con vẫn có thể làm cách mệnh và tu tập được, nếu như con hằng quán sát thân tâm không để cho niệm tham sân si sinh khởi là đủ.

Dứt lời, sư ngồi kiết già chấp tay hướng về hướng tây liên tục niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật.” Thuật ngẩn ngừ, rồi cũng cất tiếng niệm theo thầy, quên cả giờ giấc. Vừa đứng ngộ, ánh



năng gay gắt bỗng đổi thành dịu dàng, lung linh ngũ sắc, hương thơm hoa sen thoang thoảng. Thế rồi trên không gian, bỗng có tiếng nhạc kỳ diệu trỗi vang lừng, tràng phan bảo cái ẩn hiện trong mây. Từ đỉnh đầu của sư bỗng có làn hào quang xẹt thẳng lên trời. Sừng sốt ngắm nhìn hiện tượng nhiệm mầu hiển hiện trước mắt mình, Thuật nẩy lòng thành kính hướng lên hư không đánh lễ liên tục. Mãi cho đến khi nghe tiếng nhạc nhỏ dần rồi im bật, chàng mới sờ tay vào mũi sư để biết chắc rằng người đã thị tịch. Tuy vậy, Thuật cẩn thận chờ thêm hai ngày nữa mới gom cây lá, lễ lạy từ biệt rồi mới châm lửa thiêu xác. Lửa tàn, chàng góp nhặt tro trắng và những viên xá lợi tạm đựng trong chiếc bình bát, đặt trên tảng đá. Chàng lại tìm được vài bụi lan rừng trang trí chung quanh, như vậy, tạm coi như đã có chỗ thờ kính trang nghiêm trong thời gian bốn mươi chín ngày mà chàng đã quyết định lưu lại. Hàng ngày, đến giờ ngọ chàng kính cẩn quỳ và niệm Phật, thời giờ còn lại, chàng nghiên ngẫm tự truyện của ân sư để học hỏi đạo pháp qua hành trạng của người...

(đón đọc tiếp phần 2:  
tự truyện của Lung Á đầu đà)

Tháng 7/1997

### Ghi chú:

(1) Câu ca dao này phổ biến ở Cần Thơ có điểm khác,

*Chừng nào xán nọ bung vành*

*Tàu bình kia liệt máy, thì mình mới xa nhau...*

(2) Phèn là màu vàng của chất phèn, dùng như danh tự có nghĩa là chó phèn (cũng như chó cô, chú mực...). Thời Pháp mới chiếm miền Nam, phèn ám chỉ cho đám Việt (da vàng) mà làm cho sản cho ngoại bang.

(3) *Lung Á đầu đà*: Tu sĩ khổ hạnh cầm và điếc.

## Mẹ Tôi

Đặng Thị Hồng

T hấm thoát ba tuần lễ về thăm quê hương Việt Nam sắp chấm dứt. Ngày mai mẹ tôi và tôi lên máy bay về Mỹ. Cuộc thăm viếng này đã đem lại cho chúng tôi nhiều niềm vui, đồng thời cũng gợi lại nhiều kỷ niệm buồn.

Gặp lại bạn bè, bà con, được ăn những bữa cơm thanh đạm với bát canh cua, vài quả cà pháo và tình cảm chân thành của họ dành cho chúng tôi là món quà vô giá. Đi qua căn nhà cũ, nơi mẹ đã đổ bao mồ hôi và nước mắt xây dựng, nuôi nấng, dạy dỗ tám chị em chúng tôi, tôi không khỏi bồi ngùi. Căn nhà tuy có thay đổi chút ít, tôi vẫn hình dung được mẹ với nụ cười thương yêu khi cho chúng tôi đi học về. Sự vắng mặt của bố tôi hiến cho trách nhiệm của mẹ tôi càng nặng nề nhưng nhờ nhẫn nại và chịu khó, mẹ đã giúp chúng tôi vượt qua những khó khăn.

Bây giờ ngồi đây, trong cái khách sạn đã gợi lại cho mẹ và tôi một kỷ niệm đau lòng. Nhìn mẹ tôi đang ngồi trầm ngâm bên cạnh cửa sổ nhìn xuống đường, tôi biết mẹ đang buồn lắm. Dĩ vãng lần lượt hiện rõ ra trong trí tôi.

Bốn mươi năm về trước hồi tôi là một con bé mười tuổi. Một buổi tối cuối mùa đông, mẹ dẫn tôi đến đây, cái khách sạn này, để xem những lời đồn về bố ngoại tình với cô vũ nữ có đúng không. Sự nghi ngờ của mẹ đã được trả lời bằng một sự phũ phàng. Bố và cô vũ nữ ngất ngưỡng, tay trong tay lả lơi, tình tứ. Tôi thấy tay mẹ bám mạnh vào vai tôi. Tôi phải loạng choạng mấy bước mới lấy lại thăng bằng. Khi

ngước lên, tôi bắt gặp cặp mắt ngơ ngàng của bố. Tôi thấy ông tiến lên vài bước rồi thụt lại quay vào. Mẹ tôi òa lên khóc, dất tôi thất thểu về nhà. Tôi không hiểu tại sao mẹ lại đem tôi đi theo. Có phải vì bố cưng tôi nhất? Mẹ muốn dùng sự có mặt của tôi để thức tỉnh bố chăng?

Về đến nhà, bác Tầm người đã cho mẹ tin tức về cô vũ nữ muốn biết tại sao mẹ không đối chất với bố và người tình của ông thì mẹ chỉ nói làm như vậy chỉ vạch áo cho người xem lưng. Mẹ tôi lúc nào cũng chỉ âm thầm chịu khổ một mình.

Mẹ tôi sinh trưởng trong một gia đình nề nếp. Ông ngoại là ông huyện. Bà ngoại là một người đàn bà rất đảm đang. Ông bà ngoại rất yêu mẹ vì mẹ ngoan và đẹp. Lớn lên mẹ yêu bố. Bố đẹp trai, bay bướm lại là nhân viên cao cấp của bộ thể thao thời bấy giờ. Mối tình của bố mẹ không được ông bà ngoại hưởng ứng nhưng vì thương con nên ông bà đành phải chịu mẹ.

Những năm đầu làm vợ, mẹ đã được sống trong hạnh phúc. Chị tôi, hai ông anh rồi tôi lần lượt ra đời. Chúng tôi chỉ cách nhau có một tuổi. Tính bố hào hoa thích ăn chơi nhảy nhót. Tiền lương của bố chỉ đủ để đãi bạn bè. Nuôi chúng tôi phần lớn nhờ vào tiền hồi môn và sự giúp đỡ khéo léo của bà ngoại. Bà ngoại biết hoàn cảnh của con nên lúc nào đến thăm là cụ lại mang đến vài bao gạo, vài cân cá khô, tôm khô và một bao thư lì xì cho các cháu.

Rồi hiệp định Genève ra đời, chia đôi đất nước. Bố mẹ và chúng tôi di cư vào Nam. Gia đình chúng tôi ở trong một căn nhà rất nhỏ gồm một phòng khách, một phòng ngủ và một nhà bếp. Phòng khách ban đêm trở nên phòng ngủ của chị em chúng tôi. Việc làm của bố không được như xưa. Không có sự giúp đỡ của ông bà ngoại, gia đình chúng tôi trở nên túng quẫn. Mẹ tôi kiếm cách nuôi chúng tôi bằng nghề nấu cơm thánh. Bố thấy vậy lại càng ít về nhà, lấy cớ đi

làm ăn. Dăm thì mười họa ông về chơi, ở lại một vài ngày rồi lại đi. Bốn đứa em tôi sinh ra trong hoàn cảnh đó. Mới đầu tôi còn mong bố về vì nhớ bố. Trong đám anh chị em tôi, bố thương tôi nhất. Bố bảo tôi giống mẹ, nhiều tình cảm và dễ tha thứ. Tôi nhiều tình cảm thì có lẽ đúng nhưng dễ tha thứ? Bố đi vắng hoài làm sao bố hiểu tôi được. Từ ngày mẹ và tôi bắt gặp bố quá tang trong tay cô vũ nữ, bố không về nhà nữa. Bố xấu hổ trước sự im lặng của mẹ chăng? Chúng tôi chỉ còn có mẹ để nương tựa. Mẹ là rường cột, mái ấm che chở cho chúng tôi. Ngoài giờ học tôi phải giúp mẹ trong bếp, nấu cơm phần để các anh tôi trao cho từng nhà. Mẹ dạy từ ba giờ sáng nhặt rau, vo gạo để rửa soạn cho hai bữa cơm trưa và chiều cho khách. Nhiều khi bắt gặp mẹ nước mắt ràn rụa, tôi đưa mắt dò hỏi thì mẹ lặng đi, đổ tại khói, tại hành làm cay.

Cuộc sống của mẹ con chúng tôi cứ như vậy lặng lẽ trôi đi. Chị tôi đã lập gia đình. Hai ông anh tôi đã vào quân đội. Sau khi lấy được bằng tú tài hai, tôi quyết định đi làm để giúp mẹ và các em. Sự khổ cực đã làm mẹ tôi già trước tuổi. Nhìn mẹ tôi cảm thấy xót xa. Xót xa cho thân phận của một người đàn bà. Tuy bị phụ bạc mẹ vẫn không quên bố, vẫn hy vọng bố sẽ ăn năn trở về với mẹ.

Tôi lấy chồng được một tháng thì miền nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản. Anh rể tôi là sĩ quan hải quân và anh đã thu xếp để gia đình hai bên cùng lên tàu đi tị nạn. Hôm rửa soạn hành lý để ngày mai lên đường, tôi thấy mẹ khóc khi nhìn ngắm mấy tấm hình cưới của mẹ và bố. Thấy vậy tôi nảy ra ý định lam sứ giả hòa bình. Không có thì giờ để suy nghĩ thiệt hơn tôi hỏi ý kiến các anh chị em trong nhà rồi đến thăm bố tôi, báo cho ông biết rằng chúng tôi đã có chỗ trên tàu nếu ông quyết định đi với mẹ và chúng tôi. Ngày lên tàu, bố tôi đến đứng hẹn trước sự vui mừng của anh em tôi và sự ngạc nhiên của mẹ. Cảnh bến tàu ồn ào, vô trật tự.

Tiếng khóc, tiếng từ biệt của kẻ ở lại người ra đi giống như một đám tang tập thể. Tôi ngồi cạnh mẹ tôi và chị tôi. Bố tôi ngồi cạnh các em tôi. Em út tôi, lâu quá mới gặp lại bố, cứ ngây mắt ra nhìn. Khi tàu sửa soạn nhổ neo, bố tôi đứng phắt dậy, không nói năng gì ông nhẩy lên bờ. Tôi nhìn lên, thấy cô vũ nữ chạy tới, ôm chầm lấy bố tôi với nụ cười đắc thắng. Tôi lặng người đi, không ngờ bố tôi lại có thể tàn nhẫn như vậy. Đây là lần thứ nhìn ông đã dầy xéo lên trái tim của mẹ tôi, đã làm nhục chúng tôi... Nhìn những đôi mắt ngơ ngác của các em và nỗi thất vọng của anh chị tôi tôi thấy mình có tội vô cùng. Tôi là người đã tạo nên cảnh đau lòng này. Mục đích của tôi là đem bố về với mẹ nhưng tôi đã lầm. Bố tôi đã mất hết lương tri. Tôi cúi gằm mặt xuống, không dám nhìn mẹ tôi, chỉ lí nhí “Mẹ ơi! Tha thứ cho con!”

Định cư ở Mỹ được bảy năm, tôi nhận được thư của bố tôi. Tôi ngạc nhiên không hiểu sao ông lại chọn tôi. Ông vẫn tưởng tôi là đứa con nhiều tình cảm chăng? Ông lầm rồi, trước mắt tôi ông đã chết không những một lần mà hai lần. Cuộc sống của ông với cô vũ nữ vui hay buồn thì cũng chả liên hệ gì đến tôi. Tôi để nguyên lá thư trên bàn, lẩn lóc cả tuần không mở ra đọc. Con gái tôi mới sáu tuổi, không biết gì về bố tôi cả. Nhìn thấy cái thư có dán tem lạ, nó hỏi “Thư của ai vậy mẹ?” “Thư của ông ngoại ở Việt Nam gửi qua” tôi đáp.

Con bé lại tiếp tục “Sao mẹ không mở ra đọc coi ông ngoại nói gì?” Không muốn con tôi hỏi thêm lời thôi, tôi mở thư ra đọc.

*Ngân con,*

*Bố ngần ngại rất lâu trước khi viết thư cho con. Bố biết bố có tội với mẹ con và các con nhiều lắm. Tội đó bố có ăn năn sám hối mười đời cũng không hết. Mẹ con có khỏe không? Các con vẫn bình thường chứ? Bác Hiên, bạn thân của bố mẹ ngày xưa liên lạc với bố, nói là các con học hành ngoan, đã ra trường, rất có hiếu*

*với mẹ. Bố mừng và cảm ơn các con.*

*Bố bây giờ đang ở trong chùa, lo việc công quả. Cô Hằng và bố đã xa nhau ba năm nay. Chúc con và gia đình bình an.*

*Bố của con.*

Bố nhắc đến cô Hằng, cô vũ nữ với nụ cười đắc thắng và thân hình uốn éo như rắn, làm tim tôi nhói lại. Làm sao tôi quên được. Làm sao tôi quên được sự nhục nhã mà mẹ đã phải chịu đựng bao năm trời rờn rã. Làm sao tôi quên cái mặc cảm của một đứa con bị ruồng bỏ. Tôi bỏ bức thư vào ngăn kéo, định bụng sẽ kể lại cho mẹ và anh chị tôi khi có dịp gặp nhau.

Ba tháng sau khi nhận được thư của bố tôi, tôi được tin ông đã qua đời. Thư do một vị tăng trong chùa, nơi bố tôi tá túc trong những năm cuối cùng của cuộc đời ông, gửi đến. Thư nói là bố tôi mất vì bị bệnh phổi. Nhà chùa cũng cố gắng lo cho bố tôi nhưng thiếu phương tiện tài chánh nên thuốc thang không đầy đủ.

Cái chết đột ngột của ông làm tôi bàng hoàng, hối hận. Tôi tự trách mình không liên lạc ngay với ông. Tôi tự an ủi sở dĩ bố tôi không đá động gì bệnh tật của ông trong lá thư gửi cho tôi có lẽ vì ông không muốn chúng tôi thương hại ông. Ông tự nghĩ ông không xứng đáng nhận sự giúp đỡ của chúng tôi vì ông đã không làm bổn phận người chồng, người cha. Tôi không ngờ lá thư mà tôi tôi không muốn mở ra đọc đó lại là bức thư cuối cùng của bố tôi.

Thấy tôi thẫn thờ, mẹ tôi nhắc, “Sao con không đi sửa soạn đi! Trễ rồi! Mình còn phải đi mua sắm vài món quà. Tối nay phải đi ăn tiệc từ giã nữa.” Tôi giật mình, ngại ngùng, không biết mở đầu ra sao. Liếc cái ví để trên bàn cạnh giường ngủ, bức thư của bố mà tôi vẫn luôn luôn đem theo nằm gọn ghẽ trong đó, tôi không nén được tiếng thở dài. Tôi nhìn mẹ ngập ngừng:

“Con muốn đề nghị với mẹ điều này nhưng con sợ mẹ không bằng lòng...”

“Thì cứ nói đi, mẹ nghe.” Mẹ tôi khuyến

khích.

“Con muốn đi thăm mộ bố. Mẹ nghĩ sao?”

Mẹ nhìn tôi, đôi mắt hiền của mẹ long lanh:

“Mẹ cũng muốn vậy nhưng cứ sợ con còn giận bố. Thôi, nghĩa tử là nghĩa tận con ạ. Vả lại, mẹ già rồi. Biết đâu về thăm quê hương lần này lại chả là lần cuối.”

Biết mẹ nói như vậy để biện hộ cho việc đi thăm mộ bố, để che đậy tình cảm của mình nhưng tôi chỉ lặng yên. Tôi biết mẹ tôi vẫn còn yêu bố tôi, một tình yêu mà chỉ có người trong cuộc mới hiểu nổi.

Ngồi trong xe trên đường đi thăm bố tôi, mẹ ngâm bài thơ mà mẹ ưa thích nhất. Đó là bài “Đại Khờ” của nhà thơ Xuân Diệu.

*Người ta khổ vì thương không phải cách  
Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người.  
Có kho tàng nhưng tặng chẳng tùy nơi,  
Người ta khổ vì xin không phải chỗ.*

*Đường êm quá, ai đi mà nhớ ngã  
Đến khi hay, gai nhọn đã vào xương.  
Vi thả lỏng không kìm chế dây cương,  
Người ta khổ vì lui không được nữa.*

*Những mắt cạn cũng cho rằng sân chúa,  
Những tim không mà tưởng tượng trần đầy.  
Muốn nghìn đời tìm cơ dơi sương mây,  
Dấn thân mãi để kiếm trời dưới đất.*

*Người ta khổ vì cố chen ngõ chật,  
Cửa đóng bưng nên càng quyết xông vào.  
Rồi bị thương người ta giữ gươm đao,  
Không muốn chữa, không chịu lành thù địch.*

Mẹ tôi ngâm xong bài thơ thì taxi chở chúng tôi ngừng ngay trước cửa nghĩa trang. Đi quanh co mãi mới tìm được mộ của bố tôi. Mộ ông nằm cô đơn cạnh cây phượng già cần cỗi. Trên và chung quanh mộ cỏ hoang mọc cao gần đến thắt

lưng, che hết tấm bia nhỏ dựng ở trên đầu. Lâu lâu một cơn gió thổi đến, xua nhẹ vạt con bướm bướm đậu trên cành cỏ may mong manh.

Trời mới vào xuân nên còn mát, nắng còn nhẹ. Tôi đứng yên lặng nhìn bác giữ nghĩa trang lúi húi cắt cỏ, làm sạch tấm mộ cho bố tôi, băng khuâng, tự hỏi không biết đến bao giờ mới trở lại thăm. Chỉ tiếc rằng khi bố tôi đã thức tỉnh, muốn trở lại với mẹ và chúng tôi thì đã quá trễ.

Bên tôi, mẹ tôi một tay cầm nén nhang, một tay lau nước mắt, không biết mẹ khóc bố hay mẹ khóc cho chính mình. Riêng tôi, tôi cầu mong là mẹ tôi đã trả xong nghiệp chướng. ■

May 30, 1997.

## thơ NGÔ HÙNG

### Còn Lại Tôi Với Tôi

*Lặng yên ngồi tĩnh lặng  
Tôi thấy lại chính tôi  
Qua trăm nghìn sinh tử  
Qua vạn kiếp luân hồi  
Và cứ ngồi tĩnh lặng  
Mỉm cười với chính tôi  
Bỗng dưng... hoa sen nở  
Ngay dưới thân tôi ngồi.*

*Thản nhiên ngồi tĩnh lặng  
Mặc sen nở... luân hồi...  
Bỗng òa... thật rớt ráo  
Còn lại... tôi với tôi.*



# HÒA THUỢNG THÍCH CHÁNH LẠC

## Hoàng Dương Phật Pháp Tại Canada

(từ 27-5 tới 5-6-97)

Thủ đô Canada tung bùng mở hội Mùa Xuân, hoa Tulip muôn màu khoe sắc. Du khách các nơi hàng hàng, lớp lớp kéo về Ottawa dự hội, thường ngoạn tài nghệ trồng hoa, cắm hoa của một sự kết hợp văn hóa Đông - Tây mà Canada và Nhật Bản là đại diện.

Trong không khí hân hoan của những ngày Hội Hoa Tulip, Cộng đồng Phật giáo Việt Nam vùng Ottawa - Hull hân hạnh được nghênh đón Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, quang lâm xiển dương Chánh Pháp tại chùa Từ Ân theo lời thỉnh cầu của Ban Trị sự Hội Phật Giáo Việt Nam.

Trước ngôi Tam Bảo, mỗi tối liên tục trong bảy buổi dạy Phật Pháp, hàng trăm người con Phật lắng nghe những lời giảng của Hòa Thượng. Đặc biệt trong ngày Chủ Nhật, 01-6-1997, chánh điện chùa Từ Ân không còn chỗ trống để đứng cho Phật tử nghe Pháp như. Buổi giảng pháp trong khóa Tu Bát Quan Trai ngày Thứ Bảy, 31-5-1997, gần 50 Phật tử chùa Quan Âm dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Trường Phước đã đến dự. Một tín nữ ở tuổi 83, tay run run, cúi lưng đánh lễ Hòa Thượng. Mắt cụ đầm lệ khi lời thỉnh cầu Hòa Thượng quang lâm chùa Quan Âm ban pháp như không được thanh thỏa. Hòa Thượng rất tiếc không khả thi vì Phật sự quá bận rộn, và hy vọng nếu thuận duyên sẽ có ngày gặp lại quý Phật tử chẳng những ở Montréal, mà còn ở các địa phương khác tại Canada nữa.

Mở đầu cho buổi giảng Pháp, Thầy nói sơ lược về lịch sử Phật giáo Việt Nam gắn liền với giòng sinh mệnh của quốc gia, dân tộc. Thầy hiện diện trong hàng ngũ tu sĩ từ tuổi thơ ấu. Lớn lên, Thầy được xuất ngoại sang Đài Loan theo học Chương trình Tiến sĩ về Văn chương và Triết học Trung Hoa với học bổng của chánh phủ Trung Hoa Quốc Gia.

Sau khi tốt nghiệp, đất nước bị Cộng sản cưỡng chiếm, không đành lòng trước Pháp nạn tại quê nhà Thầy sang định cư tại Hoa Kỳ năm 1986 với ý nguyện hoàng dương Phật Pháp và xây dựng cơ sở Phật Giáo Thống Nhất tại hải ngoại để làm bàn đạp đấu tranh cho Phật giáo trong nước.

Tính đến nay (1997), Thầy đã xa quê hương 28 năm nhưng lúc nào tâm nguyện Thầy cũng hướng về Việt Nam. Mong sao đến năm 2000 không còn "lá cờ máu" Thầy sẽ trở về Việt Nam lạy Tổ, và sống những ngày còn lại dưới mái chùa xưa.

Trở lại đề tài, Thầy nói về Chùa.

**Chùa lập ra để làm gì? Chùa có mấy loại?**

\* Chùa là nơi thờ Phật để tỏ lòng cung kính và tưởng niệm công ơn hóa độ của Ngài.

Thờ đức tôn - một Đức Phật - vì Ngài là Tam Giới Chi Đạo Sư. Tứ Sanh Chi Từ Phụ, và vì có hàng sa chư Phật nên thờ một vị là đủ, vì Phật Phật Đạo Đồng. Ngài sanh ra tại Ấn Độ, nhưng Ấn Độ chỉ là nơi thị hiện của Đức Phật. Năm 29 tuổi, Ngài bỏ lại vợ đẹp, con ngoan, cung vàng điện ngọc, đến bờ sông Anoma, cắt tóc, cởi bỏ đồ trang sức gửi về cho phụ vương và vào rừng tu khổ hạnh, quyết tìm đường cứu chúng sanh thoát vòng luân hồi sanh tử.

\* Chùa có thể do Hội hoặc tư nhân lập ra, nhưng phải là đạo tràng trang nghiêm, thanh tịnh, đón nhận những người con Phật đến chiêm ngưỡng 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Phật. Từ đó, người Phật tử gắng tâm tu học để tự khai ngộ tâm Phật sẵn có nơi tự tâm.

Đạo Phật là đạo thực hành. Tu mà không học là tu mù. Học lý thuyết mà không thực hành thì như có hai con mắt nhưng thiếu đôi chân, và sẽ ở trong tình trạng Tam giới vô an. Vì vậy, người tu học đạo Phật cần hiểu đúng, làm đúng sẽ có kết quả tốt.

Là Phật tử, trước hết phải làm sao cho xứng đáng con người, sau đó, mới mong trau dồi phước đức và Tri



huệ để đứng tiến trên đường xa bỏ bờ mê về gần bến Giác.

Đức Phật nói: "Làm được thân người rất khó". Khó như cỏ nhân dã biểu lộ: "Niên niên đồng trụ khai hoa dị, Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan."

Đức Phật quan niệm đệ tử của Ngài không được tin một cách mù quáng, mà phải Văn (nghe) - Tu (suy nghĩ) - Tu (thực hành) trên bước đường học và hành giáo pháp của Ngài.

Đức Phật đã dạy: " Ở gần ta mà không nghe lời ta là như ở xa ngàn dặm. Trái lại, ở xa ta mà làm đúng lời ta là như ở gần ta vậy."

Đức Phật xuất gia năm 29 tuổi (cách đây 2592 năm), và Ngài thành đạo năm 35 tuổi (cách đây 2586 năm). Và sau 45 năm truyền pháp, Ngài nhập Niết Bàn năm 80 tuổi (cách đây 2541 năm).

**Phật, Pháp và Tăng** (Tam Bảo) có từ khi Phật chuyển pháp luân đầu tiên với pháp Tứ Diệu Đế tại Lộc Uyển cho 5 anh em Kiều Trần Như. Phật độ cho hàng tăng sĩ đầu tiên là 5 anh em Kiều Trần Như (Kondanna), Bạc Đề (Bhaddiya), Thập Lịch (Vappa), Ma-Ha Nam (Mahanama) và Ac Bệ (Assaji). Tăng đoàn có từ đây. Người cư sĩ được độ cuối cùng là Tư Bạt Đà-La, 120 tuổi, có trên 5.000 đệ tử tại rừng Sa-La.

Vua A-Dục (Asoka) sau 10 năm phấn đấu mới trở thành Phật tử. Phật tử nói chung gồm cả hai giới xuất gia và tại gia. Sau khi đã trở thành Phật tử, vua A-Dục dùng 10 Thiện Nghiệp để cải thiện xã hội Ấn Độ... (ba nghiệp của Thân là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; bốn nghiệp của Khẩu là không nói dối, không nói lật lọng, không nói hung ác, không nói thêu dệt; ba nghiệp của Ý là bớt tham, bớt sân, không tà kiến).

Lịch sử Việt Nam cũng ghi đậm nét việc áp dụng 10 điều lành để dạy dân của vua Trần Nhân Tông. Ngài truyền ngôi cho con rồi xuất gia và trở thành Đệ Nhất Tổ Thiền Phái Trúc Lâm. Ngài chủ trương bài trừ mê tín dị đoan. Đệ tử của Ngài là Pháp Loa và tái truyền đệ tử Huyền Quang đã duy trì được ảnh hưởng của Thiền phái Trúc Lâm cho đến những thế hệ mai hậu.

Khi Phật còn tại thế, chỉ tôn giả Ca Diếp (Kacyapa) khế ngộ yếu chỉ và được Đức Phật trao cho chánh pháp nhãn tạng. Vì vậy, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài Ca Diếp đã triệu tập đại hội kết tập gồm 500 vị La Hán để tập trung những lời dạy của Phật thành **Kinh Tạng, Luật Tạng**. Và đời sau các thánh đệ tử viết ra **Luận Tạng** để giải thích Kinh và Luật tạng.

Chùa thờ Phật để biết ơn Phật, lấy gương Phật soi cho mình. Một tấm gương lợi tha, vì chúng sanh mà xuất gia cứu khổ. Ngoài việc thờ Phật, chùa còn thờ hương linh người quá cố để tỏ lòng tôn kính và biết ơn ông bà, cha mẹ. Nhưng vai trò quan trọng nhất của chùa là trường sở để học hành và truyền bá Phật pháp.

Yếu tố chính của hành lễ là phải chí thành và cung kính. Chuông đặt bên phải bàn thờ (từ ngoài ngõ vào). Người đánh chuông là Duy Na có trách nhiệm điều khiển trong suốt buổi lễ. Mỏ thiết trí bên trái, người đánh mỏ là Duyệt Chúng, có nghĩa là làm cho mọi người vui vẻ, giữ nhịp điệu cho đều trong lúc tụng niệm.

**Tại sao người Phật tử phải quy y Tam Bảo?**

Quy là quay về, vứt bỏ con đường tội lỗi, trở về với nếp sống phúc đức.

Y là nương tựa vào Tam Bảo.

Quy y là định hướng đi cho cả cuộc đời, nương tựa vào Phật, Pháp và Tăng để làm điều lành, tránh điều ác, hầu tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho ngày mai.

Phật là bậc Đại Giác Giả dịch từ tiếng Pali có căn ngữ "Budh", nghĩa là Đại Giác Ngộ.

Pháp do chữ Phạn là "Darma" có nghĩa là Chân lý. Lời dạy của Đức Phật là Kinh và Luật. Kinh có 2 tính chất: Khế Lý và Khế Cơ.

Tăng bảo là những người xuất gia, lấy đạo làm nhà, lấy thầy tổ làm cha, chú... Người xuất gia tu hành từ bỏ gia đình để học, thực hành và truyền bá lời Phật dạy, phục vụ tha nhân.

Sau khi quy y, người Phật tử mới chính thức hóa trở thành người con của Phật. Người Phật tử chân chính phải giữ ít nhất một trong năm giới, hoặc giữ được toàn phần giới thì càng tốt.

Một khi đã quy y Tam Bảo rồi, người Phật tử không được quy y Trời, Thần, Quỷ, Vật, ngoại đạo, tà giáo và tổn hữu, ác đảng. Tổn hữu là người bạn gây khổ đau

cho mình. Còn ác đảng là một bọn người cấu kết với nhau làm những điều hung ác, dã man như đảng Cộng sản Việt Nam chẳng hạn.

Phật pháp không ở đâu xa, mà ngự trị ngay tại thế gian vô thường này. Học Phật pháp tựa hồ như hai con mắt và thực hành được ví như cặp chân. Người Phật tử phải hiểu rõ về nghiệp báo. Nho gia có câu:

"Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác", có nghĩa là ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác. Việt Nam ta có câu: "Gieo gió thì gặt bão".

Vợ chồng kết hợp với nhau phải do duyên tiền định, hoặc thiện duyên hay ác duyên. Vợ chồng, cha mẹ, con cái đều có liên hệ "nợ" nhau từ vô số kiếp trước, hoặc "đòi nợ", hoặc "trả nợ". Trong đời sống hàng ngày, vợ chồng cần hòa thuận để làm gương cho con cái, và nên cùng nhau xây dựng đời sống tâm linh, đầu tư cho tương lai sau khi qua đời.

Đạo Phật là vương đạo. Là Phật tử, chúng ta nên đến chùa ít nhất một tuần một lần làm công quả, lo cho đời sống tâm linh. Vợ chồng sống với nhau, yêu nhau, không muốn cho nhau khổ. Khổ là vì tư lợi, muốn hết khổ cần lợi tha, giác tha.

Đến chùa làm công quả không cần ai biết, nhưng Long Thần Hộ Pháp biết. Lạy Phật, làm công quả là chúng ta để dành phước đức đầu tư cho kiếp sau mà không ai có thể tránh khỏi qua cầu Nại Hà (chết).

Người Phật tử đã quy y rồi thì cần phải giữ giới và ăn chay. Sách có câu: "Quân tử thận kỳ độc", nghĩa là người quân tử cẩn thận khi ở một mình. Tham, sân, si là Tam Độc mà người Phật tử cần tránh để diệt trừ tận gốc của căn bệnh phiền não. Tiền chi là phương tiện, không là cứu cánh cuộc đời. Đời sống gia đình cần được hạnh phúc, trên thuận dưới hòa. Phật dạy chúng ta, Phu xướng phụ tùy, nhưng Phụ xướng thì phu cũng nên tùy, nghĩa là ai cũng nên phục thiện, nghe điều phải, chứ không nên chông chũa vợ tôi. Trong đời người có 816 triệu lần thở ra hít vào, quá ngắn ngủi, chúng ta cần có đời sống tâm linh để thân tâm thường an lạc.

Con người là động vật cao cấp, nên người tu hành theo đạo Phật không ăn thịt loài động vật mà chỉ dùng thực vật làm thức ăn nuôi sống con người.

Sau 7 buổi dạy Phật pháp, và một ngày Tu Bát Quan Trai, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc đã mang Ánh Đạo Vàng truyền bá đến những người con Phật nơi thủ đô băng giá nhất thế giới.

Cộng đồng Phật giáo như đá hồi sinh sau những tháng ngày dài của mùa đông tuyết lạnh.

Lần đầu tiên, từ ngày lập chùa (1980), ngôi bảo điện Từ Ân hân hạnh được đón tiếp một vị cao tăng học rộng, hiểu nhiều, đạo cao đức trọng về dạy Phật Pháp liên tục trong hơn một tuần lễ. Số người tham dự, thật là kỷ lục, mà đa số là các bạn trẻ lớn lên tại xứ lạ quê người, nhưng lòng lúc nào cũng hướng về quê hương và đạo pháp.

Thứ Năm, 05-6-1997, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc trở về Hoa Kỳ, nhưng hình ảnh và lời dạy của Thầy vẫn mãi mãi ghi đậm nét trong tâm trí của người con Phật vùng thủ đô Canada.

Chúng con biết ơn Thầy và cầu mong Thầy thân tâm thường được an lạc, Phật sự viên mãn. Mong Thầy thương xót những đứa con "mồ côi", mỗi năm Thầy qua một lần ban Pháp nhũ để chúng con được cơ duyên tinh tấn đi theo con đường của Phật.

Người phóng sự  
(ghi nhanh tại chỗ)  
Ottawa, ngày 05-6-1997

## **Thành tâm Kính tặng Hòa Thượng:**

Hòa đồng Vũ-trụ hiệp Chơn-Nhu  
Thượng đẳng Càn-Khôn Tạo-Hóa Cừ.  
Chánh pháp giác tha, viên giác hạnh  
Lạc vô sở trụ Ngô Minh Sư.

Ottawa, 01-6-1997  
Minh-Ngộ  
Hội Phật Giáo Chùa Từ Ân

# Ý NGHĨA AN CƯ KIẾT HẠ

*Long Hoan*

**A**n Cư là một điều cần thiết của giới Xuất Gia. Người xuất gia muốn có đạo hạnh tăng trưởng không thể thiếu sự an cư. An Cư nhằm để bồi dưỡng giới đức, phát triển giới thân huệ mạng cho hàng xuất gia. Vấn đề An Cư được đức Phật Thích Ca thiết lập để hàng Tăng sĩ tu tập và quy luật này đã được ghi lại trong Tạng Luật. Như vậy, An Cư nghĩa là gì?

## 1. ĐỊNH NGHĨA AN CƯ:

AN CƯ, tiếng Phạn là Varsika hoặc Varsa, tiếng Pàli là Vassa, nghĩa là một trong những chế độ tu hành. Chữ An Cư có nhiều tên như Vū Kỳ An Cư (An Cư trong thời kỳ mưa gió), Hạ An Cư, Vū An Cư, Tọa Hạ, Kiết Hạ, Hạ Lạp (tuổi hạ), Nhứt Hạ Cửu Tuần (một hạ chín tuần), Cửu Tuần Cấm Túc (Chín tuần buộc chân), Kiết Chế An Cư, Kiết Chế v.v...

Ở Ấn Độ, ba tháng cuối mùa hạ là thời kỳ mưa gió rất nhiều. Trong thời gian ba tháng này, người xuất gia không được đi ra ngoài và phải tập trung lại một chỗ để cố gắng tu hành nên gọi là An Cư.

Người tu hành sơ dĩ phải an cư là sợ sát hại các côn trùng, các sâu bọ đang đi kiếm ăn và sợ giẫm đạp lên mầm non các cây cỏ mới mọc trong mùa mưa, nên phải tập trung lại một chỗ để tu hành và tránh miễn đi ra ngoài.

Luật Tứ Phần San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Số, quyển 4 giải thích chữ An Cư như sau:

“Tâm hình thâm nhiếp vào một chỗ tịch tịnh nên gọi là An và khiến nó an trụ một cách tự tại nên gọi là Cư”.

## 2. LỊCH SỬ AN CƯ:

Chế độ An Cư được thực hiện đầu tiên nơi Ấn Độ ở thời đại xa xưa do Bà La Môn chủ trương. Về sau chế độ An Cư này được Phật Giáo thâm dụng.

Kinh Du Hành của Trường A Hàm, quyển 2 và Kinh Phật Bốn Hạnh Tập, quyển 39 có ghi sự tích: “Đức Thích Tôn cùng đệ tử an cư”.

Kinh Tăng Già La Sát Sở Tập, quyển hạ liệt kê một số địa danh trong thời gian 45 năm đức Phật Thích Tôn cùng đệ tử an cư. Các kinh điển phần nhiều nói không giống nhau, nhưng các kinh đều công nhận: “Đầu tiên Phật an cư nơi vườn Lộc Uyển”.

Luật Thiện Kiến Tỳ Bà Sa, quyển 3 ghi rằng: “Tại nước Tích Lan, con vua A Dục là Ma Sấu Đà cùng các Tỳ Kheo an cư ba tháng tại tịnh thất Ca Na Ca (Tiếng Pali là Kantaka) nơi núi Chi Đế Da (Tiếng Pali là Cetiyagiri).

Đến nay Phật Giáo trong các quốc gia đều thiết lập an cư theo giới luật quy định.

Hơn nữa, Luật Thập Tụng, quyển 24 ghi rằng: “Năm chúng xuất gia: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di, Sa Di Ni và Thức Xoa Ma Ha Ni đều phải an cư. Còn hai chúng tại gia: Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di thì không cần phải an cư. Đặc biệt trong năm chúng xuất gia, Tỳ Kheo và Sa Di an cư riêng và Tỳ Kheo Ni, Sa Di Ni và Thức Xoa Ma Ha Ni an cư riêng.”

Luật Tạng Ba Ly Đại Phẩm Nhập Vũ An Cư Kiền Độ (Vassupanàyika - Khandhaka) quy định rằng: “Các Tỳ Kheo nếu không an cư thì bị phạm vào tội Ác Tác (Tội Đột Kiết La: Pali là Dukkata).”

### 3. ĐỊA ĐIỂM AN CƯ:

Địa điểm rất quan hệ cho việc an cư. Trong Luật Tứ Phần, quyển 37, An Cư Kiền Độ ghi rằng: “Chỗ an cư có thể là dưới gốc cây, nhà nhỏ, hang núi, xóm làng v.v... và có thể nương tựa nơi kẻ chăn bò, người ép dầu, người tiêu phu v.v... để an cư.”

Luật Ngũ Phần, quyển 19 ghi rằng: “Luật cấm không cho an cư những nơi như, nơi không thể cứu giúp, nơi mờ mả, nơi không cây cối, nơi nhà cửa cất bằng da thú, nơi chỗ có sương mù v.v...”

### 4. TRANG BỊ PHÒNG XÁ VÀ VẬT DỤNG:

Trước khi an cư, phòng xá phải được sửa sang, phải phân phối đồng đều các vật cần dùng trong thời gian an cư. Khi phân phối các vật cần dùng, Luật Ma Ha Tăng Kỳ, quyển 27 ghi rằng: “Những vật dụng phân phối cho việc an cư như, giường nệm và những vật dụng cần thiết đã quy định. Phân phối chỗ nơi an cư có thể gần nhất là ngày 15 tháng tư và

xa nhất là ngày 13 tháng tư. Số người an cư quá đông phải chia ra nhiều khu vực.”

### 5. ĐỐI THỨ AN CƯ:

Đến ngày an cư, người an cư phải trình diện trước Đàn Chủ và tác bạch ý chí muốn kiết giới an cư gọi là Đối Thứ An Cư, có chỗ gọi là Đối Thủ An Cư.

Nếu như chỗ không có Đàn Chủ, người an cư tự tâm thể hiện ý chí kiết chế để an cư nơi trụ xứ của mình. Trường hợp này gọi là Tâm Niệm An Cư.

Trong thời gian an cư, chư Tăng không được ra ngoài Giới Đàn, không được đi xa. Ai trái phạm điều quy định này thì người đó phạm vào tội Ác Tác, có chỗ gọi là tội Ố Tác.

Nhưng Luật Tứ Phần, quyển 37 ghi rằng: “Trong thời gian an cư, người có thể được phép đi ra ngoài trong một ngày và lập tức phải trở về, hoặc người có công việc quan trọng phải đi ra ngoài thì phải được phép Tăng Già hứa khả (cho phép) và chỉ trong bảy ngày phải trở về an cư. Đây gọi là Thất Nhật Pháp hoặc gọi là Thọ Nhật Pháp.”

“Người nào phạm quy chế này thì đắc tội Ác Tác (tội Ố Tác). Người phạm tội Ác Tác, tức là kẻ đã phá hoại an cư hay phá hoại sự nhập hạ và người đó không còn tư cách để tiếp nhận những vật cúng dường của Đàn Na Thí Chủ hoặc vật của Tăng Già phân phối. Ngoại trừ trường hợp Tỳ Kheo gặp phải những trở ngại như, lánh nạn mãnh hổ, nạn độc xà, nạn hỏa hoạn, nạn nước, nạn quốc gia, nạn giặc cướp, trúng thực, nữ nhân, thân thuộc v.v... hoặc phải trình bày những việc phá Tăng Đoàn v.v... mà lìa khỏi chỗ Trường Hạ An Cư thì không đắc tội.”

## 6. THỜI GIAN AN CƯ:

Thời gian an cư chung quy một mùa hạ là chín tuần, tức là ba tháng mùa hè làm định kỳ.

Luật Tứ Phần San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao, quyển thượng ghi rằng: “Dùng ngày 16 tháng tư làm ngày đầu an cư và ngày 15 tháng bảy làm ngày mãn an cư. Còn ngày 16 tháng bảy là ngày Tự Tứ”.

Quan hệ nơi sự an cư phân loại có hai thuyết: Một thuyết là Tiền An Cư và Hậu An Cư. Một thuyết thứ hai là Tiền An Cư, Trung An Cư và Hậu An Cư.

1/ Tiền An Cư thì bắt đầu vào ngày 16 tháng tư.

2/ Trung An Cư thì bắt đầu vào ngày 17 tháng tư.

3/ Hậu An Cư thì bắt đầu vào ngày 16 tháng năm.

Ngày đầu an cư gọi là Kiết Hạ (buộc chân để an cư trong mùa hè). Ngày mãn an cư gọi là Giải Hạ, cũng gọi là Quá Hạ, Hạ Cánh, Hạ Mãn, Hạ Giải và An Cư Cánh. Khoảng thời gian Kiết Hạ và Giải Hạ gọi là Bán Hạ.

## 7. TỰ TỨ:

Sau khi an cư viên mãn, đại chúng phải phản tỉnh những hành vi của mình trong thời gian an cư. Người nào nếu có tội phải tự trình bày tội lỗi của mình trước đại chúng và nhờ đại chúng giúp đỡ sám hối nên gọi là Tự Tứ.

Luật Tứ Phần, quyển 43 ghi rằng: “An Cư khi kết thúc làm lễ Tự Tứ để giải giới và thọ nhận tứ sự Công Đức Y, nên gọi là Tự Tứ”.

Ngày Tự Tứ gọi là Tứ Nhật và cũng gọi là ngày Phật hoan hỷ. Phật Hoan Hỷ nghĩa là

đức Phật rất vui mừng nhận thấy đại chúng trang nghiêm trọn vẹn giới đức trong mùa an cư.

## 8. LỄ GIẢI GIỚI AN CƯ:

Khi an cư hoàn tất, đại chúng làm lễ giải trừ kiết giới an cư đã quy định nên gọi là Giải Giới An Cư. Nói rõ hơn, trong thời gian kiết giới an cư, đại chúng không được đi ra ngoài phạm vi giới luật quy định. Giờ đây được xả giới cấm an cư, đại chúng tự do đi lại và không còn bị quy luật an cư ràng buộc nữa nên gọi là Giải Giới An Cư.

## 9. TUỔI ĐẠO:

Sau khi an cư viên mãn, các thầy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni v.v... được thêm một năm Pháp Lạp. Pháp Lạp cũng gọi là Hạ Lạp, nghĩa là những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đã an cư thì được tăng thêm một tuổi Đạo. Năm nào có vị Tỳ Kheo hoặc Tỳ Kheo Ni không an cư là năm đó họ không có tuổi Đạo. Đây là luật lệ quy định tiêu chuẩn thứ lớp Giới Phẩm của hàng xuất gia.

phiêu

tôi nằm ngửa giữa hư không  
trời cao ngắt  
đất mở lòng giao hoan  
đỏ vàng xanh tím nhịp nhàng  
lời ca rộng giữa trần gian chật người.

Hoàng Việt Thi



## NGƯỜI KHÔN BUÔNG XẢ

Khi đức Phật du hóa tại xứ Kuru đến thị trấn Thu-La, dân chúng đồn đãi kéo đến bái yết Ngài để nghe thuyết pháp. Bấy giờ trong hội chúng có thanh niên tên Lại-Tra-Hòa-La, con trai của một gia đình thượng tộc giàu có nhất vùng, sau khi nghe pháp, suy nghĩ :

- “Như ta hiểu lời Thế-Tôn dạy, thì ở nhà thật khó thực hành đời sống phạm hạnh một cách viên mãn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo ca sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.

Nghĩ vậy xong, sau thời thuyết pháp của Phật, sau khi hội chúng đã lễ Phật mà lui về, thanh niên ấy đến bên đức Thế-Tôn, xin Ngài xuất gia tu học.

- Bạch Thế-Tôn, như con được hiểu lời Thế-Tôn dạy, thì tại gia thật không dễ gì sống đời phạm hạnh một cách viên mãn, hoàn toàn trắng bạch như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo ca sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Bạch Thế-Tôn, mong Thế-Tôn hãy cho con xuất gia dưới sự hướng dẫn của Thế-Tôn.

- Nhưng này thanh niên, con có được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia chưa ?

- Bạch Thế-Tôn, con chưa được cha mẹ bằng lòng.

- Này thanh niên, Như-Lai không cho xuất gia nếu cha mẹ không bằng lòng.

- Bạch Thế-Tôn, vậy con sẽ làm những gì cần thiết để cha mẹ bằng lòng cho con xuất gia.

Lại-Tra-Hòa-La đánh lễ Phật ra về,

xin cha mẹ :

- Thưa ba má, con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo ca sa, xuất gia từ bỏ gia đình. Xin ba má hãy bằng lòng cho con được xuất gia.

Khi nghe nói vậy, ông bà phú hộ bảo:

- Này con, đừng ăn nói đại dột. Con là đứa con duy nhất của ba má, được nâng niu như vàng ngọc từ tấm bé, lẽ nào ba má để cho con xuất gia ? Huống chi, nhà ta vàng nén, hột xoàn kim cương chất đống, bao nhiêu của chìm của nổi, tài sản mấy đời tổ tiên để lại, tất cả đều dành cho con. Con hãy ăn chơi thỏa thích, rồi muốn tu thì bố thí, làm phước là được rồi. Con chưa biết gì đến sự gian khổ, làm sao ba má để con sống đời khổ hạnh được ? Ba má không bao giờ cho con xuất gia.

Sau ba lần năn nỉ không được chấp thuận, Lại-Tra bèn nằm lăn ra giữa nhà, tuyệt thực với ý định : “Ta sẽ chết ở đây, nếu không được xuất gia”.

Hai ông bà đưa cơm cháo gì đến, Lại-Tra vẫn nằm bất động. Một ngày, hai ngày, ba ngày, rồi bảy ngày trôi qua, chàng nhất định không ăn uống, không cục cựa, mặc cho cha mẹ năn nỉ khuyên lơn. Thân thể chàng đã yếu lả, mắt lơ lơ như người hôn mê sắp chết. Ông bà phú hộ đâm hoảng, đến cầu cứu những người bạn trẻ của con :

- Này các cháu, Lại-Tra-Hòa-La đòi đi tu, hai bác không cho, nên nó tuyệt thực nằm vạ cả tuần lễ nay chẳng chịu nhúc nhích nói năng gì cả. Các cháu hãy

đến năn nỉ nó ăn uống trở lại giùm. Hãy khuyên nó bỏ ý định xuất gia.

Các thanh niên làm theo lời, đến bèn Lại-Tra để khuyên nhủ. Nhưng sau năm bảy lần thuyết phục, chàng vẫn bất động. Thấy thế nguy, họ đề nghị với ông bà phú hộ :

- Thưa hai bác, chúng cháu thấy rõ Lại-Tra đã nhất quyết theo ý định mình, không thì chết. Vậy hai bác nên bằng lòng cho anh ta xuất gia, họa may thỉnh thoảng hai bác còn gặp lại được. Nếu không, hai bác đành phải vĩnh viễn mất người con.

Hai ông bà đành phải chấp thuận, đến nói với Lại-Tra :

- Thôi, con đã nhất quyết thì ba má cũng chịu lòng. Nhưng đi tu xong, thỉnh thoảng phải về nhà thăm ba má và mấy người vợ mới cưới của con, kéo chúng nhớ, tội nghiệp.

Lại-Tra mở bừng mắt ngồi nhóm dậy, trở lại ăn uống. Sau khi lấy lại sức chàng từ giả cha mẹ ra đi, đến chỗ Phật trú :

- Bạch Thế-Tôn, con đã được cha mẹ cho phép xuất gia. Xin Thế-Tôn hãy cho con xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Phật nhận lời cho thanh niên cạo tóc đắp áo ca sa, thọ đại giới, theo Ngài về ở tinh xá Kỳ-Viên nước Xá-Vệ. Tôn-giả Lại-Tra tinh tiến tu học, ưa thích đời sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chẳng bao lâu đã đạt đến cứu cánh cao tốt của đời phạm hạnh, vì cứu cánh này mà những thiện gia nam tử đã từ bỏ gia đình, ấy là quả vị A-La-Hán. Vị ấy biết sanh tử luân hồi đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm xong, không còn phải trở lui lại cuộc đời này nữa.

Một hôm Tôn-giả đến đánh lễ Phật :

- Bạch Thế-Tôn, nếu Ngài cho phép, con sẽ xin trở về ngôi làng cũ.

Đức Phật quán sát biết Tôn-giả bấy giờ đã có thể trở về, không có gì nguy hiểm cho phạm hạnh, nên Ngài dạy :

- Lại-Tra, người có thể làm những gì người nghĩ là phải thời.

Sau khi đánh lễ đấng Đạo-Sư, Tôn-giả Lại-Tra thu xếp lên đường. Đến thị trấn Thu-La, Tôn giả tuần tự khát thực từng nhà. Khi đến nhà cha mẹ, Tôn giả ôm bình bát đứng ngoài cổng. Thoảng thấy bóng chiếc ca sa, ông phú hộ chưa kịp nhìn kỹ, đã nổi trận lôi đình, nghĩ thầm : “Kia là một sa môn trọc đầu tới xin ăn. Vì những người đó mà đưa con yêu dấu độc nhất của ta đã bỏ nhà ra đi biên biệt. Nay còn tới đây để báo hại cái gì ?” Rồi không thèm nhìn ra, ông quát tháo :

- Này sa môn trọc đầu kia hãy đi đi ! Ta không muốn nhìn cái mặt mo ấy. Đi cho mau, đi cho khuất con mắt của ta đi.

Tôn giả lặng lẽ ôm bình bát tiếp tục đi. Chợt từ ngõ sau nhà, người tỳ nữ bụng nôi cháo đi đổ. Tôn-giả hỏi :

- Này chị, chị bụng cái gì thế ?

- Tôi đem nôi cháo ăn còn thừa từ bữa qua để đi đổ vào thùng rác ngoài lộ.

- Xin chị hãy đổ vào bát của bần tăng cũng được, khỏi phải đi xa cho nhọc.

- Càng tốt.

Khi người nữ tỳ đến gần để trút cháo vào bát Tôn-giả, cô ta nhận ra đôi chân quen thuộc. Đánh bạo nhìn lên tay, mặt, thì rõ ràng là vị tiểu chủ của mình ngày xưa, không còn lấm gì nữa. Nữ tỳ chạy vào nhà :

- Thưa ông bà chủ, tiểu chủ đã về tới

ngoài kia.

Bà phú hộ mừng rỡ :

- Đâu, đâu ? Nếu thật sự như mày nói, thì mày sẽ được phần thưởng xứng đáng, con ạ.

Ông phú hộ cũng chạy ra :

- Con ta đâu nào ?

- Thưa, tiểu chủ đang ngồi ăn bát cháo thừa đàng kia.

Lúc ấy Tôn-giả đang ngồi tựa lưng vào một bức tường mà dùng cháo vừa xin được. Bà phú hộ nhìn kỹ đúng là con mình, liền chạy đến khóc :

- Con ơi là con ! Sao con về nhà mà không vào trong nhà của con, lại ngồi dọc đường dọc sá thế này ! Lại đi ăn cháo vữa cháo thiu ! Hãy vào nhà, đi con !

- Thưa gia chủ, bần tăng không có nhà. Bần tăng có đến nhà của gia chủ, nhưng không nhận được bố thí, chỉ nhận được lời sỉ nhục và xua đuổi.

Ông phú hộ cũng đã nhận ra, bèn tới năn nỉ :

- Này con, con hãy vào nhà. Ba má sẽ dọn đồ ngon lành cho con. Đừng ăn cháo thiu mà đau bụng.

- Thưa gia chủ, hôm nay việc ăn uống đã xong.

- Vậy thì trưa mai, con hãy nhận lời mời của ba má.

Tôn giả im lặng chấp thuận. Ông bà phú hộ trở vào nhà, bàn mưu tính kế. Ông nói :

- Con ta đã về tới đây, phải làm sao để giữ chân nó ở lại, đừng cho nó ra đi. Ngày mai, bà với tôi phải hợp sức mà thuyết phục nó. Trước hết, bà hãy dọn cho nó một bữa ăn ngon lành, có gà rô ti, có rượu ngon hảo hạng, đừng thiếu món

gì. Rồi còn phải làm gì nữa ? À, hãy đem tất cả vàng bạc, kim cương, ngọc ngà châu báu trong kho ra, chắt một đồng giữa nhà cho thật cao ngấp mặt ngấp mày, mà chỉ cho nó nhìn, cho nó biết của cải, tài sản của mình là nhiều như vậy. Kế đó là phần việc của mấy con dâu. Chúng nó đâu rồi, bà hãy gọi chúng ra đây, để chúng ta cất công cất việc.

Khi các con dâu đến, ông phú hộ bảo:

- Này các con ! Ngày mai, chồng của các con trở về ăn cơm tại nhà đây. Các con phải tận lực hợp sức cùng ba má để kéo nó ở lại, đừng cho nó đi. Các con hãy trang điểm cho thật lộng lẫy huy hoàng. Hãy đeo vào đầu, vào cổ, vào tay, vào chân những đồ trang sức mà ngày xưa chồng các con nó ưa nhìn thấy các con đeo. Hãy xúc nước hoa, tưới dầu thơm cho thật nhiều vào, trét phấn, thoa son, bôi mi mắt, kẻ lông mày, uốn tóc cho dọn sóng lên, chống lỗ mũi, lỗ tai lên.

Những cô dâu khúc khích che miệng cười :

- Thưa Ba, không có chống lỗ tai đâu ạ !

- Vậy thì, các con hãy cứ làm cái gì các con nghĩ là hợp thời để quyến rũ chồng các con cho bằng được.

Rồi ông bà phú hộ cất đặt cho gia nhân chung dọn trang hoàng nhà cửa, vàng ngọc châu báu được đem ra chắt giữa nhà một đồng, lấy màn che lại. Các cô vợ trẻ trang sức lộng lẫy như đào hát đứng thành một đồng, cũng lấy màn che lại. Phú ông ngắm nghía toàn thể nhà cửa, vàng ngọc và người, tỏ vẻ đắc chí, hài lòng :

- Thế là được. Ngày mai, cứ như vậy mà thi hành.

Hôm sau, đến giờ thọ trai, Tôn-giả ôm bát từ từ tiến vào cổng. Ông bà đơn đả ra mời. Khi Tôn-giả vào nhà, ông chỉ :

- Này con, hãy nhìn đây, (ông kéo màn) vàng bạc châu báu cả đống đó là của con. Con hãy ở lại mà thọ hưởng, muốn chi cũng được.

- Thừa gia chủ, nếu gia chủ dành cái đống đó cho tôi, thì xin gia chủ cho thêm ít cái bao bố may sẵn, tọng nó vào và mướn một hay hai ba chiếc xe vận tải chở ra ngoài sông lớn mà đổ ngay giữa dòng, cho nó chìm sâu xuống đáy nước. Vì sao ? Vì nó là nguồn gốc của tất cả khổ não đến với gia chủ.

Ông phú hộ lại kéo cái màn che mấy cô dâu trẻ lộ ra. Các nàng chạy đến ôm chầm lấy Tôn-giả, khóc rờn kể lể :

- Ối chàng ơi ! Bộ chàng muốn mấy cô tiên nào trên trời nên đi tu để được lên trên ấy phải không ? Chàng đã bỏ bê chúng thiếp để mơ tưởng lên trên trời với mấy cô tiên. Hừ hu, hừ hu ! Nói đi, có phải vì mấy cô tiên nữ mà chàng xuất gia tu phạm hạnh hay không ? Hừ hu. Ối trời đất ơi !

- Các chị, không phải vì mục đích được sanh lên cõi trời mà bản tăng này xuất gia tu phạm hạnh.

Khi ấy các cô vợ trẻ của Tôn-giả đấm ngực, khóc than thảm thiết :

- Ối, cha mẹ làng nước ơi, chồng chúng ta bây giờ lại gọi chúng ta bằng chị. Ối, trời đất quỷ thần ơi !

Rồi họ ngã lăn ra giữa nhà, bất tỉnh nhân sự. Tôn-giả nói với ông bà phú hộ :

- Thừa gia chủ, gia chủ muốn bố thí

đồ ăn thì bố thí đi, chớ có phiền nhiễu bản tăng.

- Hãy ăn đi, con yêu dấu. Đồ ăn đã dọn sẵn.

Thọ thực xong, Tôn-giả đứng lên nói bài kệ :

*Mày ngài mất phượng mà chi ?*

*Tốt tươi rồi cũng một bì xương khô*

*Tâm : Rừng tham ái sâu lo*

*Thân : Nhà chứa bệnh, nắm mồ chờ*

*ai*

*Nào đâu mất phượng mày ngài ?*

*Khi thân quăng bỏ ra ngoài đồng*

*hoang*

*Mưa sa gió cuốn phủ phàng,*

*Đống xương vô chủ vờ vàng trắng*

*sol*

*Đấy da chứa đủ tanh hôi*

*Lại toan son phết ra mời bánh bao !*

*Kẻ ngu mê hoặc lẫn vào*

*Như nai sa bẫy, người nào khác*

*chi !*

*Ai đà giải thoát sâu bi*

*Tránh xa lưới ái, tình si đâu còn !*

*Bẫy nào bắt được nai khôn*

*Lúa ăn vừa đủ, tẩu bôn vô rừng*

*Thọ sẵn ngỡ ngác hết mừng*

*Thì đành đấm ngực vầy vùng khóc*

*la.*

Đọc xong bài kệ, Tôn-giả cáo từ đi đến rừng Lộc-Uyển ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Khi ấy, vua xứ Kuru bảo người hầu cận sửa soạn cho vua dạo rừng. Người hầu thấy Tôn-giả liền trở về tâu :

- Tâu Đại-vương, ngoài rừng Lộc-Uyển, có vị sa môn đang ngồi, chính là con trai của gia đình thượng tộc ở thị trấn này, tên Lại-Tra-Hòa-La.

- Vạy, thay vì đi dạo rừng, ta hãy đến

thăm vị Tôn-giả ấy.

Vua cùng người hầu đi đến rừng Lộc-Uyển, chỗ Tôn-giả đang ngồi. Vua cung kính đưa tấm nệm gấm ra mời.

- Xin Tôn-giả hãy ngồi trên tấm này cho êm.

- Đại-vương, tôi đã có tọa cụ. Đại-vương hãy ngồi trên chỗ của Đại-vương.

- Bạch Tôn-giả, người đời thường xuất gia vì bốn sự suy vong : Một là lão suy ; Hai là bệnh suy ; Ba là tài suy ; Bốn là thân suy. Như những người lúc trẻ thọ hưởng dục lạc đã đầy đủ chán chê, đến khi già không còn ham muốn gì nữa, và cũng đã hết sức lực mới vô chùa nghỉ. Đó là lão suy. Lại như người mắc bệnh kinh niên, không thể lao động sản xuất được, ở ngoài đời không lợi chi cho ai, lại thêm gánh nặng cho gia quyến, nên xin vô ở chùa. Đó là bệnh suy. Rồi có những người làm ăn thất bại, bị phá sản, đổ nợ đổ nần, không thể gầy dựng lại được, bèn chán nản vô chùa xin gởi tấm thân tàn sống nốt quãng đời còn lại. Đó là tài suy. Cũng có những người xuất gia vì lẽ không còn ai thân thích để nương tựa. Đó là thân suy. Thông thường đều vì bốn sự suy vong này mà xuất gia. Nhưng xét Tôn-giả, tuổi còn thanh xuân, tóc đen nhánh, thì không phải lão suy. Da dẻ hồng hào tươi nhuận chứng tỏ sức khỏe không đến nỗi nào, thì đâu phải bệnh suy. Tôn-giả xuất thân từ một gia đình thượng tộc giàu nhất vùng thì đâu phải tài suy. Song thân còn đủ, các bà vợ đang mong chờ, thì cũng không thể gọi là thân suy. Vậy Tôn-giả xuất gia vì nguyên nhân gì ?

- Đại-vương, tôi xuất gia vì bốn điểm thuyết giáo của đấng Đạo-Sư mà tôi thấy

đúng như thật. Thứ nhất là, Ngài dạy mọi sự ở thế gian đều vô thường.

- Nghĩa là sao, xin Tôn-giả giải thích.

- Đại-vương, như thân thể của Đại-vương đó, lúc nào cũng như lúc nào hay mỗi lúc một khác ?

- Như vậy là trăm đã hiểu. Quả vậy, thân thể là vô thường, đổi khác luôn luôn, nhất là ở tuổi già như trăm. Năm nay đã khác năm ngoái, nói gì đến tuổi trẻ với lúc già, khác nhau trời vực. Còn điểm thứ hai là gì, thưa Tôn-giả ?

- Thứ hai là vô hộ, vô chủ : Không ai giúp đỡ mình được, không có chủ tể.

- Sao lại không ? Như trăm đây, biết bao nhiêu người phò tá, trăm là chủ cả nước, muốn chi được nấy, làm sao Tôn-giả lại nói vậy ?

- Đại-vương ! Đại-vương có thể đem cả tài sản, ngai vàng để thuê mướn kẻ khác đau thay, già thay, chết thay cho đại-vương không ?

- Cái đó thì không được.

- Ví như Đại-vương tạo nghiệp ác, phải đọa địa ngục thì Đại-vương có thể đem tài sản ấy đút lót cho Diêm-vương để khỏi đọa hay chính mình làm mình phải chịu ?

- Đúng như vậy, mình làm mình chịu, không ai thay thế được. Thế là trăm đã hiểu vô hộ. Còn vô chủ thì sao ?

- Đại-vương có thể làm chủ cái thân xác Đại-vương được chăng ? Bảo nó không được bệnh không được già, không được chết, nó chịu nghe chăng ? Bảo cái tay đừng run, cái chân đừng quỵ, mắt đừng lờ, tai đừng lảng, được không ? Đại-vương có thể bảo cái thân của Đại-vương khi nó đang đau rằng : “Hãy mạnh khỏe



trở lại” không ? Và Đại-vương có biết khi nào thì nó đau, khi nào nó chết không ?

- Đúng thế, quả thật trăm không thể làm chủ được thân này, dù trăm đang làm chủ cả quốc gia. Còn điểm thứ ba là gì, thưa Tôn-giả ?

- Thứ ba là, trên thế gian không có cái gì là của mình.

- Ủa, sao Tôn-giả nói như vậy ? Trăm có biết bao nhiêu là kho tàng, châu báu, giang sơn gấm vóc này đều thuộc về trăm. Nói gì đến vật, ngay cả đến người, trăm cũng sở hữu từ quan đại thần lớn nhất trở xuống trăm sai đâu chạy đó, sao lại không sở hữu ?

- Đại-vương, khi Đại-vương nằm xuống, ngài có thể đem theo tất cả kho báu, giang sơn xuống âm phủ để tiếp tục sử dụng, hay phải giao lại cho kẻ khác, còn mình chết tay không ? Đại-vương có thể bắt tất cả đing thần, quyến thuộc, dân chúng cùng chết theo qua bên kia thế giới để Đại-vương tiếp tục làm chủ nhân dân hay là Đại-vương phải ra đi một mình, để người khác thay thế Đại-vương mà trị vì thiên hạ ?

- Thưa hiền giả, đúng thế. Trăm không thể nào mang theo cái gì khi chết mà phải chết một mình, trơ trọi, để lại giang sơn này cho người khác. Thảm thương thay ! Còn điểm thứ tư là gì, xin Tôn-giả hãy giảng ?

- Thứ tư là, thế gian này thật thiếu thốn, thèm khát, nô lệ cho dục vọng, tham lam không bao giờ vơi.

- Nói vậy trăm nghĩ e chỉ đúng với những người thường, chứ trăm đây mà còn thiếu thốn thèm khát cái gì. Vì trăm muốn gì cũng có, đâu còn thèm gì nữa.

- Đại-vương, giả như bây giờ Đại-vương được tin phi báo của các đội quân tuần tiễu rằng : Phía đông có mỏ vàng, phương nam có mỏ dầu hỏa, phương tây có mỏ kim cương, còn ở phương bắc hiện có một xứ giàu có, đất đai phì nhiêu mà gặp ông vua trụy lạc bê bối, cai trị mất lòng dân, nên sự phòng vệ rất lỏng lẻo, thì Đại-vương nghĩ thế nào ?

- Thưa Tôn giả, trăm sẽ hội họp đing thần, cất công tác cho vị này phụ trách khai thác mỏ vàng, vị kia đào mỏ kim cương, vị nọ tìm cách khoang mỏ dầu. Còn với cái xứ giàu có phì nhiêu để chiếm ấy, thì trăm sẽ sai võ quan cử binh tới chiếm để mở mang bờ cõi.

- Đại-vương, đó chính là sự thèm khát, túi tham không đáy nơi Đại-vương. Người đã có một nước thì thèm chiếm thêm nước khác, cho đến kẻ vô sản thì thèm bắt con vịt, con gà của hàng xóm về làm của mình. Đại-vương bắt tội kẻ trộm vật ấy, bỏ tù nó, mà quên rằng chính mình là kẻ trộm cướp lớn khi mưu tính như vậy. Do đó mà Phật dạy : Thế gian luôn luôn thiếu thốn, thèm khát, nô lệ cho lòng tham và dục vọng.

- Hay thay, bạch Tôn-giả, quả như lời Tôn-giả đã dạy, bốn điểm thuyết giáo của đức Đạo-Sư Thích-Ca thật vi diệu vô cùng. Lành thay đức Thế-Tôn ! Trăm sẽ xin quy y bậc A-La-Hán, Chánh-đẳng Chánh-giác ấy, và xin cáo từ Tôn-giả.

- Đại vương, xin từ biệt.

(Truyện Phật-giáo,  
thuật theo kinh Ratthapala  
Trung Bộ Kinh tập II).

## TIN TỨC SINH HOẠT GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

### 20 QUỐC GIA THAM DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ PHẬT GIÁO HIỆP LỰC DẪN THÂN TẠI THÁI LAN, VIẾT THƯ GỬI NHÀ CẦM QUYỀN HÀ NỘI YÊU SÁCH TRẢ TỰ DO CHO HÀNG GIÁO PHẨM LÃNH ĐẠO GHPGVNTN

Thượng tuần tháng 6/1997, hai mươi quốc gia đã về tham dự tại Thái Lan hội nghị Quốc tế Phật giáo Hiệp lực Dẫn thân (International Network of Engaged Buddhists). Tổ chức Phật giáo này đặt trụ sở tại thủ đô Bangkok, và cũng đã có nhiều chương trình viện trợ từ thiện và giáo dục tại Việt Nam trong mấy năm qua. 20 Quốc gia này gồm có: Anh, Ấn Độ, Bangladesh, Campuchia, Đại Hàn, Đức, Hoa Kỳ, Hòa Lan, Indonesia, Lào, Miến Điện, Népal, Nhật Bản, Pháp, Phi Luật Tân, Sri Lanka, Tây Tạng, Thái Lan, Trung Quốc, và Việt Nam. Lẽ ra sẽ có đại biểu Phật giáo từ trong nước đến tham dự, nhưng nhà cầm quyền cộng sản không cho đi, nên chỉ còn lại phái đoàn của Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế thuộc GHPGVNTN và Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam.

Mục đích của hội nghị là trao đổi hoạt động Phật giáo trên các lĩnh vực xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, chính trị, đặc biệt trong vấn đề bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong các xã hội tha hóa vì nạn mại dâm, ma túy và tiêu thụ, để tiến đến một hành động quốc tế cho các tổ chức Phật giáo dẫn thân.

Sau mấy ngày làm việc trên phạm vi phúc trình và lý thuyết, không khí hội nghị đã sôi nổi

hắn lên khi nghe ông Võ Văn Ái trình bày cụ thể về việc nhà cầm quyền Hà Nội đàn áp Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN). Ngoại trừ Phái đoàn Nhật Bản, tất cả 19 phái đoàn khác đều chấn động trước sự trạng đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, vì họ không hề được ai thông tin.

Hội nghị đã ra hai quyết nghị trên lĩnh vực nhân quyền. Một là thành lập Ủy ban Nhân quyền Phật giáo để đấu tranh cho các nạn nhân Phật tử tại ba nước Miến Điện, Tây Tạng và Việt Nam. Hai là viết một bức thư phản đối đồng gửi đến các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và Nông Đức Mạnh với 50 chữ ký của các vị Thượng tọa và Cư sĩ thuộc 20 phái đoàn quốc gia tham dự.

Chúng tôi xin dịch nguyên văn bức thư bằng tiếng Anh dưới đây:

*Đồng kính gửi:*

*Ông Đỗ Mười, Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam,*

*Ông Võ Văn Kiệt, Thủ tướng nước CHXHCNVN,*

*Ông Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam*

*Hà Nội, Việt Nam*

*Thưa quý Ông,*

*Chúng tôi ký tên dưới đây, thuộc các phái đoàn của 20 quốc gia về dự Hội nghị lần thứ 8 của Quốc tế Phật giáo Hiệp lực Dẫn thân (INEB) tại Canchanaburi ở Thái Lan trong tháng 6 này, biểu tỏ sự quan tâm và bức xúc của chúng tôi trước những vi phạm nghiêm trọng tự do tôn giáo đang tiếp diễn đối với Giáo hội Phật*

giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN). Những vi phạm này là chính sách có kế hoạch nhằm đàn áp những người Phật tử tại miền Bắc kể từ năm 1954 (sau Hiệp định Genève) và tại miền Nam kể từ năm 1975.

Ở Việt Nam ngày nay, GHPGVNTN truyền thống bị triệt tiêu, chùa chiền của Giáo hội bị tịch thu, các cơ sở giáo dục, xã hội, văn hóa cũng như các Học viện đều bị đóng cửa. Nhiều Tăng, Ni, và Cư sĩ bị tra tấn, giam cầm và hăm dọa. Hiện nay, hầu hết hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN bị cầm tù hay quản thúc. Cuộc đàn áp đã lan đến "Gia Đình Phật tử," khiến cho 200 Huynh trưởng thuộc tổ chức giáo dục trẻ có 300.000 đoàn viên xin ghi danh tự thiêu để phản đối.

Cuộc đàn áp những người Phật tử tại Việt Nam vì lý do tín ngưỡng mà họ biểu tỏ một cách bất bạo động đã bị cộng đồng thế giới kết án, đặc biệt gần đây ngày 15/5/1997, Quốc hội Âu châu đã phải ra Quyết Nghị tố cáo.

Chúng tôi, ký tên dưới đây, kêu gọi nước Cộng hòa Xã Hội Việt Nam hãy ngưng ngay chính sách đàn áp GHPGVNTN tại Việt Nam và thực hiện tức khắc các bước sau đây:

1. Tức khắc trả tự do vô điều kiện cho tất cả Tăng, Ni và Cư sĩ bị bắt giam vì lý do tín ngưỡng bất bạo động, đặc biệt các Hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Tụ, Thích Thiện Minh, v.v...;

2. Bảo đảm và phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN để cho Giáo hội được tự do và sinh hoạt tôn giáo;

3. Chấm dứt chiến dịch đàn áp Gia Đình Phật tử; và

4. Trả lại mọi tài sản của GHPGVNTN đã bị cưỡng chiếm trước đây.

(trích Thông Cáo Báo Chí của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, số ra ngày 16/6/1997)

## **TỔ CHỨC “ĐÀI QUAN SÁT QUỐC TẾ VỀ CÁC NHÀ TÙ” TỐ CÁO TÌNH TRẠNG BẤT BỐ TRÁI PHÉP VÀ CHẾ ĐỘ NHÀ TÙ TÀN KHỐC ĐỐI VỚI 1200 TÙ CHÍNH TRỊ TẠI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TRONG BẢN BÁO CÁO 1997 VỪA CÔNG BỐ TẠI PHÁP**

Trong khi bà Ngoại trưởng Madeleine D. Albright đến thăm chính thức Việt Nam và cũng để nói lên mối quan tâm của chính phủ Hoa Kỳ đối với tình trạng vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền Hà Nội, thì tổ chức “Đài Quan sát Quốc tế về các Nhà tù” (Observatoire International des Prisons) tại Pháp tung ra bản Báo cáo 1997 về tình trạng giam giữ tù nhân trong năm 1996. Năm nay, lần đầu tiên bản Báo cáo đề cập tới tình trạng khốc liệt tại CHXHCN Việt Nam trong số 42 quốc gia trong thế giới.

Bản Báo cáo đặc biệt quan tâm tới án tử hình còn hiện hữu ở Việt Nam. Án này không dành riêng cho những kẻ sát nhân, hãm hiếp và buôn bán ma túy, mà còn áp dụng cho những tù nhân kinh tế. 113 án tử hình trong năm 1996. Đài Quan sát Quốc tế về các Nhà tù tố cáo: những hành vi tra tấn trong các nhà tù XHCN Việt Nam; giam nhốt vào xà lim, xiềng còng tay chân để trừng phạt là hình thức ngày càng được hệ thống hóa; lao động cưỡng bức là phương pháp hủy diệt sự ly khai với chính quyền. Bản Báo cáo nêu những trường hợp bệnh tật, suy yếu hay già cả vẫn bị khủng bố, như trường hợp của Đại đức Thích Hải Tạng (ở trại B.14), hai linh mục Trần Hữu Duyên, 81 tuổi, và Nguyễn Châu Đạt, 72 tuổi, ở trại Z30A K1 tỉnh Đồng Nai.

Ngoài chế độ tù ngục nói trên, bản Báo cáo quan tâm tới chính sách đàn áp chính trị và tôn giáo là nguyên nhân dẫn tới việc bất bố trái phép và giam giữ phi luật pháp những người bộc lộ quyền chính đáng của họ về tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng. Mấy năm qua, việc đàn áp

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất gia tăng qua sự kiện bắt bớ và giam giữ trái phép các Tăng sĩ Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng, Thích Hải Tịnh, Thích Hải Chánh, Thích Thiện Minh... Ngay cả những đảng viên cộng sản ly khai cũng bị bắt giữ, như các ông Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà.

Con số tù nhân chính trị hiện nay tại Việt Nam ít nhất là 1200 người, theo bản Báo cáo 97.

Tình trạng giam giữ tàn khốc và mất nhân phẩm trong các trại Cải tạo và nhà tù tại Việt Nam, đã khiến cho tù nhân chính trị ở trại Z30A K1 ở Xuân Lộc biểu tình phản đối và đưa kiến nghị ngày 27/5/1996 đòi hỏi cải thiện tình trạng giam giữ tù nhân chính trị. Nhưng cuộc biểu tình đã bị thẳng tay đàn áp, đánh đập, nhiều tù nhân bị xiềng còng đưa vào xà lim.

Việc ngược đãi và tra tấn của những tên quản giáo trại không hề được trừng trị. Bản Báo cáo 97 cho biết điều 243 của bộ Luật hình sự Việt nam chỉ xử một năm “cải tạo” không giam giữ, hoặc tối đa 6 tháng tới 3 năm tù, những người “dùng nhục hình trong hoạt động tu pháp,” trong khi đó lại xử tử kẻ phạm tội sát nhân. Không thể không quan tâm tới tình trạng báo động này, mà hậu quả là tù nhân bị bức tử sau các cuộc tra tấn hỏi cung trong các trại cải tạo và nhà tù Việt Nam.

(trích *Thông Cáo Báo Chí* của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, ngày 27/6/1997)

■

**ĐÀI CHÂN TRỜI MỚI PHỎNG VẤN  
THƯỢNG TỌA THÍCH TRÍ LÃNG  
NHÂN MÙA PHẬT ĐẢN 2541-1997  
(Phóng viên Nguyễn Yến)**

*Hỏi:* Thưa Thượng Tọa, được biết Ban Hộ Trì Chánh Pháp được GHPGVNTN hải ngoại tại

Hoa Kỳ thành lập 1996. Thượng Tọa hiện là Chủ Tịch Ban Hộ Trì Chánh Pháp Trung Ương, vậy xin Thượng Tọa cho biết lý do nào đã thúc đẩy Giáo Hội lập ra Ban Hộ Trì Chánh Pháp?

*Trả lời:* Thật ra việc Hộ Trì Chánh Pháp là việc làm của tứ chúng tại gia và xuất gia mà Phật giáo chúng tôi đã làm từ lâu, không ngoài mục đích là “Tồi Tà Phụ Chánh” để hỗ trợ cho việc tu học cũng như hoàng dương chánh pháp. Tuy nhiên, ở giai đoạn hiện tại còn mang nhiều ý nghĩa khẩn thiết cấp bách hơn. Vì GHPGVNTN tại quê nhà đã và đang bị những thế lực của vô minh, đặc biệt là nhà nước CSVN đang lũng đoạn và chia rẽ, phá hoại từ trong nước ra đến hải ngoại.

Ở trong nước, kể từ năm 1975 đến nay các tôn giáo nói chung mà đặc biệt là Phật Giáo đã bị CS phá hoại một cách triệt để và có hệ thống. Chúng tôi không nói nhiều song quý vị cùng đồng bào Phật tử đã biết rõ điều đó. Có rất nhiều vị giáo phẩm cao cấp, nhiều Tăng, Ni, Phật tử đã bị bức hại, tù đầy như trường hợp các ngài Hòa Thượng Thích Huyền Quang quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Thích Quảng Độ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN. Cùng một số Thượng Tọa Đại Đức đến giờ này vẫn còn bị nhà nước Hà Nội giam giữ, không được trả tự do. Nhiều chùa viện, cơ sở thuộc GHPGVNTN bị chiếm dụng một cách phi pháp. Ngay cả tổ chức Gia Đình Phật tử Việt Nam cũng đã bị nhà nước Cộng Sản tìm đủ cách để triệt hạ, làm cho 200 Huynh Trưởng đã phát nguyện tự thiêu để bảo vệ tổ chức. Việc hoàng dương chánh pháp đã bị trấn áp và đi lạc hướng. Nếu không muốn nói đưa đến sự tệt hại hơn, mê tín dị đoan, đồng bóng, v.v...

Từ năm 1981 một Giáo Hội được Cộng Sản dựng lập tại chùa Quán Sứ Hà Nội, với danh xưng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN) để khống chế kềm kẹp Tăng, Ni và cũng để làm

bình phong che đậy những dã tâm phá hoại Phật giáo của nhà nước Cộng Sản Việt Nam.

Ở Hải Ngoại, trong những năm qua, khi tiếng nói đấu tranh cho Nhân Quyền, Dân Quyền lớn mạnh, ảnh hưởng sâu rộng đến dư luận Quốc Tế, gây bất lợi cho CS thì họ đã tung ra nhiều sách lược mà đặc biệt là “Tôn Giáo Vận” nhằm lôi kéo một số người nhẹ dạ thiếu cận thiếu hẳn lập trường Quốc Gia Dân Tộc và Đạo Pháp, chia rẽ hàng ngũ Tăng, Ni để làm suy yếu tiếng nói đấu tranh chung cho quyền làm người và tự do tín ngưỡng tại Việt Nam.

Các thế lực vô minh của Cộng Sản đã dùng mọi cách để che đậy những tà tâm ác độc của họ, nhằm phục vụ quyền lợi cho đảng và nhà nước, bất kể đến truyền thống văn hóa, đạo đức của dân tộc đang bị suy đồi một cách tệ hại nhất.

Đạo Phật là đạo của chúng sanh, của dân tộc nhằm ban vui cứu khổ, gắn liền với vận mệnh của đất nước, cho nên đứng trước những bất công, áp bức mọi giới đồng bào Phật tử đều có bổn phận chống đỡ để tự tồn. Vì vậy Hộ Trì Chánh Pháp cũng còn mang ý nghĩa là hộ trì dân tộc đất nước, hộ trì chúng sanh trong mười phương pháp giới vậy.

*Hỏi:* Xin Thượng Tọa cho biết tổ chức, mục đích và đường lối hoạt động của Ban Hộ Trì Chánh Pháp Trung Ương?

*Trả lời:* Như chúng tôi đã trình bày Hộ Trì Chánh Pháp là bổn phận chung của Tăng, Ni cùng đồng bào Phật tử các giới. Vì vậy, ngay tại hải ngoại Ban Hộ Trì Chánh Pháp được thành lập nhằm qui tụ mọi người con Phật có nhiệt tâm, nhiệt huyết đối với sự tồn vong của Đạo Pháp và Dân Tộc, trung thành với đường lối của GHPGVNTN. Trong công cuộc kế thừa hoàng pháp lợi sanh và ủng hộ việc tranh đấu cho Nhân Quyền, Dân Quyền tự do Tôn Giáo tại Việt Nam. Ban Hộ Trì Chánh Pháp Trung Ương đã và đang làm việc kết hợp lại, những sức mạnh của quần chúng Phật tử, để ngăn chặn mọi sự

chống phá có cơ nguy làm hại đến Đạo Pháp ở hiện tại và tương lai. Chúng tôi đã và đang tổ chức xuống các tiểu bang, nơi có đông cộng đồng Việt Nam cư ngụ, mỗi nơi đều có Ban Hộ Trì Chánh Pháp của tiểu bang. Đường lối hoạt động có tính cách thống nhất nhằm phổ biến sâu rộng giáo lý Phật Đà, đến mọi tầng lớp quần chúng, đồng thời chúng tôi cũng phổ biến đến Cộng Đồng Việt Nam tại hải ngoại, biết rõ tình hình Phật Giáo tại quê nhà hiện đang còn bị ách nạn và cũng vạch trần những âm mưu mà nhà nước Hà Nội đang tung ra tại hải ngoại, nhằm gây phân hóa trong nội bộ Tăng, Ni, Phật tử để làm suy yếu tiềm lực ủng hộ Giáo Hội mẹ.

Vì vậy dù mới được thành lập, Ban Hộ Trì Chánh Pháp tại các tiểu bang đã hoạt động có hiệu quả, như tham gia vào các diễn đàn địa phương, để nói lên tiếng nói đấu tranh cho quyền tự do tín ngưỡng tại Việt Nam và cũng vạch trần những kế sách của CS, đã tổ chức đưa cán bộ mặc áo tu sĩ ra tận hải ngoại, để đánh lạc hướng dư luận Quốc Tế rằng: Nhà nước CSVN đã mở cửa Tự Do Tôn Giáo, bằng chứng có những tu sĩ từ Việt Nam được ra hải ngoại để truyền đạo v.v... Nhưng chúng ta phải tế nhị đặt lại vấn đề. Tại sao! Tại sao! cùng đồng là tu sĩ mà người thì bị nhốt tù suốt mấy chục năm qua, ngược lại các tu sĩ khác, lại được nhà nước cấp phép ra hải ngoại du lịch, giảng đạo v.v... ấy là vấn đề vô cùng quan trọng mà người đệ tử của bậc Đại giác không thể xem thường, rồi vô tình hay cố ý đã tiếp tay cho chúng ma, đi ngược lại tôn chỉ hoàng pháp lợi sanh ban vui cứu khổ của đấng điều ngự Thế Tôn.

Đây là những mục tiêu trước mắt của Ban Hộ Trì Chánh Pháp, mục tiêu lâu dài của chúng tôi là chặn đứng và hóa giải mọi thế lực phá hoại Phật giáo từ nhiều phía mà căn bản là vô minh, tham đắm và hận thù. Tạo điều kiện hỗ trợ cho việc phát huy Chánh Pháp, đem lại niềm vui chung cho nhân loại cùng chúng sanh.



*Hỏi:* Với tư cách là Chủ Tịch Ban Hộ Trì Chánh Pháp Trung Ương, kiêm Vụ Trưởng Vụ Xã Hội thuộc GHPGVNTN. Thượng Tọa có nhắn gửi đến chư Tôn đức Tăng, Ni và đồng bào Phật tử nhân mùa Phật Đản 2541?

*Trả lời:* Nhân mùa Đản Sanh của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni lần thứ 2541 chúng con dâng trọn niềm tin lên Ngài, nguyện cầu cho chư Tôn Đức Tăng, Ni đồng bào Phật tử tại quê nhà và hải ngoại, luôn luôn an lành trong hào quang hộ niệm của chư Phật; thể hiện trọn vẹn đức tánh Từ Bi, Hùng Lực, Trí Tuệ của đức Phật, để cùng nhau xây dựng lại quê hương Việt Nam thân yêu của chúng ta, có được một cuộc sống an bình, ấm no thật sự mà mọi quyền tự do, trong đó có tự do tín ngưỡng phải được triệt để tôn trọng như đã được minh thị trong bản tuyên ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.

Trân trọng kính chào chư tôn liệt vị cùng đồng bào Phật tử kính mến.



## LỚP GIẢNG PHẬT PHÁP TẠI MIỀN NAM CALIFORNIA

Tin về Lễ Khai Giảng Lớp Phật Pháp địa điểm chùa Bát Nhã thành phố Santa Ana. Trong chiều hướng phát triển kiến thức Phật học và giúp cho đồng hương Phật tử có cơ hội thực hành Phật pháp trong đời sống hằng ngày, Ban Giảng Huấn thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ đã quyết định tổ chức thêm một lớp Phật pháp địa điểm chùa Bát Nhã thành phố Santa Ana. Lễ Khai Giảng Lớp Phật Pháp này đã được tổ chức long trọng vào lúc 10 giờ sáng thức bảy ngày 14/6/1997 tại khuôn viên chùa Bát Nhã dưới sự chứng minh của chư vị tôn đức như Hòa Thượng Thích Thuyền Ấn, H.T. Thích Đức Niệm, Thượng Tọa Thích Thiện Hương, T.T. Thích Giác Chân, T.T. Thích Trí Lãng, T.T. Thích

Minh Mẫn, T.T. Thích Nguyên Trí, T.T. Thích Nguyên Siêu, T.T. Thích Viên Lý, T.T. Thích Vân Đàm, Đại Đức Thích Huệ Minh, Đ.Đ. Thích Thông Đạt, Ni Sư Thích Nữ Hồng Diệp và hàng trăm Phật tử đang chuẩn bị ghi danh nhập học vào thứ bảy 21/6/1997.

Mở đầu trong diễn từ khai mạc Thượng Tọa Thích Nguyên Trí đã tỏ lòng thành kính tri ân nhị vị Hòa Thượng và chư vị tôn túc hứa khả sẽ đem hết sức mình ra phục vụ cho công tác hoằng pháp lợi sanh. Trong phần đạo từ của đại diện Ban Giảng Huấn Hòa Thượng Thích Thuyền Ấn đã ân cần nhắc nhở đồng bào Phật tử cố gắng học tập để tận diệt vô minh, chấm dứt khổ đau, và tìm về nơi giải thoát. Đó là chân lý mà đức Thích Ca Mâu Ni đã khám phá. Trong phần đạo từ của Hội Đồng Đại Diện Giáo Hội, Hòa Thượng Thích Đức Niệm đã hết sức tán thán sự hy sinh của Hòa Thượng Thuyền Ấn năm nay đã 70 tuổi nhưng ngài vẫn cố gắng phục vụ cho đạo pháp, ngài là Giáo sư Đại Học và là Giảng sư các Phật Học Viện, là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà, đã bị tù ải với Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, ngài đã định cư tại Hoa Kỳ trong chương trình HO. Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Giáo Hội cũng đã phát biểu tán thán công đức của chư vị tôn túc và kêu gọi Phật tử cố gắng học tập Phật pháp. Lễ khai giảng đã được bế mạc lúc 11 giờ 30 cùng ngày trong bầu không khí trang nghiêm và hoan hỷ.

Chương trình học mỗi tuần một lần từ 10 giờ sáng đến 12 giờ trưa gồm các môn học như sau:

- *Kinh Pháp Hoa:* HT Thích Thuyền Ấn
- *Kinh Bảo Tích:* HT Thích Đức Niệm
- *Văn Học Thiền và Xã Hội:* TT Thích Vân Đàm
- *Phật Học Phổ Thông:* TT Thích Nguyên Siêu
- *Các Tông Phái Phật Giáo:* Thượng Tọa

Thích Viên Lý

Chư vị Tôn Đức sẽ luân phiên giảng dạy hằng tuần. Được biết lớp Phật Pháp địa điểm chùa Bát Nhã là lớp học thứ hai tại Miền Nam California. Lớp Phật Pháp địa điểm Phật Học Viện Quốc Tế thành phố North Hills đã được khai giảng từ nhiều tháng trước. Điện thoại liên lạc Lớp Phật pháp chùa Bát Nhã (714) 571-0473 và Phật Học Viện Quốc Tế (818) 893-5317.

Khi hoàn cảnh thuận tiện và có nhu cầu đòi hỏi, Ban Tổ Chức mở thêm các địa điểm khác. Các địa điểm hiện đang nghiên cứu là chùa Diệu Pháp thành phố Monterey Park và chùa Phật Đà thành phố San Diego. Trưởng ban Tổ Chức các Lớp Phật Pháp, Thượng Tọa Thích Nguyên Trí cho biết là những lớp học này hoàn toàn miễn phí và chư vị tôn Đức giảng dạy trong tinh thần tự nguyện không thù lao. Thượng Tọa rất mong sự hưởng ứng đông đảo của đồng hương Phật tử.

(Quảng Phước ghi)

## ĐỈNH CHÍNH

— Bài thơ TRƯỜNG HẬN NGÂM đăng trên tập san *Phật Giáo Hải Ngoại* số 8, trang 74, dòng 32, chữ Nhã tiền xin sửa lại thành Nhãn tiền.

— Bài thơ *Ai Tĩnh Ai Mê?* trang 75, dòng 14, “Sức sống vươn cao ở mọi thời” xin sửa lại là “Giành lấy giang sơn, cứu giống nòi”.

Tòa soạn xin cáo lỗi tác giả và quý độc giả.

## Tâm Tĩnh Thức

(Lê Vân dịch từ bài *Transmission* của  
Zen Master Dr. Robert Genthner)

*Trí thiền không có sắc không.  
Tâm thiền nghe rõ ý trong không lời  
Vọng tâm hươu mã nơi nơi  
Chỉ vì vó nhíp trên đời dưới khe.*

*Khi ta mở rộng tai nghe  
Âm thanh xuất hiện bốn bề vang vang.  
Khi ta cảm điếc ngõ ngàng  
Không gian u tịch, phũ phàng thế nhân.*

*Đa đoan trong kiếp hồng trần  
Gậy thiền đánh thức chục lần tỉnh thôi!  
Nếu ai xa lánh cuộc đời  
Nên cần nhập thế hiểu người hiểu ta!*

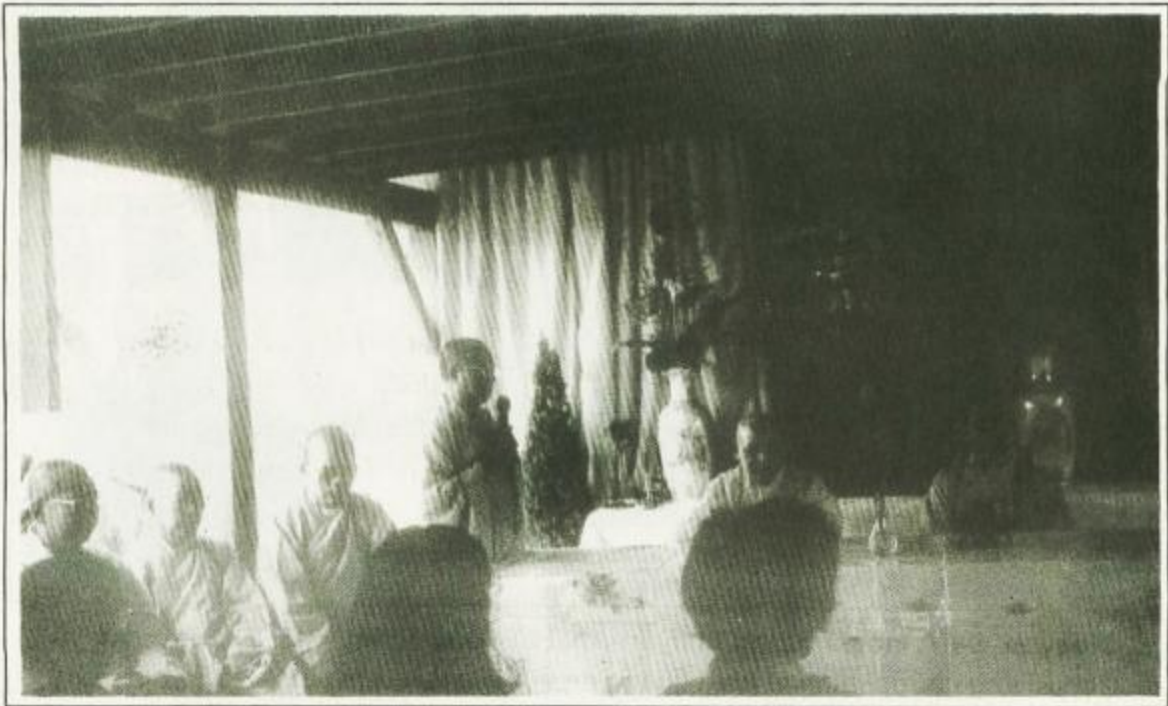
*Oãi oãi!  
Cách cách!!*

*Hồng hà gằm thét phong ba  
Đất trời biến chuyển ta bà chúng sanh.  
Chim ưng bay vút an lành  
Tung mình trong chốn thiên thanh nghìn trùng  
Thoát ra vài tiếng trong không  
Ái-i, ... ái-i... âm vọng, rìng thông im lìm.*

LÊ VÂN

Chùa Đỉnh Trầm Sơn  
Lexington, Kentucky 12/12/94

# HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Ngày 14-6-1997. Ban Giảng Huấn đã khai giảng lớp Phật Pháp tại chùa Bát-Nhã ở Santa Ana, dưới sự chứng minh của nhị vị Hòa-Thượng Thích-Thuyền-Ấn và Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm cùng số đồng chư Tôn Đức.



Đồng đảo Phật tử tham dự lễ khai giảng lớp Phật Pháp, do Ban Giảng Huấn luân phiên đảm trách thuyết giảng hằng tuần





Ngày 22-6-97, Hòa-Thượng Thuyền-Ấn, H.T. Đức-Niệm, H.T. Thắng-Hoan và chư Tăng chứng minh lễ khai quang an vị Phật tại chùa Phật-Đà San Diego do Thượng-Tọa Thích-Nguyên Siêu trụ trì.



Hàng trăm Phật tử đã tham dự lễ khai quang an vị Phật, được nghe Hòa-Thượng Thích-Thuyền-Ấn thuyết pháp vô cùng phấn khởi vững chắc niềm tin chánh pháp.



Ngày 29-6-97, chùa Tam-Bảo Fresno (Cali) cử hành đại lễ Khánh-Thành dưới sự chứng minh 5 vị Hòa-Thượng Thích-Thuyền-Ấn, Thích-Hộ-Giác, Thích-Đức-Niệm, Thích-Giác-Nhiên, Thích-Thắng-Hoan.



Cùng với trên 40 chư Thượng-Tọa, Đại-Đức, Tăng Ni tham dự lễ Khánh-Thành chùa Tam-Bảo Fresno.





**Trên ngàn Phật tử Việt Mỹ tham dự lễ Khánh Thành chùa Tam-Bảo ở Fresno trong niềm hân hoan tin tưởng sắc son vào đạo pháp.**



**Ông Thị-Trưởng Thị Xã Fresno và các ông Nghị-Viên chánh quyền thành phố đều đến tham dự, phát biểu ca ngợi sự thành công của cộng đồng Phật tử Việt Nam và Đại Đức trụ trì Thích-Tâm-Quang đã góp phần văn hóa đạo đức vào xứ sở Hoa-Kỳ**



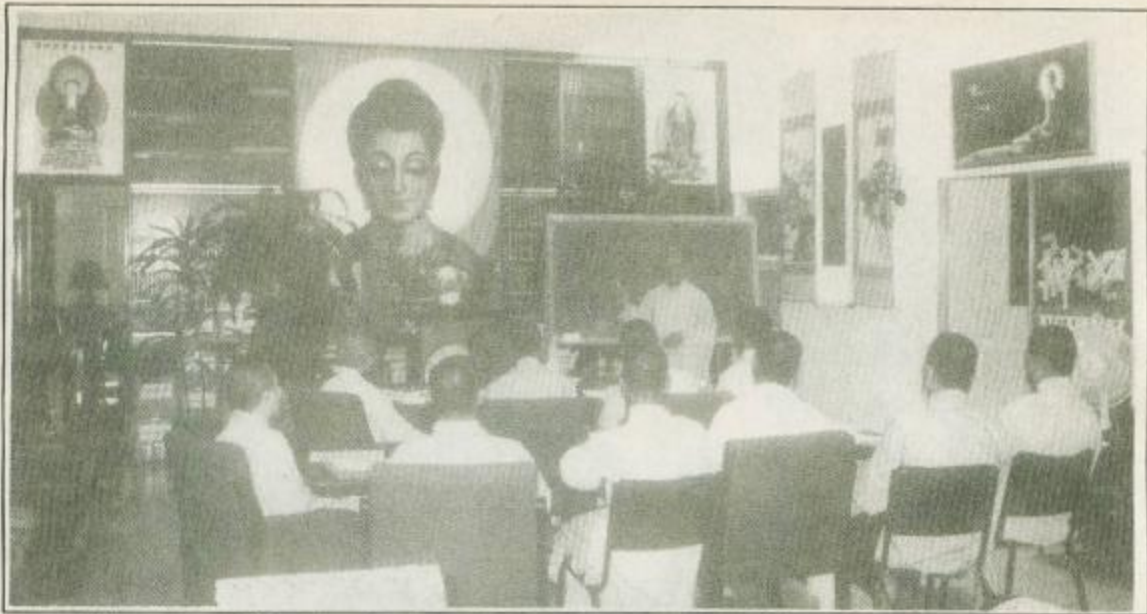
Đại lễ Phật-Đản 2541 được cử hành trọng thể tại chùa TỬ-ĐÀM Dallas dưới sự chứng minh thuyết pháp của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm và Sám-chủ Thượng-Tọa Thích-Tín-Nghĩa. Trên ngàn Phật tử tham dự trong niềm hoan hỷ tin tưởng vô biên.



Chùa **CỔ-LÂM** Seattle do T.T. Thích-Nguyên-An trụ trì phát nguyện xây cất trải bao khốn khó mà chỉ mới được bên ngoài, bên trong chưa xong. Đông đảo chư Tăng và Phật tử làm lễ phải đứng ngoài sân. Rất mong Phật tử gần xa phát tâm giúp đỡ để cho ngôi Tam-Bảo sớm được hoàn thành.

**Địa Chỉ: 3503 S. GRAHAM St., SEATTLE, WA 98118 ; TeL: (296) 723-4741**





Hằng năm đến mùa An-cư, Hòa-Thượng-Thích-Thắng-Hoan phát tâm về Phật-Học-Viện giảng Duy-Thức cho Tăng Ni sinh.



Học theo hạnh Phật, hằng năm tăng chúng Phật-Học-Viện Quốc-Tế đều có an cư kiết hạ, bình bát quá đường y theo nghi quy thiên môn.



Mỗi buổi trưa quá đường kinh hành niệm Phật.



Dù bận gia duyên, các Phật tử nhiệt tâm cũng cố gắng thường xuyên về Phật-Học-Viện hộ tăng chúng trong suốt mùa an cư kiết hạ.

# TRI - AN

## Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Trí-Chơn .....	\$300.00	Ni-Sư Thích-Nữ Nguyễn-Thanh .....	\$100.00
H.T. Thích-Thắng-Hoan .....	\$100.00	Chùa Viên Giác (Oklahoma) .....	\$150.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa .....	\$100.00	Chùa Phật Ân (Minnesota) .....	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Trí .....	\$100.00	Chùa Pháp Hoa (TX) .....	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Siêu .....	\$100.00	Chùa Pháp Hoa (Wichita, KS) .....	\$100.00
Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang .....	\$50.00	Chùa Quang Minh .....	\$200.00
		Phật-Học-Viện Quốc-Tế .....	\$500.00
Phật tử Bốn Nhon & Bốn Thiện .....	\$50.00	Pt. Trịnh Thanh Mai Pd. Diệu Sương ...	\$60.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa .....	\$100.00	Pt. Dung Nguyễn Pd. Diệu Tuy .....	\$50.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê .....	\$200.00	Pt. Trần-Hữu-Khiếu .....	\$50.00
Pt. Thanh Chánh .....	\$50.00	Pt. Elizabeth H. Levan .....	\$50.00
Pt. Diệu Hoa Thọ .....	\$50.00	Pt. Susan Phạm .....	\$50.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa .....	\$50.00	Pt. Nguyễn Hữu Sĩ .....	\$50.00
Pt. Nguyễn-Kim-Hoa Pd. Quảng Liên ...	\$50.00	Pt. Nhuận Tuệ Nguyễn Lộc .....	\$40.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Quan Pd. Quảng Trọng ..	\$25.00	Pt. Trần Thị Tốt & Đỗ Đình Lang .....	\$40.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Phúc Pd. Quảng Lộc...	\$25.00	Pt. Dr. Trần Nguyễn Phiêu .....	\$30.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền...	\$30.00	Pt. Phan-Ngọc-Diên Pd. Diệu Giác Lam &	
Pt. Nguyễn Xuân Huy .....	\$30.00	..... Lê-Văn-Phát .....	\$30.00
Pt. Diệu Thanh .....	\$20.00	Pt. Phùng Thị Lê Pd. Diệu Huệ .....	\$30.00
Pt. Diệu Chơn .....	\$20.00	Pt. Lê Giao Pd. Tâm Ngọc .....	\$20.00
Pt. Hoa Thiện .....	\$20.00	Pt. Quách-Hoa-Anh .....	\$20.00
Pt. Chơn Quán .....	\$20.00	Pt. Phạm Thị Lan Hương .....	\$15.00
Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ..	\$10.00	Pt. Lương Anh .....	\$15.00

Ủng hộ kinh sách Tạp Chí Phật Giáo là ủng hộ công cuộc hoằng pháp truyền bá tư tưởng giác ngộ, tạo nhân trí tuệ giải thoát.

Toàn Ban Biên Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại chân thành tri ân  
liệt quý vị hảo tâm ủng hộ.



# THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn thi hữu cùng quý thân chủ quảng cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại.

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niệm ân thành tình hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa. Nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI-ÂN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hãy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin có thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muôn sự trông cậy vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

*Nam-Mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát*

**TÒA - SOẠN PHẬT - GIÁO HẢI - NGOẠI**

## GÓP PHẦN ỦNG HỘ MUA BÁO DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

✈ Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) **15MK một năm.**

✈ Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) **20MK một năm.**

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phương danh ở mục TRI AN của tập san.

☒ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin để : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

☒ **Thư từ mua báo** hoặc **ủng hộ báo** xin gửi về địa chỉ :

**PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A

☎ Điện thoại: **(818) 893-5317**

**NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN**  
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

**BẢN THƯ MỤC THÁNG 08 - 1997**

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày) .....	Thích Trí Tịnh ..... mỗi quyển .....	\$12.00
Kinh Nhứt Tụng .....	(Tụng Niệm hằng ngày) .....	\$12.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm ....(dù loại nghi thức).....	(Thống Nhất cỡ nhỏ) .....	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa) .....	Thích Đức Niệm soạn .....	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn .....	Thích Đức Niệm soạn .....	\$4.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn (Nghĩa).....	Thích Đức Niệm soạn .....	\$4.00
Kinh A Di Đà Sơ Sao .....	Thích Hành Trụ .....	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung .....	Thích Đức Niệm dịch giải .....	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác .....	Thích Thanh Từ .....	\$5.00
Kinh Bảo Tích .....	Thích Đức Niệm dịch giải .....	\$7.00
Kinh Bách Dụ .....	Thích Nữ Như Huyền .....	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán) .....	.....	\$5.00
Kinh Dược Sư .....	Thích Huyền Dung .....	\$4.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng) .....	Thích Trí Tịnh .....	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày mạ vàng)...	Thích Trí Tịnh .....	\$42.00
Kinh Đại Nhứt .....	Pram Nguyễn .....	\$9.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng) .....	Thích Trí Tịnh .....	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa .....	Chánh Trí .....	\$6.00
Kinh Đại-Bì-Sám & Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp)....	Thích Thiện Tâm .....	\$13.00
Kinh Tām-Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (loại bỏ túi hình màu tuyệt đẹp)....	Thích Thiện Tâm .....	\$6.00
Kinh Giải Thâm Mật .....	Thích Trí Quang .....	\$7.00
Kinh Hiền Ngụ .....	Thích Trung Quán .....	\$9.00
Kinh Kim Cang .....	Thích Thiện Hoa .....	\$6.00
Kinh Lăng Già Tâm Ấn .....	Thích Thanh Từ .....	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng) .....	Thích Trí Quang dịch .....	\$13.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp .....	Thích Quảng Độ .....	\$7.00
Kinh Pháp Cú .....	Thích Trí Đức .....	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng) .....	Thích Trí Tịnh .....	\$14.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng) .....	Thích Minh Trực .....	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục .....	Thích Trí Nghiêm .....	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Việt-Anh, bìa dày) .....	Thích Trí Tịnh .....	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới .....	Thích Trí Tịnh .....	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh .....	Ấn Tích Thiền Sư .....	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Ấm Nghĩa, bìa dày mạ vàng) .....	Thích Trí Tịnh .....	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày) .....	Cư Sĩ Tâm Minh .....	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày) .....	Thích Bích Liên .....	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng) .....	Thích Trí Quang .....	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện .....	Thích Đức Niệm dịch giải .....	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh) ....	Thích Trung Quán .....	\$3.00
Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên .....	Thích Hành Trụ .....	\$5.00
Kinh Viên Giác .....	.....	\$3.00
Ánh Đạo Vàng .....	Võ Đình Cường .....	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi .....	Thích Tâm Quang .....	\$8.00
Bát Quan Trai Tập Giảng .....	Diễn Bồi Đại Sư .....	\$7.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp .....	Bồ Đề Đạt Ma .....	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng .....	Thích Trung Quán .....	\$5.00
Bước Đầu Học Phật .....	Thích Thanh Từ .....	\$7.00
Câu Chuyện Dòng Sông .....	Phùng Khánh .....	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật .....	Tuệ Sĩ .....	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa) .....	Đỗ Đình Đồng dịch .....	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo .....	Thích Tín Nghĩa phụng soạn .....	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật .....	Trúc Thiên .....	\$5.00
Cuộc Đời Đức Phật (Anh - Việt) .....	Thích Trí Chơn .....	\$7.00
Cương Yếu Giới Luật .....	Thích Thiện Siêu .....	\$6.50
Cửa Thiền Dính Bụi .....	Huỳnh Trung Chánh .....	\$7.00
Cửa Thiền Vắn Mở .....	Diệu Nga .....	\$9.00
Cho Trọn Mùa Xuân .....	Thích Đức Niệm .....	\$7.00
Chìa Khóa Học Phật .....	Thích Thanh Từ .....	\$5.00
Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi).....	.....	\$3.00

Chết Có Thật Đáng Sợ Không (Việt-Anh) .....	Thích Tâm Quang dịch .....	\$7.00
Chư Thiên Đức Hành Trang (Trọn bộ 2 quyển) .....	Thích Thanh Từ .....	\$16.00
Chứng Đạo Ca .....	Huyền Giác Thiền Sư .....	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn .....	Thích Thiện Hoa .....	\$4.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo .....	Thích Đạo Quang .....	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày) .....	Thích Quảng Độ .....	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận .....	Thích Quảng Độ .....	\$8.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ .....	Thích Thanh Từ .....	\$5.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt-Anh) .....	Thích Tâm Quang .....	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật .....	Phương Bối .....	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn .....	Thiền Sư Huệ Hải .....	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày) .....	Phạm Kim Khánh .....	\$12.00
The Buddha And His Teachings .....	Đại Đức Narada .....	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật .....	Tịnh Mặc .....	\$4.00
Đường Về Cực-Lạc (Trọn bộ 2 quyển) .....	Thích Trí Tịnh .....	\$8.50
Giọt Lệ Như Sương .....	Diệu Nga .....	\$8.50
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh) .....	Thích Tâm Quang .....	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo .....	Lý Khôi Việt .....	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư .....	Thích Khánh Anh dịch .....	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận .....	Thích Khánh Anh dịch .....	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông .....	Thích Viên Đức dịch .....	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa .....	D.T. Suzuki .....	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh) .....	Thích Minh Châu .....	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa .....	Thái Hư Đại Sư .....	\$4.00
Lá Thư Tịnh Độ .....	Liên Du .....	\$7.00
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy (Việt-Anh) .....	Thích Tâm Quang .....	\$5.00
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi & Lo Lắng (Việt-Anh) .....	Thích Tâm Quang .....	\$5.00
Lãng Nghiêm Đại Định .....	Thích Huệ Hưng .....	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử .....	Thích Quang Phú .....	\$4.00
Lối Vào Nhân Minh Học .....	Thích Thiện Siêu .....	\$6.00
Luật Sa Di Giải .....	Thích Hành Trụ .....	\$7.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni .....	Thích Trí Quang .....	\$10.00
Luận Câu Xá Cương Yếu .....	Thích Đức Niệm .....	\$6.00
Luận Nhiếp Đại Thừa .....	Thích Trí Quang .....	\$8.00
Luận Thành Duy Thức .....	Thích Thiện Siêu .....	\$12.00
Luận Đại Thừa Khởi Tín .....	Thích Thiện Hoa .....	\$6.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển) .....	Thích Trung Quán .... mỗi quyển .....	\$8.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật .....	Hạnh Cơ dịch .....	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo .....	Thích Thiện Hoa .....	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu .....	Thích Thiền Tâm .....	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith .....	.....	\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn .....	Minh Lễ .....	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển) .....	Thích Nữ Thể Quán .... mỗi quyển .....	\$4.00
Nẻo Vào Thiền Học .....	Nhất Hạnh .....	\$7.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày) .....	Thích Quảng Độ .....	\$12.00
Người Muôn Thuở .....	Thích Đức Niệm .....	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc .....	Cát Tường & Thể Quán .....	\$3.00
Ngụ Ngôn .....	.....	\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi .....	Thích Thiện Hoa .....	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải .....	Thích Khánh Anh .....	\$10.00
Như Thế Mà Trời .....	Huỳnh Trung Chánh .....	\$7.00
Những Mùa Vu Lan .....	Thích Đức Niệm .....	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc .....	Thích Trí Chơn .....	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa) .....	Thích Thiện Hoa .... mỗi quyển .....	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày) .....	Thích Thiện Hoa .....	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển) .....	Đoàn Trung Còn .....	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển) .....	Thích Thiền Tâm .....	\$20.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử) .....	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm .....	\$7.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa .....	Thích Đức Niệm .....	\$6.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát .....	Jagdish Kasyapa .....	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận .....	Ấn Thuận Đạo Sư .....	\$7.00
Phật Và Thánh Chứng .....	Cao Hữu Đỉnh .....	\$6.00
Phật Giáo Chánh Tín .....	Thích Thánh Nghiêm .....	\$6.00

Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh) .....	Thích Trí Chơn dịch .....	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang .....	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản .....	Trần Thạc Đức .....	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây .....	Bác Sĩ Migot .....	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa .....	Chánh Trí .....	\$8.00
Pháp Môn Tịnh Độ .....	Thích Trí Thủ .....	\$7.00
Pháp Ngữ Lục .....	Thích Đức Niệm .....	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng .....	Thích Đức Niệm .....	\$6.00
Quê Hương Cực Lạc .....	Thích Thiện Tâm .....	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách .....	Tổ Qui Sơn .....	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất .....	Trúc Thiên .....	\$6.00
Sống Thiền .....	Trí Hải dịch .....	\$5.50
Tại Gia Bồ Tát Giới .....	Thích Đức Niệm soạn dịch .....	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng .....	Thích Thiện Hoa .....	\$7.00
Tâm Kinh .....	Thích Thanh Từ .....	\$5.00
Tế Điền Tăng .....	Khánh Vân dịch .....	\$7.00
Tín Tâm Minh .....	Tam Tổ Tăng Xán .....	\$3.00
Tình Người .....	Tâm Quán .....	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận .....	Thích Thiện Tâm .....	\$4.00
Pure Land Buddhism .....	Thích Thiện Tâm .....	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận .....	Thích Đức Niệm soạn dịch .....	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày) .....	Thích Quảng Độ .....	\$14.00
Tổ Thiền Tông .....	Thích Thanh Từ .....	\$6.00
Tọa Thiền Tam Muội .....	Thích Thanh Từ .....	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học .....	Trí Hải dịch .....	\$5.00
What The Buddha Taught .....	Đại Đức Rahula .....	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa .....	Thích Chơn Trí .....	\$8.00
Tư Tưởng Phật Giáo Trong Văn Học Thời Lý .....	Nguyễn Vĩnh Thượng .....	\$9.00
Thầy Tăng Mở Nước .....	Nguyễn Quỳnh .....	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo .....	Thích Mật Thể .....	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống .....	Võ Đình Cường .....	\$5.00
Thiền Căn Bản .....	Thích Thanh Từ .....	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày) .....	Như Hạnh dịch .....	\$12.00
Thiền Học Việt Nam .....	Nguyễn Đăng Thục .....	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày) .....	Nguyễn Đăng Thục .....	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày) .....	D.T. Suzuki .....	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày) .....	D.T. Suzuki .....	\$40.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm .....	Thích Thiện Hoa.....	\$6.00
Triết Học Phật Giáo .....	Phan Văn Hùm .....	\$5.00
The Teaching Of Buddha .....	.....	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp) .....	.....	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển) .....	Thích Minh Chiếu ... mỗi quyển .....	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm .....	D.T. Suzuki .....	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh) ...	Thích Đức Nhuận .....	\$4.00
Vãng Sanh Luận .....	Nhất Chơn dịch .....	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học .....	Nhất Hạnh .....	\$5.00
Vài Nét Chính Luân Lý Phật Giáo .....	Thích Thanh Từ .....	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược .....	Thích Mật Thể .....	\$6.50
Vì Sao Tin Phật (Việt-Anh) .....	Thích Tâm Quang dịch .....	\$10.00
Vô Ngã Là Niết Bàn .....	Thích Thiện Siêu .....	\$7.50
Vết Nhạn Lưng Trời .....	Huỳnh Trung Chánh .....	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển) .....	Thích Thanh Từ .... mỗi tập .....	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo .....	Thích Nữ Thế Quán .....	\$4.00
→ Bộ Tranh Lịch Sử Đức Phật 32 tấm từ Sơ-Sanh đến Niết-Bàn (cỡ 21 x 39) màu sắc trang nhã tuyệt đẹp ...		\$96.00
→ Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches) .....	(mỗi lá cờ) .....	\$0.95

### **NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIÁ**

Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuỗi Trầm 108 hạt, mỗi xâu \$9.00 .... ⇨⇨⇨ ... Chuỗi đeo tay .....	\$4.50		
Chuông Mõ gia trì 16 inches và 23 inches cho các Chùa Viện hành trì .....			
Chuông-Mõ cỡ lớn 5 inches ... <b>\$86.00</b> .....	⇨⇨⇨ Chuông-Mõ cỡ nhỏ 3 inches .....	\$70.00	
Khánh Dẫn Lễ .....		\$40.00	
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại <b>THƯỜNG</b> ) .....	<b>\$46.00</b> .....	⇨⇨⇨ (loại <b>HOA SEN</b> ) .....	\$95.00

## VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích đó, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hằng ngàn kinh sách giá trị cung cấp khắp nơi, nhất là các trại tị nạn và gởi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có Chùa, có Hội Phật-Giáo hay Cộng-Đồng Phật tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vương bận ân tình thân sơ.

Cánh cửa Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuận chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trang trải tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa, đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa, nhưng vẫn duy trì truyền thống thiền môn quy củ. Tăng Ni sinh sáng chiều chuyên tâm kinh kệ, bái sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh lạc hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc trong đời sống để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng Viện có tổ chức khóa tu Tịnh Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bố-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng Chủ Nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật tử khắp bốn phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám Hồng-Danh với sự hướng dẫn tận tình của chư Tăng, tiếp theo nghe Thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ vân tập quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều Chủ Nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, tiếp theo đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Đặc biệt, bộ tranh lịch sử Phật gồm 32 tấm từ dẫn sanh đến nhập niết-bàn, khổ lớn (21 x 39) inches, màu sắc tuyệt đẹp, dưới mỗi bức tranh có chú thích ý nghĩa bằng Việt-Anh rõ ràng dễ hiểu, mà từ xưa đến nay chưa có bộ tranh Phật nào trang nhã tuyệt đẹp và ghi chú đầy đủ như vậy. Đây là kết quả công trình của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm trải bao chục năm mang tâm nguyện sưu tầm nay mới hoàn thành. Có thể nói đây là bộ tranh Phật đầy đủ tuyệt đẹp đầu tiên trong lịch sử Phật-Giáo vậy.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách Thánh Hiền, ngắm nhìn hình ảnh Phật sẽ cảm thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp bắc nhịp cầu cảm thông với tư tưởng Thánh Hiền. Đọc kinh sách, ngắm nhìn tranh ảnh Phật là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí huệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách, bộ tranh Phật, để làm phương tiện khai triển trí huệ, xây dựng hạnh phúc, thánh thiện hóa đời mình và con cháu. Tiền của vô thường. Kinh sách chan chứa lời Thánh Hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-Đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, để lòng được tĩnh lặng thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/ Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh, hướng thiện người tu tâm dưỡng tánh.
- 2/ Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/ Phật-Học-Viện in kinh sách đều có chọn lọc kỹ, chỉ có khả năng in một lần, và luôn luôn đổi mới.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **Phật-Học-Viện Quốc-Tế**

**9250 Columbus Ave.**

**North Hills, CA 91343 - U.S.A.**

**Tel (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827**



## LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY:

### TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

Lấy FREE-WAY 5 SOUTH - Exit OSBORN queo mặt - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS thì P.H.V nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 405 SOUTH - Exit NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

### TỪ SAN DIEGO:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH BAKERSFIELD - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

### TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

Lấy FREE-WAY 101 WEST - đổi FWY 170 N. đổi qua FWY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

### TỪ SANTA ANA:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

### TỪ SAN BERNADINO FREE-WAY:

Lấy FREE-WAY 605 NORTH - đổi 10 WEST đổi 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

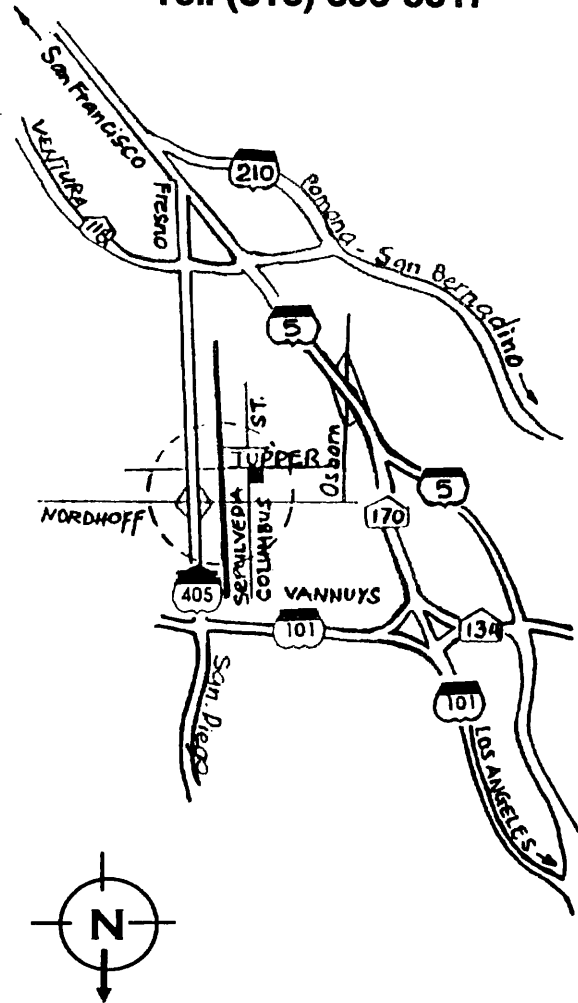
## HƯỚNG VỀ

## PHẬT-HỌC-VIÊN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317



### TỪ OXNARD - VENTURA:

Lấy FREE-WAY 101 SOUTH LOS ANGELES đổi FWY 405 N. SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

### TỪ SIMI VALLEY:

Lấy FREE-WAY 118 EAST đổi 405 SOUTH - Exit NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì PHV nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

**TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG THỂ THIẾU:**  
**CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU, TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC**  
DO Đ.Đ. THÍCH-TÂM-QUANG SOẠN DỊCH:

1. - HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI  
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
2. - LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY  
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
3. - LÀM SAO ĐỂ TRÁNH SỢ HẢI VÀ LO LẮNG  
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
4. - PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC  
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
5. - PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI  
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
6. - CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG ?  
\$7.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
7. - 3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI  
\$8.00 + \$1.50 C.P
8. - NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI (HẾT)  
\$9.00 + \$1.50 C.P
9. - NÊN TẶNG CỬA ĐẠO PHẬT - dày 300 trang (HẾT)  
\$10.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)

**Sách Mới ! — VÌ SAO TIN PHẬT**

\$10.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT) cuốn 1 dày 420 trang  
RA MẮT VÀO NGÀY 29 THÁNG 6 NĂM 1997

► Tác giả, Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. SRI DHAMMANANDA, một học giả uyên thâm đã bao quát được giáo lý thuần túy và xác thực của Phật Giáo với bút pháp hiện đại. Tác giả đã không những cô đọng tinh túy và cốt lõi giáo pháp với một thuật ngữ giản dị và dễ hiểu mà còn đề cập đến những vấn đề thời đại mang lợi ích rất thiết thực cho người học Phật.

Nơi phát hành: **CHÙA-TAM-BẢO**

P.O. BOX 1903., FRESNO, CA 93701 – Điện thoại: (209) 264-2728

\*\*\*\*\*

**PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ**

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Điện thoại: (818) 893-5317

# ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminister, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 \* Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu tầm long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tá thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiên án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều táng long hổ mới thành đại huyệt quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

"Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trang-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đại, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

## GIÁ BIỂU

\* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ ..... \$100 đến \$200

\* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

\* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX ..... \$30

\* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây má cho hợp với thế đất..\$430

## CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

\* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

\* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

\* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cẩm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

\* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

\* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng LƯU-KIM-CƯƠNG (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miền  
Ra đi gặp giặc mình liền tan thây!"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông NGUYỄN-VĂN-BÔNG (Viện-Trưởng QGHG) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thanh-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá BẦU về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Ty của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng DUƠNG-VĂN-MINH với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài ĐỖ-VẠN-LÝ khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-DOÃN nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Cô bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi đứng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá QUÁCH-NGỌC-LÂM (thùy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHÁI-

**HUỖNH**, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT : (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecraf, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỖNH-DAO 2 điều : "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười : "Chồng ở mơ mà sẵn rứa ?" (Vị lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lên đên trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/ ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Từ Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chi số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mĩ-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và có Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/ Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

\* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

### GIÁ BIỂU

- \* Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hên đến xem) ..... \$30  
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- \* Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn ..... \$5
- \* Coi ngày cưới hỏi, khai trương ..... \$5
- \* Giải Tử Vi gấp cho người ở xa ..... \$42

*Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mĩ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.*

*Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.*

*Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.*

### GIỜ LÀM VIỆC:

*Thứ Ba - Thứ Sáu : Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.*

*Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ : Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hên trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).*

### DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Từ Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp thụ

nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó : Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PDM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CỐ - Báo NANG CALI số 151  
(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi đầu-số và thầy địa-lý ; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM- ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rũi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường ; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý đương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi đầu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA  
(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)  
11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

\* QUÀ : = Cưới = Sinh Nhật  
= Thôi nôi = Đầy tháng

đem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

### Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- \* Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- \* Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- \* Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- \* Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- \* Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- \* Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- \* Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- \* Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênhển trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

**Bác Sĩ NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.**

838 N. Broadway, Suite A., Los Angeles, CA 90012

(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)

**Tel. (213) 680-0888**



Bác Sĩ Thiện Y, Đông Y gia truyền, đã chữa bệnh tại Việt-Nam và các đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood. Trị hết nhiều bệnh thông thường đến nan y mà các danh sư khác không chữa được. Được rất nhiều người viết thư cảm tạ, báo chí khen ngợi và đồng bào Los Angeles khen tặng danh hiệu "DIỆU THỦ HỒI XUÂN". Đến với Bác sĩ NGUYỄN-THIỆN-Y để được chẩn mạch chính xác, chữa trị hữu hiệu. Bác sĩ nhiều kinh nghiệm, tận tâm, uy tín, cẩn trọng, chữa bệnh lâu năm.

**GIỜ LÀM VIỆC:**

THỨ HAI đến CHỦ NHẬT  
10:00AM - 6:00PM. Nghỉ thứ Sáu  
FREE PARKING

**CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH ĐAU NHỨC VÀ NAN Y, NỘI THƯƠNG NGOẠI CẢM, BAN SỎI TRẺ EM, SAI KHỚP XƯƠNG, BONG GÂN TẠI ĐẦU GỐI, MẮT CÁ, TRỌNG QUAI HÀM, CỤP XƯƠNG SỐNG V.V...**

**DUỐC THẢO CỦA BÁC SĨ Y (DR. Y'S HERBS) :**

**BÁN ĐỦ LOẠI THUỐC BẮC THƯỢNG HẢO HANG. NHẬN GỬI THUỐC ĐI KHẮP HOA-KỲ VÀ NGOẠI QUỐC. CHẨN MẠCH QUA ĐIỆN THOẠI. NHẬN VISA VÀ MASTER CARD.**

- |   |   |   |
|---|---|---|
| <p>100- Tiên dược siêu đẳng tăng sức khỏe, trị bá bệnh, trẻ mãi không già.</p> <p>101- Tiên dược trị đau bao tử và hệ thống tiêu hóa, loét bao tử, ruột. Đau bao tử lâu năm trị dứt, không bao giờ tái phát.</p> <p>102- Gối Tiên trị đau lưng, đau cổ, bụng, phong thấp.</p> <p>103- Tiên dược phục hồi sức khỏe, trị kiệt sức, mệt mỏi lâu năm, dễ ngất xỉu.</p> <p>104- Thuốc tăng trí nhớ, trị thần kinh suy, rất tốt cho sinh viên và người lớn tuổi.</p> <p>105- Thuốc trị tiểu đường.</p> <p>251- "Siêu cường dương bổ thận" (rượu và viên). Siêu đẳng trị bất lực, yếu sinh lý,</p> <p>252- Thuốc trị xuất tinh sớm.</p> <p>253- Thuốc bột hòa với sữa, cho trẻ em xanh xao, biếng ăn, ốm yếu đổ mồ hôi đầu, mình, v.v..</p> <p>301- Dưỡng da giảm vết nhăn, đẹp da, da trắng hồng, đẹp hơn lên, người trẻ lại.</p> <p>302- Thuốc trị da mặt nám.</p> <p>303- Da mặt xanh xao thiếu máu.</p> <p>304- Rụng tóc, hói đầu, làm mọc tóc, đen tóc, tóc óng mượt. (uống, xịt nơi hói)</p> <p>305- Phong ngứa, nổi mề đay, ngứa dị ứng bởi thực phẩm v.v...</p> <p>306- Phong độc, ghẻ độc (Psoriasis) các loại trị dứt, vĩnh viễn không tái phát.</p> <p>307- Dời ăn, nổi đờ ở mặt hay lưng, bụng.</p> <p>308- Các loại mụn ở mặt và lưng.</p> <p>309- Nổi gân xanh ở mặt, tay, chân.</p> <p>106- Viêm gan (Hepatitis A, B, C...) gan độc, chai gan, (cirrhosis), sưng mặt, vàng da, đen da, hay thời kỳ nguy hiểm.</p> <p>107- Thuốc làm tăng cân.</p> <p>108- Giảm cân (Lose weight fast &amp; easy).</p> <p>109- Phong thấp, đau lưng, nhức mỏi, vọp bẻ, tê bại toàn thân.</p> | <p>110- Thuốc tế trị phong thấp, giúp người già ăn ngon ngủ khỏe.</p> <p>111- Đau nhức các khớp xương, đầu gối, ngón tay, ngón chân (Arthritis Gout).</p> <p>112- Đổ mồ hôi tay chân, phong thấp lâu năm trị dứt, không tái phát.</p> <p>113- Thuốc cầm cúm. (uống hoặc xông)</p> <p>114- Thuốc trật đả, trị té ngã, vết bầm v.v... (uống thoa, xịt, bột đắp)</p> <p>115- Mắt ngủ kinh niên.</p> <p>116- Tiểu chảy hay táo bón kinh niên.</p> <p>118- Thuốc trị áp huyết cao.</p> <p>119- Áp huyết thấp.</p> <p>120- Mỡ trong máu.</p> <p>121- Viêm mũi, dị ứng "allergy".</p> <p>122- Run tay chân.</p> <p>123- Cai thuốc lá, cai rượu.</p> <p>125- Choáng vàng đầu mặt.</p> <p>126- Ù tai, điếc tai.</p> <p>127- Trị bệnh trĩ (trị nội &amp; ngoại).</p> <p>128- Sa ruột, sa tử cung (uống hay xông).</p> <p>130- Thuốc trị phù thũng, chân giữ nước, đau nhức chân, đi nặng nề.</p> <p>131- Thuốc trị nhức đầu kinh niên.</p> <p>132- Nhức đầu một bên kinh niên.</p> <p>133- Trị chảy nước mắt sống.</p> <p>134- Trị đau mắt, làm bỏ mắt, sáng mắt.</p> <p>135- Sốt rét quanh năm, sợ nước, sợ gió.</p> <p>136- Ôn lạnh xương sống.</p> <p>137- Suyễn kinh niên.</p> <p>139- Ho lâu năm, ho đàm hay ho khan.</p> <p>140- Đau tim, yếu tim, khó thở, hồi hộp.</p> <p>141- Nghẽn van tim, uống thời gian ngắn, tim thông, khỏi mổ.</p> <p>142- Bí tiểu, khó đi tiểu.</p> <p>143- Tiểu đêm nhiều lần.</p> <p>144- Thuốc trị san thân, uống vào sạn đi ra hay tan, khỏi mổ ...</p> <p>145- Thuốc trị sạn mắt.</p> <p>146- Chảy máu cam.</p> <p>147- Tê chân, tê tay.</p> <p>148- Lạnh chân tay, thuốc làm ấm lại.</p> | <p>149- Say sóng, ói khi đi tàu, máy bay.</p> <p>150- Thuốc trị khó cổ họng.</p> <p>151- Thuốc trị giun sán.</p> <p>152- Méo miệng, bán thân hay toàn thân bất toại (có châm cứu sẽ hết nhanh hơn).</p> <p>153- Ban đêm ngủ hay co giật.</p> <p>154- Thuốc bổ xương, trị xương xốp.</p> <p>201- Phụ nữ lãnh cảm, yếu sinh lý.</p> <p>202- Kinh không đều, có kinh đau bụng.</p> <p>203- Kinh nguyệt ra hoài không dứt.</p> <p>204- Không có kinh hay trễ kinh.</p> <p>205- Hiếm muộn, muốn có con.</p> <p>206- Thuốc ngừa sẩy thai,</p> <p>207- Muốn chọn sanh con trai hay con gái.</p> <p>208- Thuốc an thai, dưỡng thai.</p> <p>209- Thuốc sanh con không đau, khỏi mổ.</p> <p>210- Thuốc xổ lồng, ngừa sót nhau,</p> <p>212- Thuốc trị hậu sản, sau khi sanh nám mặt, yếu người.</p> <p>213- Đàn bà hết kinh, nóng mặt khó chịu.</p> <p>214- Thuốc trị huyết trắng.</p> <p>254- Thuốc trị giang mai, lậu, hoa liễu.</p> <p>310- Thuốc trị đau răng cấp thời, không kịp đi Nha sĩ (xúc vào răng hết đau).</p> <p>311- Lở, lở chảy máu nướu răng.</p> <p>312- Trị hết hôi miệng, làm thơm miệng (uống hay xúc miệng).</p> <p>314- Lở miệng, lở lưỡi.</p> <p>315- Lang ben, ghẻ lác (xoa).</p> <p>351- Thuốc trị bướu cổ.</p> <p>352- Bướu tử cung và các loại bướu.</p> <p>353- Thuốc trị bệnh AIDS/HIV,</p> <p>355- Thuốc trị ung thư máu (Leukemia).</p> <p>356- Thuốc trị ung thư cổ (cervical cancer).</p> <p>357- Thuốc trị ung thư các loại.</p> <p>402- Rượu thuốc Trường Xuân Tửu.</p> <p>403- Rượu thuốc Minh-Mạng Hoàng Đế toa chính truyền.</p> <p>404- Rượu thuốc cho người mới sanh, mạnh gân, ăn ngon, ngủ khỏe.</p> <p>405- Rượu thuốc THẤT BẢO MỸ DIỆN.</p> |
|---|---|---|



# DAVICO INC.



# ĐẠI VIỆT COMPANY

## Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries

### *The Shop (in China Town)*

861 N. Spring ST. # 204-205-206

Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 626-1868



\* Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ cổ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.  
 \* Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiểng, lư hương, nhang đèn...

**XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, AN CẦN TIẾP ĐẾN**



## BÁC SĨ NHA KHOA

## 胡文富牙醫博士



# HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

# HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

☺ *Nha Khoa Gia Đình.*

☺ *Khám Răng Định Kỳ.*

☺ *Làm Răng Giả Đủ Loại.*

☺ *Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.*

☆ *Nha Khoa Phòng Ngừa.*

☆ *Sửa Răng Thẩm Mỹ.*

### SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.

Hawthorne, CA 90250

☎ TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm

Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

### CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104

Los Angeles, CA 90012

☎ TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu

9:00am = 6:00pm

**XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC**

**Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM**



## NỮ BÁC SĨ STEPHANIE THU LE, D.C.

- Nguyên sinh viên Y-khoa Sài Gòn
- Tốt nghiệp Bác-Sĩ chuyên khoa Chính xương tại Đại-Học Chiropractic of Los Angeles
- Diplome National and States Boards of Chiropractic Examiners
- California State Radiography X Rays supervisor and Operator

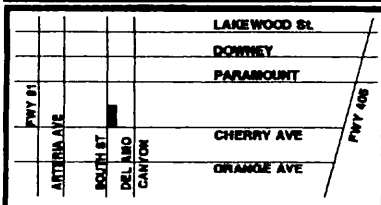


### CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, cụp xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mỏi mệt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt

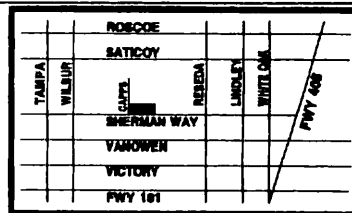
### NHÂN:

- ✓ Auto Accident
- ✓ Insurance
- ✓ Worker's Comp
- ✓ Medicare
- ✓ Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn.



### TRỊ LIỆU:

Xử dụng X-Ray và đầy đủ các dụng cụ. Y-Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay. Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể. Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục.



### LONG BEACH CHIROPRACTIC CLINIC

2150 S. South St., Suite 104

Long Beach, CA 90805

Tel. (310) 790-8209

(góc đường Cherry + South, đối diện Food 4 Less)

Y-Khoa chỉnh xương.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM

### RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way., Suite 109.. Reseda, CA 91335

(Trong khu Plaza Galco, cạnh bánh mì Ba-Lẹ)

Tel. (818) 345-0999

**LƯU Ý:** Từ nay quý đồng hương không phải đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM - 7PM

# Bác Sĩ LE VAN BA



Nội Thương, Giải Phẫu, Trẻ Em, Người Lớn, Già Lão,  
Tai Nạn Lao Động, Nghề Nghiệp.

## TIỂU GIẢI PHẪU và GIẢI PHẪU THẨM MỸ

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI PACIFIC ALLIANCE CENTER

711 N. Broadway, Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 617-9386 khẩn cấp ngoài giờ làm việc (818) 994-7954

BÁC SĨ CỦA MOLINA & CARE FIRST HEALTH PLAN & CALIFORNIA CARE OF  
BLUE CROSS VỚI ĐẦY ĐỦ MÁY MÓC VÀ TIỆN NGHI.

- Khám bệnh, thử nghiệm thăm thai, giải phẫu, chích ngừa.
- Chích ngừa về Việt-Nam.
- Bệnh suyễn, dị ứng, dị ứng mũi.
- Yếu sinh lý (Đàn ông, Đàn bà)
- Chuyên chữa trị bệnh mụn, ốm.
- Cắt mắt hai mí.

- Lấy mỡ mí mắt dưới.
- Cắt mụn cóc, mụn ruồi mắt cá.
- Cắt trĩ, cắt da qui đầu.
- Tàn nhang, mụn.
- Cắt ống dẫn tinh đàn ông để ngừa thai.

CHƯƠNG TRÌNH NGỪA THAI MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI NGHÈO DO CALIFORNIA STATE ĐÀI THỌ.

### NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30AM - 5:30PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

CHỦ NHỰT: NGHĨ

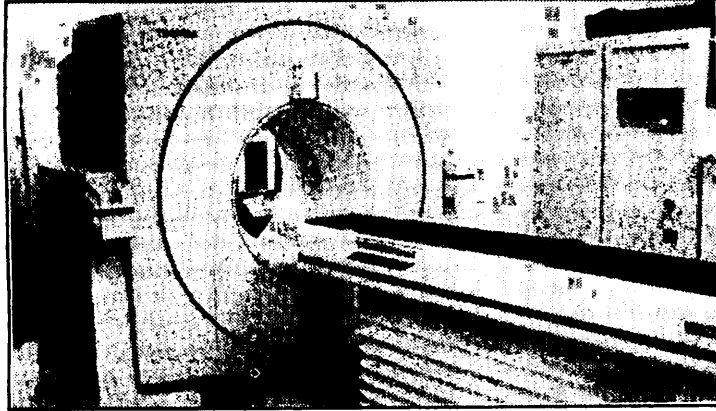
# MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

## TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

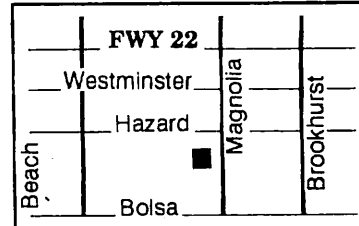
TEL (714) 893-1915

### *Bác Sĩ* **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

#### **CÓ MÁY CAT SCAN TẠI CHỖ**



GIỜ MỞ CỬA:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM

**DISCOUNT**

*Exotic  
Fresh & Silk*



## *Kanada Flower And Music* (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design  
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons  
All Ages & Levels**

\* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mượn thùng hơi thổi bong bóng*

\* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

\* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ  
Phật-Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan*

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional  
Instruction

**14044 Magnolia \* Suite 128  
Westminster, CA 92683  
(corner Westminster Blvd.)**

Tel: (714) 891-8130 \*\* Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

VISA  
MASTER CARD

## LONG BEACH

*Bác Sĩ*



# MAI THANH HỒNG, M.D

CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM St., LONG BEACH, CA 90804

Tel (310) 439-7227 • 24hrs.

⇒ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

⇒ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

*Bệnh Thanh Thiếu Niên*

⇒ *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

⇒ Cộng tác chương trình bồi dưỡng sữa WIC

⇒ Dịch thân sẵn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.

*Giờ Làm Việc:*

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM



*Bác Sĩ NHA KHOA*

## HUỖNH THỊ HẠNH, D.D.S.

## LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

- ✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
- ✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giả.

- ✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota từ năm 1989.

*Giờ Làm Việc:*

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

*Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước*

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202  
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

**NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM**

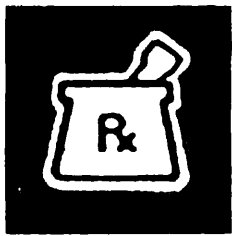
**NHA KHOA TỔNG QUÁT**

- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

**NHA KHOA THẨM MỸ**

- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,  
Chữa Răng Nhẹ Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,  
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*



# VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cầm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- \* Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- \* Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- \* Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

**COPIES \$.05**

Nhận **MEDICAL** và **CÁC LOẠI BẢO HIỂM**

TÍN NHIỆM ★ AN CẦN ★ TẬN TÂM  
 NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG

**Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN**

**BÁC SĨ NHA KHOA**

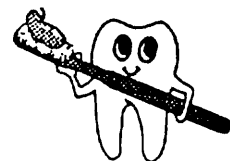
**LÊ THÀNH HÒA**

**BÁC SĨ NHA KHOA**

**THÁI QUỲNH QUANG**



- > Khám răng tổng quát định kỳ.
- > Trị các bệnh về răng miệng.
- > Làm răng giả các loại



**Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM**

**ALHAMBRA**

407 W. MAIN STREET  
 ALHAMBRA, CA 91801  
 Tel. (818) 281-6642

**GIỜ LÀM VIỆC:**

**THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY:**  
 9AM - 6PM

**VAN NUYS**

6900 VAN NUYS., Suite # 14  
 VAN NUYS, CA 91405  
 Tel. (818) 904-0224

(cùng Building với Phan's Pharmacy)

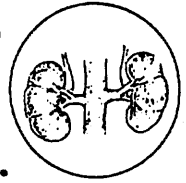
**GIỜ LÀM VIỆC:**

**THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: 9AM - 6PM**  
**THỨ BẢY: 9AM - 5PM**



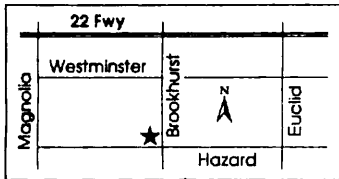


**Bác Sĩ ĐỖ CẢNH MINH, M.D.**



**CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH :  
THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT.**

**ĐẢM TRÁCH LỌC MÁU  
TẠI 3 TRUNG TÂM LỌC THẬN**  
✓ Vivra Fountain Valley  
✓ Vivra Westminster  
✓ Garden Grove ARC



**1441 Brookhurst St. # 6,  
Garden Grove, CA 92643**  
(Góc Brookhurst và Hazard)

- BỆNH NỘI KHOA NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM.
- Bệnh tiểu đường, bướu cổ và các bệnh đau nhức.
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi.
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ.
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên.
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mề đay, suyễn.
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mụn cóc, lở ngứa.
- Nhận làm bác sĩ gia đình.
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn.

**GIỜ LÀM VIỆC :**  
Thứ Hai - Thứ Sáu : 9:30 AM - 6:00 PM  
Thứ Bảy : 9:30 AM - 3:00 PM  
Chủ Nhật : Nghỉ

**NHẬN MEDICAL / CALOPTIMA  
MEDICARE VÀ BẢO HIỂM**

**Điện Thoại : (714) 418-0488**

**Express Bakery**

*Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food*  
**9035 Reseda Blvd, Northridge, CA 91324**  
**Tel. (818) 349-9135**

**Giờ Mở Cửa:**  
6 ngày trong tuần  
Chủ Nhật nghỉ

**Đặc biệt các món ăn:**

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

**Ngoài ra lò còn có sản xuất:**

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

**Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.**



**NHÀ THUỐC TÂY**

# HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335  
(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

**NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG**

- ➔ Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- ➔ Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- ➔ Bán các loại thiệp, quà tặng.
- ➔ Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- ➔ Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.  
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)
- ➔ Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
  - Điện thư (FAX)
  - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

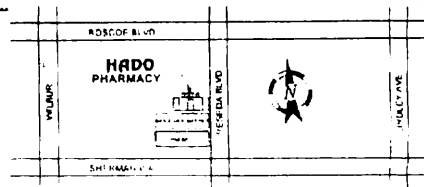
Thành Thật \* Ân Cần \* Tín cẩn

**(818) 342-9333**

**Giờ làm việc:**

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:30 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM



*Trường Thẩm Mỹ*

# THÁI BÌNH DƯƠNG

**PACIFIC BEAUTY COLLEGE**

15436 Brookhurst St., Westminster, CA 92683

(góc Mc Fadden)

**TEL. (714) 839-1276**

Đào tạo chuyên viên làm TÓC và NAIL đi khắp 50 Tiểu bang và có chương trình huấn luyện cho quý đồng bào ở ngoài nước Mỹ.

NAIL CARE CĂN BẢN:	400 GIỜ
NAIL CARE CAO CẤP:	200 GIỜ
COSMETOLOGY:	1600 GIỜ

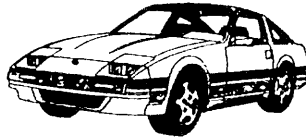
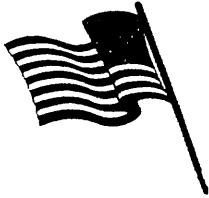
**CÓ CHƯƠNG TRÌNH UYỂN CHUYỂN THÍCH HỢP CHO MỌI HOÀN CẢNH**

# USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.  
Chúng Tôi Nhận :

--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

*Nhận VISA, MASTERCARD*

	Nordhoff			
	Foscoe			
	Saticoy			
	Valerio		UNIT D	
Tampa	Sherman Way	Reseda		Fwy 405
	Vanoven			Van Nuys
	Victory			

**REPLACE TIMING BELT**

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

**REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00**

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car

SHERMAN WAY

**REPLACE REAR BRAKE : \$49.00**

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

**OIL FILTER CHANGE : \$15.00**

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
- Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUYỀN TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

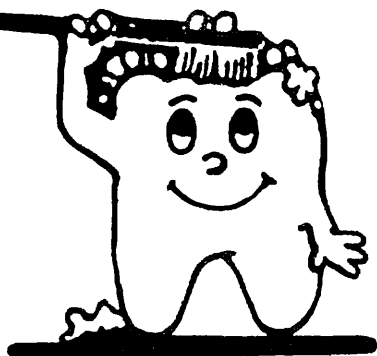
# BÙI VĂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Satcoy St., Reseda, CA 91335

**Tel. (818) 757-0017**

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,  
Hội Viên American Dental Association,  
California Dental Association,  
Los Angeles Dental Societ.



## ĐẶC BIỆT:

- Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,  
Khép nhàng với những trẻ em khó tính.*

## CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.  
Tẩy răng trắng.  
Làm răng giả các loại.  
Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.  
Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.  
Khám răng tổng quát và định kỳ.

### GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

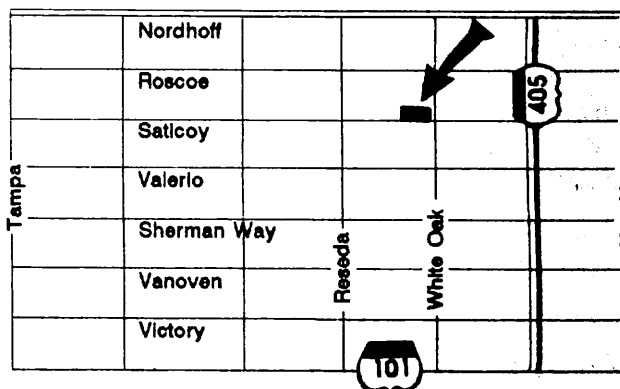
9:00am - 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am - 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am - 4:00pm

NGHỈ : CHỦ NHẬT - THỨ HAI

**NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM**



# VÙNG SAN FERNANDO

## BÁC SĨ

# PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 SHERMAN WAY # 104,, RESEDA, CA 91335

(Trong khu bánh mì Ba Lẹ & Nhà Hàng Tuyết Anh)

**Tel. (818) 342-8171 ☺ (818) 342-8172**



- ☆ TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.
- ☆ HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.
- ☆ BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG  
CHO NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

**NHẬN CÁC LOẠI MEDICAL PLAN:**

- BLUE CROSS -
- COMMUNITY HEALTH PLAN
- MAXICARE -
- FOUNDATION - MOLINA

**NHẬN CÁC LOẠI HMO BẢO HIỂM :**

- ☆ AETNA - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - CIGNA
- ☆ CARE AMERICAN - HMO CA - FOUNDATION
- ☆ HEALTH NET - MAXICARE - PACIFIC CARE
- ☆ TAKE CARE - ONE HEALTH PLAN - BPS

**DỊCH VỤ Y TẾ  
MIỄN PHÍ**

- ⇒ Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp. (C.H.D.P)
- ⇒ Truy tầm ung thư ngực cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (B.C.E.D.P)

**NHẬN:**

MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM - HMO - PPO  
Giá đặc biệt cho những người trả tiền mặt

**XIN GỌI  
LẤY  
HẸN TRƯỚC**

**GIỜ LÀM VIỆC:**

**THỨ HAI - THỨ SÁU:**

**SÁNG = 9:00AM - 12:00PM**

**CHIỀU = 2:00PM - 6:00PM**

**THỨ BẢY : 9:00AM - 3:00PM**

**CHỦ NHẬT: KHÁM THEO HẸN.**



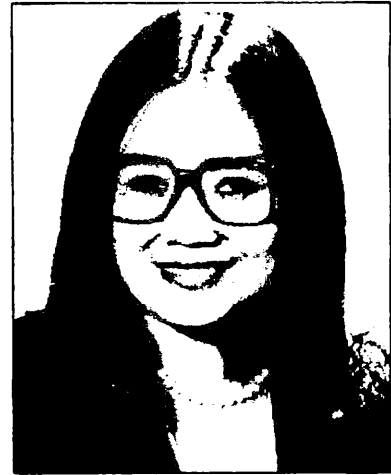
# Ana Funding

## Ana Real Estate

10900 WESTMINSTER AVENUE, SUITE 10 - GARDEN GROVE, CA 92643

(714) 636-2299 / 1-800-675-7786

- Hơn 10 năm phục vụ cộng đồng.
- Thành tín và tận tâm.
- Là một văn phòng mà quý vị có thể tin tưởng trong các dịch vụ về Địa ốc và Tài Trợ Địa ốc.
- Nhiều kinh nghiệm để giải quyết những trường hợp khó khăn khi mượn tiền.



AN NGUYỄN  
Broker

- Mua bán nhà
- Apartments
- Shopping center
- Các cơ sở thương mại
- Leasing
- Property management
- Chuyên mua bán nhà của nhà băng và của HUD
- Mượn tiền mua nhà và refinance
- Mượn Equity loan để làm business, trả nợ credit card, mua xe...
- Thủ tục dễ dàng và nhanh chóng
- Lệ phí nhẹ

# VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.  
San Gabriel, CA 91776  
**Tel. (818) 571-5845**  
*(Cạnh siêu thị Hawaii)*

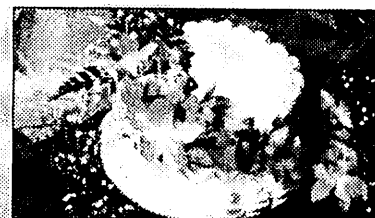
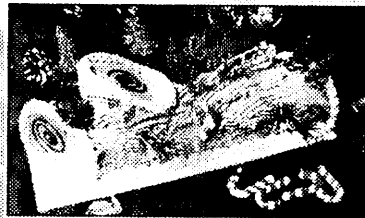
140 W. Valley Blvd. #120  
San Gabriel, CA 91776  
**Tel. (818) 288-7272**  
*(Trong khu chợ 99)*

9211 Bolsa Ave. #125  
Westminster, CA 92683  
**Tel. (714) 898-7065**  
*(Cạnh siêu thị 99 Market)*

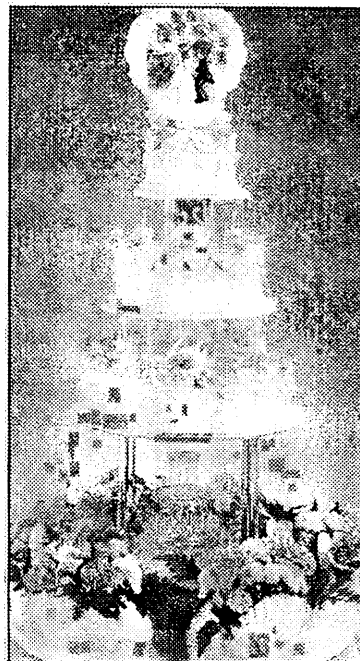
14346 Brookhurst St.  
Westminster, CA 92683  
**Tel. (714) 839-1666**

1824 E. Tully Rd.  
San Jose, CA 95122  
**Tel. (408) 270-2222**

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.  
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại  
Van's Bakery  
trình bày thật lộng lẫy  
hương vị thơm ngon  
sẽ làm tăng thêm  
phần sang trọng trong  
Tiệc Cưới  
Sinh Nhật.*

# Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

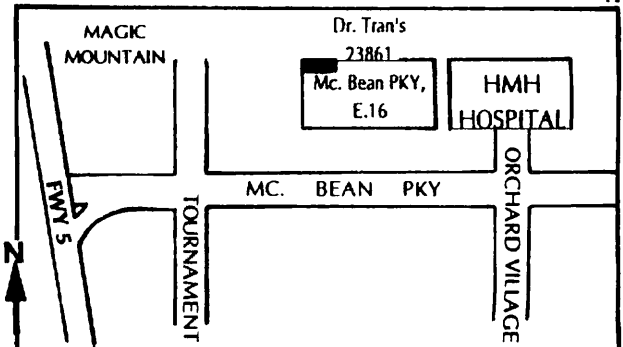
## GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

### Chuyên Giải Phẫu

- ⇒ *Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi*
- ⇒ *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ*
- ⇒ *Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh*
- ⇒ *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- ⇒ *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:*  
*Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...*
- ⇒ *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- ⇒ *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư*
- ⇒ *Cắt bỏ các bướu ung thư của da*
- ⇒ *Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt*
- ⇒ *Tẩy các vết sẹo*
- ⇒ *Tái tạo các chức phận của bàn tay, gãy thần kinh, gân và xương.*

*Nhận*  
*Visa, Master Card,*  
*American Express*



### THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16  
VALENCIA, CA 91355  
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

**Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755**

Nhất Da  
Nhì Dáng?  
hay  
Nhất Dáng  
Nhì Da?



# ADVANCED SKIN & LASER CLINIC

A Complete Dermatology and Plastic Surgery Center

Bác-Sỹ Nguyễn Hoàng Quân  
Bác-Sỹ Jae-Chun  
Bác-Sỹ Alyssa Kim  
Bác-Sỹ Nguyễn-Trọng-Tuấn

7001 WESTMINSTER BLVD. WESTMINSTER, CA 92683



Trung Tâm Thẩm-Mỹ Ngoài Da & Giải-Phẫu Thẩm Mỹ Duy-Nhất có:

- 1) BÁC-SỸ CHUYÊN KHOA NGOÀI DA VÀ GIẢI PHẪU NGOÀI-DA
  - 2) BÁC-SỸ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU THẨM-MỸ VÀ TẠO-HÌNH TOÀN KHOA
- Hội viên Hội **Giải Phẫu Thẩm-Mỹ** bằng tia Laser Hoa Kỳ  
Giáo sư giảng-huấn tại **UCLA, USC Medical Center**

## CHUYÊN TRỊ BỆNH NGOÀI DA CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM:

Mụn, Nám, Ngứa Da, Dị ứng, Chàm da, Vảy Nén, Nám Da, Rụng Tóc, Gàu Tóc, Giải phẫu Nốt Ruồi, Mụn Cóc, Giải phẫu Ung thư da bằng phương pháp **Mohs Micrographic Surgery**.

## GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH TOÀN KHOA

- **Mắt:** Một mí thành 2 mí, lấy da dư mắt bị sụp, lấy mỡ mí mắt trên và mí mắt dưới
- **Mũi:** Nâng cho cao hoặc sửa cho gọn
- Chích **Vết nhăn** và **Môi** bằng Collagen, Botox hay Mỡ của chính mình
- **Cằm:** Độn cằm cho thon khuôn mặt
- **Hàm mặt, miệng:** Sửa cho hết hô và móm
- Chích thuốc cho tan **đường gân máu** ở đùi và chân

## ĐẶC BIỆT CHUYÊN VỀ

- Dùng tia **Nd. Yag Laser** để xóa vết tàn nhang, vết xăm, bớt bầm sinh, gân máu đỏ v.v...
- Lột Da Mặt bằng tia **Ultrapulse Laser** để mát vết sẹo, rỗ, vết nhăn (**Skin Resurfacing**)
- **Hút mỡ** bằng phương pháp mới **Tumescent Liposuction** và những phương-pháp mới.
- Cây tóc và lông mày bằng phương pháp **Micrographs**
- Lấy mỡ mí mắt dưới **không phải cắt qua làn da**
- **Sửa ngực** rất tự nhiên
- Căng: da trán da mặt và nâng lông mày bằng phương pháp **Nội-Soi (Endoscopy)**
- Lột Da Mặt bằng nhiều phương pháp

**ĐẶC BIỆT CÓ:** Chuyên viên **Skin Care** của **Oriki Cosmetics** sẽ đảm trách phần **trị Mụn** và **trị Nám dưới sự điều khiển của bác sỹ Ngoài Da**. Hướng dẫn săn sóc da, xử dụng mỹ-phẩm, dạy trang-điểm...

Mọi Tham Khảo ý kiến xin gọi **ANGIE NGUYỄN**  
(714) 898-9368 or 1 (800) 88-ORIKI (1-800-886-7454)



# Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

## Á CHÂU FUNERAL HOME

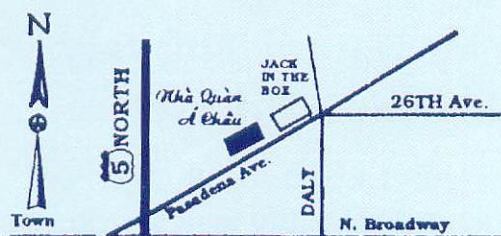
**Nhà Quản Đầu Tiên  
Do Người Việt Thành Lập  
Và Đảm Trách**

**CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỖ THI HẢI VỀ VIỆT NAM**

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dời Dào,  
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Cũ.  
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn,  
Xin Đừng Ngần Ngại, Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:  
(213) 222-4868**



—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cắp theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031  
(Trung Tâm Chinatown)  
(213) 222-4868 & (213) 222-4778**



NORTH  
LONG BEACH



TRUNG TÂM NHA KHOA

# PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(310) 531-9778 \*\*\* (310) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN-PHƯƠNG-TRINH, D.D.S

## NHA KHOA TỔNG QUÁT

- \* Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- \* Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- \* Lấy gân máu, nhổ răng.

## NHA KHOA THẨM MỸ

- \* Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- \* Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- \* Tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

## NHA KHOA NHI ĐỒNG

- \* Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- \* Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- \* Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

**NHẬN TRẢ GÓP  
KHÔNG TIỀN LỜI**  
Đặc Biệt Cho Quý Vị  
H.O. và O.D.P

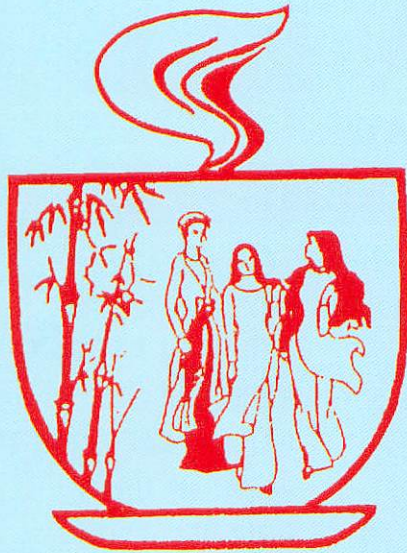
## GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:  
10:00am đến 7:00pm  
đau nhức khẩn cấp  
không cần lấy hẹn trước.

**PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN**

**CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG**





# NHÀ HÀNG SAIGON EXPRESS

**ORIENTAL CUISINE**

**18515 Roscoe Blvd., Northridge, CA 91324**

(Góc đường Reseda sau lưng El Pollo Roco)

**Tel. (818) 882-3028**

**Fax. (818) 882-3875**



 Stir Fried Tender Beef  
In Oyster Sauce



 Deluxe Stir Fried Vegetarian



 Deep Fried Shrimps

**AND MANY MANY MORE !!!!!**

**We provide catering for all occasions arrangement can be made for after hour KARAOKE PARTY**

Các bạn sẽ được thưởng thức những món ăn thuần túy Việt-Nam như:

- Cơm Hến Đông Ba, Phở Bắc, Bún Bò Huế, Bún Măng Vịt .....
- Bánh Xèo, Chạo Tôm, Nem Nướng, Bánh Hời .....
- Bò Nướng Lá Nho (nước chấm đặc biệt của Sài Gòn Express)
- Càng Cua Bách Hoa .....

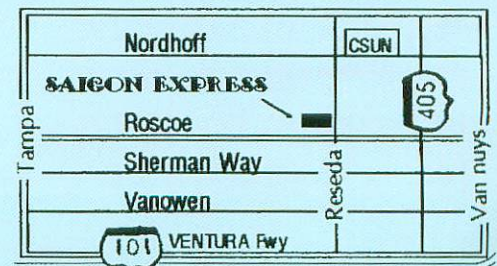
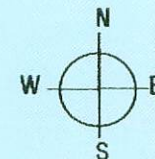
**SAIGON EXPRESS**

**Kính Mời**



**MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN**

**Thứ Hai đến Chủ Nhật:  
9 giờ sáng đến 9 giờ đêm**



*Nhà hàng sẽ nhận đặt tiệc,  
nhóm bạn, tổ chức sinh nhật,  
và Karaoke Party.*





VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

**ERIC K. CHEN OMD. JD.**

ATTORNEY AT LAW

**CHUYÊN LO CÁC DỊCH VỤ PHÁP LÝ**

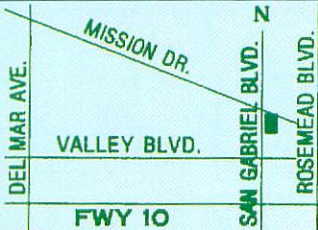
1040 S. San Gabriel Blvd., San Gabriel, CA 91776

**THƯƠNG TÍCH CÁ NHÂN**

- TAI NẠN XE CỘ
- THƯƠNG VONG
- CHÓ CẢN
- TRƯỢT TẾ
- KHUYẾT ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM



- TRỊ LIỆU BẤT CẦN
- TRỢ CẤP SSI
- THÀNH LẬP CÔNG TY
- LUẬT DI TRƯ
- ĐỊA ỐC
- THỪA KẾ (LIVING TRUST)
- NHẬP TỊCH



**TONY KONSTANTINE KWAN**

**TEL. (818) 286-3648**

**Pager: (818) 418-9888 ; Fax: (818) 286-6084**

*Đặc biệt giúp đỡ cho những vị lớn tuổi thi vào QUỐC-TỊCH SOCIAL SERVICE REFERRALS*

**OFFICE HOUR:**

**MON - FRIDAY:**

➤ **9: AM - 5:30 PM**

**SATURDAY:**

➤ **10: AM - 3:00 PM**



**SAM S. NGUYEN**

**TEL. (818) 347-1222**

**PAGER. (818) 372-4961**

**RES. (818) 704-7056**

**FAX. (818) 347-3924**

**NATIONWIDE REALTY**

19762 Sherman Way., Canoga Park, CA 91306

**MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC**

**CHUYÊN MÔN**

- *Giúp đồng hương mua bán nhà đất, cơ sở thương mại và chung cư.*
- *Giúp đồng hương vay tiền để mua nhà, sửa nhà hay tái tài trợ. Đặc biệt thiết lập mọi thủ tục cần thiết cho quý vị mới mua nhà lần đầu để có đủ điều kiện vay tiền mặc dù chưa đủ credit.*
- *Thương lượng với ngân hàng giúp giải quyết những bất động sản mà giá trị thấp hơn so với số nợ phải trả hoặc bán nhà mà không cần phải trả lệ phí.*

**NHIỀU KINH NGHIỆM — RẤT THÀNH THẬT  
TẬN TÂM — KÍN ĐÁO — NHANH CHÓNG**





*WU's Import & Export Corporation*

## Tiệm Phật Cụ BỒ-ĐỀ

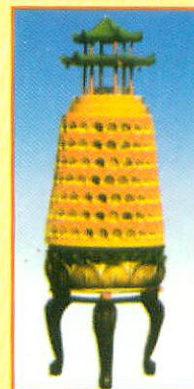
BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DEL MAR Ave., San Gabriel, CA 91776

*(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)*

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỠ HÀNG KHẤP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng.
- Đèn Dục-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.
- Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đầy đủ nhang đèn, kinh sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế phong thủy v.v...



*Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.*

☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ các loại tủ, bàn thờ và bàn ghế kiểu bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

*Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.*

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Việt) CÔ PHÓNG - Tel (818) 280-2598

(Tiếng Anh) MR. WU - Tel. (818) 280-7813 ; Fax. (818) 280-4752



# NEWPORT SURGERY INSTITUTE

## THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

*Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam*

**ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA**

**Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn**



*Mrs. Phuong Lan Nguyen Gia Quynh*  
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm, từng giải phẫu trên 25,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ

**P. JAMES VOLOSHIN**  
M.D., F.R.C.S. ©

*Bà Phuong Lan*  
*Nguyen-Gia-Quynh*

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

**CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.**

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

**BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.**

**MAU LỆ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.**

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

**NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM**  
(Tùy trường hợp)

**Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI**

**360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660**

**TEL: (714) 759-8276 - Res. 898-6514**

**1-800-367-9671**